

HÀNH TRÌNH
NGÀY THƠ ẤU



DUY THU HƯƠNG

HÀNH TRÌNH NGÀY THƠ ẤU

Bìa và minh họa của ĐẶNG ĐỨC SINH

Nguyễn Kim Đan

HN. 28-1-1986

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG — HÀ NỘI 1985

Biên tập: LÊ HỒNG PHẤN
Trình bày: PHẠM QUANG VINH
Sửa bản in: NGỌC THANH

In 31.000 bản tại Nhà in Tiến Bộ—Hà Nội—Khổ 13 X 19.
Số in 1753. Số XB 07/KĐA. In xong ngày 30-4-1985.
Gửi lưu chiểu tháng 4-1985.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐUA BÉ MẮT TÍCH

Năm ấy tôi mười hai tuổi. Tôi ở thị trấn Rêu với mẹ tôi. Thị trấn này gồm vài ba dãy phố cũ, toàn những ngôi nhà lợp ngói ta, hiên rộng, cột gỗ đen bóng, cánh cửa chạm cầu kỳ, vườn bao quanh trồng nhiều thứ cây ăn quả và những bụi trướng phân cách thấp lè tè, rêu loang từng đám. Bên kia, đường xe lửa, có thêm một dãy phố mới, gồm những ngôi nhà cất trên rẻo đất hoang và nền gạch vỡ tiêu thổ kháng chiến chống Pháp. Nhà ở đây thường hai tầng, lớn nhỏ lộn nhò, bao lơn có song sắt hoa đủ kiểu. Dân phố mới phần lớn là thương nhân. Cửa hàng của họ bán đủ thứ vải sợi, mắm muối, gạo bột, tạp hóa khác... Sát đường ray, ở giữa khu phố cũ và dãy phố mới, có một khoảng đất trống. Chợ họp ở đó. Trước cửa chợ trồng cây cột gỗ treo một dải lụa hồng. Hàng năm, trước ngày Tết ông Táo, người coi chợ gỡ mảnh lụa đã bột màu vì mưa qua gió lại, thay vào đó một dải lụa mới tinh khôi màu hồng thắm. Dân cư trong thị trấn nhìn về phía chợ, lòng hoan hỉ vì thấy dấu hiệu phần vinh của năm tới.

Ga xe lửa ở ngay gần chợ. Ngày ngày, những chuyến tàu xuôi ngược lướt qua đám dân ồn ào mua bán. Người trên tàu thò cổ ra cửa nhìn xuống chợ. Và dân trong chợ nghech mắt nhìn con rắn kỳ dị bằng sắt trườn đi trên đường ray, vừa đi vừa thở phì phò, tuôn về phía sau những luồng hơi trắng như muối.

Phía trên thị trấn chừng nửa cây số có một dòng sông nhỏ. Chúng tôi gọi nó là dòng sông Xanh, vì nước sông xanh như thể pha màu lá nõn. Thuyền qua lại luôn luôn, buồm giương lên như cánh bướm. Đôi khi, gió lặng, người chủ thuyền phải nhảy xuống lội bộ, kéo bằng dây chèo trông qua vai. Những đứa con nhỏ ở khoang giương mắt thao láo nhìn. Và bất chợt, người kéo thuyền cất lên giọng hát trầm trầm, có nhiều chỗ láy. Dòng sông Xanh ấy có hai gò đất lớn; chúng tôi gọi là đảo Hoa Vàng vì chúng mọc đầy cây đuối. Quả đuối chín vàng như kén tằm rắc kín các lùm cây, trông như ai rắc những lớp bụi kim nhũ lên đó. Đảo Hoa Vàng là nơi cất giấu kho tàng bí mật của chúng tôi. Trên đảo có miếu thờ Ngũ hồ, tuy đã sụt lở nhưng vẫn đủ che cho một người ngủ qua đêm. Những ngày dân trong thị trấn ra đảo cúng Ngũ hồ, mùi hương thơm lan khắp mặt sông. Trông như những cây đuối vàng rực rỡ kia tỏa hương chứ không phải những bát nhang trong ngôi miếu thờ nhỏ cũ kỹ.

Đạo đồ là mùa xuân. Bánh Tết đã hết, nhưng bánh gói răm tháng giêng còn xếp đầy trong những chiếc thùng con ở bếp mọi nhà. Chợ phố họp thật đông. Vào dịp này, những người bán kẹo rong chuyên thổi con tò te bằng đường có đặc hoặc nặn con giống bằng bột nếp nhuộm phẩm đều tới chợ để kiếm cách mọi tiền trong túi đám khách đi hội, lễ chùa ghé qua thị trấn. Cũng dịp ấy, gánh xiếc rong quen thuộc với lũ trẻ trong thị trấn lại đến cửa chợ. Một cỗ xe ngựa mui khum

đứng ngay trên bãi đất trống. Con ngựa già lông hung vục mõm vào giò vừa nhai cỏ vừa rung mình đuổi nhặng. Đám lông nơi khuỷu chân trắng phếch bụi đường. Gần đó, khoảng đất lăm bụi cát đã được khoanh lại bởi những sợi thừng chằng qua bốn cây cọc. Chủ gánh xiếc, một người đàn ông thấp lùn, nhỏ bé, cái đầu phình ra một cách dị thường, da đen xam, mắt long lanh đang biểu diễn trò nuốt lửa, xiếc lình, nhào lộn trên dây. Sau đó, ông ta tự bịt mắt bằng một tấm vải đen rồi phóng dao lên tấm bảng gỗ. Những con dao nhọn cắm phẩm phập trên tấm gỗ mềm. Đứng áp lưng vào tấm bảng, vợ người chủ gánh xiếc dang hai tay, ngẩng cao đầu với vẻ gan góc và hùng dũng hiếm có. Đen trũi, dữ tợn, to béo như hộ pháp, người đàn bà đó khiến chúng tôi vừa kính nể vừa khiếp sợ. Bà ta giương mắt nhìn những ánh thép đang loang loáng lao tới một cách bình thản, trong khi chúng tôi thết lên vì hoảng sợ, tim nhẩy trong lồng ngực thỉnh thoảng. Hết trò ném dao, người đàn ông gỡ mảnh vải chào đám đông với vẻ khiêm nhường. Đoạn ông ta quay lại phía sau, giơ tay vẫy. Khi bàn tay ông hạ xuống, hai con khỉ đeo nhau bằng xe đạp tiến ra. Cả hai con đều mặc quần đùi đỏ viền đen, áo may ô vàng và đội mũ cát-két đen. Con trước lái, con sau đứng vịn vào vai bạn. Hết một đợt chùng mười vòng, con khỉ đứng sau nhẩy xuống xe, giật mũ chào người xem và xin tiền. Con kia ngồi trên xe, gác chân lên ghi-dông vênh vào. Khi mũ đã đầy tiền giấy và xu, con khỉ chạy lại đưa cho chủ gánh xiếc. Ông ta cất tiền vào túi bên trái, móc túi bên phải ra một nắm hạt dẻ hoặc vài trái chuối chín thưởng cho hai con vật. Rồi ông ta cúi thấp mái đầu, cầm tay người xem và lui lại phía sau, chuẩn bị đợt diễn tiếp.

Ngày thứ hai tới thị trấn, gánh xiếc đã diễn năm lần mà người xem vẫn còn đông. Trong đám khán giả xúm xít bên ngoài vòng dây bồng xuất hiện một người đàn ông lạ mặt. Dân thị trấn, dân các làng phụ cận, khách vắng lại xem hội và lễ chùa, không ai lạ lùng như vậy. Người mới tới bán quần áo đen giống y phục của người Nùng. Áo vạt dài, khuy tết, quần ống rộng. Bên hông đeo chiếc túi vải như mây ông già Tàu bán thuốc bắc và cao hổ ngày phiên chợ. Mũ đội đầu bằng da bò càu bần. Bộ mặt dài, nhiều vết rỗ ở chân lông. Đôi tay to lớn, ửng đỏ, chắc hẳn là rất cứng rắn, đặt lên vành mũ che nắng một cách vững vẻ. Cặp mắt sáng quắc ẩn dưới hai hàng mày rậm đen như than. Người đàn ông lạ đứng ở vòng ngoài cùng, sau lưng những người khác. Ít ai chú ý tới ông ta vì mãi xem đôi khi đang trên cọt, cắn nhau chi chóc. Người lạ không xem xiếc. Đôi mắt sáng quắc của ông ta sục sạo khắp đám trẻ thị trấn đang chen chúc nhau đứng sát vòng dây thừng. Khoảng cổ hở ngoài áo đỏ rực, cục yết hầu nháy lên tụt xuống như trái nhót. Người khách lạ chăm chú nhìn hồi lâu, rồi tự dưng biến mất.

Chiều tối, vợ chồng người làm xiếc nhờ cọt, cuốn thừng, gấp vải phồng và thu dọn đồ vật cho lên xe. Họ nhốt hai con khỉ vào chuồng. Rồi con ngựa được tròng vào ách. Giỏ cỏ gae phía sau giàn khung. Chiếc xe lên đường. Lũ chúng tôi chạy theo xe, sục vào đám bụi nồng mùi mồ hôi ngựa. Tới khi chiếc xe đã khuất hẳn sau khúc đường vòng, tôi mới quay về. Phố đã lên đèn. Trước cửa đồn công an thị trấn, một đám đông đứng lơ lơ. Tôi nghe tiếng xì xào, ồn ã:

— Thằng bé mất tích rồi!... Khốn khổ...

— Sao? Đứa nào mất tích?

— Con lão cai Cấn:

— Đưa nào?

— Cái thằng bé nhất, tôi cũng chẳng biết tên.

— À, thằng Dũng còn. Thằng bé loẻo khoẻo, đen thui đen thui chứ gì?

— Có lẽ đúng đấy.

— Thằng ấy là đứa ngoan nhất trong đám con nhà cai Cấn. Một thằng bé thì bố nó điên lên mất.

— Ở... nhưng cũng chưa chắc. Cai Cấn chỉ điên lên khi mất tiền thôi.

— Trời ơi, bà này độc miệng quá.

— À, đề rồi mà xem...

Trên thêm, một trung úy cảnh sát bước ra:

— Mời bà con về. Tình hình ra sao chúng tôi sẽ thông báo sau.

Nhưng đám người xem vẫn đứng túm tụm, thì thào bàn tán. Họ muốn xem mặt cai Cấn. Họ vốn không mấy cảm tình với ông ta nhưng tò mò muốn biết thái độ của ông ta trong hoàn cảnh đau khổ này. Người nào cũng chuẩn bị sẵn một lời an ủi. Nhưng kia, cai Cấn đã từ căn phòng lớn của đồn công an bước ra. Mặt ông ta lạnh như tiền. Hai gò má nhẵn, râu cạo trơn tru, vắng trán bóng như xoa mỡ, cặp mắt nhưn bình thản, ông bỏ đứa bé mất tích bước xuống thêm, giơ một cánh tay lên:

— Các ông các bà tốt phúc sinh con ngoan. Tôi vô phúc đẻ ra đứa chẳng ra gì. Nó bỏ nhà trốn đi lâu lâu mất rồi. Thật không ngờ nó hư đến thế.

Dân thị trấn chưa kịp nói một lời chia buồn, cai Cấn đã vùn vụt đi về. Bóng ông ta khuất dưới bóng dây bàng cổ thụ. Không ai nhìn thấy ông ta đang nhếch mép cười. Một nụ cười bí hiểm, khinh mạn và tàn ác.

CHUYẾN ĐI BẮT BUỘC

Dũng còn bị mất tích, không biểu vì lý do gì. Dân thị trấn đoán rằng nó không muốn ở với ông bố keo kiệt và độc ác nên bỏ đi theo gánh xiếc. Bằng cớ là đứa bé biến mất cùng chiếc xe mui khum cũ kỹ kia. Hẳn là người chủ gánh xiếc đã giấu nó trong cái thùng xe ọp ẹp được che bằng tấm vải sơn loang lổ những hình vẽ. Bà vợ to béo của ông ta đủ sức giấu hai đứa bé sau lưng... Cũng có người đoán Dũng còn bị mẹ mình bắt đem bán. Điều này được các bà mẹ chúng tôi tin ngay. Và ngày nào cũng vậy, các bà mẹ răn đe lũ chúng tôi rằng: mẹ mình không chỉ bắt trẻ con, lớn hơn chúng mày nó cũng bắt được. Nó cho người thuốc mê rồi dẫn lên núi. Con gái mười ba tuổi, đem bán cho người Mèo làm vợ. Con trai mười ba tuổi bắt mang thuốc phiện lậu sang bên Tàu... Kèm theo lời dọa dẫm đó là một chế độ kiểm soát gắt gao. Thậm chí, có bà mua cả xích chó về xích con vào cột nhà. Ba tuần lễ liền, tối không được đi chơi đâu, ngoài buổi học. Kể ra điều đó cũng có thể chịu được, nếu những cơn mưa đầu xuân không rơi xuống. Ô, các bạn có nhớ những cơn mưa này không nhỉ? Chúng đẹp như không phải mưa mà như bạc ròng tuôn chảy. Phố xá lấp lánh những sợi tơ dài, reo lạnh tanh và nhảy nhót trong ánh mặt trời chiếu rọi. Mưa thật đẹp nhưng lòng chúng tôi đầy lo phiền. Bạn biết đấy, gia tài riêng của tôi và Loan hạt mít chôn ở đảo Hoa Vàng giữa dòng sông Xanh. Dưới góc đất giữa đảo « cách cây chuối còn một thước có một chiếc thùng nhôm. Trong thùng, tôi và Loan cất chiếc hộp đựng bánh quy. Trong hộp, một tập tiền mừng tuổi. Toàn những tờ giấy bạc mới cứng, có lên mặt còn kêu sột soạt. Tờ nào tờ nấy mát rượi và bốc mùi thơm phức. Ngoài xấp tiền giấy, còn một đồng tiền hào. Hào

nào cũng sáng trắng như bạc, chưa hề bị sây sát hoặc hoen ố một ly. Chiếc hộp đựng bánh quy đó là nửa phần kho tàng của hai đứa tôi. Nửa phần kia gồm có một pho tượng vũ nữ bằng bạc đúc của bà ngoại Loan hạt mít cho, một xấp vải vụn các màu có thể may hàng chục bộ váy áo cho búp-bê, một gói lớn hạt dưa hầu phơi khô. Những thứ này chúng tôi mới gói tam bằng lượt giấy dầu, định sẽ kiểm tẩm vải di mưa bọc thêm bên ngoài cho khỏi thấm hơi đất. Chưa kịp làm, thì xảy ra vụ Dững còm mất tích và do đó chúng tôi bị trói chân ở nhà như những con chuột bạch bị nhốt trong lồng. Trời mưa thế này, vải có thể bị ẩm mục, hạt dưa sẽ thối. Chưa kể tới hơn ba trăm củ khoai nghệ vùi bên cạnh gò, sẽ lần lượt nảy mầm và thế là đi đứt...

Buổi chiều, tôi đã học hết những bài học cho cả tuần, làm hết lò bài tập toán, lý. Tôi ngồi nhìn hai cánh cửa đóng im ỉm. Bên ngoài, mẹ tôi đã khóa bằng một ổ khóa đồng to tướng. Qua khung cửa sổ, khoảng trời xanh chan hòa ánh nắng hiện lên. Cảnh ôi đu đưa, mấy quả ôi trái mùa chín trắng ngà. Lũ chim liều liếu vừa nhảy vừa hót như trên chóc dừa bé bị giam lỏng trong nhà. Tôi định ném cho chúng một hòn sỏi nhưng nghĩ thương tình nên lại thôi. Đúng lúc đó, gương mặt bầu bĩnh của Loan hiện lên ngoài cửa sổ:

— Bê.

Loan gọi tôi, miệng cười tươi tắn.

— Loan, sao dặng ấy đến đây được?

Tôi mừng rỡ lao tới khung cửa sổ. Hai gương mặt chúng tôi áp vào nhau. Loan trả lời:

— Tớ nhận đi xếp hàng mua thịt phiếu là được bay khỏi nhà ngay.

Nói xong, Loan chia tay cho tôi xem chiếc rổ con đựng thịt lợn với dưa củi và rau cải. Tôi thở dài:

— Mưa to quá, kho tàng ngoài đảo nguy mất.

Loan gạt đầu:

— Tôi cũng lo ngay ngáy. Vải nhưa xin được rồi mà không có cách nào chuẩn được... Nhưng tôi nay tại mình sẽ bay.

Tôi hỏi:

— Sao cơ?

Loan thì thầm:

— Tối nay câu lạc bộ thanh niên có biểu diễn văn nghệ. Hai đứa mình xin phép đi xem rồi trốn ra sông lấy thuyền bà An Lạc bơi ra đảo. Tuyệt chưa?

Tôi ậm ừ:

— Nhưng ai lại đi nói dối mẹ...

Xưa nay, tôi chưa hề nói dối mẹ lần nào. Bố tôi ở một đồn biên phòng xa tít tắp nơi phương bắc. Vài ba năm bố mới về phép một lần. Nhà chỉ có hai mẹ con. Vì thế, mẹ tôi là tất cả quyền uy, tình thương mến, niềm an ủi và hy vọng. Mẹ tôi vẫn dạy tôi dối trá là tật xấu nhất trên đời... Không lẽ bây giờ tôi lại nói dối mẹ? Nhưng nếu nói thật, mẹ chẳng bao giờ cho tôi đi và kho tàng trên đảo sẽ tiêu ma... Lạy trời, một lần thôi, chỉ một lần này thôi...

Tôi nghĩ bụng và gạt đầu bảo Loan:

— Thôi được, cũng đành vậy.

Loan thở phào sau một lát lặng im chờ đợi. Rồi nó nhanh nhẹn hỏi tôi:

— Sáu giờ rưỡi nhé?

Tôi đáp:

— Sáu giờ. Đi sớm một chút.

Loan nói:

— Đúng hẹn nhé. Tôi về đây.

Cô hạt mắt biển mất.

Chiều, ăn cơm xong tôi xin phép mẹ ra cầu lạc bộ nghe ca nhạc. Mẹ tôi không nghĩ ngờ chút nào, bằng lòng ngay. Tôi cảm thấy mặt nóng ran lên như hơi lửa khi mẹ cúi đầu bình thần trên chõng võ của học sinh, những cây bút sắt vào lọ mực đỏ chấm bài.

« Con xin lỗi mẹ, chỉ lần này thôi... »

Tôi thầm nói trong lòng, rồi vội vã bước ra phố. Đi giữa dòng người tấp nập, ồn ào, tôi thấy nhẹ nhõm hơn. Loan hạt mít đã đứng chờ tôi dưới gốc cây phượng ở ngã ba đầu thị trấn:

— Mau lên, hết trăng bảy giờ.

Lúc ấy, trăng thượng tuần lơ lửng như mảnh ngọc lam treo trên trời. Chúng tôi đi hồi hă. Hết rặng đèn đầu thị trấn chỉ còn ánh trăng mờ nhạt trải trên dải đường xám, trên những mảnh ruộng và những đám đất trống xung quanh. Tôi bờ sông, mồ hôi đã ướt dính trong lưng áo.

Loan thì thảo:

— Trống ngực tớ đánh khiếp quá, đằng ấy có thể không?

Tôi đáp rần rỏi:

— Không.

Kỳ thực, tim tôi cũng đang nhảy thon thon vì hồi hộp. Chưa bao giờ chúng tôi ra đảo vào lúc đêm tối như hôm nay. Trước khi xảy ra vụ mất tích Dũng còm, chẳng ai giam cầm chúng tôi và vì thế vài ba ngày một lần, chúng tôi thông thả ra sông, gõ thuyền bơi ra đảo. Vừa bơi vừa ngắm cảnh mặt trời rực rỡ chiếu trên làn nước biếc và những cánh bướm thấp thoáng gần xa.

Bây giờ, dòng nước trôi dưới ánh trăng mờ trông bàng bạc, xám xám như một con trăng kỳ quái. Những bụi cây nhỏ ven bờ nước ban ngày nhìn rất xinh tươi

lại giống những con thú đang vờ vịt ngủ, chờ cơ hội nhảy chồm lên vồ mồi. Thỉnh thoảng một con chim đêm bay qua buong tiếng kêu:

— Két ét ét ét...

Loan nín chặt tay tôi, gọi giắt giọng:

— Bè,

— Gì thế?

— Có di nữa không?

— Sao lại không.

Tôi gằn giọng đáp, bắt tay cô bạn ra. Loan hạt mít cầm cùi bước, không dám hỏi thêm câu nào.

Mép nước đã sát dưới chân. Tôi định hướng tìm cây cọc buộc thuyền. Đây rồi. Chiếc thuyền tôn của bà An Lạc cột vào cọc bằng một sợi dây xích lớn. Gió đánh khiến sợi xích đập xoang xoảng. Những gợn nước vỗ dưới mạn thuyền giống đàn rắn con đang bò. Có tiếng huýt gió vang lên phía bờ bên kia nghe ròn rợn. Tôi lạnh cả gáy. Lúc đi chỉ hăm hở nghĩ tới lúc mở hộp tiền thơm phức ra ngắm, không nghĩ tới cảnh dòng sông đêm tối tăm ghê rợn thế này. Nhưng không lẽ quay lại?... Thứ nhất, mất toi buổi tối. Thứ hai Loan hạt mít cũng sẽ cho tôi là thứ thô nhứt nhứt như nó. Nghĩ vậy, tôi mím môi nhảy ào xuống thuyền. Bàn chân bị động mạnh, đau nhói. Tôi vờ vội cọc chèo. Lần này, cọc chèo lại đập vào cẳng chân tôi một cú đau hơn. Loan hạt mít vừa nhảy theo tôi, bật lên rên rĩ:

— Đẳng ấy ơi, về đi, tờ sợ lắm.

Tôi đang tức giận vì đau, quay lại quát to:

— Sao hèn thế? Vì mình mà người ta phải nói dối mẹ, đi ra đây... Giờ lại đòi về... Không biết xấu hổ hay sao?

Hạt mít lặng im. Có lẽ hai cái mép nhỏ hếch hếch của nó đang mếu xệch trong bóng tối. Tôi thương hại cô bạn, nhưng vẫn lì lợm làm mặt giận đập mái chèo bồm bộp xuống nước. Tiếng chèo đập nước khiến tôi



trở lại bình tĩnh. Con thuyền đã lìa bờ mỗi lúc một ra xa. Tôi giữa dòng, nhìn những gợn nước loang loáng trôi dưới mạn thuyền, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ: Nhớ Loạn ngã xuống sông thì sao? Và nỗi lo ập đến khiến tôi lạnh toát người. Quảng sông này nhiều vực, người ta đồn là lắm ma nam. Tháng sáu năm trước có hai chị em cô bé làng bên chết đuối. Năm kia, một ông lão gù ngờ ngằn xuống sông tắm buổi trưa, đột nhiên kêu ú ớ từng tràng rồi cũng chìm ngấm luôn. Lâu hơn nữa thời mẹ tôi còn nhỏ, cũng đã có một cô gái xinh đẹp nhảy xuống sông tự vẫn vì bị ép duyên... Nhớ tôi những chuyện đó tôi sờn gai ốc. Tuy nhiên, tôi không thể lộ cho Loạn biết những ý nghĩ của mình. Tôi cố gắng chèo đều đặn. Loạn hạt mít ngồi thụp sâu trong lòng thuyền, tay nắm mạn thuyền, tay bám chặt chân tôi. Con thuyền trôi và dần dần dãi bờ bên kia đã hiện ra dưới ánh trăng non.

— Kiu lu lu lu... it it it ..

Một tiếng kêu rất lớn, thảng thốt đột nhiên ré lên xé màng nhĩ chúng tôi. Một hơi gió lạnh đột ngột phả mùi hôi lạ vào mặt. Kèm theo hơi gió là một khối đen vụt qua. Loạn rú một tiếng, giật mạnh quần tôi. Tôi loang choang suýt ngã khiến con thuyền trông chừng muốn lật. Phải gắng hết sức, tôi mới giữ cho thuyền thăng bằng trở lại. Định thần rồi tôi mới thấy cái khối đen vừa vụt qua mặt mình là một con chim lớn. Chính nó cất tiếng kêu ghê rợn và phả ra mùi hôi hăng hắc. Đó là một con lênh đênh. Loài chim này tôi vẫn nghe những người bắn chim nói tới. Nói là loài chim lớn nhất vùng đồng bằng. Mỗi con nặng tới hàng chục cân. Thịt nó dai, không ngon nhưng nhiều và nạc. Nó thường nổi lênh bênh trên mặt nước như con thuyền không chèo lái. Người săn chim thường ngấm hơi lặn dưới nước, đầu đội cụm bèo Nhật Bản hay chiếc lá

khoai môn, lặng lẽ đi tới gần rồi lừa miếng tằm đôi chân con vạt. Còn bây giờ nó làm chúng tôi tắc thở vì sợ. Con chim vẫn đập đôi cánh nặng nề, vừa bay vừa tiếp tục buông tiếng kêu khàn khàn hoảng hốt. Tiếng chim kêu vang trên mặt nước, khuấy động trời đêm. Tôi bảo Loan:

— Con lệnh đèn đây. Sợ gì...

Loan không đáp, thở dốc từng hồi. Con lệnh đèn đã bay xa. Tôi đập mái chèo thật mạnh để xua nỗi sợ hãi...

Chừng hai chục mái chèo nữa, chúng tôi tới đảo Hoa Vàng. Tôi neo thuyền rồi đi tới gò đất chôn kho tàng. Nỗi sợ hãi tan biến. Chúng tôi vui vẻ hân lên. Loan long lá bước, miệng hát ư ừ. Tôi bảo:

— Giá ban ngày, thế nào mình cũng hái được nửa đấu quả đuối chín.

Gò đất chôn của cải của chúng tôi đã sụt một góc sau mấy trận mưa. Hòn đá chôn làm dấu lặn xuống chân gò. Tôi nhìn quanh: đêm vắng lặng, không bóng người. Trăng thượng tuần xanh như lá nõn đã ngả lên những ngọn tre đen thẫm làng bên. Tôi bảo Loan:

— Canh gác nhé.

Rồi tôi quỳ xuống, rút cây xà-beng cut giấu trong bụi đuối cạnh gò, bắt đầu đào. Non nửa thước đất là tới cái thùng nhôm. Tôi mở nắp thùng thật khẽ nhọc vì gỉ sắt đã cắn chặt lại. May sao hộp đựng tiền bên trong vẫn vẹn nguyên. Chúng tôi ghé mắt nhìn những đồng hào sáng trắng và ngửi mùi xấp tiền mừng tuổi còn thơm phức một cách thú vị. Sau đó tôi đẩy hộp qua hai lớp vải sơn, rồi mở gói đựng vải vụn với pho tượng bạc ra xem. Chợt Loan kêu:

— Có người kia!

Tôi quay lại. Quả tình sau lưng chúng tôi đã hiện lên một bóng đen. Cái bóng nhỏ bé đó đi dọc theo mép

nước, lúc mờ lúc tỏ. Nghe tiếng hét của Loan, nó sợng lại như cái cọc, rồi cứ như vậy đứng trơ trơ. Loan đã run rẩy. Hơi thở nóng hổi của nó phả vào tai tôi. Tôi bảo Loan :

— Không phải trộm. Nếu là trộm, nghe kêu nó đã chạy.

Loan thì thảo :

— Hay là ma ?

Tôi bảo bạn :

— Đừng sợ. Để tờ ra xem. Đứng ấy cứ bọc lại gói vải cho cẩn thận rồi bỏ vào thùng.

Nói xong, tôi tiến về phía bóng đen kia. Vừa đi tôi vừa bẻ một cành chuối vung vẩy. Bà ngoại tôi vẫn bảo : ma quỷ sợ nước tiểu và roi dáo. Không có roi dáo, tôi dùng roi chuối vậy. Tôi quất cây roi vun vút trong không khí. Khi đã thấy rõ bóng đen, tôi dừng lại hét :

— Ai kia ? Người hay ma ?

Bóng đen lấp bắp trả lời :

— Em...

Tôi quát to hơn nữa và thấy tay mình bỗng run như gập rét :

— Em là ai ?

Bóng đen nói nhỏ như mất hơi :

— Em là...

Tôi hỏi dồn dập, nửa thì uy nửa tự trấn tĩnh mình :

— Nói mau, em là ai ? Làm gì ở đây ?

Bóng đen đáp lại vội vã :

— Em là... đi chụp cá... Em đi chụp cá...

Tôi tiến lên vài bước nữa và nhận ra một thằng bé còi cọc đen thui đen thui. Khi nó nói, chỉ có hàm răng trắng ánh lên. Lưng nó đeo chiếc giỏ và tay cầm chụp.

Tôi bỗng thấy mũi lòng: chả lẽ một đứa bé gầy guộc như vậy mà đêm đêm lặn lội đi kiếm ăn? Nó còn thua mình vài ba tuổi...

Tôi định bước tới, nhưng một câu chuyện cũ lại hiện lên trong trí nhớ khiến tôi dừng bước. Chuyện thế này:

Năm năm mười tư giải phóng Thủ đô, bộ đội ta về tiếp quản các thành phố và thị trấn. Đêm đêm các anh thường thay nhau đi tuần tra. Một lần đã khuya, hai anh bộ đội gặp một đứa bé lên năm giữa ngã ba đường. Thăng bé khóc nức nở, kể rằng bị lạc mẹ từ chập tối. Hai anh bộ đội thương xót công nó tới đồn công an. Từ ngã ba tới đồn công an chừng non nửa cây số. Thăng bé trên lưng lúc nhẹ như bấc, lúc nặng như chì. Anh bộ đội kinh ngạc hỏi:

— Cháu là thật, lúc nặng lúc nhẹ như ma ấy...

Thăng bé cất tiếng cười sáng sặc:

— Hay là ma thật đấy...

Và nó thè cái lưỡi dài hơn cái đòn gánh liếm vào mặt anh bộ đội...

Câu chuyện đó bà Tô héo hán bún riêu kể khiến tôi chùn bước. Tôi suy nghĩ vài giây rồi ngồi ngay xuống, tiêu tiện. Nếu cái bóng kia là ma, hẳn nó phải biến ngay. Nhưng không, nó vẫn đứng im và lặng lẽ quay đầu đi. Vậy nó là một thằng bé. Đúng là một thằng bé bằng xương bằng thịt. Tôi đến gần nói:

— Xin lỗi nhé, tao phải làm thế vì sợ mày là ma.

Thăng bé sững sốt:

— Ma gì cơ?

Tôi giải thích:

— Ma là linh hồn người chết đêm đêm hiện về.

Thằng bé nói:

— Đêm nào em cũng đi chup cá. Khắp bãi sông này và đầm bên kia.— Nó giơ tay chỉ.— Cả hồ sen nữa. Chẳng thấy ma bao giờ.

Tôi lắng thính, hơi ngượng. Thằng bé chup cá thấp hơn tôi một cái đầu. Tay chân nó nhỏ quắt như những ống xi-dông bắn chim. Trong chiếc giỏ tre đeo bên lưng, có những vệt trắng óng ánh. Tôi hỏi:

— Mà được nhiều cá chưa?

Đứa bé đáp:

— Chỉ đủ niêu kho thôi. Chưa có cá bán. Hôm nay đen quá, toàn cá nhỏ.

Tiếng nói của nó thật dịu dàng, ngoan ngoãn. Tôi bỗng muốn gần gũi và thân ái.

— Nhà em ở đâu?—tôi hỏi.

— Trong làng, ven đầm hồ kia — nó đáp lời.

Tôi nhìn theo hướng tay chỉ của chú bé, thấy mặt đầm loang mờ ánh nước và những khoảng tối đen của các đám cây. Tiếng lịch lịch từ gò đất vắng tôi đã tắt. Tôi đoán Loan chôn xong thùng nên gọi to:

— Loan ơi, lại đây.

Khi Loan tới, tôi giới thiệu:

— Đây là chị Loan, bạn chị. Còn đây là chú bé đi chup cá. Tên em là gì nhỉ?

— Em là Cọt.

— Cọt? Sao tên buồn cười thế?

— Mẹ em đặt tên em là Cau. Nhưng em nhỏ quá nên người làng gọi em là Cọt. Hai chị về nhà em chơi nhé.

Loan ngần ngừ. Tôi nhìn về phía thị trấn còn sáng đèn, bảo bạn:

— Mời hơn bảy giờ thôi. Tui mình đi chơi một lát rồi về cũng kịp.

Chú bé chop cá mau miệng nói:

— Về nhà em đi. Chỉ có mình mẹ em thôi. Mà mẹ em thích có khách tới chơi lắm... Về bây giờ khoai vừa chín nục. Trước khi đi cá, em đã vùi nời vào đồng trâu.

Ô, đêm lạnh lạnh thế này mà ngồi ở một căn bếp chốn làng quê, ăn khoai một hầm thì thú vị tuyệt. Tôi sốt sáng nói:

— Đi.

Cậu bé Cọt thoăn thoắt đi trước. Tôi và Loan bước theo sau. Từ phút ấy, đêm tối lẫn sông nước không còn chút nào về bí hiểm đe dọa chúng tôi nữa. Vừa đi chúng tôi vừa chuyện gẫu. Toàn những chuyện vu vơ mà cười giòn như bắp rang.

Nhà Cau nhỏ xiu, giống như chòi canh dừa hủ. Cổng làm bằng hai cành tre vót cong lại. Chú bé nhắc cánh cửa rào cho chúng tôi vào. Sân vắng lặng. Tôi hỏi:

— Nhà em không nuôi chó hay sao?

Chú bé đáp:

— Có gì mà phải nuôi chó!

Nói xong, nó cười hi hi như ông cụ. Tôi hiểu, nhà chủ nghèo nên chẳng có gì cần canh giữ. Cau tiến sát tấm cửa liếp, cõng giỏ cá đeo bên hông. Trong ngôi nhà, một tiếng hồi vọng ra:

— Cau về đây hả con?

Giọng trong như nước mưa vậy.

Chú bé đáp:

— Con về đây. Mẹ thắp đèn lên đi. Nhà ta có khách.

Người mẹ đáp lời ngay, thanh thốt như tiếng nói của một đứa bé đứng trong dàn nhạc lễ ngày xưa.

— Chờ mẹ một tí. Có đèn ngay đây.

Tiếng lịch kịch khe khẽ, rồi sau đó ánh đèn dầu le lói rọi chiếu ra. Một bàn tay nhẹ nhàng nâng liếp cửa:

— Ai đấy? Xin mời vào nhà chơi.

Một người đàn bà nhỏ xù, y hệt thằng bé Cau hiện ra. Nhưng sau đó cô thụt vào trong nhà, nhanh đến nỗi chúng tôi không kịp trả lời.

— Các chị vào nhà đi.

Chú bé giục chúng tôi. Rồi lau tay lên vạt áo, nó rót nước ra chén mời mọc. Những chiếc chén Bát Tráng xoàng xĩnh vẽ hoa xanh được rửa sạch bóng. Cả bóng đèn hoa kỳ cũng được lau đến trong suốt, nhìn rõ từng hạt bột thủy tinh. Nhà Cau nghèo nhưng sạch sẽ và ngăn nắp.

— Nước với ủ, mẹ em cho thêm gừng, thơm lắm.

Chú bé nói. Chúng tôi uống nước, không những thấy thơm mà còn thấy vị ngọt đọng mãi ở đầu lưỡi.

— Thằng Cau thích nước với ủ pha gừng lắm. Đi cả về làm một chén là ấm người lên ngay.

Người đàn bà nói, đoạn nheo mắt cười. Mắt cô rất to, xanh biếc, mí dài và cong. Sống mũi cô thẳng và cao, chỉ chít những vết tàn nhang. Gương mặt cô khác hẳn những gương mặt đàn bà ở làng quê mà tôi thường gặp.

Chú bé Cau đã bưng nồi khoai lên. Nó kêu:

— Mẹ đỡ hộ con tí. Nóng quá.

Người đàn bà lật đặt đứng dậy, đỡ nồi khoai cho con. Lúc đó, tôi mới thấy rõ là lưng cô bị gù gập lại. Một cái bướu lớn nằm ngay dưới vai trái. Trông cô xiêu lệch và nhỏ teo như con cua bị bể một bên càng.

— Các cháu ăn khoai đi.

Cô mời. Lần này nhờ ánh đèn tôi thấy rõ những gợn tóc hung đỏ bao quanh gương mặt cô, đẹp như tóc của một nữ tài tử phương tây, và làn da trắng nõn. Cô là một người lai. Một người lai tàn tật.

Tôi không dám nhìn người đàn bà lâu hơn nữa, cúi xuống bát khoai đang bốc hơi nóng hơi hổi. Còn cô, cô ngồi lên giường, lấp sau là màn nhuộm nâu và nhẹ nhàng nói chuyện:

— Chủ nhân nhà này là em Cau đó. Nó đi học một buổi, đi cá, đi tôm một buổi. Tiền bán cá bán tôm mua dầu, mua muối, hương hoa ngày lễ Tết, áo quần, chăn màn mùa đông. Còn thóc thì hợp tác xã bán cho giá rẻ. Ngày mùa, Cau đi mót thêm lúa, thêm khoai. Chỉ có cô là chẳng được tích sự gì...

Cau nhăn mặt, gắt:

— Mẹ lại nói chuyện cá kè gì thế? Chán lắm...

Nói xong, chú bé quay đi. Đường như nó muốn che giấu nỗi xúc động trước chúng tôi. Còn người mẹ thì khẽ thở dài, ngược nhìn con bằng cặp mắt long lanh và dịu dàng nói:

— Thì mẹ kể cho các chị ấy nghe. Có gì sai đâu?...

Chú bé im lặng.

Mẹ chú vuốt ve chú bằng những ánh mắt chan chứa yêu thương lẫn tự hào.

Chờ chúng tôi ăn khoai xong, Cau giục.

— Đi đi, khéo không trộm năng hết giàn câu của các chị.

Tôi ngăn người, hỏi:

— Giàn câu nào?

Lại tôi lượt Cau ngần ngại:

— Giàn câu của các chị... Thế không phải là các chị đi canh giàn câu cho bố mẹ hay sao?

Hóa ra Cau tưởng chúng tôi ra sông canh giàn câu. Ở thị trấn, có vài gia đình sống bằng nghề câu giàn. Họ cắm từng dãy cần câu mắc sẵn mồi và ngồi canh. Lâu lâu lại đi tuần một lượt gỡ cá mắc mồi và thay

mỗi mỗi khi mỗi cữ đã bị rìa hoặc nhạt vì ngâm nước. Cầu giàn là lối cầu nhàn nhã nhất trong nghề cầu kiếm sống. Nhưng muốn cầu giàn phải có một số vốn to.

Cau vẫn bần khoản nhìn chúng tôi:

— Em tưởng là...

Tôi hăm Loan, gặt đầu:

— Ờ, ờ...

Chúng tôi chào cô chủ nhà, ra đi. Quen đường, tôi đã có thể phân biệt được cảnh tre ngà phía trước lẫn bãi phân trâu bên vệ cỏ. Tôi ngả rẽ, chúng tôi chia tay nhau. Cau đi về phía đầm nước. Chúng tôi trở lại dòng sông. Trí nhớ khá tốt khiến tôi tìm được lối đi tắt theo dãi cát ra Đảo mà chú bé Cau đưa chúng tôi lúc trước. Đang đi, chợt tiếng gà gáy te te trong làng văng ra. Thủ phiên lưu chợt tan biến. Nỗi lo âu khiến cả hai chúng tôi lạnh cả người. Loan khẽ nói:

— Chết rồi Bà ơi! Nửa đêm rồi gà mới gáy thế chứ.

Nhìn sang bên kia sông, thị trấn đã tắt đèn. Tôi cũng hoảng sợ.

Loan thì tỏ nói tiếp:

— Mẹ tôi đánh chết thôi.

Tôi gắt:

— Có gan đi chơi thì phải có gan chịu đòn chứ! Đẳng ấy có im đi không, tụt xuống sông bây giờ...

Chưa dứt lời, Loan kêu bự. Nó bị tụt xuống nước thật, kéo cả tôi theo. May sao tôi bình tĩnh lùi được có bạn lên, nhưng áo quần hai đứa ướt lướt thướt. Tôi không dám gắt nữa, ngọt ngào dỗ bạn:

— Cứ bình tĩnh, sắp tới đảo rồi.

Quả nhiên, Loan không kêu nheo kêu than nữa, túm áo tôi lặng lẽ bước. Lát sau chúng tôi tới đảo. Vừa lúc đó, bên kia sông hiện lên hàng chục đốm lửa li ti. Những đốm lửa thoạt đầu còn nhòa trong sương đêm, sau rõ dần lên, giống những ngôi sao màu vàng ngăm

trong đáy nước. Tôi che mắt nhìn kỹ hồi lâu và nhận ra những cây đèn bão đang lắc lư tiến đến bờ sông. Bóng người bị vướn dài ra, như những cây cột đèn di động. Tất cả hơn hai mươi cây đèn. Vậy lẽ đoàn người đi tìm chúng tôi ít nhất cũng hơn số hai mươi. Tôi chắc rằng mẹ tôi và cô Lưu — mẹ Loan hạt mứt đã khóc lóc chạy ngược chạy xuôi khắp thị trấn tìm kiếm, báo công an và nhờ cậy bất cứ ai. Nỗi ân hận khiến tôi nao nao trong dạ. Lúc mãi vui, tôi đã không nghĩ tới cơ sự này.

Loan cấu tay tôi, lo lắng hỏi:

— Làm sao bây giờ?

Tôi đáp:

— Lặng im, đừng nói năng gì cả. Giống như người bị ma rủ ấy. Không thì chết đòn.

Lúc đó, tôi chưa kịp nghĩ ra cách nào hơn. Sau này, tôi mới thấy lối thoát đó đem lại một kết quả tuyệt diệu. Đám người trong thị trấn tới bờ sông, cất tiếng gọi. Trong những tiếng gọi đó, nghe tiếng mẹ tôi và tiếng cô Lưu yếu ớt như hạt hơi, run run như vừa gọi vừa khóc. Tôi cay sè cả mũi. Loan thút thít chùi nước mắt vào tay áo. Tôi khẽ nắm cổ bạn:

— Im ngay.

Tiếng gọi bên kia sông lắng dần. Rồi tiếng bàn tán vắng sang rõ mồn một:

— Chúng nó không có đây. Thôi, về đi.

— Không còn ngõ nào không sục tới. Chẳng lẽ con mẹ mìn nào đó lại tóm một lúc hai đứa lớn ngỗng như vậy sao?

— Bây giờ chúng nó có thuốc mê. Người lớn như mình cũng lú lẫn nữa là trẻ...

— Năm nay lắm chuyện buồn quá.

— Tôi đã bảo mà, chưa hết hạn sao Chỗi. Các cụ đã nói: sao Chỗi quệt đuôi vào trái đất là phải chịu đủ ba mươi sáu tai nạn mới tới lúc yên hàn. Thôi, về đi...

Những cây đèn lắc lư, lắc lư. Chợt bà An Lạc tru tréo kêu :

— Thôi chết rồi, thuyền của tôi đâu? Tôi vẫn buộc nó vào cây cọc này mà... Cả một sợi xích sắt to tướng...

Đám người xôn xao :

— Đùng rồi, hai đứa bé lấy thuyền bơi đi rồi.

Tiếng bà An Lạc san sát :

— Còn chệch đi đâu nữa? Cái thuyền tôn tôi vẫn bơi sang sông lấy bèo cho lợn ấy. Chẳng mấy con ranh này lấy thì ma khénh đi hay sao?

— Chết thật, đêm hôm thế này mà rủ nhau bơi thuyền. Chúng nó điên hay sao?

— Diên gì! Ma đã quyến rũ thì trèo lên mái nhà cũng cứ trèo như không. Tôi đây này, to như họ pháp mà năm hai mươi tuổi còn bị ma rủ đi vòng quanh đầm nước suốt đêm. Sáng bảnh mắt, người đi làm đồng mới dắt về nhà...

Một giọng thanh niên rần rồ vút lên :

— Thôi, bà con trật tự. Có thể các cháu rủ nhau sang bên hồ nhỏ củ ấu thì sao?... Hai thanh niên bơi sang tìm đi...

Tiếng nói vừa ngừng, hai bóng người nhảy tùm xuống nước. Họ bơi rất nhanh về phía chúng tôi.

— Thuyền bà An Lạc đây rồi.

Một tiếng reo cất lên, nghe quen quá mà tôi không nhận ra người nói. Bờ bên kia, có tiếng hỏi :

— Tìm thấy hai đứa bé không?

Người thanh niên vừa cất tiếng reo đáp thật to:

— Đang tìm...

Rồi anh nhảy lên thuyền, bơi ngược dòng sông. Anh đã nhận được hai cái bóng mờ mờ của chúng tôi dưới bụi chuối:

— Các em đấy phải không?

Anh mừng rỡ cất tiếng hỏi, trong khi chiếc thuyền lững lờ trôi tới trước mặt chúng tôi. Tôi bám chặt tay Loan, nhất quyết không đáp. Anh chàng không thấy trả lời, liền nhảy xuống nước lội bì bõm tới tận nơi chúng tôi ngồi:

— Sao không nói năng gì cả, hai cô bé? Trời ơi, ướt sũng rồi...

Anh kêu to rồi bẻ gối từng đứa một, đặt vào lòng thuyền. Lúc đó tôi nhận ra anh. Anh tên là Chiến, đầu thủ bóng búa của thị trấn. Chúng tôi thường chiêm ngưỡng anh trong những trận đấu giao hữu tại câu lạc bộ thị trấn, một ngôi nhà to lớn có những dây cờ lua nhiều màu bay phấp phới quanh năm. Khi chúng tôi đã ngồi yên trên thuyền, anh bắt đầu chèo về phía bờ bên kia. Lúc đó, anh hạn mới tới nơi liền bám vào mạn thuyền hơi trở về.

Tới bờ, anh bẻ gối từng đứa lên. Mẹ tôi ôm chặt tôi vào lòng. Cô Lưu cũng vỗ lấy Loan, vừa khóc vừa cười như điên dại.

— Con ơi là con. Ma quỷ rủ rê thế nào mà đêm hôm mò ra sông nước. Lạy Đức thánh Trần, lạy bà cô miếu Cội... Từ rày lẽ lạt hương khói tháng hai lần, con không dám đơn sai...

Người đàn ông kể chuyện ma rủ đi quanh đầm nước lúc này đặc ý nói oang oang:

— Đã bảo mà, sáng mắt ra chưa?...

Không ai đáp lời. Hẳn mọi người đều tin rằng chúng tôi bị ma rù thật. Nếu không, họ đã thi nhau mắng mỏ. Và chúng tôi ít nhất cũng lĩnh đủ một chục con lươn trên mông.

NGƯỜI THẦY VÀ ÔNG GIÁO

Sau cuộc phiêu lưu kỳ dị đó hai tuần, một sự cố làm biến động cuộc đời học sinh tươi đẹp của chúng tôi.

Tôi chưa nói cho các bạn rõ, tôi có hai thầy giáo tuyệt. Thứ nhất là thầy chủ nhiệm. Cả lớp không ai gọi thầy bằng thầy mà chỉ gọi là bố Thế. Thầy đúng là ông bố của lớp. Thầy ngoài bốn mươi nhưng chưa có mụn con nào. Thầy và người vợ cùng tuổi đều hoạt động vùng địch hậu, bị địch bắt giam, tra tấn đến thành bệnh, khó có khả năng sinh nở. Trong những trường hợp đó, người ta thường trở nên khó tính và ác độc. Nhưng thầy giáo của chúng tôi lại hiền hậu, dịu dàng như có cả một người cha lẫn một người mẹ kết hợp lại trong tâm hồn mộc mạc của thầy. Từ trò đứng đầu lớp tôi trở đội sổ lưu ban, không ai có thể oán thán điều gì, không ai nhận thấy một dấu hiệu cằn cỗi của sự thành kiến hay bất công ở thầy. Công bằng và nhân hậu, năng đỡ và dìu dắt con người cho tới khả năng cuối cùng, thành thực và chất phác, đó là những đức tính chúng tôi nhận được ở thầy. Điều đó giúp tôi một khả năng lâu dài, bền bỉ trong cuộc sống sau này, khiến tôi có thể vững vàng chịu đựng gian truân, khoan dung đối với những sai lầm của kẻ khác và tự kiểm chế mình mỗi khi trong tôi dấy lên những ý muốn trả thù.

Sau bố Thế, chúng tôi yêu quý thầy dạy thể dục. Hồi đó, thể dục là môn học phụ nhưng vì thầy dạy thể dục tốt và vui tính, nên đối với chúng tôi nó bỗng trở thành một môn học lý thú được chờ đón trong tuần. Thầy dạy thể dục ít tuổi hơn bố Thế, người tầm thước, rắn rỏi, da ngăm đen. Tóc thầy đen, dày. Cặp mắt nghiêm nghị nhưng cười mở. Thầy luôn luôn đem lại cho chúng tôi tiếng cười thoải mái trên sân tập. Thầy nói rất ít, dường như không thuyết giáo bao giờ. Nhưng chúng tôi hiểu những cử chỉ và ý muốn của thầy. Ánh mắt tươi vui, triu mến của thầy khiến chúng tôi vượt qua nỗi sợ hãi hay sự nhọc mệt. Khoảng sân cỏ mềm tràn ánh nắng. Những lá cỏ tươi xanh. Những con chuồn bay lượn. Bầu trời lơ lửng có những đám mây nhỏ. Và tiếng cười sảng khoái khi trán còn long lạnh mồ hôi sau buổi tập hoặc sau các trò chơi thể dục... Những giờ học đó là hạnh phúc thực sự của tuổi thơ. Tôi nhớ chúng rõ ràng như nhớ những bông hoa phượng đỏ có những chiếc vôi mà mỗi mùa hè, chúng ta thường rút xuống để chơi chơi gà vậy.

Thế mà bỗng dưng thầy xa rời chúng tôi. Thầy có ba con nhỏ với người vợ ở làng. Vợ thầy đau yếu luôn, không làm ruộng được nên nhà túng bấn. Gần đây cô bị viêm gan. Vì thế thầy phải chuyển về một trường ở huyện để tiện săn sóc người vợ và lũ con dại. Thầy đi vội vã đến nỗi không kịp gấp gở, liền hoan chia tay với học trò theo thường lệ. Chúng tôi chỉ còn biết bùi ngùi thương nhớ thầy, tự trách mình quá thờ ơ với con người chịu nhiều khổ sở nhưng lúc nào cũng bình tĩnh và làm việc hết lòng ấy. Lớp trích quỹ mua tặng thầy một cặp sơ-mi và đôi giày da mùa đông. Giờ thể dục bỏ trống. Và hai tuần sau giáo viên thể dục mới về trường.



Sáng đó chúng tôi xếp hàng đứng đón. Trước mặt chúng tôi xuất hiện một người đàn ông to cao, béo nục, tóc chải bông, bàn bộ đồ trắng lớp. Chúng tôi xiết bao ngạc nhiên khi thấy bố Thế giới thiệu thầy thê dục mới hai mươi bốn tuổi, tên là Gia. Chúng tôi tưởng ông giáo này ít nhất cũng ba mươi tư hoặc ba mươi lăm rồi. Trong lúc bố Thế nói, thầy giáo mới đứng im, mắt nhìn lướt qua đầu chúng tôi về phía xa xăm như một triết gia. Bố Thế đi rồi, ông giáo cúi mái đầu nhìn lũ trò. Chúng tôi chờ đón xem thầy thê dục mới nói gì. Bất chợt ông giáo hô to :

— Tất cả nghiêm !

Chúng tôi nhảy dựng lên như bị kiến đốt, vội vàng rồn lưng, ngهنen cổ nhìn về phía trước. Thầy giáo Gia liếc nhìn ra bộ hài lòng, rồi bắt đầu bài giảng :

— Tôi bước vào tiết học đầu tiên ở đây. Trước khi dạy các anh, các chị, tôi là giáo viên trợ giảng của Trường đại học thê dục thể thao. Học viên của tôi là những thanh niên trẻ khỏe, đủ tốt nghiệp cấp ba phổ thông, có nhận thức rất khá. Vì thế, e hèm... việc tôi về đây dạy các cô, các cậu (thầy giáo Gia hạ chúng tôi từ anh chị xuống cô cậu đột ngột như hó nghiêm vậy)... là rất đặc biệt... E hèm, tôi lưu ý các cô các cậu điều đó...

Chúng tôi đứng im phắc. Lúc đó một con ruồi trâu to tướng bay tới. Tiếng bay vo vo của nó vang rất rõ trong không gian. Thầy Gia tỏ ý không hài lòng. Thầy giơ tay đập. Con ruồi vọt lên cao, nhưng không bay đi mà cứ rung cánh ro ro như ấm nước đun bằng dây điện vậy. Thầy Gia hăm hực lườm con ruồi rồi nói tiếp :

— Bây giờ bắt đầu vào tiết học. Đối với chúng ta, thời gian là vàng ngọc, và sức khỏe là châu báu. Không được lãng phí một giây. Trước tiên, hãy khởi động cho cơ thể được hăm nóng. Vì khởi động là bước lấy đà

quan trọng cho tất cả các buổi luyện tập. Nó cũng giống như dịch vị tiết ra trước bữa ăn... Theo tôi... Một, hai... Tất cả hãy chạy vòng tròn...

Chúng tôi hồi hộp nhìn nhau, bắt đầu chạy. Loan thó hồn hèn, ghé vào tai tôi thì thầm:

— Ông này điệu quá máy ă. Chỉ có việc khởi động mà thuyết lý hàng tràng. Nghe cứ rối mù lên.

— Lặng im, xem còn gì nữa không.

Tôi đáp. Trước đây thầy dạy thể dục chỉ cần giơ hai cánh tay, chum hình chữ U trên đầu là chúng tôi đã ngoan ngoãn chạy vòng tròn khởi động.

«Thật sung sướng khi sống với những người giản dị và tươi vui» — tôi thầm nghĩ.

— Tất cả chú ý.

Thầy Gia lại đột ngột thét lên như còi tàu. Lần này tim chúng tôi cũng nảy thon thót. Chúng tôi lên đưa mắt nhìn nhau. Thầy Gia nói:

— Giữ cự ly giãn cách thật đều. Sao cho mỗi cá nhân là một đơn nguyên trong cấu tạo vòng tròn. Tôi cho mỗi người hai phút tự kiểm tra, điều chỉnh để định vị mình cho chính xác. Phải nêu cao ý thức thể dục thể thao mới. Phải nghiêm túc và giữ gìn kỷ luật... Nào, bắt đầu... Tôi bấm giờ đây. Mỗi người được quyền tự tu chỉnh trong hai phút...

Đám học trò nhìn nhau:

— Gì thế? Thầy giáo mới bảo gì thế?

— Chịu. Khéo, giẫm lên chân tao rồi.

— Chạy đi, sao đứng ỉ ra đấy? Thầy ấy quay lại thì chết cả nút bây giờ...

— Nhưng tao chẳng hiểu gì hết...

Thầy Gia trình trọng nhìn chiếc đồng hồ quả quýt đeo trước ngực, đếm:

— Ba mươi lăm, ba mươi sáu... bốn mươi hai giây. Còn sáu mươi giây nữa...

Mọi người cuống quýt:

— Bỏ sù, Bè ơi... bảo chúng tao với! Ông ấy nói gì thế nhỉ?

Lúc ấy tôi ghé vào tai Yến sếu nói:

— Chia khoảng cách cho đều. Chính lại vòng tròn. Cả mớ lý thuyết đó chỉ tóm gọn thế thôi.

Yến sếu thở phào. Tin hiệu truyền đi ngay tức khắc và được thực hiện hồi hã.

Một hồi coi dài báo hiệu hết giờ tự tu chỉnh. Chúng tôi dừng lại, hướng về phía giáo viên như những hành tinh hướng về mặt trời.

— Các cô cậu chú ý này... — mặt trời của chúng tôi nói. — Bài của chúng ta hôm nay là...

Đang trình trọng, thầy Gia đột nhiên dừng lại, mặt phồng lên, căng thẳng một cách khổ sở. Hai cánh mũi lớn có những mạch máu li ti đỏ rần rật. Mắt thầy nhìn xuống đất, giống như cầm một cây cọc nhọn xuống đó và nhất quyết không nhô lên nữa. Cả bộ mặt thầy y hệt một mảnh buồm dũm dũm, cũng hết cỡ trước làn gió dữ, chỉ cần một hơi thổi dồn tới là buồm ngay. Tình trạng nguy hiểm đó kéo dài chừng năm sáu giây. Rồi bỗng:

— Hắt ắt ắt xì i i hơi ới ới iiii...

Thầy Gia không thể kìm được cơn hắt xì hơi vốn mạnh hơn ý muốn giữ vẻ trang nghiêm đạo mạo trước đám học trò. Thầy đành ngửa mặt lên trời, há miệng không kịp giơ tay che, cũng không kịp quay đầu đi để hắt hơi một cái mạnh như hơi nồi súp-đe bị xi, làm bắn nước bọt lên đầu Yến sếu.

Vì bộ mặt thầy lúc đầu quá trình trọng, nên khi nhăn nhúm lại do phản ứng cơ thể nom hài hước quá. Nó khiến chúng tôi không nhận được, nổ tung lên một cơn cười. Từ lớp trưởng tới học viên, từ bí thư chi

đoàn tơi đội viên thiếu niên... Tất thấy mọi người trong lớp đều không thể kìm được cơn tức cười còn cao gan ruột. Nhất là mấy chị lớn tuổi, cứ gục đầu vào nhau, nước mắt giàn giụa, cười rũ rượi hồi lâu.

Sau khi bình tĩnh lại, thầy Gia giậm chân, trợn mắt quát :

— Tất cả trật tự!

Chúng tôi giật mình đứng nghiêm, nhưng tiếng cười theo quán tính vẫn còn bắn ra khỏi cổ họng, nổ giữa hai hàm răng. Thầy giáo liếc nhìn chúng tôi, giận dữ nói :

— Các cô các cậu cười gì? Cười cái gì?... Đây là giờ học hay giờ chơi? Ý thức tổ chức kỷ luật đề đâu? Các cô các cậu coi thường bộ môn, coi thường thầy dạy phải không?...

Chúng tôi không còn cười được nữa. Chúng tôi im ỉm, cúi mắt nhìn xuống đầu móng chân. Không khí trở nên nghiêm trọng vì mặt ông giáo mới tím lại, giận giữ và uất ức. Ông nhìn xối vào chúng tôi. Rồi như nhận ra, tôi là đứa bé con đứng hàng đầu cười to nhất và nhiều nhất, ông chỉ :

— Cô kia, tên gì?

Tôi lạnh toát sống lưng, khẽ trả lời :

— Thưa thầy, em tên là Vũ Thị Bé.

— Cô cười gì?

— ...

— Tôi hỏi, cô cười gì?

— ...

— Đây là giờ học hay giờ chơi?

— Thưa thầy, giờ học.

— Giờ học, có được phép cười không?

— Thưa thầy... không ạ.

— Vì lý do gì cô cười?

— ...

— Cô là kẻ vô kỷ luật, vô tổ chức, không xứng đáng học dưới mái trường xã hội chủ nghĩa...

Ngón chân cái của tôi nháy lên nháy xuống trước mắt. Những dòng nước lạnh toát bỏ dọc sống lưng. Rồi sau đó, lại là những dòng nước khác nóng bỏng luồn vào từng thớ thịt. Tôi thấy mình trông trơ trẽn như đi đò ngang qua sông. Cả lớp đứng im, mặt cúi gằm. Chợt một giọng rụt rè cất lên:

— Thưa thầy, em xin có ý kiến...

Tôi ngẩng lên: Ly run run giơ tay xin nói. Đó là đứa bé còi cọc nhất lớp. Mẹ chết vì hậu sản, Ly ở với ông bố nát rượu làm nghề đánh xe ngựa chỗ thuê và một bà mẹ ghê bán nước mắm ở chợ. Hai người thi nhau hành hạ đứa bé, không ai rỗi cho nó một giọt tình thương. Ly phải làm quần quật suốt ngày. Nó học kém nhất lớp, mặt mũi tay chân quắt queo như quả trám khô.

— Thưa thầy, — thằng bé run run cất giọng nói — chị Bé không dám cười thầy đâu ạ.

Ông giáo mới gườm gườm:

— Thế thì cười ai?

Ly thở gấp, hối hả nói:

— Thưa thầy, giờ thế trước đây được phép cười thoải mái. Thế nên chúng em quen đi...

Ông giáo im lặng. Rồi ông hắng giọng nói:

— Thôi được, tôi cho qua. Nhưng các cô các cậu phải biết rằng tôi rất nghiêm khắc với những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật dưới mái trường xã hội chủ nghĩa mới.

Giờ học kéo dài trong không khí nặng nề, lo sợ. Trưa hôm đó, khi tan học, tôi bước qua mảnh sân trường.

Chân giẫm lên những ngọn cỏ mềm, trí não tôi tưởng như tôi gương mặt tươi vui, hồn hậu của thầy giáo cũ.

— Thầy ơi, thầy ơi, thầy ơi...

Tôi thăm gọi, lòng vang lên tiếng cười ánh ỏi của những giờ học xưa kia. Giờ chúng vĩnh viễn trôi mất. Tôi rẽ qua hành lang tìm bố. Thế nhưng bố đã đạp xe lên Ty giáo dục mất rồi. Buồn rầu, tôi trở về nhà. Không ngờ, một sự kiện khác đang chờ đợi. Nó sẽ đem lại tai ương cho Loan hạt mít, cô bạn ruột thịt của tôi. Và lần lượt cả hai đứa tôi phải gánh chịu những tai ương xảy đến.

NHỮNG ĐIỀU KHÔNG TỐT LÀNH ĐÃ TÔI

Trưa đó, mẹ tôi bảo:

— Con đi mua ít đá về pha nước chanh. Trời oi quá.

Tôi cầm chiếc ca ra phố. Thị trấn chỉ có hai nơi bán đá lẻ. Một hãng nước đá nhỏ của Pháp để lại có cái tên rất kêu: Hoa Lư. Bây giờ, mậu dịch ăn uống tiếp quản làm kem que và bán đá lẻ. Hai là nhà cai Càn. Ông ta mua một cái máy làm kem nhỏ, xin được giấy phép chạy nước đá bán. Tuy nước đá nhà cai Càn bán thường là đá non, rất mau chảy và bán đắt gấp đôi mậu dịch nhưng gần nhà nên tôi tôi đó mua. Trước sân, năm sáu người khách tôi trước đang đứng chờ. Tôi vừa đến nơi thì gặp Ly trong nhà bước ra:

— Đẳng ấy mua đá hả? Phải nửa giờ nữa mới có. Tôi vừa xem máy xong. Đẳng ấy có chờ không?

Tôi nhìn ra phố: trời nắng, oi như giữa hè. Giá có đi tới hăng Hoa Lư cũ thì cũng rã chân. Nghĩ vậy, tôi găt đầu:

— Chờ.

Ly kéo tay tôi:

— Thế thì vào đây, nghe chuyện.

Ly dắt tôi vào sân trong. Nó chơi thân với đứa con thứ ba của cai Cản nên đi lại tự do như người nhà. Ly đưa tôi vòng ra ngạch sau dưới chiếc cửa sổ, dây mảnh bát leo tựa tấm màn. Có tiếng người vọng ra. Tôi nhận được tiếng cô Lưu, mẹ Loan hạt mít.

— Để cho em nghĩ thêm đã — cô Lưu nói.

— Lưu không tin tôi sao?... — giọng cai Cản ngọt ngào. — Cả tôi và Lưu đều không thiếu gì tiền. Chúng ta chỉ thiếu tình cảm thôi. Tôi muốn Lưu về đây vui vậy, đoan tu. Khi trái nắng, lúc trở trời có nhau Lưu cứ giữ căn nhà dằng ấy, làm sao chúng ta gần gũi được?... Đánh răng chẳng xa xối vụn dăm gì... Nhưng dần sao cũng là cách trở.

Cô Lưu lặng im. Hẳn là cô theo thói quen đang đưa ngón tay lên cuốn sợi tóc mai vốn đã quấn tít bên tai. Sân đó, tôi nghe cô thở dài.

— Nhưng còn con Loan... Em khổ nghĩ quá.

— Chúng ta đã tình chuyện trăm năm thì phải lo hết nhẽ. Con nào cũng là con chung. Hai ta cùng gánh nặng cùng vác đây. Lẽ nào tôi tại cam lòng cho cháu Loan khổ?... Nó khổ là Lưu khổ. Mà Lưu khổ thì tôi sung sướng nổi gì?...

Cô Lưu lại thở dài. Hai người cùng im lặng.

Ly nhăn mũi, bấu môi bảo tôi:

— Chắc lão đang thơm cô Lưu đấy.

Tôi cốc vào đầu nó:

— Im mà nghe, quỷ sứ.

Lúc đó cai Càn lại cất tiếng:

— Minh bán nhà xong rồi làm lễ cưới. Bảo họ đóng cọc nửa tiền. Làm giấy sang tên xong thu nốt... A à... đạo này nhà đang lên giá. Lão trung tá về hưu bên phố mới đang cay cái nhà của mình lắm. Lưu cứ mặc tôi ra tay...

Đưa con trai thứ ba của cai Càn bỗng từ bếp đi ra, ho nhỏ khoảng khoạc. Tôi và Ly vội vàng bước ra sân trước. Mua đá xong, tôi về nhà ngay. Không kịp ăn cơm, tôi bảo mẹ:

— Mẹ ơi, cô Lưu sắp lấy lão cai Càn đấy. Con nghe hai người bàn chuyện cưới xin và bán nhà về ở chung.

— Thế nào? Cưới?... Bán nhà cô Lưu về ở chung?

Mẹ tôi hỏi sững sốt như nghe tin núi lửa sắp phun xuống thị trấn.

Tôi gạt đầu quả quyết:

— Chính tại con nghe thấy mà.

Mẹ tôi ngồi lặng trước bàn, dăm dăm nhìn khoảng trời lóa nắng. Tôi ăn xong cơm, nhọc mệt ngủ thiếp đi. Trong giấc ngủ trưa nặng nề đó, tôi mơ thấy Dững còm. Không hiểu sao nó ăn mặc y hệt con khỉ trong gánh xiếc rong ngày Tết. Đầu đội mũ cát-két đen, mặc may-ô đỏ viền đen, nó nhảy nhót như tảng hể trước mặt đám đông, xin tiền. Rồi khi đám đông biến mất, nó quay lại nhìn tôi, buồn ủ ẻ:

— Bè ơi, đằng ấy có biết vì sao tớ phải lang thang như thế này không?

Tôi lắc đầu:

— Không. Không một ai biết cả.

Dững còm trầm ngâm nói:

— Ừ. Chắc rằng không ai biết.

Tôi bảo:

— Vậy thì đằng ấy nói đi. Vì sao?...

Dũng còm ngược nhìn tôi :

— Tờ không dám nói... Tờ không bao giờ dám nói..

Những đồng hào trong túi nó rơi xuống, lăn ròn rảng trên đường. Lăn mãi cho tới khi đám bụi mù sau chiếc xe ngựa bốc lên. Và Dũng còm biến mất...

Tôi còn ngờ ngẩn vì giấc mơ, mẹ tôi đã tới gọi dậy học bài. Hơn ba giờ rồi. Sau bữa cơm chiều, mẹ con tôi tới nhà cô Lưu. Mẹ không nói nhưng tôi biết hẳn tin tôi vừa thông báo khiến mẹ phải suy nghĩ nhiều. Hai nhà cách nhau một phố, đi chừng mười lăm phút là tới nơi. Cô Lưu đang ngồi trong bếp rán bánh. Ánh lửa bắt lên hai gò má tròn, đỏ hây hây. Dao này, cò béo tốt, xinh tươi hẳn ra. Cô mời mẹ tôi ngồi vào bàn, rồi nhanh nhẹn bung lên một đĩa bánh vừa vớt :

— Chì xoi bánh nóng. Thử có vùng lẫn ngoài là bánh ngọt, nhân đậu xanh đường, dừa nạo. Thử bánh dài không vùng là bánh mặn, nhân thịt nạc, tiêu, hành...

Mẹ tôi hỏi :

— Lâu lắm có thấy cô làm bánh đậu ?

Cô Lưu đáp :

— Vâng, hôm nay em nghĩ chợ, làm một ít. Vừa cho cháu ăn vừa đem biếu...

Nói tới đó, cô cười thẹn thùng. Hai mẹ con tôi đều hiểu rằng người được biếu bánh ở đây chính là ông cai Cấn, chồng sắp cưới của cô. Mẹ tôi không cười, buồn buồn nhìn xuống đất. Xưa nay, mẹ tôi vốn có thiện cảm với cô. Ngoài lẽ tôi và Loan thân nhau, cô là một trong số rất ít người đã lao vào nghề buôn bán mà còn giữ được tính hiền hậu, thực thà. Trước đây, cô làm bánh rán. Cả thị trấn mê những chiếc bánh rán giòn, bột nhuyễn mịn, thơm phức của cô làm. Bánh ngon, người bán lại tươi cười, ân nói dễ nghe. Chồng cô là thợ cơ khí, đẹp trai, hiền như đất. Một chiều

tháng bảy, chú đi ăn cỗ về, ra giếng tắm bị cảm hàn chết. Người chị chồng ở tận Lào Cai về đưa ma, chu cấp vốn rồi dắt đầu em dâu đi theo. Cô Lưu thạo buôn bán, giàu có vượt lên. Một mình, vừa nuôi con ăn học đàng hoàng, vừa xây lên ngôi nhà năm gian, nền cao thước hai, trần láng như giấy, hiên trước đồ bệ tóng, sân sau đủ bể nước, buồng tắm, chuồng gà chuồng chim. Dân thị trấn nể có. Và cô trở thành đối tượng số một cho những người đàn ông độc thân khắp hai khu phố cũ, mới... Vậy mà bỗng dưng cô lại gặt đầu thuận lấy lão cai Càn — người nổi tiếng tham lam, bần tiện trong thị trấn. Đầu lão dài, hói, giống như quả dưa bầu. Cặp mắt quăm quăm sau đôi kính. Đi dân lão cũng thích bòn mót, từ cái ốc gỏi tới chiếc nắp chuông xe đạp. Xin được, nhặt được vật gì, cai Càn cũng cho vào túi áo. Lũ trẻ trong thị trấn vẫn nhìn những chiếc túi áo của lão như nhìn vào túi của lão ba bị. Ba bị chín quai, mười hai con mắt, đi bắt trẻ con...

Hắn vì thế nên mẹ tôi mới rầu rĩ thế, mặc dù có Lưu hơn hơn cười, đặt đĩa chiếc bánh vào tay, mời mọc:

— Kia, chị Hạnh, mời chị xơi kéo bánh nguội bây giờ...

Mẹ tôi đưa mắt nhìn tôi.

Biết hiệu lệnh, tôi kéo Loan ra phố. Chắc khi hai chúng tôi tới đường nhựa, thì cuộc chuyện trò giữa hai người sẽ bắt đầu...

Loan đoán biết được điều đó, nên im lặng đi theo tôi, không leo lẻo như mọi bận. Đang rào bước, vấp phải rễ cây, tôi suýt ngã. Trong bóng tối của vòm lá, tôi chợt nhìn thấy một tấm áo hoa ôm dáng lưng quen thuộc.

— Chị Bội.

Chút nữa tôi kêu lên. Đứng là chị Bội thật. Chị đứng dưới gốc bàng, đầu cúi gục. Sau chị, một người đàn ông cao lớn, tóc chải bóng. Anh ta diện quần áo trắng lớp, tựa thỏi bột vĩ đại. Loạn kéo tôi núp sau tấm bảng dán áp-phích của phòng thông tin thị trấn. Hử vĩa, chỉ hai bước nữa là tôi chạm trán họ.

— Thưa thầy, thầy về à...

Tiếng chị Bội run run.

Không có tiếng đáp. Rồi sau đó, người đàn ông nói:

— Hôm nay trời lắm sao quá nhỉ?

Tôi nhận ra giọng nói của ông giáo thể dục mới: thầy giáo Gia. Té ra ông thầy này đã nhanh chóng tìm được người dè tán tỉnh. Chị Bội là nữ sinh lớn nhất lớp. Xinh đẹp và hiền hậu nổi tiếng khắp trường, chị khiến tất cả các chàng trai khôn lớn quay cuồng như chong chóng. Bao nhiêu thư tình của họ gửi cho chị, lũ nhóc chúng tôi đều bóc ra xem trước rồi ngật ngèo cười. Lần nào chị cũng đỏ mặt lên, kêu:

— Lũ quỷ con!

Sức học chị làng nhàng. Kém nhất lại là môn thể dục. Chẳng hiểu sao, chị không thể vượt qua được mức quy định thấp nhất cho các môn điền kinh. Có lẽ vì vậy mà lúc này, đứng trước ông giáo Gia, chị run rẩy như con cò gặp bão:

— Thưa thầy...

— Trai gái trong phố đi xem dòng thác. Phím gì thế nhỉ?

— Thưa thầy, Phím Pha-ti-ma.

— Ờ ờ... Pha-ti-ma. Em đã xem chưa?

— Thưa thầy, em xem từ tuần trước.

Ông Gia cười hinh hích rồi hạ giọng :

— Bội giống Pha-ti-ma lắm cơ, nhất là mái tóc dài và đôi mắt đen đẹp mê hồn...

— Thừa thầy, thầy về kéo đường xa...

— Hơ hơ hơ... Bội đuổi tôi đấy à?... Tôi về đây.

— Dạ, thầy về ạ...

Ông Gia dắt chiếc xe đạp dựa sát tường xuống đường nhựa. Lốp xe nảy tạch tạch, giòn giòn. Sau đó ông nhảy lên xe, hùng dũng như con gấu, [chân đặt lên bàn đạp, tay tì vào ghi-đông. Tôi tưởng ông ta đi. Nhưng ông ta chưa đạp đi ngay mà còn nói :

— Bội phải chịu khó tập lại mấy môn điền kinh nhé. Cả cầu thăng bằng và nhảy ngựa nữa. Điềm hai là không được lên lớp đầu...

— Dạ, thưa thầy vâng ạ.

Người nữ sinh lớn tuổi đáp li nhí. Ông giáo thề dục đi khỏi, chị vội vã bước vào nhà ngay. Tôi bảo Loan đi vòng vài phố rồi quay về. Câu chuyện đã xong, cô Lưu dăm chiêu nhìn những viên gạch lát dưới chân. Khi cô tư lự, những nếp nhăn hiện rõ nơi đuôi mắt. Loan hạt mít bảo rằng mẹ nó ba mươi tám tuổi rồi. Gần bốn mươi tuổi, với người đàn bà góa là đáng sợ lắm — bà ngoại tôi thường nói thế...

Hai hôm sau, một buổi tối, mẹ con tôi đang thu dọn cửa nhà thì cai Cán xộc tới. Lão không chờ mời, ngồi phịch xuống ghế.

— Bác tới chơi hay có việc gì? — mẹ tôi hỏi.

— Tôi tưởng cô phải biết chứ? [Cô vẫn đi dạy con nhà người ta cơ mà. — cai Cán cười khẩy đáp lại.

— Đúng đấy... — mẹ tôi thận trọng đáp. — Tôi vẫn dạy trẻ học. Nhưng nhà nước chỉ phân công tôi giáo

đục trẻ em. Còn những người lớn tuổi, tôi không có trách nhiệm. Nhất là những người đã từng ăn cơm Tây, ở nhà Tây...

Cai Cấn sầm mặt. Hắn lão tức lắm. Trước ngày giải phóng, đi đâu cai Cấn cũng khoe rằng lão là người của nhà nước Pháp, ăn cơm bằng cùi dĩa, phởng sét, và nhảy đầm thào hơn cả dân chính xứ Gò-loa. Chiều chiều, cơm xong lão mặc bộ đồ lính bằng ka-ki vàng rồi đi-la-mát. Hòa bình về, bộ đồ ka-ki đó biến ngay, và thay vào đó là bộ đồ gu vớ đôi dép cao su. Giờ nghe mẹ tôi nói, cai Cấn im như thóc. Lão tự rót nước trà, uống xum xụp rồi dụi giọng :

— Xưa nay tôi vẫn trọng cô giáo là người ít tuổi nhưng biết đường ăn lẽ ở. Sao bỗng dưng cô nhảy vào chuyện người khác làm gì ? Tôi mất tỉnh, chứ kẻ khác hung đồ, cục súc thì...

— Thời này không ai sống theo cái lối chày nhà hàng xóm bình chân như vại — mẹ tôi cắt lời lão.

— Có nhầm — cai Cấn cười nhạt. — Nhà chúng tôi có chày đâu ?

— Bác đừng nói nhiều. Tự nhìn mình, nhìn người thì sẽ thấy — mẹ tôi đáp. — Thấy người bên cạnh sắp nhảy vào lửa, phải có lời khuyên can. Đó là lẽ làm người.

Cai Cấn cười khẩy, những chiếc răng nanh bọc vàng của lão sáng lóe lên :

— Đàn bà góa cần chồng chứ không cần lời khuyên của hàng xóm. Cô đừng phí công.

Nói xong, lão bỏ về.

Mẹ tôi ngao ngán thở dài. Rồi mẹ cứ ngồi lặng im trước chén nước nguội cho tới lúc tôi mặc màn đi ngủ.

SỰ KIẾN THẮNG TƯ

Sang thắng tư rồi. Hàng phượng vĩ trên sân trường lóc lên vài ngôi sao đỏ. Đầu tuần, tôi bỗng bị trượt chân ngã. Trán sưng một cục to bằng quả ổi và đầu gối trầy rớm máu. Điều đó cũng chưa tệ hại bằng chiếc quần áo ka-ki xanh mẹ tôi vừa may cho bị rách ngay trước gối. Lỗ thủng bằng đồng xu, thịt hở ra trắng phếu. Đi tới trường ngay không được, mà quay về nhà thì sẽ trễ giờ. Nghĩ một lát, tôi mở cặp xé mẫu giấy nháp. Lấy bút tô cho mẫu giấy xanh đen lại, tôi xin bà Tô bèo sợi bún dân vào quần.

— Con bé kia, dao này còn ra sòng chơi không hả?

Bà hàng bún riêu gây vào tay tôi mấy sợi bún, miệng quát to.

— Thưa bà, dao này cháu không dám đi nữa ạ.

— Liệu hồn, con nam nhân xuống nước thì không ai cứu nổi đâu con ạ. Bố mày ở tít tắp mù khơi, mà mẹ mày chỉ có một mụn gái liêm hoĩ... Nghịch vừa vừa chứ...

Bà quát oang oang rồi dứt thêm cho tôi mấy sợi bún nữa. Tôi cảm ơn bà, chạy ra một góc dán mẫu giấy vào lỗ thủng nơi đầu gối. Xong xuôi, tôi yên tâm rảo bước tới trường.

Giờ đầu là giờ hóa. Tôi đọc lý thuyết, làm bài tập trên bảng, lինh gọn một điểm năm⁽¹⁾ của bố Thế rồi trở về chỗ. Bất đồ, mẫu giấy dán rơi xuống. Lay trời, khi nằm trơ trên nền đá hoa, trông nó mới buồn cười làm sao. Tôi ngưng ngưng cái lom khom che lỗ thủng nơi đầu gối. Cả lớp cười ồ lên. Bố Thế ngo ngắc nhìn lũ học sinh. Khi vỡ lẽ, bố cũng bật cười. Tiếng cười

(1) Tháng điểm cũ gồm 5 bậc, điểm 5 tương đương với điểm 10 bây giờ.

hiền lành như tiếng cười của một ông lão nông dân vẫn đem chổi lùa hoặc rỏ ra vào thị trấn bán. Hết giờ học, bố Thế gọi tôi:

— Bè!

— Dạ.

— Đi đâu thế?

— Con ra chơi ạ.

— Hừm... Ăn mặc thế mà ra sân chơi hả?... Học bao nhiêu giờ nữa xong rồi mà còn lấy giấy dán vào quần rách?... Con gái đoàng. Phải phạt cho mày một trận thôi.

Bao giờ bố Thế cũng xưng bố và gọi chúng tôi bằng mày, hoặc cô cậu. Khi nào bố xưng tôi và gọi các em theo đúng phép, thường là lúc đó bố đang cực kỳ giận dữ trước những khuyết điểm của lũ chúng tôi.

Thấy tôi ghé mắt nhìn, bố Thế vẫy tay:

— Xuống đây với bố.

Chúng tôi đi tới khu nhà tập thể của giáo viên trong trường. Bố Thế xin một mảnh vải bằng vải xanh, một cây kim và sợi chỉ dài. Đoạn bố dẫn tôi trở lại căn buồng nhỏ sát phòng thí nghiệm, nơi bố cũng ở với thầy Bách dạy toán.

— Đóng cửa vào, và quần cho nghiêm chỉnh—bố nói.

— Nhưng... sắp đến giờ sinh rồi ạ... — tôi rút rè đáp.

— Giờ nào cũng bỏ. Chép bài, tự học sau. Lớn rồi, không được phép cần thủ trong sinh hoạt. Một lần này là phải nhớ đến già, nghe chưa?...

Nói xong, thầy vờ hộp thuốc lá trên bàn, bỏ vào túi đi ra. Tôi đóng chặt cửa, cởi quần dài, trùm chăn ngồi vạ. Đó là lần đầu tiên tôi thấy bố Thế tỏ ra nghiêm khắc với mình.

Chiều hôm đó, lớp tôi cùng cả khối đào nương giúp một hợp tác xã kết nghĩa với trường. Trời ơi ả khó chịu. Chừng nửa buổi chiều, mưa ập xuống tươi xối xá

lên đầu tóc, mặt mũi mọi người. Lũ con trai reo hò, nhảy cẫng lên dưới dòng nước trắng xóa. Lũ nhóc như tôi cũng vậy. Đưa nào đưa nấy thi nhau há miệng, thè lưỡi liếm nước mưa, chạy đuổi, té nước vào nhau và la hét ầm ỹ. Chỉ có các chị lớn tuổi là khò sở. Các chị đứng túm tụm vào nhau, cố sức lấy nón che lớp áo quần ướt thướt dính chặt vào người. Chị Bội lớn nhất đám. Người chị nở nang, khỏe mạnh. Lớp áo phin ướt dính vào da khiến chị giống như một bức tranh khỏa thân thời Phục hưng mà thầy dạy vẽ cho chúng tôi xem trong giờ ngoại khóa. Chị ngưng ngưng vì đám học sinh khối trên đứng đen đặc xung quanh. Trong số đó hẳn có nhiều anh chàng đang theo đuổi, tán tỉnh chị. Lẽ thứ hai là ông giáo thể dục mới cũng ở đây. Đứng trong đám giáo viên bộ môn nhưng cặp mắt hẹp và dài của ông ta dán vào tấm thân ướt đầm của cô nữ sinh một cách miệt mài. Tui con trai trong lớp nhận ra điều đó trước tiên. Chúng nhăm nháy nhau, thì thầm:

— Kìa, xem ông Gia «tia» chị Bội... Khiếp quá, dút mất đuôi mất rồi.

— Tui mày chú ý nhé... Sắp rồi, sắp rồi... Đây, tui nói có sai đâu. Ông ấy giả vờ hỏi chuyện bố Thế nhưng mắt cứ nhìn chòng chọc vào bà Bội nhà ta...

Tôi nhìn bố Thế. Đúng là bố đang nói gì đó với ông Gia thật, nhưng quay mặt đi nơi khác. Bố giả biết hết mọi chuyện... Bố giả biết hết — tôi thầm nghĩ.

Mưa vừa tạnh, trời lại nắng ngay. Chúng tôi lao vào xăn đất, chuyên đất. Hàng làm, Ly bồng lão đảo, ngũ quỳ xuống. Chúng tôi xúm lại đỡ lấy nó. Tất cả đều luống cuống chưa biết xử trí ra sao thì bố Thế tới. Bố áp má vào trán Ly nghe ngóng rồi lầm bầm:

— Thắng bố sốt cao quá. Có lẽ nó bị ốm sẵn trước khi đi làm.

Ngược nhìn chúng tôi, bố hỏi :

— Không đứa nào biết nó ốm hay sao ?

Chúng tôi nhìn nhau, đáp li nhí :

— Thưa bố, không ạ.

— Gọi ngay y tá công trường tới đây.

Bố ra lệnh. Lớp trưởng, bí thư chi đoàn, liên đội trưởng ba chân bốn cẳng chạy ngay. Nhưng y tá công trường nào thấy... Chị ta đã tới lên huyện từ lúc hai giờ. Đám người chạy về lã chã mờ mờ, lắc đầu ngao ngán. Trong lúc đó, bố Thế đã xoa dầu cao lên hai thái dương, sống mũi, cổ họng và ngực cho người bệnh. Ly nằm trên tay bố, mắt nhắm nghiền, mắt đỏ như trái cà chua chín. Bố Thế nhìn không dứt hai mí mắt tím xanh, run giật từng hồi của cậu ta. Nghe nói y tá lên huyện rồi, bố lẳng lặng xốc Ly lên lưng, cõng chạy về phía đường nhựa. Ruộng lờn nhồn dất, bờ cao bờ thấp mấp mô. Bước chân bố Thế dúi lúc loạng choạng như muốn ngã. Dù sao, bố cũng đã bước tới tuổi già.

— Bố để tụi con khiêng cho... Bố không cõng được nữa đâu...

Lũ chúng tôi lếch thếch chạy theo, nài nỉ.

— Vồng đầu mà khiêng?... — bố quay lại nói. — Chúng mày quay lại làm kéo lốp vắng nhiều quá. Hai đứa đi theo bố.

Chẳng ai phân công nhưng tôi cùng lớp trưởng ra đi, còn mọi người trở lại công trường. Lớp trưởng nhiều tuổi nhất, chứng chạc nhất, lo toan việc lớn. Tôi bé nhưng lâu lĩnh, nhanh nhẹn, sẽ đóng vai đầu sai. Vả lại, xưa nay bố Thế vẫn có ý chiều tôi hơn mọi người tí chút, nên tôi đi theo bố cũng là lẽ thường tình.

Tới đường, may sao chúng tôi gặp một chiếc com-măng-ca của bộ đội. Thấy đứa bé ốm trên lưng một người đàn ông, các anh tự động dừng xe lại, đón chúng tôi lên bệnh viện.

Ở phòng cấp cứu của viện, người ta tiêm cho Ly ba ống thuốc liên, rồi cho nó thở bằng ống cao su dẫn tới một bình kim khí sáng choang, đồ sộ. Sau đó, họ đưa nó sang buồng khác, có sáu chiếc giường sắt nhỏ sơn trắng. Ly vẫn nóng như chiếc bánh mì trong lò, mắt nhắm nghiền, những đường gân xanh phập phồng trên cổ. Bồ Thề bảo chúng tôi:

— Thăng bé bị thương hàn. Trong hai đêm này, phải có một ở lại đêm nay với nó.

Lớp trưởng đáp:

— Thừa bố, con ạ.

Nhưng sau đó, anh im lặng ngay, gương mặt hiện rõ vẻ bối rối. Tôi biết nhà anh nghèo, và đêm đêm anh thường đóng gạch xi bán lấy thêm tiền giúp mẹ. Tôi nói:

— Anh về đi, em sẽ ngủ lại đây. Qua phố, báo cho mẹ em một tiếng nhé.

Lớp trưởng không trả lời, đứng tư lự. Bồ Thề gạt đầu, vuốt tóc tôi:

— Con Bê giỏi lắm.

Bố móc túi, rút ra chiếc ví da to phồng những giấy tờ, vét tất cả ngăn lớn, ngăn nhỏ mới được bốn đồng:

— Chiều nay ăn bánh chưng với phở thay cơm nhé. Mai bố sẽ liệu sau...

Đưa tiền cho tôi xong, bố và lớp trưởng ra về. Tôi đứng giữa sân bệnh viện, nhìn hút theo chiếc áo xi-ta bạc màu và dáng lù khù quen thuộc của người thầy cho tôi khi khuất hẳn. Rồi tôi quay vào phòng, ngồi cạnh Ly. Ly ngủ. Tôi nhìn quanh phòng. Năm giường khác đều có người. Nhưng họ đều ở trạng thái hôn mê hoặc tê liệt mọi hoạt động tinh thần khiến tôi rợn rợn. Mặt người nào người nấy nhợt như nắn bằng sáp, mắt nhắm nghiền hoặc mở thao láo nhưng bất động như

mắt cá chết. Tôi tưởng những ánh mắt vô hồn của họ như dính vào mắt tôi. Ánh mắt trắng đục của họ như những sợi dây vô hình trói chặt tôi vào nỗi sợ hãi. Bên ngoài căn phòng là một rừng cây tối om. Rồi xa hơn nữa là trái đồi đất đỏ. Trên trái đồi đó, những ngôi mộ nằm rải rác với những năm chân hương và tàn tro, những chiếc bát cắm hương nghiêng ngả và những vòng hoa ủa đen lại. Dưới chân đồi có một căn nhà nhỏ, quét vôi trắng toát. Đó là nhà xác của bệnh viện. Trong ánh chiều, tôi nhìn rõ hai người hộ lý mặc bờ-lu trắng đang khiêng một chiếc băng-ca phủ vải đi vào. Dưới làn vải, thò ra đôi chân vàng khè...

Càng ngồi lâu, càng nhìn những cảnh vật xung quanh nỗi sợ hãi trong tôi càng tăng lên. Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực. Mắt tôi căng ra nhìn. Lúc nào tôi cũng chờ đợi một cái xác gầy đét trên giường bỗng nhiên vùng dậy, túm chặt lấy tôi. Giá không vì Ly đang nằm đó, không vì nghĩ tới bố Thế và lời hứa danh dự của mình, tôi đã bỏ chạy. May sao, chừng hai mươi phút sau, cô y tá trực tới. Cô mồm mĩm, hồng hào khiến tôi cảm thấy như được sưởi lửa và nỗi sợ hãi cũng không khi lạnh lẽo trong phòng tan biến đi. Cô nhìn tôi:

— Sao cháu tái xanh đi thế, dói à?

Tôi khẽ gật đầu, không nói.

Cô lại bảo:

— Cô trông cho. Đi ăn kẻo tối sắp xuống bảy giờ.

Tôi cảm ơn cô, đi nhanh như chạy khỏi phòng. Bầu trời và không gian bên ngoài như một thế giới thần tiên sau nửa giờ ngồi trong căn phòng nong nặc mùi thuốc sát trùng và mùi người ốm. Tôi ra ngay cửa bệnh viện. Ở đây có một dãy quán bán cơm bình dân, phở, bún, bánh cuốn và các thứ bánh gói lá lắn hoa quả.

Cơm phở ở đây nổi tiếng bản và đắt. Tôi ăn hai chiếc bánh chưng. Hồi đó, năm hào một chiếc bánh chưng to bằng miệng bát cơm, nhân đậu xanh thịt nạc thịt mỡ lẫn hơi. Tôi ăn hai chiếc bánh xong đã no căng bụng. Mua thêm hai chiếc kẹo bột lớn nữa mới hết đồng mốt. Còn hai đồng chín, tôi giữ lại, vào bếp ăn bệnh viện uống nước nhờ. Nghĩ tới cảnh vào lại phòng bệnh nặng, tôi sờn gai ốc... Nhưng dầu sao, cũng không thể để Ly nằm đó một mình. Tôi thu hết can đảm, không nghĩ tới những cặp mắt trắng như mắt cá chết nhìn mình nữa, bước ào ào. Trong phòng, cô y tá trực béo tốt, hồng hào vẫn ngồi đan. Thấy cô, tôi sung sướng hơn cả khi thấy mẹ tôi về chợ. Tôi buông màn, rúc vào năm canh Ly rồi ngủ đi lúc nào không biết.

Sớm hôm sau, người đánh thức tôi không phải cô y tá má đỏ mà là một người đàn ông đeo kính gọng đồi mồi.

— Này, con búp bê nhà ai rơi vào phòng bệnh thế?

Ông hỏi. Bàn tay trắng nõn như tay thiếu nữ vuốt má tôi. Tôi ngồi dậy, ngơ ngác nhìn gương mặt nửa hiền, nửa nghiêm của ông.

— Châu lạc từ tủ kính nào đến đây vậy?

Người đàn ông đeo kính trắng nhúc nhai. Tôi giụi mắt cho tỉnh ngủ rồi trả lời ông rằng tôi là bạn cùng lớp với cậu bé đang nằm mê mết trên giường. Tôi đã nhận lời ở đây trông cậu ta trước thầy chủ nhiệm. Vì thế tôi phải thực hiện đúng điều đó...

— Ô, ô ô...

Người lạ — tôi đoán là ông bác sĩ kéo dài tiếng ở sinh gác rồi vỗ vai tôi:

— Có bé kỳ diệu... Khá lắm... Bằng tuổi cháu, giá có thuê vàng, chú cũng không dám ngủ qua đêm ở một phòng bệnh như thế này. Khá, khá thật...

Tôi nóng bừng mặt lên. Tôi không thích người ta khen ngợi tôi như thế, nhất là trước đám đông. Những người bệnh trong phòng giương mắt nhìn trừng trừng vào mặt tôi. Còn hai cô y tá đi theo ông bác sĩ thì cứ tủm tỉm cười. Tuy nhiên, về mặt ông ấy thật đôn hậu nên tôi không nỡ ác cảm. Ngược lại, tôi thích đôi mắt đen long lanh của ông sau cặp kính dày, những ngón tay hồng hồng sạch sẽ, và chiếc cổ áo sơ mi kẻ ô nhỏ lên trên cổ áo bờ-lu. Vì thế, sau khi khám bệnh và cho đơn thuốc, ông gọi tôi tới phòng ông chơi, tôi liền đi ngay.

Phòng ông ở cũng sạch sẽ như ông vậy. Tường quét vôi màu cảm thạch non, treo những bức tranh phong cảnh và dây vạn niên thanh lá lốm đốm trắng.

— Cháu ăn kẹo nhé. Khi nào trực đêm, chú phải có hộp kẹo trên bàn... Nào, ăn đi cô bé, đừng làm khách như người lớn thế, chẳng đúng điệu tí nào đâu...

Ông bác sĩ dốc những viên kẹo đủ màu sắc lên một chiếc đĩa sứ trắng trên bàn. Kẹo thật ngon. Bên trong lớp vỏ đường, ruột kẹo trong suốt, dẻo và thơm như mứt quất vậy. Ông bác sĩ ngồi đối diện với tôi, cũng nhón kẹo ăn ngon lành như tôi và uống nước chè từng ngụm nhỏ. Mắt ông rất sáng và tràn ngập niềm triu mến. Chúng tôi nói chuyện thật dễ chịu. Câu chuyện đang vui, tôi chợt nhớ tới Ly và ân hận đã để nó một mình. Biết đâu, khi tôi ngồi đây nó đã chẳng tỉnh cơn mê, thức dậy. Tôi bỏ rơi viên kẹo trên tay xuống đĩa:

— Cháu về đây.

Ông bác sĩ ngược mắt nhìn tôi, ngạc nhiên:

— Sao vậy?

— Cháu xin phép chú... Có thể bạn cháu thức dậy rồi.

Tôi giải thích và không kịp chờ ông đáp lại, chạy luôn. Ông bác sĩ đứng dậy đi theo tôi. Tôi chồ ngoặt, tôi còn thấy bàn tay trắng nõn của ông giờ lên:

— Chào cô bé...

Tiếng ông vang tới tận cuối hành lang, ấm và êm dịu. Sau này, tôi không bao giờ còn gặp lại ông. Nhưng tôi vẫn nhớ tới ông với một ấn tượng hoàn hảo. Và tôi cứ tin rằng, tất cả những bác sĩ thật sự trên đời đều có gương mặt đẹp, tâm hồn dịu dàng, đôi mắt đen long lanh sau kính và hai bàn tay thiếu nữ...

Tôi vừa bước vào phòng bệnh đã thấy Ly mở mắt theo dõi nhìn mình. Nó đã tỉnh. Chưa kịp hỏi han cậu bé thì một người đàn ông béo sồ sề như đàn bà chữa, đầu hói, tóc lưa thưa bước vào. Một tay ông ta cầm cuốn vở kê ô, tay kia cầm bút chì gõ gõ vào tấm bảng treo đầu giường Ly nằm:

— Giường số 6, bệnh nhân mới ăn gì?

Giọng ông ta cất cao. Tôi và Ly nhìn nhau.

— Ăn gì?

Ông ta nhắc lại, nghe khó chịu hơn. Ly thì thầm:

— Cháu... ăn cháo a...

— Ăn mấy ngày?

— Dạ...

Quả tình, chúng tôi cũng không hiểu phải báo ăn mấy ngày ở đây. Ông béo nhấn mặt gỗ cây bút chì cànhi cách mạnh hơn nữa:

— Ăn mấy ngày thì phải báo mau để tôi ghi sô.

Tôi đáp liền:

Ba ngày a.

Ba tám hai mươi tư. Mỗi ngày tám hạo, ba ngày hai đồng tư, nộp tiền mau.

Người đàn ông vừa nói vừa hí hoáy ghi những con số vào cuốn sô. Mặt Ly bỗng tái mét lại. Nó có đồng

xu nào trong túi đầu... Tôi vội vã mở kim băng, lấy tiền giao cho người quản lý. Ông ta rút ngay vào trong may-ô rồi đi ra. Lúc ấy, tôi mới ngồi lo. Gia tài còn vẹn vẹn năm hào. Cả tôi và Ly đều đói. Thắng bé nhin ăn nhin uống cả ngày qua, mà cháo viện thì tới mười giờ trưa mới có. Suy đi tính lại, tôi ra cửa bệnh viện mua cho Ly một túm chuối ba hào, mua cho mình một hào sắn luộc. Còn lại một hào, tôi giao cho Ly giữ.

— Ăn chuối rồi ngủ đi nhé. Từ ra đây này một chốc. Muốn tè, cúi xuống lấy bô. Đừng ra gió mà ngã chết.

Ly gật đầu ngoan ngoãn.

Tôi ăn sắn xong, hăm hở lên đường. Tôi đã nghĩ được kế rồi. Bệnh viện này nằm trên ngọn đồi, xung quanh là đồng lúa. Từ đây về thị trấn mười bảy cây số, về trường mười lăm cây số, nhưng tới chùa Đông Na chỉ hơn ba cây. Chùa Đông Na là nơi chúng tôi thường rủ nhau tới chơi ngày chủ nhật. Ở đó có một khu vườn um tùm, không biết cơ man nào là đồi. Ngoài ra còn hai cây khế ngọt, hơn một chục gốc na và hai chục cây đu đủ. Bà vải chùa ngoài bốn mươi tuổi, mặt tròn trặn, phúc hậu. Lần nào chúng tôi đến chơi, bà cũng thổi cơm cho chúng tôi ăn, hái quả chín cho chúng tôi đem về làm quà. Cơm của bà dẻo như bún, thơm phức. Chỉ ăn với tương, với dưa cũng thật là ngon. Mà miệng bà cười thì tươi ơi là tươi:

— Các cháu lên chơi vui quá. Mọi ngày quanh đi quanh lại chỉ có một mình. Ra quét sân chùa, vào nhặt hoa lan rụng, buồn như cháu căn...

Bà nói với chúng tôi như vậy, kèm theo một lời mời: « Hai tuần nữa lại lên đây chơi với bà, các cháu nhé... »

Về phần chúng tôi, mỗi lần lên chùa, chúng tôi đem theo những món quà vặt vặt: những cây nến thắp, vài bao hương sạ, một cuộn chỉ với bao kim khâu, những

bộ khay áo dài lẫn mấy chiếc cúc bấm, một lít dầu thắp đèn, một gói bánh... Bà vãi nhận những món quà đó với một nụ cười chân thật, khiến lũ tôi vui sướng lâng lâng. Và chúng tôi riu rít quanh vật áo nâu của bà, thấy gần gũi với tất cả những gì có trên trái đồi ấy: ngôi chùa nhỏ cũ kỹ, những bức tường loang lổ rêu, cái cánh cổng gỗ kêu cọt kẹt, khu vườn loang loáng ánh nắng chen bóng lá và những con chim nhảy nhót trên cành cao, thỉnh thoảng lại vắt đuôi là toẹt xuống, nhiều khi dùng vào đầu chúng tôi...

Hăm hồ lên đường, tôi vui sướng khi nghĩ tới ngôi chùa thân yêu sắp tới: «Minh sẽ ăn cơm chay với bà vãi. Rồi mình hái đem về cho Ly vài trái đu đủ chín. Nếu trong chum gạo có na rấm nữa thì tuyệt...»

Tôi đến chùa, vừa lúc trời nắng gắt. Mồ hôi thấm vào lưng áo, nhớp nháp. Hai cổng chùa mở toang nhưng không thấy bóng người. Tôi vào sân, cất tiếng gọi:

— Bà ơi, bà vãi ơi...

Tiếng gọi đập vào tường, ngân nga. Không có tiếng ai trả lời, ngoài một lũ chim kêu lịch lịch trên cành. Tôi vào nhà, lục khắp vườn cũng chẳng thấy bà vãi đâu. Trước cửa dãy nhà ngang, có hai nong bột phơi trắng xóa, một chum tương mới ngả đầy vãi mận và một túi tỏi treo trên dây song căng sát hàng hiên. Đã hơn ba tháng chúng tôi không lên chùa, kể từ ngày xảy ra vụ mất tích Dũng còm, rồi chuyển phiên lưu kỳ dị trên đảo Hoa Vàng mà dân thị trấn xôn xao bàn tán mãi... Tôi cất tiếng gọi thêm vài lượt nữa. Sau cùng, không còn hy vọng, tôi tìm hòn gạch viết lên sân chùa:

Cháu đến chơi nhưng bà đi vắng.

Cháu hái mấy quả đu đủ chín cho đừa bạn ốm.

Khí nào rồi, chúng cháu sẽ lên thăm bà.

Ký tên : Cháu Bè.

Bà vãi chùa biết đọc quốc ngữ. Bà sẽ hoàn toàn yên tâm rằng không phải trẻ chăn trâu hái trộm đu đủ trong vườn chùa. Tôi ngắm nghía, chọn mấy quả đu đủ chín nhất rồi treo lên hái. Đu đủ ở chùa đã già, thân nhỏ quắt nhưng cao lều đều. Phải bao gan lẫm mới treo nổi. Nếu run tay ngã xuống gạch thì chỉ ít cũng vỡ đầu hay què cẳng. Lâu không treo, thoát tiền cũng run. Nhưng khi đã lên lưng chừng, tôi vững dạ trở lại và hái được trái đu đủ tít ngọn cây một cách nhẹ nhàng. Xong xuôi, tôi thông thả tụt xuống. Chân tôi vừa chạm đất, có tiếng quật the the bèn tai:

— A, mày chết với ông... mày chết với ông...

Hai cổ tay tôi bị thít chặt trong gọng kim. Trước mặt tôi là một ông già mắt đục ngầu, đầu cao nhẵn, trán thấp và hai quai hàm bệnh ra dữ tợn. Tôi hoảng sợ lấp bắp:

— Ông ơi, cháu...

— Mày chạy đằng trời, ông bắt được quả tang nhé... Vào đây...

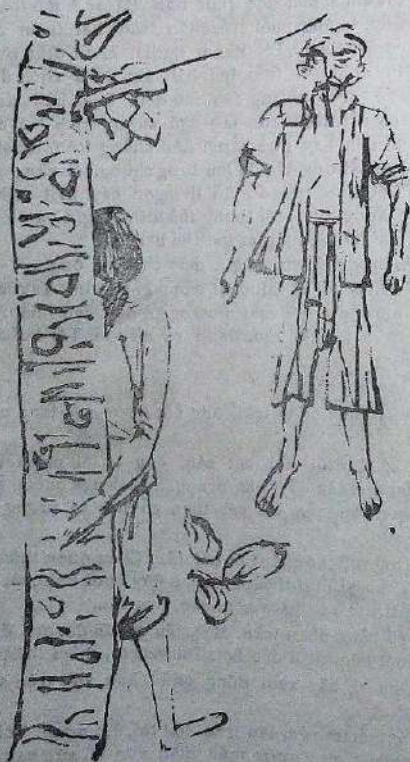
Không chờ tôi nói hết câu, ông ta lôi tuột tôi vào gian buồng dầu dầy nhà ngang, ầy tôi ngã chổng kình rồi đóng sập cửa cái cái then gỗ lim to tướng bên ngoài vào.

— Ông ơi, cho cháu nói hết đã... Cháu quen thân với bà vãi chùa, thỉnh thoảng lại lên đây chơi hái quả. Ông không tin ra sân gạch xem sao, ông ơi...

Tôi cố gắng phản trần. Mặc, lão già đã đặt quả đu đủ sang một bên, ngồi đảo bột. Tôi kêu to, thảm thiết:

— Ông ơi, hãy xem dòng chữ cháu viết trên sân... Ông ơi...

Nước mắt trào ra, lăn trên mặt tôi, ấm nóng. Tôi vừa liếm những giọt nước mặn mặn vừa cố sức van nài. Nhưng lão già kỳ quái vẫn bình thản ngồi đảo bột, như



cảm điếc. Tiếng khóc của tôi vang lên giữa các bức tường, rồi lắng dần trong không gian tĩnh mịch. Giờ này mẹ tôi đang dạy học, bố Thế chắc cũng lên lớp, và lũ bạn thân thiết ngồi trong căn phòng đầy ánh nắng nghe giảng bài... Không ai biết tôi bị cầm tù ở đây. Không ai nghe tiếng tôi khóc.

Bỗng có ai đó cào chân tôi. Tôi vùng dậy. Một con chuột to xù chạy xuôi chạy ngược bên người tôi lúc lạo. Sau rồi, nó dừng lại gặm lớp da dày dưới gót chân tôi một cách ngon lành. Tôi tung chân đá. Con chuột bay bổng lên, kêu chít một tiếng rồi rơi bộp xuống đất, biến ngay. Tôi định thần nhìn kỹ những viên gạch nhộp nhộp, mốc meo lát nhà. Khóc một quả, tôi đã gục xuống đó ngủ đi lúc nào không rõ. Gian buồng bốc lên mùi chua của men rượu hồng lẫn mùi ẩm ướt của những đám rêu bám dọc chân tường. Đã từ lâu không ai ở đây. Bà vải chùa xếp một chồng thùng mủng và đồ một đồng khoai sọ nơi góc nhà. Mỗi năm một lần, vào ngày lễ chính, người đi lễ từ các nơi xa tới đây thì căn phòng này mới được quét dọn, kê bục, trải chiếu cho họ nằm. Còn lại, nó chỉ là cái kho chứa đồ lặt vặt. Nhưng cái then gỗ lim bên ngoài thì chắc chắn tới mức không thể nào nghĩ tới chuyện vượt ngục được. Tôi ngồi, khoanh tay đặt lên gối, nhìn ra ngoài. Qua ô cửa sổ bố bằng cái tráp đựng trâu, tôi thấy một cánh di trắng ngà đang đưa trong ánh nắng. Chiều rồi. Chắc đã hơn ba giờ. Bụng tôi đói cồn cào, réo lên ùng ục. Tưởng như có bàn tay vô hình nào đó vặn thắt từng khúc ruột, khiến tôi đau quặn lên từng hồi. Nghĩ tới cái đói, lập tức cái đói như bị nhân trăm lần, hành hạ ta thậm tệ. Mồ hôi tôi vã ra ướt lạnh sau lưng, rồi mắt tôi hoa lên như có muôn ngàn con đom đóm đang nhảy múa. Cái dần bỗng nhiên nặng như hóa đá, đè trĩu lên căn cổ. Tôi trào nước mắt, bóp chặt bụng trong lúc đầu

óc vằn vơ mơ tưởng những bữa cơm ngon lành ở nhà... Trời ơi, sao bây giờ những bữa cơm thường nhật đó lại hiện về trong trí nhớ tôi, rõ ràng đến thế? Nào cá rô nướng dầm nước mắm tiên, nào canh cua khoai sọ rau rút, nào thịt kho củ dưa, nào cá quả om sốt cà chua... Lại còn đậu phụ luộc chấm mắm tôm, bánh đa vừng đường ăn lẫn chè kê, đậu đũa...

Ước gì có chiếc đĩa thần của một bà tiên phúc hậu ở đây! Chỉ cần gõ nhẹ vào tường, những món ăn ngon lành đó sẽ hiện về... Nhưng mơ màng mãi, cũng không có bà tiên nào xuất hiện. Đói quá, tôi đành ao ước một bát bún riêu của bà Tô béo hoặc vài củ khoai luộc. Bụng tôi không réo lên ừng ục nữa mà óc ách như nước suối chảy, rồi nó sôi âm ỉ như nồi cơm sắp cạn. Và sau cùng nó xẹp xuống một cách thảm hại, không còn dám kêu gào, đấu tranh nữa.

Trời đã tắt nắng. Lão già đi lại lục cọc ngoài sân. Lúc sau, mùi cơm chín thơm nức bay tới. À, ra lão thổi cơm. Mùi lúa mới làm tôi hình dung lại những bữa cơm ngon lành với bà vải chùa. Cứ nhắm mắt cũng thấy được vị đậu dầm tương, nồn khoai xào dầu lạc. Cơm dổi vừa dứt lại dấy lên cồn cào. Nhưng giờ tôi đã chịu được. Tôi lắng nghe tiếng lão già ăn cơm bên ngoài. Lão nhai thật to, chóp chép, choap choap như lợn tộp cám. Tôi không còn thấy sợ mà chỉ coi thường lão. Mặc dầu đang đói, nhưng già lão có đem cơm vào, tôi cũng sẽ quay mặt đi... Tôi nghĩ định ninh như vậy.

Đêm hôm đó, khi ánh đèn dầu bên ngoài tắt phụt và bóng tối mênh mông trùm lên trái đồi Đông Na cũng như căn phòng, hơi hám giam tôi, những ý nghĩ ghé rợn chợt ập tới:

— Lão già ác độc có bộ mặt ngu độn kia sẽ bỏ quên mình trong gian buồng này. Bà vải chùa Đông Na không về đây nữa. Và mình sẽ chết một cách thảm thương...

— Điều đó có thật không?

— Có chứ... Rất nhiều khả năng là nó sẽ xảy ra...

Tôi sẽ là dân trong căn phòng này, áo quần, da thịt đen xám lại. Từng dần chuột to xù sẽ từ hốc tường bò lên. Thoạt đầu, chúng gặm mười ngón chân tôi. Kế đó, đến mười ngón tay. Sau cùng là bộ lông và hai lá phổi... Vũ Thị Bé, con gái độc nhất của cô giáo Hạnh, trò yêu nhất của bố Thế, diễn viên xuất sắc trong các buổi biểu diễn văn nghệ và vận động viên số một về thể dục tự do lẫn cầu thăng bằng sẽ biến thành bộ xương trắng giống hoàn toàn bộ xương trong phòng thí nghiệm. Rồi tới kỳ nghỉ phép, bố tôi đem ba lô bước vào nhà:

— Con Bé của bố đâu? Bố đem cho con chiếc túi thổ cẩm với cái vuốt hổ đây này... Cả mặt ong và đào Sa Pa nữa...

Lúc đó, mẹ tôi từ buồng bước ra, khóc nức nở và nói:

— Còn đâu nữa anh! Con gái mình bị chuột gặm chết rồi. Bộ xương nó treo trong phòng thí nghiệm ấy...

Nghĩ tới đó, tôi khóc òa lên. Nức nở hồi lâu, tôi ngủ thiếp đi. Tới nửa đêm, chuột bò lên gặm sột soạt. Tôi quờ tay, đập lia lịa rồi lại ngủ. Được ít phút, đám chuột già tảo tợn lại kêu chít chít xong tới... Cứ thế cho tới khi trời sáng bạch. Mắt díp lại, đầu óc nặng trĩu, tôi ngồi dựa vào tường gả gật ngủ thêm. Chợt thấy tiếng then gỗ lạch cạch ở buồng bên. Rồi giọng bà vải chùa ngọt ngào vang tới:

— Mau tay lên hộ nào... Thúng đồ lễ nặng quá.

Tôi tỉnh ngủ hoàn toàn, giống tai lên nghe ngóng. Bà vải chùa vui vẻ nói tiếp:

— Ông nhẹ tay cho tôi kéo gậy hết chuỗi... Khiếp, đường xa ơi là xa... Ở nhà, ông có nhớ cho hai con sáo ăn không đấy?

Lão già đáp lại bằng một giọng cục cằn:

— Nhỏ.

Bà vải tiếp:

— Oản lộc đây, ông ăn buổi sớm cho tốt lành. Qua đêm, vỏ hơi khô nhưng xôi còn dẻo lắm.

Sau đó, có tiếng nón quạt lạch phạch. Rồi lão già nhai oản chóp chếp. Hồi lâu, lão thủng thủng nói:

— Ở nhà, tôi bắt được một con bé ăn' cắp đu đủ.

Bà vải chùa bình thân hỏi:

— Đu đủ đã chín rộ kia à?... Trễ chẵn trâu có thêm, chia cho chúng ít lộc. Vườn trước nhà chùa mà chặt chẽ sao được.

Lão già thủng thủng nói:

— Tôi giam vào rồi.

Bà vải hốt hoảng:

— Ông bảo sao cơ?

Lão già đáp:

— Tôi giam nó lại.

Bà vải kêu:

— Chết thật. Có quả đu đủ, sao ông nỡ giam con người ta? Nó ở đâu rồi?

Lão già ho một tiếng:

— Bấy...

Tiếng chân bà vải bước hối hả trên hàng hiên. Cái then gỗ kêu lách cách bên ngoài cánh cửa. Tội rừng mình, người nóng rần rật và nước mắt tự dưng trào ra đầm đìa hai má.

— Mô phật!... — bà vải kêu to rồi chạy vào. — Châu Bé đấy à? Khổ thân quá, ông ấy giam cháu từ bao giờ?...

Nỗi uất ức và căm giận dâng lên khiến tôi nghẹn họng. Tôi quay mặt vào tường. Bà vải chùa quay lại mắng lão già đứng sau lưng:

— Đứa bé thế này mà ông nỡ giam vào buồng tối. Ông là người hay quý thế? Ông không sợ bị ném vào vạc dầu hay sao?

Lão già đứng thẫn ra.

Bà vải chùa ôm vai tôi, khóc:

— Bà xin lỗi cháu nhé, bà xin cháu...

Vì bà khổ tâm thực sự nên tôi mỉm lòng. Tôi quay ra.

— Khốn khổ cho bà, bà xin cháu...

Bà vải nói, rút chiếc khăn nhuộm nâu trong túi lau nước mắt. Tôi nhìn bà, lòng trào lên nỗi xót xa: Vì sao một người dân bà dòn hậu nhường này lại phải chung sống với một lão già ngu dòn, độc ác nhường ấy? Ở đời, thật lắm chuyện trớ trêu. Tâm hồn thơ đại của tôi xao động và sửng sốt mãi vì điều đó.

Bà vải chùa khẩn khoản, dỗ dành mãi, tôi mới ăn chút oản và chuối cho bà yên tâm. Chờ tôi ăn xong, bà xếp nào oản, nào chuối, nào oản gói bọc giấy bóng kính xanh đỏ vào chiếc thùng con rồi cặp nách, đi theo tôi tới tận cửa bệnh viện mới quay về.

Mẹ tôi với bố Thế đón tôi ở phòng thường trực. Hai người nhón nhác vì sự vắng mặt của tôi đêm qua. Tôi kể lại câu chuyện đáng buồn ở chùa Đồng Na rồi đem oản, đem chuối vào cho Ly. Nó ăn hết ngay hai củ oản, mặt tươi tỉnh ra nhiều. Tôi hứa sẽ trở lại thăm nó rồi theo mẹ về thị trấn. Nhưng tôi đã không thực hiện được lời hứa với Ly vì tai ương đã bất chợt gieo xuống cuộc đời học sinh tươi sáng của tôi, giống như một cành cây gãy bống rụng rơi xuống đầu kẻ qua đường xấu số.

TẠI ƯƠNG KHÔNG BẢO TRƯỚC

Ngay tối hôm tôi từ bệnh viện trở về, Loan hai mắt sang bảo :

— Mẹ tờ bằng lòng cho lão cai Cấn bán nhà rồi.

Mặt nó buồn thiu. Tôi không còn cách nào hơn là rủ bạn đi chơi cho khuây khỏa. Chúng tôi mua hạt bí và ô mai cam thảo, vừa đi vừa ăn ô mai, cắn hạt bí, chẳng đứa nào nói một câu. Ngang qua nhà chị Bội, chúng tôi lại bắt gặp hai bóng người đứng nép dưới vòm lá tối om của cây bàng.

— Thừa thầy...

— Anh đã bảo rồi... Bội cứ gọi anh là anh Gia.

— Thừa thầy, em...

— Sao em nhất thế? Con gái thời nay phải mạnh dạn lên chứ!... Ôi, mái tóc em đẹp thật. Hệt như mái tóc nàng Pha-li-ma...

— Dạ, thừa thầy...

— Tay em cũng đẹp... Nhưng sao đầu ngón trở lại nháp thế này?

— Em vẫn phải thêu hàng cho mẹ nên kim đâm vào tay.

— Ô, hồng mắt ngón trở, phí quá... Nhưng chẳng sao. Tay em diêm bốn, tóc em diêm năm, cơ người em năm cộng, đôi mắt em năm trừ, còn môi...

Ông bố chị Bội ló đầu khỏi cửa, hắt toet chén nước thừa chút nữa thì vào cô gái rượu. Ông Gia im bất. Chúng tôi hăm nhau lùi lại. Nhưng rủi ro thay, chính vào lúc đó, ông giáo thề dục đã nhìn thấy chúng tôi. Trong giây phút, mắt ông dờ ra vì kinh ngạc. Rồi nó tối sầm lại tức giận. Hai đứa tôi đứng sững như trời trồng, sợ thót tim. Lúc sau hoàn hồn, chúng tôi cất

tiếng chào lí nhí rồi chuồn mất. Cặp mắt lơn của ông Gia chọc thẳng vào mắt chúng tôi như găm rít: « Hai con mắt dạy rình rập ta... Chúng mày sẽ biết tay... »

Sự hăm dọa toát ra từ ánh mắt hằn học của ông quá rõ ràng. Từ phút đó, nỗi kinh sợ bóp chặt lồng ngực tôi, khiến mỗi hơi thở cũng mệt nhọc, khó khăn hơn trước.

Gần tới nhà, Loan run run kéo áo tôi:

— Chết rồi... Làm sao bây giờ ?...

Tôi cố gắng làm bộ cứng cỏi:

— Mình có tội gì mà sợ !

Loan lắc đầu :

— Chẳng có tội gì cũng chết. Lão ấy thù tội mình...

Tôi gắt to :

— Cớ sợ ! Đứng ấy im đi...

Loan không dám nói nữa. Nhưng mặt nó chảy ướt như cục bột ướt.

Đêm hôm đó, tôi mơ thấy mình bị trói chặt vào một mồm đá dưới đáy biển. Những sợi dây thít chặt chân tay tôi đau rát. Nước xung quanh trong suốt, lạnh buốt xương. Một con cá ngỗng há cái mồm rộng ngoác lởm chởm hai hàm răng nhọn bời lừ lừ tới trước mặt tôi. Tôi nhìn rõ cái cổ họng đen ngòm, ghé rợn như miệng hang núi của nó nằm sâu trong hai hàm răng lấp lánh. Và con vật khủng khiếp đó cứ im lặng tiến về phía tôi, mỗi lúc một gần...

Sáng hôm sau, tôi dậy muộn. Con mơ dữ khiến người tôi mỏi nhừ. Không kịp ăn sáng, tôi hối hả chạy tới trường cho kịp giờ học. Tiết đầu tiên đúng là giờ thể dục, môn học trước đây vài tháng là niềm vui thú, còn hôm nay là nỗi kinh hoàng.

Yến sếu ghé vào tai tôi, thì thầm :

— Chuẩn bị tinh thần đi. Hôm nay mặt ông Gia hăm hăm trông kinh lâm. Lúc này ông ấy hét lớp trưởng : « Kiểm tra chạy. Cự ly một trăm và hai trăm mét ».

Tôi lặng im. Theo đúng chương trình, hôm nay là giờ tập nhảy ngựa. Một hồi còi rống riết rít lên. Ông giáo thề dục đi tới. Chúng tôi tập hợp thành hai hàng dọc trước mặt ông ta.

— Vòng tròn, khởi động.

Ông Gia ra lệnh. Bây giờ, ông không thuyết lý dài dòng như buổi đầu mà chỉ phát ra những mệnh lệnh cụt ngủn, thô bạo. Chúng tôi chạy vòng tròn dưới sự hướng dẫn của cán sự thề dục lớp. Ông giáo chấp tay sau mông, đứng nhìn. Cặp mắt gườm gườm của ông không hứa hẹn điều gì tốt lành hết. Chị Bội củi găm mặt xuống. Còn Loan hạt mít tái xanh không còn hạt máu. Tôi vừa chạy vừa đếm từ một tới một trăm để tự trấn an tinh thần.

— Ra đường lớn, chuẩn bị chạy !

Ông Gia đột ngột hét to. Rồi ông quay lưng đi trước chúng tôi, vừa đi vừa rút trong túi quần chiếc đồng hồ quả quýt. Đôi vai và cặp mông đầy ứ thịt của ông rung rinh.

Trên con đường cát đỏ mịn màng, đã có những vạch vôi kẻ sẵn. Cán sự thề dục xách những cặp bàn đạp ra đặt trước vạch xuất phát. Trục nhật đem quyền danh bạ lớp cho ông giáo. Và ông mở sổ ra lệnh :

— Bắt đầu.

Ngón tay to và dài của ông đặt lên cột số thứ tự :

— Vũ Thị Bè.

Theo văn chữ cái, bao giờ tôi cũng là học sinh đầu tiên được gọi tên trong các cuộc thi hoặc kiểm tra. Điều đó với tôi là việc bình thường. Nhưng lúc này, tim tôi bỗng đập vang dội trong lồng ngực như một cái

trống con. Tôi bước lên vách với xuất phát, người nóng
rần rật, Nguyễn Xuân Bảo. Phạm Thư Bình. Khang
Quốc Bình, Trần Thế Bình...

Ông Gia đọc tiếp. Cả năm đưa tôi giẫm chân lên bàn
đạp trước cặp mắt ngạc nhiên của mọi người. Trước đây
không bao giờ nam và nữ kiểm tra diện kinh chung.
Mức quy định cho nữ sinh bao giờ cũng nhẹ hơn.
Nhưng không ai dám hé răng hỏi.

— Chuẩn bị! Bắt đầu...

Ông Gia hô to. Lá cờ hiệu phất lên. Năm chúng tôi
lật bật lao về phía trước.

— Sai quy cách, chạy lại.

Ông giáo nói một cách lạnh lùng.

Chúng tôi quỳ gối, đặt chân lên bàn đạp, ngẩng đầu
hướng về phía trước theo đúng bài giảng.

— Chạy... Lại sai quy cách rồi. Lần thứ ba, làm lại đi...

Cả năm đưa thở hồng hộc quay lại vách xuất phát lần
nữa. Không ai bảo ai, chúng tôi liếc nhìn nhau kiểm
tra các tư thế và động tác. Tất cả đều chính xác và
hoàn hảo. Ông Gia gãi ngón tay trở lên mặt kính
đồng hồ:

— Tôi bấm giây đấy. Chuẩn bị chạy... Chạy!

Lá cờ hiệu vẫy lần thứ ba. Lần này, chúng tôi cố
gắng cho tới đích. Bí thư chỉ đoàn có đồng hồ đeo tay.
Anh bấm giây và kêu to:

— Hoan hô! Tất cả vượt tiêu chuẩn một giây rưỡi...
Thoát nợ rồi...

Tôi lau mồ hôi, thở hào hển. Nhưng ngay lúc đó,
tiếng ông giáo thể dục vang lên ở đầu đường:

— Vũ Thị Bé, sai quy cách, chạy lại.

Tôi sững người. Cả lớp ngơ ngác nhìn tôi, im phăng phắc. Người tôi nhẹ bẫng. Lúc lâu, tôi mới thốt lên được:

— Thưa thầy, em sai?

— Bàn chân sau đặt chưa đủ độ dốc bàn đạp, chạy lại.

Ông Gia đáp lại, lạnh tanh. Mọi người đứng xung quanh cúi mặt xuống. Rõ ràng đó là một nhận xét có tính moi móc, một lối trừ lợ liều. Tôi không còn sợ hãi nữa. Máu trào lên hai mang tai khiến mặt tôi nóng phừng phừng. Tôi cắn răng quỳ trước vạch xuất phát, cố sức thực hiện mọi động tác một cách hoàn hảo.

— Bắt đầu, chạy...

Lá cờ hiệu vẫy phía trước. Tôi lao người khỏi vạch vôi.

— Dừng lại... Tư thế chuẩn bị vẫn chưa được... Lần nữa...

Ông Gia gằn từng tiếng.

Tôi không nhìn vào bộ mặt to nung núc của ông giáo nữa, quay lại đứng trước vạch vôi.

— Chuẩn bị, chạy...

Mồ hôi tuôn trên người, tôi chạy như cái máy. Toàn thân căng thẳng tựa sợi dây đàn. Trước mắt tôi, mọi vật như nhòa hết. Từ lá cờ hiệu đỏ, cặp mắt rung rung của chị Bội lời những ngấn nước mắt óng ánh trên má Loan. Tất cả trôi trong sương mù. Hết giờ thể dục, tôi về lớp, gục xuống bàn và lên cơn sốt.

Không hiểu vì sao, bố Thế biết chuyện ngay. Bố đeo tôi về nhà:

— Chịu khó uống thuốc cho khỏi mà đi học con ạ. Sắp thi rồi.

Bố dặn tôi, về buồn bã.

Tôi trùm chăn lên đầu vì bỗng dưng rét run như giữa mùa đông. Rồi tôi chìm dần vào một giấc ngủ mê mết.

Nhưng lúc đang chấp chớn, tôi còn nghe rất rõ tiếng càn cạch vang xa dần. Đó là tiếng mảnh nhôm gác-đơ-bu ở xe bố Thế bị rách làm đôi, đập vào nhau. Tiếng động đó quá quen thuộc. Có lần tôi nói:

— Bố ơi, xe của bố là bà lão gãy răng.

Bố Thế cười hiền lành, đáp:

— Thì bố cũng là ông lão gãy răng chứ trẻ trung gì?

— Đúng là răng của bố sứt một chiếc thật.

Tôi nghỉ mất năm hôm. Thứ ba tuần sau tôi mới đi học được. Tụi bạn reo hò mừng rỡ. Không đứa nào nhắc tới chuyện giờ kiểm tra chạy cho tôi quên đi. Nhưng lúc ra chơi, Yến sếu bỗng kéo tôi ra hành lang thì thào:

— Hôm qua tớ thấy ông Gia đeo chị Bội lên công viên.

Tôi nhìn chị Bội. Chị hỏi han tôi với vẻ ngượng ngùng. Tôi bảo Yến:

— Im ngay. Nếu lộ chuyện, đảng ấy sẽ khổn khổ như tớ thôi.

Yến sếu sợ, im tắp lự.

Ly cũng đã đi học lại. Nó đem cho tôi một gói bánh đậu Hải Dương to tướng. Dì ruột của Ly vừa ghé thăm nó chiều qua. Những ngày học nối tiếp nhau trôi qua. Tôi mãi miết chép và làm những bài tập trong các ngày nghỉ ốm nên hận rộn quên đi mọi sự. Tôi thư bảy, buổi học cuối trong tuần, chúng tôi bỗng có giờ nghỉ. Bố Thế nhận được điện từ quê báo tin mẹ ốm đã về từ trưa qua. Tụi bạn rủ nhau xuống sân đá bóng. Riêng tôi, tôi mãi ốm dậy nên không tham gia. Tôi thơ thẩn trèo lên nóc bể đựng nước chơi. Tôi chưa nói với các bạn rằng trường tôi học là một ngôi nhà hai tầng trên ngọn đồi. Đầu nhà, có một bể xi-măng lớn. Bể đào chìm trong lòng đất, chỉ nhô phần thân trên chừng một thước tấc. Thành và nắp bể rất dày, xi-măng láng bóng.

Mùa mưa, hai ống máng dài chạy dọc mái trường hứng nước tuôn vào bể xối xả. Khi bể cạn, chúng tôi thường thả đầu vào trong hết lên và nghe tiếng dội lại âm u ghê rợn như tiếng con quỷ ngồi trong lòng đất. Dạo ấy bể lưng lưng nước nên ông bảo vệ đóng chặt hai chiếc nắp lại. Chúng tôi tha hồ chạy nhảy trên bể, ngồi truy bài hoặc chơi ô. Từ bể có con đường nhỏ dẫn tới nhà vệ sinh. Hai bên đường, vườn bạch đàn liễu tươi tốt rủ lá xuống. Khi leo lên nóc bể, tôi chợt thấy một bóng người mặc quần áo trắng đi giữa lối mòn qua vườn bạch đàn ấy. Ngay tức khắc, mặt tôi nóng bừng lên. Hình ảnh con đường kẻ vạch vôi, cặp bàn đập bằng sắt và lá cờ hiệu phất phất hiện lên ngay trước mắt. Một ý nghĩ như tia chớp vụt qua. Rồi ý nghĩ đó xâm chiếm tôi không kịp dẫn đo gi. Tôi nhìn quanh. Không một bóng người. Cả lớp dồn xuống sân bóng hết. Chỉ một mình tôi đứng trên nóc bể và nhìn thấy ông Gia vào nhà vệ sinh. Nhà vệ sinh của trường gồm bốn ngăn buồng nhỏ xây gạch, nóc đổ bê-tông kiên cố. Phía trước có bức tường che cao vượt đầu người lấp cả dãy cánh cửa gỗ phía trong. Các cánh cửa đều bằng gỗ lim dày, che kín từ bức thềm tới mái, không hở tiện hở đầu hở đuôi như các nơi khác. Bởi thế người ngồi bên trong không thể nào nhìn thấy người đứng bên ngoài. Tôi tính toán lại lần nữa, rồi tôi đóng bàn ghế hồng chờ chữa của trường, chắt gần bể nước dưới một mái tôn che tạm. Tôi vác chiếc ghế băng cụt chân, dày và nặng. Đi theo lối mòn giữa vườn bạch đàn, tôi đem xuống nhà vệ sinh, chống lên cánh cửa đang đóng kín mít, còn đầu kia gối lên bức tường che phía trước. Có lẽ hai người đàn ông lực lưỡng hề nhau cũng không du đẩy bức tường kiên cố đó.

Tôi lên lớp lấy cặp. Tui bạn đang xem đá bóng dưới sân gọi ơi ơi:

— Bé ơi, làm gì về sớm thế? Xuống đây xem một tầng.

Tôi đáp:

— Một lát. Tôi về đây... Các đồng ấy có về, chờ đợi.

Một vài đứa lác đác bỏ cuộc về theo tôi. Rồi cả lớp bỏ về hết. Sân trường vắng tanh.

Chiều thứ bảy là buổi chiều duy nhất trong tuần tôi được đi chơi tự do. Ăn xong, tôi chuẩn sang nhà Loan ngay. Có bạn báo tin:

— Ngày mai mẹ tớ cưới rồi.

Tôi thương Loan quá. Gọi một người tốt là bố thì không sao. Nhưng gọi cai Cấn là bố thì khổ thật. Tôi bảo bạn:

— Ra đảo chơi.

Loan lặng lẽ gật đầu. Với nò, đi đâu bây giờ cũng vui hơn ngồi nhà nhìn cai Cấn nhe răng vàng ra cười cợt.

Chúng tôi ra sông. Chiếc thuyền tôn của bà An Lạc đã buộc sẵn ở cây cọc. Trên thuyền vương vãi vài sợi rong xanh và mấy cánh bèo giập nát. Bà đã đi lấy rau lợn rồi và chúng tôi có thể yên trí rong chơi. Loan ngồi đằng hoàng rồi, tôi thông thả đẩy thuyền ra rồi nhảy lên, chèo. Nắng chiều nhẹ nhẹ phủ lên dòng nước lấp lánh ánh sáng tươi tắn, lộng lẫy. Bầu trời vàng rực nhưng êm dịu vì những cơn gió dầm nước bay từ đầm sen bắt ngát bên kia sông tràn tới, mang theo mùi thơm trong suốt thanh cao. Những cây cỏ trùng ếch rạp rờn bên mé cát.

— Trời đẹp quá.

Tôi thốt kêu lên, lòng nhẹ lâng lâng.

Loan thở dài:

— Minh chán lắm, ngày mai phải về ở nhà cai Cấn rồi.

Tôi chợt nghĩ, đúng thế thật. Ngày mai cai Cấn cưới cô Lưu. Cô sẽ giao nhà cho chủ mới và theo lão về căn nhà có sáu buồng. Hẳn mẹ con cô sẽ phải ở căn nhà ngang phía dưới mà lão vừa thuê thợ quét vôi, sửa sang lại. Mấy đứa con trai ghê gớm của lão sẽ không đời nào chịu nhường ngôi nhà trên cho người khác. Dân thị trấn đã bán tán ba bốn tuần lễ nay. Họ chờ đợi cai Cấn đổi xử với mẹ con cô Lưu ra sao. Một khi lão đã nắm hết vàng lẫn tiền bán nhà trong tay.

Tôi bảo:

— Buồn làm quái gì? Nếu lão giở mặt thì sang nhà tớ ở.

Loan lặng im nhìn những gợn sóng dưới mạn thuyền.

Chúng tôi lên đảo Hoa Vàng, kiểm tra lại kho tàng. Mọi thứ nguyên vẹn, riêng khoai nghệ lác đác nảy mầm. Sợ dề lâu khoai xối nên chúng tôi dỡ xuống thuyền, đem về nhà. Trước khi chèo thuyền về, tôi rủ Loan sang nhà thắng bé chup cá chơi nhưng cô bận từ chối. Chúng tôi trở lại thị trấn vào lúc sao Hôm vừa mọc nơi chân trời phía tây, long lanh như hạt nước lớn. Những hàng phượng vĩ hừng rạng chiều hóa thành màn vàng rơm, trông xa như phủ lớp bụi kim nhũ. Lũ trẻ nhỏ ủa ra hè phố, chạy nhảy, la hét. Và mấy ông già lững thững dạo chơi giữa bọn chúng về thung dung.

Tối hôm đó Loan ăn cơm với tôi rồi ngủ lại luôn.

Sớm hôm sau, chủ nhật, mẹ tôi bảo hai đứa:

— Dẫu sao hôm nay cũng là ngày vui của mẹ, cháu nên về. Còn Bê, con mang đồ mừng sang cho cô Lưu và nói rằng mẹ xin phép ở nhà vì có việc bận.

Mẹ đưa cho tôi một mảnh lụa hoa dâu trắng, gói trong giấy mỏng. Hai đứa tôi vâng lời ra đi. Tôi chẳng cần mở tả lại cái đám cưới trở trêu đó cho các bạn phiền lòng. Đám cưới gì mà cô dâu ra ngoài phòng tiếp khách thì cười, vào buồng trong lại khóc nức nở như mẹ chết. Chỉ cai Cấn là liên tục nhe hàm răng vàng ra cười hi hi, hơ hơ một cách khả ố, vô duyên. Khi tôi và Loan tới, cô Lưu vội vã gọi chúng tôi vào buồng. Tay cầm món quà tặng của mẹ tôi, tay ôm con gái vào lòng, cô khóc tức tưởi như đứa trẻ bị đòn oan, nước mắt rơi xuống đầu Loan lã chã. Loan cũng sụt sịt khóc theo. Và tôi, cầm lòng không nổi, khóc theo nốt. Mấy bà phả dâu vào gọi cô Lưu rồi rít. Cô lau nước mắt, ra ngoài. Tôi dắt Loan chuẩn về nhà, ăn cơm. Ngày cưới của cô đối với chúng tôi là như vậy.

Sớm hôm sau, thứ hai, tôi với Loan cặp sách tới trường. Dọc đường, tôi nhớ lại việc làm của mình ngày thứ bảy, vừa lo vừa há hê trong dạ. Tôi lộp, tôi nghe ngóng xem có ai bàn tán về việc ông Gia bị nhốt trong khu nhà vệ sinh không.

Nửa giờ sau, tin ông Gia bị nhốt trong nhà tiên hôm thứ bảy lan khắp trường. Đám học sinh nhỏ thì thăm, mắt to mắt bé. Những anh chị khối chín, khối mười thì cười ha hả, vui vẻ đùa cợt không giấu giếm:

— Hề quá nhỉ... Thằng nhóc nào nghĩ ra cái trò ấy cũng hay. Ngồi trong nhà xí tha hồ cho thầy Gia suy tư nhé.

—Ừ, thừa thời gian nghĩ cách tán tỉnh các em nữ sinh khau kháu.

—Lớp nào lão cũng chồm một cô. Học sinh thắc mắc, bép xép là lão trù cho khôn khéo. Các cậu biết chuyện thằng Xít 9B không?

—Có nghe loáng thoáng. Cậu kể lại đầu đuôi cho rõ.

—Thằng này vốn nghịch ngợm nhưng lại rất lễ độ với các thầy cô. Tuy nhiên, lão Gia này thì chẳng đáng là thầy. Tuần trước tập nhảy ngựa, lão vờ vĩnh kiếm cớ ôm lưng con Bích. Bích mắt ngọc thạch ấy mà. Thằng Xít bưng miệng không được, cười phá lên. Lão Gia bẽ mặt, cáu lăm. Giờ sau lão kiếm cớ bắt thằng bé nhảy ngựa suốt nửa tiết học dưới trời nắng chang chang.. Ha ha, cái trò này chắc cậu Xít nghĩ ra để trả hận đây.. Ha h~ ha... Đáng lăm...

Lời bàn tán, người đi lại rộn rịp, ầm ĩ ngoài hành lang. Tôi rút lui vào lớp, ngồi xuống ghế. Yển sếu tôi bên cạnh:

—Bê, mày có biết thằng Xít không?

—Biết.

—Thằng ấy trông thế mà ghê thật. Liệu cậu cả có bị đuổi học không nhỉ?

Tôi quay mặt, đáp dửng dưng:

—Biết đầu đấy...

Tuy nói vậy, đầu tôi nóng bừng lên: câu chuyện đã xoay sang hướng khác. Trước đây, tôi hồi hộp chờ phút người ta tìm được thủ phạm, và chuẩn bị tư thế giờ lưng ra chịu đòn. Giờ, bỗng nhiên một kẻ khác phải hứng chịu thay tôi. Một cậu học sinh vô tội. Nỗi lo sợ bay mất, thay vào đó là nỗi hồ thẹn và buồn bã. Tôi cảm thấy nhục nhã như mình là một tên móc túi mà đang tâm nhìn người khác bị công tay dân vào trại giam.

Trống trường điểm thùng thùng. Tiết học thứ năm kết thúc. Từ các lớp, học sinh đổ ra ào ào. Tôi đi lẫn vào dòng người đông đúc, mặt cúi gằm, trán vã mồ hôi. Qua văn phòng, tôi liếc mắt nhìn. Ở gian chính, bốn bề cửa mở toang, một cậu học trò mặc quần xanh, áo trắng ngồi đối diện với bà hiệu trưởng. Ở giữa là chiếc bàn có quả cầu nhựa màu xanh. Cậu học trò nói vài câu rồi đưa tay áo lau nước mắt. Mặt bà hiệu trưởng lạnh như nước đá, không hề máy động. Đôi mắt bà mở rộng sau cặp kính. Còn gương mặt cậu kia thì tái nhợt đi...

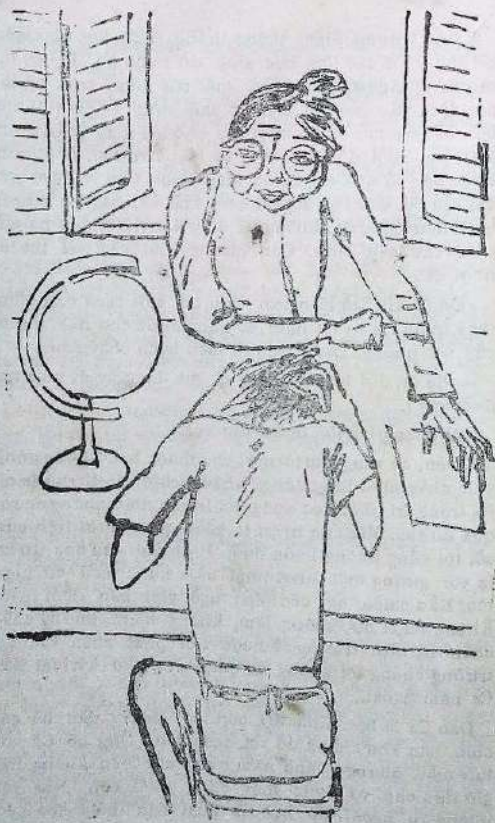
«Đó là Xít. Đó là người chịu tội một cách oan uổng thay mình...» — tôi nghĩ, cố gắng bước cho nhanh qua cửa văn phòng. Loan hạt mít lạch bạch chạy sau:

— Bê ơi, đợi tớ với! Làm gì mà dặng ấy đi như ma đuổi vậy?...

Tôi không trả lời, bước vùn vụt.

Chiều, cố gắng lắm tôi mới học thuộc bài. Những dòng chữ nhảy nhót lung tung, không chịu sắp thành hàng lối trong trí nhớ. Học xong, tôi lơ lảo nhìn những người qua đường. Một con nhện to kình giăng lưới trên cửa sổ, tôi cũng không buồn đuổi. Hình ảnh cậu học trò xa lạ với gương mặt nhợt nhạt đầm nước mắt cứ hiện lên. Hân chiều nay cậu phải ngồi viết bản kiểm thảo. Không tham dự, không làm, không biết... nhưng chắc chắn bà hiệu trưởng sẽ buộc cậu phải nhận lỗi. Cả trường chúng tôi không ai quên được vụ kỷ luật Đào Ca năm ngoái...:

Đào Ca là học sinh 8D, con một người đàn bà gầy còm, bán kim chỉ và đồ vật ngoài chợ. Ông bố Ca làm thợ mộc, nhưng quanh năm rượu chè nên không bao giờ đưa cho vợ được một đồng nuôi con. Nhà sáu miệng ăn, ngoài giờ học Ca phải bán thêm kẹo kéo.



Mặt mũi cậu ta lúc nào cũng ủ ẻ, cau có. Bỗng nhiên, trường bị mất năm cân đườngchuân bị cho hội thi văn nghệ. Không hiểu người nào đó xướng lên rằng thủ phạm chỉ có Đào Ca, vì hoàn cảnh khó khăn, vì chính bản thân cậu thường phải tìm mua đường trắng ở các hàng về nấu kẹo. Ý kiến đó lọt vào tai bà hiệu trưởng. Bà vốn nổi tiếng về sự sắt đá. Bà tin là thật. Bà quyết bắt Ca phải nhận lỗi. Cậu phải viết đi viết lại một trăm hai mươi hai bản kiểm điểm, từ chỗ không biết gì tới chỗ hoàn toàn nhận lỗi và miêu tả cụ thể, ngày giờ, cách thức lấy trộm năm cân đường. Hơn ba tuần ngồi viết kiểm thảo, Đào Ca dờ dẩn như kẻ mắc chứng tâm thần. Sau khi nhận tội, cậu được hưởng một kỷ luật khoan hồng của bà là cảnh cáo ghi lý lịch và lưu ban. Nhưng Đào Ca không đủ sức theo học nữa. Cậu nghỉ luôn và trở nên ngờ nghệch như mắc chứng tâm thần thật sự. Đào Ca nghỉ học được một tháng, công an tới trường báo đã phát hiện ra kẻ trộm. Đó là gã con trai lớn của ông bảo vệ trường, hai mươi lăm tuổi, làm nghề đeo đá đóng cối xay và bia mộ. Gã làm thợ thì tồi nhưng xoay vật rất giỏi. Nhờ những vụ trộm liên tục, công an mới tóm được gã một cách đột ngột, tường tận, không thể chối cãi...

Mọi người thương xót Đào Ca. Duy chỉ bà hiệu trưởng là tỏ ra không xao động. Mặt bà lúc nào cũng uy nghiêm, lạnh lùng. Một gương mặt như chạm bằng đá rắn. Lúc đó tôi đã nghĩ rằng những người đàn bà ham quyền lực còn khắc nghiệt hơn cả đàn ông. Tôi rờn rợn khi gặp mặt bà. Điều đó sau này trong cuộc đời tôi thấy hoàn toàn đúng.

Trở lại sự việc của mình, nỗi day dứt giày vò tâm trí tôi. Bà hiệu trưởng sẽ nhất quyết bắt Xít nhận lỗi, dù phải viết tới năm trăm bản kiểm thảo. Trước đây

bà đã chẳng bắt Đào Ca từ không đến có đó là gì?... Xít sẽ không thù nào chống đỡ. Sẽ không ai an ủi, dịu dặt được cậu trong cơn tai biến này. Sẽ không ai cứu cho cậu thoát khỏi vòng oan nghiệt...

— Minh phải làm việc ấy. Minh phải đứng lên nhận hình phạt.

Tôi tự bảo mình. Nhưng cặp mắt bà hiệu trưởng hiện lên sau lớp kính trắng, lạnh lùng và nghiệt ngã. Đừng hy vọng một sự khoan dung nào ở bà. Bà sinh ra đời là để trừng phạt và chỉ thế thôi. Những học sinh khối mười đã nhiều lần bàn tán về bà như vậy. Nhận tội, tôi sẽ bị đuổi học tức khắc. Trời ơi, con cô giáo Hạnh mà bị đuổi học sao? Mẹ tôi sẽ nói năng với bạn bè đồng nghiệp thế nào?...

Còn Xít bị đuổi học, mẹ cậu ta sẽ khó mà sống nổi. Bà ấy gầy như que củi, suốt ngày ngồi đan sau chiếc tủ kính đựng len, những sợi gân xanh nổi như cọng rau muống trên làn da trắng bệch vì thiếu máu. Bà góa chồng từ năm ba mươi lăm tuổi, ở vậy nuôi Xít và mắc bệnh đau tim đã sáu bảy năm nay. Tôi nữ nào để một người mẹ yếu đuối như vậy đau khổ?

Nhưng Xít chỉ là một học sinh bình thường. Còn mình là người được cả trường biết tên biết tuổi. Nào là học sinh xuất sắc, diễn viên kịch trừ danh, vận động viên thể dục mềm dẻo số một... Bao nhiêu là vinh quang. Tất cả sẽ rơi rụng hết một khi tôi đứng trước văn phòng, nghe bà hiệu trưởng tuyên án...

Đầu óc quay cuồng, tôi mở tung cửa chạy ra hè phố.

Lúc đó khoảng bốn giờ chiều, nắng đã nhạt. Một đoàn xe ngựa chạy qua đường. Những chiếc chuông rung reng reng. Từng con ngựa bụi bặm, một mồi lắc bồm diều qua mắt túi nhóc, nửa như phớt lờ, nửa như trên chọc. Lũ trẻ reo hò, đuổi theo chúng tới tận ngã ba đường. Trên hè phố trơ lại hai đứa bé. Một thằng to

béo má đỏ, trông nhanh nhẹn. Thắng kia thấp nhỏ, yếu đuối hơn. Hai đứa bị đám trẻ lớn gạt lại nên đành đứng trông theo đoàn xe ngựa. Mặt chúng³ tần ngần một cách tội nghiệp. Lát sau thắng bé to béo rũ hạc chơi bì. Chúng cởi hai chiếc cặp da có quai đeo, đặt vào gốc cây côm ngụi, rút phần trong túi quần về lờ rờ bắt đầu hân bì. Lát sau, thắng lớn ăn gian, dứt viên bì thủy tinh mới tinh có mùi khế xanh đỏ vàng của hạc cho vào túi. Rồi nó xách cặp chạy về nhà. Thắng bé bị mất oan viên bì không dám chạy theo đòi. Nó đứng yên lặng nhìn theo kẻ cướp giât kia, nước mắt ứa qua bờ mi, lăn hối hã trên gò má. Cặp mắt thắng nhỏ xanh trong, trông đen màu nâu có những rạch sáng. Những giọt nước mắt của nó cũng trong suốt như thủy tinh. Tôi đến gần đỡ:

— Nín đi em, nín đi...

Thắng bé ngược cặp mắt trong veo nhìn tôi. Và ngay lúc đó, nỗi hồ thẹn khiến miệng tôi dặng nghẹn lại. Tôi có khác gì thắng bé lừa đảo kia. Tôi cũng gạt tội lỗi cho kẻ khác mà kiếm phần hơn cho mình. Tôi không dám hỏi hạc thắng bé nữa, bỏ vào nhà.

Loan hạt mít cũng vừa sang:

— Đắng ấy ồm à? Sao xanh tái như tàu là thế?

Tôi gượng gạo đáp:

— Ừ, chóng mặt...

— Thôi, đúng rồi. Đắng ấy bị cảm gió. Năm nay trời độc lắm, người già con trẻ ốm la liệt ra.

Loan bắt tôi nằm xuống giường để nó xoa dầu đánh gió. Tôi mặc cho nó làm vì chính tôi cũng thấy bải hoải như ốm thật. Vừa làm, Loan vừa nói lem lém:

— Tớ vừa gặp ông Gia xong.

— Ở đâu ?

— Hiệu phở. Mặt ông ấy to ơi là to. Tôi sợ không dám mua phở, phải vác bát vào chợ mua cháo lòng cho mẹ tôi.

— Sợ gì ?

— Sợ chứ. Nghe Yến sêu bảo ông ấy đã tuyên bố trước hội đồng giáo viên là không tìm được đứa nào nhốt ông ấy vào nhà xi và đuổi học thì ông ấy sẽ nghỉ dạy.

— Nghỉ thì đã có người khác. Thiếu gì giáo viên thế dục.

— Nhưng ông ấy lại là em chồng bà hiệu trưởng. Anh rề Yến sêu làm trên Ty giáo dục nói rằng ông Gia bị kỷ luật ở trường cũ phải dời đi Lao Cai nhưng bà Vinh xin về đây. Bà ấy mạnh cánh lắm. Hiệu trưởng trường nào cũng phải sợ.

Tôi lặng im. Dẫu sao, tôi cũng đã quyết định rồi. Và dù tại trường có khủng khiếp đến đâu thì tôi cũng không thay đổi ý nghĩ.

Sớm hôm sau, tôi tới trường. Bố Thế ở dưới quê vừa lên. Bố đem cho chúng tôi một gói quýt và khoai lang luộc. Cả lớp xúm xít vây quanh :

— Bố ơi, bà khỏe chưa hả bố ?

— Khỏe rồi. Trường cụ chết. Nhờ chăm cứu với mấy chén thuốc bắc, cụ lại hồi.

— Có con khỏe không ạ ?

— Cây táo vườn sau còn quả không bố ?

— Luống khoai dong riêng đỡ hết chưa mà bố không đem lên đây luộc ?...

Bố Thế tươi cười trả lời lần lượt những câu hỏi. Rồi bố ngạc nhiên nhìn tôi :

— Con Bê làm sao thế ? Mọi ngày mồm mép như tép nhảy cơ mà ?

Loan nhanh nhẹn đáp:

— Thưa bố, Bê ốm từ chiều qua.

Bố Thế đặt bàn tay thô nháp lên trán tôi:

— Ô, trán hơi nóng mất rồi. Mày đã uống thuốc gì chưa?

Bố nhìn vào mắt tôi, hỏi. Bao giờ bố cũng chỉ có một kiểu nhìn như vậy: trung thực và tin cậy.

Tôi nghĩ bụng: Với một con người như bố, chỉ có quỷ sứ mới có thể dối trá được. Cảm giác kinh hãi thoáng lướt qua như cơn gió lạnh khiến tôi bất giác rùng mình. Rồi tôi thu hết can đảm ngẩng lên, nhìn vào mắt bố và nói:

Bố về phòng đi... Con có chuyện này...

Có lẽ thầy chủ nhiệm của tôi cũng đã đoán được đôi phần điều hệ trọng sau câu nói của tôi. Bố Thế không cười nữa, đặt tay tôi đi dọc hành lang trở về phòng. Đám bạn trong lớp ngo ngác nhìn theo.

Khi bố Thế vừa mở cánh cửa, dẫn tôi tới ghế ngồi thì tôi bỗng bật lên khóc. Những cơn nấc dữ dội như những làn sóng bị dồn nén từ lâu trong mạch nước theo nhau trào ra, ào ạt xối xả khiến tôi mù mắt cả người. Tôi khóc như đứa trẻ bị đòn oan, ngây ngất không chú ý tới mọi vật quanh mình. Cổ họng khản đặc. Mắt sưng húp lên. Hai ống tay áo và khoanh bàn tay tôi tì lên ướt đầm đìa. Chưa bao giờ tôi khóc như hôm ấy. Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trên giường bố Thế, chiếc chăn hoa mông đấp tới tận cằm. Giường bên kia, thầy Bách ngáy khò khò. Bố Thế ngồi chằm chằm ở bàn. Góc bàn, một chiếc lồng bàn nhỏ đầy phần cơm. Thấy tôi ngồi dậy, bố quay lại bảo:

— Dậy súc miệng rồi ăn cơm kéo dài là bảy giờ.

Tôi trả lời:

— Thưa bố, vâng.

Nhưng tôi hoàn toàn không thấy đối. Giờ này chắc mẹ tôi đã đi dạy học rồi. Hôm nào tôi về muộn, mẹ cũng dễ phần cơm tôi như thế này.

Bố Thế pha một cốc nước chè nóng với đường cho tôi uống rồi gạt chõng bái kiểm tra sang bên, ngồi đối diện với tôi.

— Lúc ngủ, mày nói mê loạn xạ... Bố phải đắp khăn ướt trùm lên trán mới thôi. Nào, sự việc ra sao, kể cho bố biết.

Tôi bắt đầu kể hết mọi chuyện: từ chuyện tôi và Loan thấy ông Gia tán tỉnh chị Bội tới giờ chạy kiểm tra tôi bị tru. Cuối cùng là sự việc sáng thứ bảy tuần trước, khi lòng căm tức đã xui khiến tôi có hành động đại dột.

Tôi kể xong, bố đứng dậy:

— Giờ bố con ta xuống văn phòng minh oan cho cậu Xít. Rồi mọi chuyện sẽ tính sau.

Chúng tôi xuống văn phòng. Quả nhiên, Xít đang ngồi ảo não trước tờ giấy trắng. Trông cậu ta thiếu ngủ. Đường gân xanh nổi phập phồng bên thái dương. Sau tấm bàn, bà hiệu trưởng đang ghi chép gì đó lên cuốn sổ tay học đa lớn bằng cuốn sách vỡ lòng. Không khí lặng lẽ đến mức nghe rõ tiếng một đũa kéo kẹt trong chân bàn. Hai thầy trò tôi bước vào. Bà hiệu trưởng không ngẩng lên, cất tiếng hỏi:

— Có việc gì thế anh?

Bố Thế đáp:

— Tôi muốn nói với chị chút việc riêng.

Bà hiệu trưởng ngược mắt nhìn. Đôi mắt lạnh và sắc của bà khiến tôi run rẩy. Bố Thế biết tôi sợ, quay lại nói:

— Con ra ngoài sân chơi. Lát nữa bố gọi.

Tôi chào bà hiệu trưởng, chạy ra ngoài. Chẳng năm phút sau, Xít ra theo. Cậu ta rón rén lại gần gốc cây phượng, nơi tôi đang ngồi:

— Này, bạn đã nhốt lão Gia đấy à?

Cậu ta cất tiếng hỏi, vừa rút rè vừa hồ nghi.

Tôi gật đầu, không đáp.

Xít đi vòng quanh, vẫn bằng dáng điệu rón rén e sợ, rồi sau khi thở một hơi dài, quả quyết, cậu ta gọi tôi:

— Bạn này.

Tôi ngược mắt lên:

— Gì cơ?

Xít rón rén ngồi xuống cạnh tôi:

— Bạn là con gái mà ghê thật đấy. Bạn không sợ bà Vinh đuổi học hay sao?

— Có sợ.

— Thế sao bạn lại dám nhận tội?

— Tôi không nhận thì anh bị đuổi học thay tôi. Mà anh bị đuổi học, mẹ anh sẽ buồn phiền mà chết.

Xít im bặt. Rồi lát sau, cậu ta se sẽ nói:

— Cảm ơn bạn nhé.

Tôi đáp:

— Chẳng cần đâu.

Cậu trai tần ngần:

— Có cách nào thoát được không nhỉ?

Tôi lắc đầu:

— Chẳng cần. Tôi làm, tôi chịu.

Xít cau mày:

— Bạn biết tính bà hiệu trưởng chứ? Mà lão Gia lại là em ruột của chồng bà ta.

Tôi gật đầu :

— Biết rồi.

Xít hạ giọng, thì thầm :

— Bạn có biết từ hôm qua tới giờ bà Vinh tra khảo tôi những gì không? Cứ như thế này kéo dài một tuần chắc tôi ốm chết...

Tôi nói :

— Tôi thì chẳng sợ tra khảo. Tôi nhận rồi mà.

Xít ái ngại nhìn tôi, thờ dãi sườn sườn :

— Thế cũng chẳng sung sướng gì hơn. Bạn sẽ bị buộc thôi học ngay trong vòng một tuần.

— Đành vậy thôi.

Tôi đáp và quay đi. Tôi không muốn Xít nhìn thấy cặp mắt sưng mọng của mình. Chưa bao giờ tôi khóc trước mặt bạn trai. Xít cũng đoán được ý tôi. Cậu ta bần khoản đi đi lại lại một hồi rồi chụp mũ lên đầu, chào tôi ra về.

Nửa giờ sau, bố Thế gọi tôi :

— Con hãy nói cho cô Vinh nghe mọi chuyện.

Bố ngồi bên tôi. Tay bố nắm cánh tay tôi khiến tôi vững dạ. Tôi đủ mình mẫn để thuật lại đầy đủ những sự việc dẫn tới hành động cuối cùng của mình. Bà hiệu trưởng vừa nghe vừa gõ nhịp chiếc bút lên bàn. Tôi nói xong, bà hất bàn tay lên :

— Cho cô ra ngoài.

Tôi đi ra. Bố Thế còn ngồi lại nói chuyện với bà cho tới khi trời tối. Sương buông xuống, phủ trên đồi bạch đàn. Cánh đồng xung quanh mờ mờ như bị sương khói. Bố Thế lấy xe đạp đưa tôi về nhà. Bố dặn tôi đừng cho mẹ tôi biết chuyện.

Tối hôm đó ngồi trước ánh đèn, tôi bỗng thấy vị chua xót tràn ngập tâm hồn. Tôi là một học sinh gương mẫu. Tôi muốn mãi mãi là trò giỏi, là vận động viên xuất sắc, là diễn viên không chuyên nghiệp nổi danh

của tỉnh, tên tôi mãi mãi ghi trên tấm bảng danh dự của trường... Lay trời, ông giáo thể dục này từ đâu tôi phá vỡ cuộc sống tươi sáng, ngọt ngào của tôi? Vì sao cuộc đời lại có những con người khả ố thể và vì sao lòng căm tức lại xui khiến tôi có những hành động liều lĩnh như vậy?... Không một nàng tiên nào giáng thế để trả lời những câu hỏi cho tôi.

NHỮNG NỖI BẤT NGỜ CAY ĐĂNG VÀ ÊM DỊU

Trong bản kiểm điểm, tôi giải thích hành động của mình có hai duyên cớ: Thứ nhất, đáp lại sự hành hạ tàn nhẫn của ông giáo. Thứ hai, phản ứng thái độ bất chính của ông ta với nữ sinh. Bà hiệu trưởng đọc xong nhưng chưa trả lời. Bà cần nghiên cứu, xác minh. Và trong thời gian chờ đợi ấy, bà buộc tôi nghỉ học. Bố Thế và thầy Bách đấu tranh rất kiên quyết và nhẫn nại nhưng không lay chuyển quyết định của bà. Bà muốn chứng tỏ cho mọi người thấy bà là hiệu trưởng và quyền quyết định tối cao của bà là một thứ tài sản bất khả xâm phạm. Những ngày bị buộc nghỉ học, tôi gầy tọp đi. Ban hãy tưởng tượng một ngày nào đó, người ta nói với bạn rằng: Máy sẽ được cho ăn, cho nóng, nhưng bị nhốt vào chuồng chung với lũ bò và sống như thể cho tôi mãn kiếp... Tôi cảm thấy mình bị hành tội đúng như vậy trong những ngày chờ phán xử.

Mẹ tôi không dung tha cho bất cứ hành động hoặc lời lẽ nào của tôi. Mẹ chỉ nhắc đi nhắc lại điều duy nhất:

— Bất luận lý do gì, thầy vẫn là thầy, trò vẫn là trò. Trò dám chống lại thầy là tội không dung thứ.

— Con là đứa phá hoại luận lý gia đình. Bốn đời nhà ta làm nghề dạy học mà chưa gặp đứa học trò bất trị nào như con. Con phải hiểu rằng người học trò ngoan chỉ có mỗi một nhiệm vụ: lắng nghe và học hỏi thầy...

Tôi buồn rĩ, chỉ ngồi im. Nhưng có lúc nổi khùng, tôi vẫn lại mẹ:

— Nếu con là con trai mà thực hiện đúng lời mẹ dạy, thì con đã theo ông Gia đuổi theo các cô gái tán tỉnh suốt ngày... Liệu mẹ có chịu không? ...

Lúc đó, mẹ lại quát to:

— Con nhà mất dạy, không được cãi lý với mẹ.

Tôi nói:

— Nhưng thưa mẹ, mẹ vừa bảo con phải học hỏi người thầy. Vậy con đã nghe thấy thầy Gia nói với chị Bội rằng...

Tôi nhắc lại nguyên văn những câu tán tỉnh ba xu của ông giáo thể dục. Mẹ tôi bị thế, lại dùng dùng quát lên:

— Giỏi thật, cho chúng mày tiền đi ăn kem, lại đừng mà nghe những chuyện nhảm nhí. Ngừ này không dành cho nó đôn thì cũng đến nước hư hỏng thôi. Bê, nằm xuống đây!...

Mẹ tôi vừa quát roi mây lên mông tôi, vừa thở hắt hắt. Thoạt đầu, tôi còn khóc vì đau đớn. Sau, tôi không khóc nữa. Tôi cảm thấy mình trở lên lì lợm. Tôi nằm im đếm những roi đôn roi xuống và thầm nói:

— Lão Gia ác độc, cầu cho lão chết đi, cầu cho lão chết...

Tôi không giận mẹ, mặc dầu mẹ tôi đánh tôi quá nhiều và thật vô lý. Đánh xong, mẹ ném roi, ngồi ôm

mặt khóc. Dường như mỗi roi đòn mẹ quất lên mông tôi thì một ngọn roi vô hình nào đó cũng quất xuống trái tim mẹ và khiến mặt mẹ tôi co dúm lại vì đau khổ. Đêm tôi, khi thấy tôi ngủ say, mẹ rón rén tút quần tôi ra, xoa dầu lên những lần roi bỏng rát. Tôi thức giấc, nằm thật yên, nhưng nước mắt rơi ướt đầm gối vì thương mẹ và thương cả thân mình.

Giấc ngủ kéo mười hai giờ liền. Mãi gần trưa hôm sau, tôi mới tỉnh. Lúc ấy khoảng mười giờ rưỡi. Mẹ tôi đi đâu đó, khóa cửa ngoài. Nặng lợt qua cửa sổ kẻ lên mặt chiếu. Vệt nắng khiến tôi nhìn ra những đồ đạc quen thuộc hằng ngày: bàn ghế, tủ treo quần áo, tủ chè mặt gương đã ố, con búp-bê ngồi trên xích đồng, cái đầu sư tử treo trên tường mua từ ngày Tết Trung thu năm tôi lên bảy... Tất cả đều xám xịt và buồn tẻ.

Căn phòng tối lờ mờ như nhà tù. Còn tôi, tôi là một tù nhân. Đúng tôi là một tù nhân. Nhưng tôi không phải tù hình sự — đám lưu manh chuyên móc túi, cướp giết, lừa đảo... Tôi là tù chính trị. Nếu sinh vào thời cách mạng, rất có thể tôi sẽ trở thành Tô Hiệu, Lý Tự Trọng, và những người chiến sĩ trong Nam Kỳ khởi nghĩa... Các chiến sĩ cách mạng đã chẳng chống lại lũ thực dân áp bức dân lành đó sao? Còn tôi, tôi không thể chống thực dân Pháp vì chúng đã rút về nước và cách mạng đã thành công rồi. Nhưng tôi chống lại ông Gia là kẻ độc ác, hành hạ trẻ nhỏ, cưỡng bức phụ nữ... Ít ra, việc làm của tôi cũng khiến lão ta phải e dè hơn trước. Và sự hủ hê không che giấu của học sinh trong trường đã chẳng nói lên điều đó sao?... Nếu tôi biết căm ghét và phản kháng cái xấu, tôi có thể trở thành người chiến sĩ khi nước nhà gặp cơn nguy biến... Tôi

tự an ủi và không buồn chán nữa. Tôi vừa định ngồi lên thì có tiếng khóa lách cách. Mẹ về. Nhờ lại những roi đòn tối qua, tôi lại nằm xuống giường, nhắm mắt. Mẹ tôi cất túi xong, vội vã tôi hỏi:

— Bè đã dậy chưa con?

Tôi im lặng.

— Bè đã tỉnh chưa con?

Mẹ tôi hỏi lần thứ hai, hốt hoảng hơn. Tôi không trả lời.

— Trời ơi, con bé ốm mất rồi!... — mẹ kêu lên, ôm chặt lưng tôi — Khổ thân con bé, trời ơi!...

Tôi co cứng người lại để không thể xoay mặt tôi ra ngoài. Giờ đây, những giọt nước mắt nóng hổi đang theo nhau lăn xuống gối.

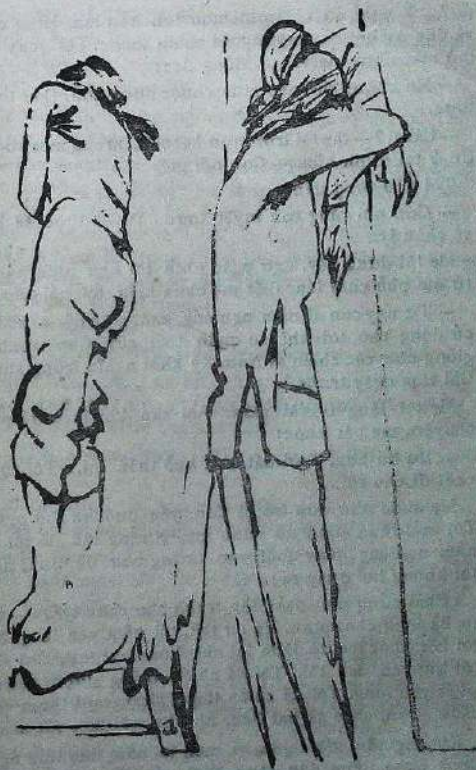
« Không được khóc, chẳng chiến sĩ nào khóc trong nhà tù cả... Mày phải nín ngay đi... » — tôi thầm giận dữ mắng mỏ mình.

Mẹ tôi vẫn ôm tôi, vừa lay vừa nói:

— Con ơi, xoi cô Vân Anh cho kia kìa, cả cháo sườn mẹ mới mua ở nhà bà Soi về còn nóng hổi... Con ăn một tí kéo ốm bây giờ, con ơi i i...

Tôi nghĩ: « Ăn bây giờ là hèn. Ăn bây giờ là chấp thuận ý kiến của mẹ. Mẹ buộc mình phải kính trọng lão Gia và hoàn toàn nhận lỗi... »

Mặc cho mẹ nài nỉ, tôi vẫn nằm im, quay mặt vào tường. Rồi một ý nghĩ như cơn gió lướt tới: tuyệt thực. Đúng rồi... Ngày xưa, các chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa đã chẳng nằm nghiêng, không cử động, không ăn uống mười lăm ngày liền, và đã anh dũng chết đó sao?... Các nhà hoạt động chính trị đã chẳng tuyệt thực hàng tuần trong nhà tù Sơn La cho tới khi thực dân Pháp phải thực hiện yêu sách đó sao?... Tại sao mình lại không học tập được những con người dũng cảm



đó?... Ý nghĩ đó khiến tôi như lớn hẳn lên, vững chãi và đầy uy lực của một người chiến thắng. Tôi quay lại, mở mắt nhìn mẹ và nói đồng thanh:

— Mẹ không thể nào mua chuộc được con. Con tuyệt thực.

— Cái gì? — mẹ tôi trợn tròn hai mắt, dường như không tin ở tai mình nữa. — Con nói gì?

Tôi dần từng tiếng:

— Con nói rằng con tuyệt thực. Tuyệt thực để bảo vệ chân lý.

Mẹ tôi đứng dậy, ngơ ngác nhìn tôi như nhìn người từ âm phủ chui lên. Biết mẹ chưa hiểu, tôi nói tiếp:

— Từ nay con sẽ nằm nghiêng, không ăn uống, không cử động cho tới khi áo quần thối rữa. Con sẽ chết, giống như các chiến sĩ Nam Kỳ khởi nghĩa trong khám Chí Hòa ngày trước.

Mẹ tôi lặng đi vài giây. Rồi sau khi hiểu ra mọi chuyện, mẹ bật khóc:

— Hu hu hu... Trời đất ơi... khổ thân tôi... Tôi cũng chết đi cho rồi...

Mẹ khóc như đứa trẻ bị đòn, yếu đuối và thơ ngây. Tôi mỗi lòng, định dỗ dành mẹ. Nhưng lúc đó tôi đã nằm nghiêng quay mặt vào tường như đã định, nên tôi không thể quay ra:

« Phải cứng rắn, phải đấu tranh cho chân lý... » — tôi tự hạ lệnh cho mình. Và cứ thế, tôi nằm yên lặng. Mẹ tôi hết khóc lóc dỗ dành lại nhờ Loan hạt mít, Yến sấu tôi khuyên can tôi. Tôi đã chiến thắng được những phút yếu lòng. Tôi đã chiến thắng được mùi thơm của cháo sườn, cháo gà hạt tiêu, phở bò, xoi nén với chả...

Khoảng năm giờ chiều, vì mệt, tôi nằm thiu thiu ngủ. Chợt nghe tiếng đập cánh cạch cạch của tấm nhôm rách

bên ngoài. Bố Thế đã dắt con ngựa già lọc cọc tới — tôi nghĩ bụng. Đúng như vậy, chưa đầy một phút sau đã có tiếng gọi:

— Cô Hạnh có nhà không?

Mẹ tôi dưới bếp cuống quýt chạy lên. Thấy bố Thế, mẹ tức tức khóc:

— Em mong anh suốt từ trưa. Cả ngày nay nó chẳng chịu ăn uống gì. Nó bảo em là nó sẽ tuyệt thực để đấu tranh cho chân lý. Nó kiên quyết nằm úp mặt vào tường đến khi nào thối hết da thịt, chết như những chiến sĩ Nam Kỳ trong khám Chí Hòa. Mấy chị hàng xóm khuyên em mời sư sãi trên chùa về nhà cúng giải ma... Mà em thì sợ rằng...

Bố Thế ngắt lời:

— Cô cứ bình tĩnh. Đừng có cuống lên như thế...

Nghe tiếng động, tôi biết rằng bố đã bỏ cái xác da to tướng xuống và kéo ghế ngồi. Mẹ tôi hấp tấp đi lại, chừng như để kiểm tra pha nước.

— Mời anh xơi nước. Trà ướp sen cô Vân Anh mời cho em.

Bố Thế uống trà, khá một tiếng theo thói quen của bố mà chúng tôi biết từ lâu. Rồi bố ừ ả cất tiếng:

— Có ăn cơm chưa? Chạy ra phố mua cho tôi mấy chiếc bánh ngọt. Mặc tôi ở đây với con Bê.

— Vâng, em đi ngay bây giờ.

Mẹ tôi hồi hả đi ngay tức khắc, tiếng xe đạp tanh tách xa dần. Tôi hé hé mắt nhìn, thấy đôi vai to ngang của bố Thế in bóng lên tường. Chao ôi, mới nghỉ học mấy ngày mà tôi nhớ bố quá thế. Nhớ như người thầy thân thiết hòa trong nỗi nhớ lớp, nhớ trường. Bởi thế khi thấy vừa cất tiếng gọi: « Bê, dậy bố bảo... » tôi liền nhồm lên ngay và òa lên khóc.

Thầy ôm tôi vào lòng và rút chiếc khăn tay sắc mùi thuốc lá lau nước mắt cho tôi:

— Sao mày không chịu ăn uống gì há con?... Đúng là đồ ngốc.

Tôi nức lên to hơn, không nói được lời nào.

Bố Thế hỏi:

— Bố nghe con Loan nói mày nhất quyết tuyệt thực phải không?

Nói rồi bố cười hi hi, đúng như tiếng cười của một ông già hiền lành.

— Ngốc lắm — bàn tay ấm và nham nháp của bố xoa lên tóc tôi. — Ngày xưa bố cũng đã từng tuyệt thực. Nhưng người ta chỉ tuyệt thực khi ở trong nhà tù của địch chứ không ai tuyệt thực trong ngôi nhà êm ấm của mình. Mày có hiểu tuyệt thực là gì không?... Một biện pháp đấu tranh chống kẻ địch. Vậy mà con lại đem biện pháp đó ra áp dụng với người thương yêu mình nhất trên đời. Như vậy có đúng là điên không?...

Tôi vẫn úp mặt vào lòng bố Thế và không nhìn rõ bố đang cười. Nhưng tôi hình dung được trước mắt những chiếc răng thưa, đều và âm đen khói thuốc của bố. Tôi cố cãi một câu chiếu lệ:

— Nhưng tại sao mẹ con cứ bắt con phải kính trọng học tập ông Gia.

— Phải kính trọng, học tập các thầy các cô giáo nói chung — bố Thế ngắt lời tôi — vì các thầy các cô là người dạy dỗ, truyền đạt cho mình những kiến thức về cuộc sống. Không có kiến thức, sao con người tốt đẹp và trưởng thành lên được?... Nhưng trong số những cá nhân lãnh trách nhiệm làm thầy, làm cô... cũng có người không đàng hoàng. Bố biết như vậy... Nhà trường, các thầy cô có trách nhiệm giúp đỡ những giáo viên có khuyết điểm. Còn học sinh không được làm bất cứ điều gì xúc phạm đến thầy cô giáo.

Tôi ngẩng lên, nhìn thầy. Ánh mắt hiền hậu của thầy lộ rõ vẻ buồn bực.

— Bố biết tay Gia này...

Tôi ôm chặt bố Thế thân yêu của mình. Phải, bố đã hiểu tất cả, bố đã công bằng. Tôi chỉ chờ đợi điều ấy thôi...

Bố vuốt tóc tôi, xoa vầng trán tôi và nói tiếp:

— Con xử sự với ông Gia như vậy là con có lỗi. Đáng lẽ con phải cho bố biết mọi sự. Con phải kiên nhẫn chờ bố ở dưới quê lên.

Bố nhìn tôi, thở dài, mắt bố rất buồn. Tôi cũng rưng rưng trong dạ. Biết vậy, bố khẽ nói:

— Thôi, dấu sao thì mọi chuyện cũng qua rồi. Giờ phải đi ăn chút gì đã. Mới bằng con ếch đã tưởng dấu được với hồ. May mà không ốm nặng.

Đúng lúc ấy, mẹ tôi hôn hờ dặt xe vào, đặt gói bánh ngọt lên bàn:

— Anh xơi bánh với nước chè. Bánh mới, còn mềm lắm.

Bố Thế đeo chiếc sắc da to tướng lên vai:

— Thôi, dễ bữa khác. Giờ thầy trò tôi ra phố đã.

Rồi bố đeo tôi đi ăn phở. Ăn xong, thầy trò tôi hàng nước, uống chè tươi nóng với kẹo bột, chè lam. Bố nói toàn những chuyện vui cho tôi khi đưa tôi về nhà, bố mới dặn:

— Chiều mai cô Vinh gặp đấy.

Rồi bố về trường. Còn tôi nằm nghĩ tới buổi chiều ngày mai. Đó là thời khắc quyết định số phận mỏng manh của tôi.

Vào buổi chiều ghé sợ đó, nắng gay gắt như thề giữa tháng sáu ta. Chiếc đồng hồ quả lắc cỡ lớn trong văn phòng kèn tích tắc, tích tắc một cách nặng nhọc và cầu kỳ. Cái quả lắc hoen gỉ dung đưa đều đặn trước mắt tôi. Tôi giương mắt nhìn nó trong khi chờ đợi bà hiệu

trưởng phân xét. Bố Thế ngồi bên tôi, vẻ trầm tĩnh nhưng buồn. Dường như bố đã thấy trước một kết thúc không mấy tốt đẹp đang chờ tôi. Tôi cảm thấy điều đó và thêm lo ngại. Tim nháy trong lồng ngực như một con chim bị trói. Tôi phải bấu chặt mép bàn để giữ bình tĩnh. Bà hiệu trưởng ngồi im lặng lật từng tờ giấy trong tập hồ sơ dày cộm. Hồi lâu, bà rút ra bản kiểm thảo của tôi, nói:

— Đọc lại đi.

Giọng bà lạnh lẽo khiến tôi tái tê cả người. Bố Thế ngồi im như tượng, nhìn qua ô cửa về phía cánh đồng xa tít tắp. Hình như bố đang nghĩ tới điều gì đó không liên quan gì tới bà hiệu trưởng, bản kiểm điểm và bầu không khí nghiêm trọng trong căn phòng này. Tôi chợt thấy bơ vơ như đứa trẻ bị lạc trong bãi tha ma đêm, hoảng hốt run rẩy. Trước mặt tôi, những dòng chữ xanh đậm trên bản kiểm điểm nháy nhót chập chờn. Một giọt mực rơi giống hệt con nhặng đậu lên trang giấy. Ngay chữ ký dưới cùng cũng xa lạ như thể chữ ai đó chứ không phải chữ mình...

— Đọc kỹ chưa?

Bà hiệu trưởng cất tiếng hỏi đột ngột khiến tôi giật nảy người. Ngón tay trỏ của bà đưa lên, ấn vào sống chiếc kính cận đang tụt xuống chóp mũi. Rồi bà nhìn xoáy vào mặt tôi. Mắt bà trơ trơ như hai hột nhãn nước, không giận dữ, không xót thương, không căm ghét. Cả đến sự giễu cợt cũng không. Trước cặp mắt vô tri của bà, tôi thấy mình bị tan vụn ra như cục bột ngâm nước. Chưa bao giờ tôi bắt gặp một ánh mắt nhọn như kim, tàn nhẫn một cách bình thản và ngọt ngào như thế.

— Em nhớ rõ những gì đã viết chứ? — bà hỏi từ tốn.

— Thưa cô, vâng. — tôi trả lời.

Bà hiệu trưởng hơi nhếch mép, mồm trên dung dầy. Hình như bà mỉm cười thì phải. Rồi gõ ngón tay xuống bàn, bà đồng dặc gọi:

— Nguyễn Ngọc Bội, vào đây.

Cánh cửa sau lưng bà mở ra lẹ làng không tiếng động như được làm phép. Một bàn tay trắng nõn vịn vào khuôn cửa. Rồi sau đó, một thiếu nữ bước ra:

— Thưa cô, em đây ạ.

Chị Bội trả lời. Đúng là chị Bội. Nhưng mặt chị trắng phếch, nhợt nhạt và đôi mắt đen sập xuống, như bị cầm vào từng bước đi ngắn, e dè như bước đi của ông già mù hát xẩm.

— Mời em ngồi... — bà hiệu trưởng kéo ghế. — Hôm này, nhà trường mời em tới để xác minh một sự việc. Trước tiên, tôi yêu cầu em phải nói thật, hoàn toàn sự thật. — Bà dẫn từng tiếng: — Em rõ chưa?

— Thưa cô, rõ ạ.

— Chị Bội đáp, giọng run run và mặt càng nhợt ra như tờ giấy.

Bà hiệu trưởng gõ ngón tay lên bàn:

— Tốt lắm. Bây giờ, em nghe cho kỹ càng: Thầy Gia có tán tỉnh, bõm xôm với em không?

— Thưa cô, không ạ.

— Thầy Gia có biểu hiện thiếu đứng đắn với em không?

— Thưa cô, không ạ.

— Thầy Gia có tới rủ em đi xem phim Pha-ti-ma không?

— Thưa cô, không ạ.

— Thầy Gia có vuốt tóc, ôm lưng em không?

— Thưa cô, không...

Cứ mỗi câu trả lời, đầu chị Bội lại cúi thêm xuống. Cuộc đối thoại xong, mặt chị găm xuống, sát mặt bàn. Mỗi câu trả lời của chị giống những viên đại bác bắn vào đầu tôi, khiến tất cả nát vụn, tan tành. Tôi không nghĩ được gì nữa. Óc tôi như khối bùn nhão, lạnh tanh. Tôi chỉ cảm thấy mặt mình từ nóng phừng phừng chuyển sang giá ngắt. Bàn tay tôi tuột từ mép bàn xuống gối, run lật bật. Còn quả lắc đồng hồ thì đảo đi đảo lại như cái đầu trọc lốc của lão già trên chùa Đông Na. Cuối cùng, không hiểu vì sao tôi đã thu hết sức lực mà hét lên:

— Chị Bội nói điều, chị Bội nói dối!..

Bà hiệu trưởng quắc mắt lên, nhưng giọng lại rất mềm dẽo:

— Em ngồi xuống, không được vó lẽ...

Nói xong, bà quay sang chị Bội:

— Em hãy trả lời trước tôi, thầy Thế và em Bé: Những điều em nói đúng hay sai?

Tôi nhìn trân trân vào cái má trắng bột của chị Bội. Những sợi tóc mai rung rung:

— Thưa cô, em nói đúng.

Chị Bội trả lời, không nhìn ai.

Có cái gì đó vỡ òa trong tôi. Nỗi đau quặn lên, cồn cào gan ruột. Nó khiến tôi rã rời như biến thành những hạt cát. Tôi không thể gào hét được, không thể nói được, thậm chí không thể gọi được tên một người thân thiết nào đó tới với mình. Những viên gạch men lát nền nhà quay chậm chậm dưới chân tôi. Rồi tốc độ quay mỗi lúc một nhanh như cánh chong chóng trên đỉnh đồi. Chúng khiến tôi chóng mặt, đầu óc quay cuồng. Một tiếng còi xe lửa rít lên trong óc, và tôi rơi vào trong cái vòng quay tròn dưới chân tôi...

Tôi ốm năm ngày thì được biết hội đồng nhà trường họp thì hành kỷ luật tôi. Mức kỷ luật bà hiệu trưởng

đề ra là mức kỷ luật cao nhất đối với một học sinh: Đuổi học; cảnh cáo và thông báo toàn thể các trường cấp ba trong tỉnh; hạnh kiểm 0 điểm. Lý do kỷ luật: Vũ khống và có hành động trả thù giáo viên.

Tất cả bạn bè của tôi đã thay nhau theo dõi các cuộc họp. Tôi nói với tôi rằng cuộc đấu tranh giữa bố Thế với bà Vinh vô cùng gay go. Cuối cùng, bà Vinh lấy quyền thủ trưởng quyết định vì ý kiến ủng hộ hai bên ngang nhau, không hơn kém một phiếu. Tôi đã chuẩn bị tinh thần chịu đựng kỷ luật cao nhất là đuổi học. Nhưng tôi không ngờ bà hiệu trưởng còn kèm theo điều kiện thông báo toàn bộ các trường cấp 3 trong tỉnh. Như vậy, bà vĩnh viễn huộc tôi thôi học vì không một trường nào dám nhận tôi nữa. Bà đã chặn tất cả các ngã đường phía trước tôi. Hẳn bà biết câu ruột tôi có ý định đem tôi lên một trường huyện cho học tiếp. Bà dập tắt nốt ngọn lửa cuối cùng trong hy vọng của tôi.

Tôi gục đầu xuống hồi lâu, không ngẩng lên được. Sau đó, thay nỗi thất vọng và buồn tủi là lòng hờn oán. Tôi hỏi:

— Còn lão Gia thì sao ?

Tại bạn hỏi lại:

— Thì sao nghĩa là gì ?

Tôi đáp:

— Lão ta có bị kỷ luật, phê bình không ?

— Làm gì có chuyện ấy. Lão ta còn được thể làm già, khẳng khẳng đi nơi khác. Nhiều thầy cô ghét lão nhưng không dám nói. Riêng bố Thế với thầy Bách chỉ trích lão thì bị bà Vinh phê bình là nuông chiều học sinh, thành kiến với đồng nghiệp... Mấy hôm nay, mặt lão vênh lên trông đáng ghét lắm.

Tôi lặng im, tức thở như bị ngạt khói. Trước mặt tôi bỗng hiện lên con đường quen thuộc dẫn tới trường. Nắng rực rỡ. Những cây kim phượng hoa vàng và những cây phượng vĩ hoa đỏ chót nở dọc lối đi. Sân trường xanh mượt cỏ. Nơi ấy cơ man nào cỏ may, cỏ chỉ. Chúng tôi đã ngắt cộng cỏ, cắm vào đuôi những con chuồn ớt, chuồn ngô rồi thả chúng lên trời. Thế là hàng chục chiếc phi cơ óng ánh sắc màu lượn trên khung trời lơ, trong như lọc. Sát sân cỏ là hội trường với hai chùm đèn bóng trắng. Các đèn liên hoan đã diễn ra ở đó. Nào tiếng ghi-ta, tiếng phong cầm, tiếng vi-ô-lông, tiếng sáo... Nào váy áo lụa xanh, lụa hồng rực rỡ và những chiếc mũ dán giấy trang kim lấp lánh dưới ánh đèn... Chẳng lẽ không bao giờ tôi còn được thấy chúng nữa sao?... Cả cái bàn bóng một bên vênh, một bên có khe nứt, bóng đi xiên xẹo và luôn luôn gây cho ta những cú thua oan. Cả cái phòng thí nghiệm có ông già mặc bờ-lu trắng, mũi khoằm khoằm và luôn luôn hăm dọa lũ học trò nhưng lại hiền như đất. Rồi những dãy chai lọ hình thù lạ lẫm, những chiếc bình cong cổ, những ống nghiệm làm phản ứng hóa học, chum a-xít sun-phua-ric có hình chiếc đầu lâu với hai ống xương bắt chéo bên trên, bộ xương người bằng thạch cao nhe hai hàm răng trắng nhớn trong bóng tối. Lọ phóc-môn ngâm bào thai người... Rồi dãy hành lang lát gạch men vàng, những tấm kính cửa sáng bóng mà ngày ngày chúng tôi soi gương vào đó, chiếc bàn dài đầy vết mực và có các hình vẽ nguệch ngoạc, ngăn kéo dưới bàn là nơi chúng tôi bí mật giấu ô mai với ngô nướng ăn vụng trong giờ học, tấm bảng đen có ô nhỏ bên trên ghi sĩ số từng ngày... Thế giới thân yêu tràn ánh sáng và tiếng cười đó sẽ mãi mãi rời xa tôi sao? Tôi là người sinh ra để gần bó với nó. Tôi yêu nó đến nỗi trong mỗi vụ nghỉ hè, dù bao nhiêu trò chơi

vui thú lồi cuồn, tôi vẫn không thể quên được màn phần trắng, mùi hăng hăng bụi bặm của phòng thí nghiệm và không khí hồi hộp trước mỗi tiết kiểm tra bài. Ngôi trường đó có bao nhiêu dấu vết của tôi. Này nhé, cái cốc tưới bóng bàn tôi đã xin Ban thể dục thể thao tình. Đồi vọt mứt là phần thưởng cây vọt trẻ của tôi. Chiếc bình cắm hoa lớn nhất thường dùng trong ngày lễ là phần thưởng diễn viên văn nghệ không chuyên của Ty văn hóa tỉnh. Còn bồn hoa trước văn phòng là do cả lớp tôi trồng mùa thu năm ngoái. Hôm trồng hoa, tôi đã bị cảm nắng một trận nên thân...

Những kỷ niệm tha thiết quá. Chúng khiến tôi đau đớn nhiều hơn. Nước mắt trào qua bờ mi, lăn xuống tận cằm. Tôi để mặc cho nước mắt rơi ướt đầm vạt áo.

Hôm sau chủ nhật, tôi vừa thức dậy thì lũ bạn đã kéo tới đầy cửa. Chúng gào ầm ỹ:

— Bê ơi, dậy mà nghe tin mừng.

— Bê ơi, có chuyện quan trọng lắm...

Tôi đứng dậy mở cửa vì mẹ đi chợ từ sớm đã chốt then ngang thay khóa. Tui ban xô vào, xúm quanh giường. Rồi chúng tranh nhau kể cho tôi nghe. Tiết học thứ năm hôm qua, bà hiệu trưởng cho văn thư đánh máy quyết định kỷ luật của tôi để gửi đi các nơi. Trong lúc bà đang đọc, Ly bước vào nhận rằng chính mình mới là người nhất ông Gia vào nhà xí, Vũ Thị Bé chỉ kiêng giùm cậu ta chiếc bàn lim thôi. Nhưng chị ấy đã đứng ra nhận tội vì thương Ly gầy gò, ốm yếu và nếu bị đuổi học sẽ không đủ sức chịu những trận đòn của ông bố...

Tui ban kể xong, giường mắt nhìn tôi đầy vui vẻ và tò mò. Tôi im lặng. Tôi không ngờ chú bé loẻo khoẻo, thể xác ốm yếu có bộ mặt ủ ẻ sâu nảo đó lại tốt đến như thế. Niềm thương mến tràn ngập tâm hồn, khiến tôi rung cảm.

Loan hỏi:

— Đẳng ấy mừng quá phải không?

Tôi gật đầu:

— Ừ.

Loan tức tối:

— Thế mà bà Vinh xử oan đẳng ấy.

Tôi lắc đầu:

— Không oan đâu.

Tội bạn trợn tròn mắt nhìn tôi:

— Sao lại thế?

Tôi bảo:

— Tôi mừng vì điều khác chứ không phải vì thoát được kỷ luật của bà Vinh.

Tối hôm đó tôi đến nhà Ly.

Ông bố say rượu của nó đang ngồi ngất ngư trước một mâm bún, lòng:

*Trống quân, trống quật, trống còi,
Tôi chẳng lấy nó, nó đòi lấy tôi...*

Ông ta ngửa cổ lên trần nhà, cất giọng khê nong nặc bặt. Hát xong, ông hét thẳng con út đang đứng gần cửa:

— Cu, con mẹ sề của mày đâu rồi?

Thằng bé lên năm nhưng mặt già cằng trả lời:

— Bà bỏ sang nhà mẹ đồng Sơn. Có thuê cu đi gọi thì đưa năm hào.

Ông bố móc túi, tìm đồng năm hào ném cho con:

— Này, con mẹ sề mày đi với ai hả?

Đưa con giơ từng ngón tay đen nhẻm, móng đầy ghát lên đếm:

— Bà Năm Nghĩa này, bà Tư này, bà Nhân này... Cả chú Lợi công văn nữa này... Nhiều lắm...

Ông bố gầm lên, đôi mắt lồi như hai quả nhót chín:

— Tiên sư nhà nó, rượu nhạt như nước ốc, mồm tòm chồm lồm thì không chanh không ớt... Nó bỏ đi đàn đúm với cái thằng đi đực ấy. Ông thì ông cho cả nút ăn dao...

Ông ta giơ chén rượu lên cao, đập cốp một cái thật mạnh. Chiếc chén thủy tinh vỡ vụn trên tấm phản gỗ lim. Mảnh thủy tinh đâm vào tay người đàn ông nát rượu. Ông ta giơ bàn tay rùng rùng máu lên và kêu:

— Ly, Ly đâu? Cha tiên sư mày, chết ở đâu rồi?...

Tôi nép vào cánh cửa, sợ hãi nhìn những giọt máu đỏ tươi từ bàn tay người đàn ông rơi lên mặt gỗ. Trước đây tôi vẫn nghe dân thị trấn đồn cặp vợ chồng này vô cùng hung bạo, đánh đập nhau luôn luôn và hành hạ thẳng bẻ mồm còi mẹ không tiếc tay. Tuy thế, tôi cũng chưa thể bình dung rằng trên đời có một người cha gồm giết đến như vậy.

Người đàn ông say rượu vẫn gào:

— Cha con để mẹ mày! Ly, Ly y y...

Lúc bấy giờ, chủ bé hột hải chạy lên:

— Bố gọi con a.

Ông bố quát:

— Không gọi mày thì gọi con chó à?

Nói xong, ông ta co chân đạp phốc vào bụng đứa con và văng ra một câu chửi tục. Ly thót bụng lại như con tôm, lùi ra sau rất nhanh nên cứ đạp tăn bạo kia trượt xuống cặp đùi gầy gò của nó. Hẳn là Ly đã quen tránh đòn chửi như tôi mà bị đạp vậy thì chỉ đứng thườn ra hứng trọn cú đòn và sau đó lên bệnh viện ngay.

Trong nhà ông bố gào:

— Kiểm giẻ băng tay cho tao.

Đứa con trai lẳng lẳng vào buồng. Lát sau Ly mang ra mảnh giẻ cũ với nhúm thuốc láo. Nó cầm bàn tay

Ông bố lau hết máu, rịt thuốc rồi lấy giẻ băng kín lại. Ông bố đưa bàn tay đã băng cần thận lên nhìn, vẻ mặt dịu đi. Ly thu dọn những mảnh thủy tinh vỡ, lấy giẻ ướt lau vết máu trên phản rồi ra sân. Lúc đó cậu ta mới thấy tôi. Nó nhìn trước nhìn sau rồi chạy ra:

— Đẳng ấy đến từ bao giờ?

Tôi không trả lời, hỏi lại:

— Ông ấy đã đẳng ấy có đau không?

Ly ấp úng:

— Không... Tờ tránh được.

Tôi cau mày:

— Tội nghiệp!... Bố đẳng ấy ác quá...

Ly im lặng. Lát sau, nó dịu dàng nói:

— Ông bố tờ ấy mà... Ông ấy cũng chẳng sung sướng gì đâu. Ông ấy khổ lắm nên mới đâm ra nghiện rượu...

Tôi nói:

— Nhưng ông ấy không thương đẳng ấy.

Ly cúi đầu nói khẽ:

— Có chứ. Bố tờ cũng có thương tờ...

Rồi sau một lát im lặng, nó lắng sang chuyện khác:

— Đẳng ấy tờ đây bảo gì tờ thế?

Tôi ngần ngừ, bỗng dưng quên hết những lời lẽ mà đọc đường tôi đã nghĩ ra để nói với Ly. Sau cùng, tôi buông một câu hỏi cộc lốc:

— Sao đẳng ấy lên hội đồng nhà trường nhận kỷ luật cho tờ?

Ly từ tốn đáp:

— Thế tốt hơn.

Rồi nó cười:

— Mà sao đẳng ấy biết? Nhanh thế! Loan hại mít thông báo à?

Tôi không trả lời, hỏi lại:

— Ai bảo, đảng ấy làm việc đó?

— Không ai cả.

— Thế tại sao?

— Tờ học kém quá. Học thêm nữa cũng chẳng ích gì. Đảng ấy học giỏi mà phải thôi thì tiếc quá. Bố Thế nhiều lần bảo rằng lên đảng ấy thừa sức du học nước ngoài.

— Đảng ấy không sợ ông bố với bà di ghê đánh hay sao?

— Chắc... cũng có đánh. Nhưng chẳng sao, tờ quen đi rồi...

Ly lại cười. Gương mặt nhỏ sáng long lanh. Tôi mỉm lòng, nói:

— Ly, đảng ấy nghĩ tờ có thể cam tâm để đảng ấy bị đòn oan hay sao?...

Nói xong, tôi nhìn Ly. Nó cũng ngược nhìn tôi. Ánh mắt chúng tôi soi vào nhau. Và tôi biết rằng, chỉ một giây nữa, hai đứa sẽ cùng óa lên khóc. Vì thế tôi vội vã quay đi, cầm đầu chạy một mạch về nhà.

Sáng thứ hai, tôi đến nói với bà hiệu trưởng rằng bà cứ việc công bố và thi hành kỷ luật tôi như cũ. Rằng việc Ly đứng lên nhận lỗi chỉ là do thiện ý của cậu ta và hoàn toàn không xác thực. Tôi nói một cách bình tĩnh, không mấy may run sợ, hồi hộp. Khi đã biết hoàn toàn sự tàn nhẫn và độc ác của bà, tôi không e sợ quyền lực của bà nữa. Chúng tôi, những đứa trẻ chưa tới tuổi trưởng thành, chúng tôi đứng cảm trước sự thật, chúng tôi thương yêu nhau và biết hy sinh vì nhau. Chúng tôi cao hơn bà. Tôi nhận cuốn học bạ mà bên dưới những dòng chữ dài dằng dặc biểu dương mọi ưu điểm, dưới những cột số điểm 5 đỏ chói có dòng chữ đuổi học to tướng và điểm hạnh kiểm 0. Tôi nhận cuốn học bạ đó từ tay bà, lặng lẽ, đứng đưng. Tôi đã vượt qua giới hạn của nỗi đau khổ rồi.

VÀ NHỮNG LO TOAN KHÔNG TÍNH TRƯỚC

Ngày mai, mình sẽ sống thế nào đây? Mình sẽ trở thành cái gì? Mình sẽ làm gì?...

Trên đường về, những câu hỏi quay cuồng trong óc. Dầu sao, tôi cũng dứt ruột khi rời bỏ cái cổng trường đồ sộ, cả hai cánh lớn quay cọt kẹt trên ổ tru và một tán phượng vĩ xanh mượt che bên trên. Dầu sao tôi cũng đau lòng khi nhìn từng tốp học sinh ngược tới trường. Tôi thêm muốn số phận của họ biết bao. Đứa học trò kém cỏi nhất, láo lếu nhất, dốt sỗ hoặc lười biếng cũng còn sung sướng gấp ngàn lần tôi bây giờ. Dầu dốt nát và lười biếng, nó vẫn có quyền bước vào lớp, nơi ngày ngày trên tấm bảng đen diễn ra một phương trình toán mới, một phản ứng hóa học mới, một định luật vật lý mới, một bài thơ hay một bài văn mới. Đứa học trò hư hỏng nhất cũng có quyền bước vào phòng thí nghiệm, nơi trong bóng tối chúng tôi hồi hộp ngược nhìn bộ xương thạch cao hay bức tranh vẽ con khủng long thời cổ đại. Đứa học trò tồi tàn nhất cũng có quyền cầm chiếc vọt mút của tôi, đánh bóng trên chiếc bàn tôi quen từng vết nứt, hái hoa trong bồn hoa trước cửa văn phòng... Đám học sinh đông đúc và sung sướng kia tới trường. Còn tôi, tôi trở về nhà với cuốn học bạ đen kịt. Lòng tủi hổ, tôi không dám đi đường lớn, tôi rẽ xuống con đường nhỏ bằng qua cánh đồng.

Về phố, tôi lang thang thờ thẩn chờ ở các cửa hàng. Tôi không muốn về nhà. Từ ngày tôi tuyệt thực, mẹ tôi không đánh tôi nữa. Nhưng mẹ không nhìn tôi và nói với tôi một câu. Sự im lặng của mẹ khiến tôi cảm thấy tôi đã chết rồi. Tôi đã chết thật. Tôi là đứa con hư, là học trò bị đuổi, tôi không xứng đáng là con cô giáo Hạnh...

Đang đứng, tôi chợt nhìn thấy một đám đông trước cửa nhà cai Càn. Chắc có chuyện gì... — tôi nghĩ.

Ở thị trấn, hề có sự lạ là người ta xúm lại vòng trong vòng ngoài. Trước đây mẹ tôi dặn phải lảng tránh những đám đông hiếu sự, tò mò đó. Nhưng bây giờ buồn chán nên tôi tới xem. Tới nơi, chưa len chân vào đám đông được, tôi lại gặp ngay Cóc tóc đỏ. Cóc tóc đỏ là đứa con gái kém tôi một tuổi, con ông gác chợ. Vì mặt nó bị mụn, sần sùi từ nhỏ nên bố nó đặt luôn tên là Cóc. Cóc học dốt quá nên đúp ba năm mà không lên nổi cấp hai. Ông bố liền bắt nó thôi học ở nhà giúp bố gác chợ, thu thuế đám hàng rong. Ngoài ra, nó xếp chỗ bán lấy tiền. Cửa hàng thịt, hàng đậu mậu dịch nào Cóc cũng đặt hàng chực hòn gạch, rổ rá, nón rách, mũ mất chóp... để giữ chỗ từ tối hôm trước. Hôm sau, người ta tới xếp hàng mua thực phẩm thì Cóc xông ra nhận chỗ. Ai muốn mua nhanh thì Cóc bán lại chỗ cho. Chỗ tốt một hào, chỗ kém hơn năm xu. Làm cái nghề kỳ quặc thế nên con bé nổi tiếng đánh đá, lão xược. Nó sẵn sàng chửi nhau tay đôi với một bà già hoặc cời trần đánh nhau với một thằng bé mười ba, mười bốn tuổi. Suốt ngày phơi nắng nên da Cóc đã đen lại càng giống như nhọ cháo. Tóc đỏ xác xơ như lông bò. Những mụn thịt ở mặt ngày càng dày chi chít và to thêm. Cóc tóc đỏ là hình ảnh quái gở nhất mà các bà mẹ thường đem ra dọa đám con trai. Đứa nào nhọ nhoe, bướng bỉnh là bị cảnh cáo:

— Mày liều liệu không tao cười cho con Cóc tóc đỏ đấy...

Các cậu con trai dù ương ngạnh mấy cũng phải nhún như con chi chi ngay.

Vậy mà đối với tôi, Cóc lại tỏ ra rất tử tế. Không hiểu sao, nó chuyên gọi tôi là chị và xưng em một cách ngon lành mặc dù bình thường nó cứ mày mẩy tao tao

với đám thiếu nữ mười lăm, mười bảy. Có lần, tôi ra chợ mua thịt, Cóc sẵn sàng gạt mọi người, giành chỗ tốt nhất cho tôi. Mua xong, tôi gói vào tay Cóc năm xu và bảo :

— Cảm ơn nhé.

Cóc tóc đỏ lập tức trợn mắt lên :

— Sao chị coi khinh em thế ? Em với chị mà lại ngửa tay nhận năm xèng hay sao ?

Rồi vỗ bốp vào túi quần, nó nói :

— Em mời bà chị một bát tái bò, phở nhà Hoi ngon lắm...

Tôi vừa lắc đầu từ chối thì Cóc tóc đỏ đã nắm tay tôi kéo đi xênh xệch trước những cặp mắt tò mò và kinh ngạc của mọi người... Bây giờ, nó đứng trên hè, kể cho tôi nghe vụ xung đột nhà cai Càn :

— Chị biết không ? Lão cai Càn vừa đánh mu vọ kể đấy. Hai thằng con trai lão cũng nhảy vào đánh hời. Công an tóm lão lên đồn. Còn hai thằng ranh bị em trai bà Lưu tát tai cho đang la lối om sòm trong sân...

— Nhưng vì sao lão đánh cô Lưu chứ ? Vừa cười nhau được hơn một tháng mà !...

— Vàng, vàng... Tiền, tiền... từ đó mà ra cả...

Cóc tóc đỏ cong môi, khua hai tay như người rao bán dầu cũ là. Về mặt nó hăm hở và tức tối, đúng tính cách của một đứa trẻ quá quan tâm và làm quen với đồng tiền :

— Chị hiền không, lão cai Càn lừa mu vọ kể ngon ơ. Hồi cưới, lão xui mu bán nhà về ở với lão. Thu được sáu lạng vàng và một cục tiền, lão bảo vợ đem chung vốn buôn thuốc phiện với cánh Hà Nội. Mu vọ nghe ngọt nhạt gật đầu. Thế là lão tuốt về quê. Tuần sau, lão trở về bảo đã bị lừa hết. Mu vọ phát điên phát rồ kêu la, lão nện liền...

Tôi đứng lặng người. Thế là Loan bắt đầu cơ cực. Nỗi lo buồn không thể đo đếm, những tai ương không thể tính trước, người xưa nói đúng thật.

Cóc tóc đỏ thấy tôi im lặng, giơ cánh tay lên:

— Em mà như vậy ấy à?... Em sẽ róc xương lão ra cho tới khi lão trả đủ số vàng đó...

Lúc đó một bà già cao lóng không đứng bên kia đường gọi to:

— Con bé trời đánh kia, bố mày đang hét ầm cả nhà lên kia kia...

Cóc tóc đỏ nhướn cổ, đáp:

— Rồi rồi, thưa bà...

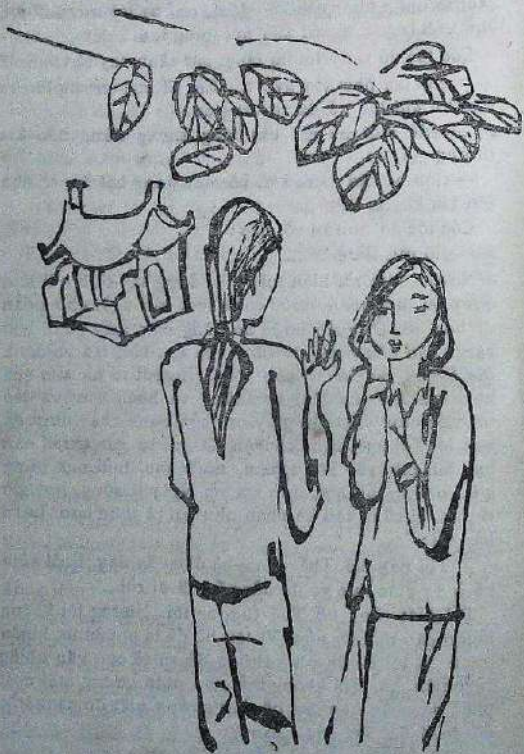
Nó chào tôi rồi biến mất. Tôi đứng suy tính hồi lâu, quay lại, tìm quán nước chè quen, vào ngồi chờ Loan đi học về. Ở quán nước đó cũng như mấy quán bên cạnh, đầu đầu người ta cũng xôn xao bàn tán vụ đánh lộn ở nhà cái Cấn. Nhân cơ đó, người ta lục tìm quá khứ mờ ám của lão, từ những vụ buôn bán lừa đảo tới việc chạy chọt xin giấy mở cửa hàng chạy nước đá bán lẻ. Tôi ngồi nghe chuyện vặt cho tới gần trưa Loan hạt mứt mới về. Tôi nghiệp, nó đi thui thui một mình giữa những lớp học sinh vui vẻ. Ngày thường, bao giờ chúng tôi cũng cặp kè nhau như đôi cá thồn bơn. Loan bảo tôi:

— Tối nay bố Thế đến nhà đảng ấy đấy. Buổi sớm bố ở Ty giáo dục về thi đảng ấy đã đi rồi...

Tôi biết rằng bố Thế thương tôi. Nhưng tôi không muốn gặp mặt bố nữa. Vì tôi, bố đã bị phê bình, khiển trách. Vì tôi bố đã phải chống đỡ và sẽ còn gặp nhiều sự phiền hà. Tôi không thể nào nhìn gương mặt chất phác và nhân hậu của bố, khi gương mặt đó nặng trĩu nỗi lo buồn. Tôi bảo Loan:

— Mình không về nhà đâu.

88/94 02060



Loan chưa kịp hỏi, tôi đã nói tiếp:

— Còn ^đđăng ấy cũng có chuyện cần phải nghĩ đấy. Ta tìm chỗ vắng rồi tờ sẽ kể lại đầu đuôi.

Nhìn về mặt tôi, Loan ngoan ngoãn phục tùng. Chúng tôi chui vào một ngõ hẻm có ngôi chùa cổ để tránh đám học sinh tan trường đang tiếp tục đi qua. Ở đó, dưới một tán bàng xanh um, tôi kể cho Loan biết vụ xung đột tại nhà cái Cán, biết mẹ Loan hiện đang nằm trên bệnh viện, biết tình thế của Loan hiện tại. Sau cùng, tôi bảo:

— Đăng ấy về thẳng nhà mình. Buổi chiều, mẹ mình sẽ đưa về nhà cái Cán lấy quần áo. Có đăng ấy ở với mẹ, mình sẽ yên tâm. Mà đăng ấy sẽ bớt khổ sở.

Loan im lặng. Tôi biết nó sẽ ưng thuận hoàn toàn. Lát sau, có bạn ngược nhìn tôi, hỏi rụt rè:

— Còn Bè... Bè đi đâu?

Tôi đáp:

— Không thể cho đăng ấy biết được. Chiều nay lúc năm giờ ta sẽ gặp nhau ở bến sông, chỗ buớc thuyền của bà An Lạc. Tuyệt đối không được cho mẹ mình và bố Thế biết rằng đã gặp mình. Thôi, dừng đây... và đi đi...

Loan tần ngần đứng lên. Rồi khi thấy ánh mắt giục giã của tôi, cô bạn cúi đầu bước.

Tôi ngồi dưới gốc bàng, ôm đầu suy tính: Đi đâu bây giờ? Đi đâu?... Ở thị trấn này chẳng?

Các thầy giáo cô giáo quen mẹ ở khắp nơi. Họ sẽ phát hiện ra tôi và đem trả ngay cho mẹ. Và mẹ sẽ lại nhìn tôi với con mắt lạnh lẽo, buồn rầu, không nói một tiếng. Chao ơi, tôi sợ những tia nhìn nghiệt ngã đó và sự im lặng hơn những roi đòn đau rát nhất từ xưa đến nay...

Hay về quê?

Không, về quê xa xôi quá. Vả lại có về đó rồi mẹ tôi cũng sẽ tìm thấy ngay. Mà tai hại hơn nữa, là tất cả bà

con, họ hàng, chị em họ, cháu họ xa gần sẽ biết tôi bị đuổi học. Xưa nay, tôi vẫn là ngọn cờ đề họ biểu dương : « cứ nhìn chị Bè con bác giáo Hạnh đấy, học sớm hai năm mà lớp nào cũng đứng thứ nhất ». Hoặc : « Cứ nhìn cô Bè con bà trẻ Hạnh đấy, học cứ như thần đồng. Còn chúng mày thì chỉ là một lũ ăn hại thôi... » Đáng buồn thay, thần tượng của họ đã bị sụp đổ rồi. Tai ương và lỗi lầm đã cướp đi của tôi niềm tự hào nhất đối với tuổi niên thiếu. Đi tới đâu, bây giờ tôi cũng giống như tên trộm bị đánh dấu trên mặt. Đi tới đâu, bây giờ tôi cũng bị nổi tử nhục bao vây...

Nghĩ tới đó, nước mắt tôi chảy ròng ròng trên má từ lúc nào không biết. Tôi cúi đầu úp mặt vào hai đầu gối để mấy bà già đi vào chùa khỏi nhìn thấy. Nghĩ lan man mãi, cuối cùng tôi quyết định đi tới nhà chú bé chụp cá bên kia sông.

Đồng hồ các nhà trong ngõ thông thả điểm mười hai tiếng chuông. Đám học sinh tan trường đã về tới nhà. Đường phố vắng vẻ hơn. Tôi đi rất nhanh ra bờ sông, mặt cúi gằm xuống đường để tránh những cặp mắt của người quen trong thị trấn. Bến sông vắng lặng. Làn nước lấp lánh dưới ánh nắng. Vài đám bèo Nhật Bản hoa tím nổi bập bềnh trên sông và một con bói cá lẻ loi, lông xanh biếc chốc chốc lại nhào xuống cặp mồi. Tôi định bơi qua sông nhưng chợt nhớ mình đang đói hơi dễ bị chuột rút nên tôi cố gắng leo lên đồi, đi vòng qua cầu để sang bờ bên kia. Vượt qua đê, tôi tới làng chú bé chụp cá đêm. Men theo hồ sen, tôi tìm lại được nếp nhà tranh nhỏ xiu, cổng bằng rào tre, mảnh sân hẹp như chiếc chiếu xung quanh có vài bông mào gà và cục kim chi vàng nở.

— Cau ơi Cau... Cọt ơi... Cọt...

Tôi cất tiếng gọi.

— Ai đấy, vào đi í í...

Giọng đàn bà cao vút trả lời. Rồi mẹ chú bé bước ra. Ban ngày, tôi nhìn rất rõ người đàn bà lai tàn tật. Lưng cô gù gập xuống khiến dáng người như con cua. Khuôn mặt đẹp nhưng quá nhỏ nên trông kỳ dị, đôi mắt rất to với những rạch sáng xanh lam, và những lọn tóc quăn màu hung rực rỡ bao quanh mái đầu.

— A, cháu đã đến chơi đêm trước, đúng không?...

Cô cất tiếng cười vui vẻ, hỏi tôi.

Tôi lung tung cảm động vì thái độ hồ hởi của người đàn bà, khẽ đáp:

— Thưa cô, vâng a...

Chủ nhân quay người đi trước, miệng nói:

— Vào nhà kéo nạng.

Tôi hỏi:

— Em Cau có nhà không cô?

Người đàn bà bước vào nhà, ngồi xuống chõng, lấy tích rót nước vào chén cho tôi rồi mới trả lời:

— Em Cau đi học rồi. Nhưng cháu cứ ngồi chơi.

Chờ tôi bung chén nước uống, người đàn bà lặng lẽ xuống bếp. Rồi sau đó, cô trở lại với một nồi đất đầy ngô bung đậu đen:

— Cháu uống nước rồi ăn ngô. Cô với em vừa ăn xong tức thì.

Tôi thấy những ánh mắt xanh long lanh của cô nhìn tôi trong sáng và nhân hậu quá. Dưới cái vỏ ngoài kỳ dị, tâm hồn cô dịu dàng và tinh tế. Lòng tốt của cô khiến tôi bàng hoàng. Tôi nói khẽ:

— Cháu cảm ơn cô.

Người đàn bà cười:

— Ô, có gì đâu...

Rồi cô nói lảng sang chuyện khác:

Chiều hôm đó, tôi kể cho cô nghe tất cả những rủi ro của mình. Tôi kể một cách tự nhiên, tin cậy như

tôi đã thân thiết với gia đình cô từ lâu lắm. Người đàn bà lắng nghe với vẻ cảm thông, trầm tĩnh. Sau đó cô bảo tôi:

— Tất cả rồi sẽ đầu vào đấy. Cháu cứ tin điều cô nói. Qua cơn bĩ cực, tôi tuần thái lai.

Chứng non chiều, người tôi bỗng mệt rũ rời. Mắt dip lại sau những ngày căng thẳng. Tôi có ý nghĩ nếu đặt lưng xuống tôi sẽ ngủ mãi mãi không thể thức dậy được. Thế nhưng, tôi ngủ được tới năm rưỡi, Cau đánh thức. Chú bé gọi:

— Chị dậy ăn cơm. Cơm chín rồi.

Tôi choàng dậy. Tất năng rồi. Những ráng chiều màu đỏ, màu da cam chất ngất ở phía tây, trải lên mặt đất thứ ánh sáng như đồng chảy. Trong ngôi nhà tranh, mọi vật đã nhũn nhòa. Trước sau, chỉ còn những bóng cục kim chi và những bóng mào gà là còn tươi sáng. Tôi sực nhớ giờ hẹn với Loan, hốt hoảng:

— Mấy giờ rồi, Cau nhỉ?

Chú bé ngửa mặt, nhìn trời:

— Sắp sáu giờ.

Tôi nói:

— Thôi chết, mình phải đi ngay.

Cau túm tay tôi lại:

— Không đi đâu cả. Cơm dọn ra rồi. Ăn xong đã.

Tôi nói:

— Nhưng có việc cần, mà mình đã hẹn...

Chú bé nghiêm nghị nhìn tôi:

— Việc nào cũng phải ăn rồi mới có sức làm được.

Và mẹ chú từ trong bếp bước ra, má đỏ lựng hơi lửa tiếp lời con:

— Cơm thương cháo thương hơn tất cả mọi người thương. Phải ăn đã, cháu a...

Tôi không còn cách nào hơn là ngồi xuống bên chiếc mâm gỗ đặt ngay giữa sân. Trên mâm, một đĩa rau

khoài lang luộc chín tới xanh rờn đang bốc khói. Chiếc đĩa nhỏ đựng cả chảo kho với tép và ớt chỉ thiên.

Mẹ chủ bé chup cá bảo con:

— Cau mức tương chưa nhỉ?

Chủ bé vội trả lời:

— Con mức tương bây giờ đây.

Nói đoạn, chủ cầm chiếc bát sạch, ra góc sân. Ở đó, có một chiếc chum da lươn nhẵn bóng. Trên miệng chum úp cái chậu sành con. Cau thận trọng lật chiếc chậu sành lên. Xong, nó dỡ mấy lượt lá chuối khô phủ trên rồi mới tới lượt vải màn bên dưới. Cuốn tấm vải màn sang một bên, chủ bé vục cái bát ăn cơm vào trong chum. Rồi khi nhắc bát tương lên, nó thè lưỡi liếm những giọt tương rớt bên dưới bát khiến tôi sực bật cười. May mà tôi ghim giữ được.

Chúng tôi ngồi xuống ăn cơm khi trời chập choạng tối. Ánh hoàng hôn chỉ còn vương vất trên những ngọn tre cao vút và những tán lá xoan mỏng manh, luôn luôn lay động vì gió thổi. Quanh sân, những con cóc già nghiêng rặng treo treo nơi góc tường hoặc kẽ đất. Thỉnh thoảng, cào cào chân chấu từ đồng lúa bay vào, đá tạch vào tai tôi, vừa đau vừa ngứa. Tôi lo ngay ngáy khi nghĩ tới chuyện một chú ếch ương hoặc nhái hèn nhảy vào bát tương hay đĩa cá. Nhưng may sao, điều đó không xảy đến. Còn mẹ con chủ bé Cau đã quen ăn cơm ngoài trời nên chẳng mấy may bận tâm. Sau này, khi đã quen, tôi cũng cảm thấy ăn cơm ngoài trời thú vị. Bầu không khí mát mẻ, thoáng đãng khiến ta ngon miệng hơn. Và phong cảnh xung quanh cũng làm cho bữa ăn đậm bạc thêm thi vị.

Ăn xong, tôi ra bến sông. Không thấy Loan hát mít ở đó. Tôi ngồi chầu hầu bên chiếc thuyền tòn của bà An Lạc cho tới hơn bảy giờ tối Loan mới dò dẫm tới nơi.

Tôi chưa kịp hỏi, nó đã nhăn nhó:

— Mẹ chẳng ấy không cho đi.

— Tại sao cơ?

— Cô bảo ở nhà với cô cho đỡ buồn. Sau tớ phải nói dối là tới nhà Yến sưu mượn bài tập vật lý mới đi nổi.

— Mẹ tớ có tìm tớ không?

— Có. Cô đi khắp lượt những nhà quen trong thị trấn.

— Rồi sao?

— Không tìm thấy, cô đoán rằng ấy về quê ngoại.

— Biết ngay mà...

Tôi lăm băm, hết sức hài lòng vì mình đã tỉnh đúng mọi nước.

Loan kể tiếp:

— Chiều, cô Hạnh đưa tớ lên viện thăm mẹ tớ rồi sang nhà cai Cấn lấy quần áo.

— Mẹ chẳng ấy ra sao?

— Đau lắm nhưng vẫn tỉnh. Mẹ tớ khóc nước nỏ, xin lỗi vì không nghe lời cô.

— Thế mẹ chẳng ấy có bằng lòng cho chẳng ấy ở với mẹ tớ không?

— Có. Mẹ tớ bảo khi ra viện, mẹ tớ cũng không về nhà lão cai Cấn nữa...

Hai đứa im lặng một lúc, rồi tôi hỏi Loan:

— Chiều ăn cơm với gì?

— Rau muống xào tỏi và trứng luộc.

— Còn mình, mình ăn rau lang luộc chấm tương mà cũng thấy ngon. Con người sẽ quen được mọi thứ...

Tôi nói vừa như để lên lớp cho cô bạn, vừa như tự bảo mình. Loan nhìn tôi, mắt long lanh như ướt nước:

— Chẳng ấy có đói không?... Nay, cầm lấy ăn cho đỡ thèm.

Nó rút trong túi ra một gói kẹo đưa cho tôi. Tôi chưa kịp bóc kẹo ăn thì Loan đã thò tay vào lục trong lưng quần hồi lâu, rồi móc ra một gói giấy khác:

— Đây nữa.

Tôi cầm gói giấy, giơ lên dưới ánh sao:

— Gì thế này?

Loan nói khẽ:

— Tiền.

Tôi sững sốt hỏi:

— Một mình dăng kẹ mà dám ra đảo lấy tiền cơ à?

Loan lắc đầu:

— Không. Đây là tiền khác... Mà nhiều lắm, nhiều hơn cả kho tàng của chúng mình.

Nó nhìn quanh quần rồi quỳ xuống ghé sát tai tôi, thì thầm:

— Hai trăm cơ đấy. Toàn giấy mười đồng thôi.

Tôi sững sờ. Quả thực lúc đó hai trăm là to lắm. Cả vốn liếng hai đứa tôi dành dụm ngoài đảo cũng chỉ ngót nghét năm mươi đồng. Mà chỉ toàn giấy năm hào, một đồng mới. Chưa bao giờ chúng tôi có được một tờ năm đồng trong tay. Ngày ấy ăn quả chỉ cần ba hào là sang lắm. Ba hào một bát phở tái. Một hào ba quả chuối chín, mười hai cái kẹo bột, hoặc hai tấm bánh dẻo không nhân. Trứng gà chỉ có sáu, bảy xu một quả. Còn trứng vịt to nhất cũng chỉ một hào một là cùng... Đó, bạn hãy cứ hình dung ra giá trị món tiền hai trăm đối với chúng tôi trong lúc vật giá như vậy.

Tôi cầm gói tiền, hỏi Loan:

— Tiền ở đâu ra? Ai cho thế?

Loan rút tay lại:

— Không ai cho cả.

Tôi hỏi:

— Không ai cho thì cậu lấy ở đâu?

Thấy vẻ nghiêm nghị và ngờ vực trên mặt tôi, Loan nói khe khẽ:

— Mình không làm điều gì xấu cả. Mai mình sẽ nói. Bây giờ mình phải về, không có sẽ mắng.

Nói xong, không chờ tôi trả lời, Loan quay về phía thị trấn, đi mãi miết như chạy.

Tôi giắt gói tiền vào cái túi nhỏ trong lưng quần. Tính tôi hay ăn vặt: lạc rang, hạt dẻ, thóc nếp rang hay bỏng ngô... Thế nên quần nào tôi cũng khâu một chiếc túi để tiện chứa thực phẩm. Không ngờ cái túi con bây giờ có giá trị lớn lao thế. Tôi cẩn thận sờ các đường chỉ may xung quanh, rồi lấy ghim băng gài chặt lại.

Về nhà Cau, tôi thấy chú bé đang chuẩn bị đồ nghề đi cá. Tôi bảo:

— Cho chị đi với nhé.

Cau lắc đầu:

— Không được. Mẹ em bảo chị đang mệt lắm, đêm nay phải ở nhà nghỉ ngơi đã. Khi nào bé khỏe mới được đi. Sương đêm độc lắm, con gái không thể liều được đâu.

Nói xong, chú bé đưa mắt nhìn mẹ. Người đàn bà cười:

— Em Cau nói đúng đấy. Cháu không bị được với nó đâu.

Cau đưa mắt nhìn tôi kiên nhẫn như muốn nói: «Chị đã thấy chưa?». Rồi nó cao giọng:

— Chị ấy ở phố nên thích ăn khoai hầm lắm đấy. Chốc nữa mẹ đồ trấu nấu một nồi, mẹ nhé.

Người đàn bà gật đầu, trả lời với giọng nói thánh thót nhẹ nhàng như giọng thiếu nữ:

- Con cứ đi đi. Mẹ nhớ rồi.

Chú bé đeo giỏ, xách chạp ra sân. Lưng lủng lẳng những hộp mồi lớn, mồi nhỏ. Tay nắm một bó cần câu nhỏ. Trông nó oai vệ như viên tướng xuất trận. Bỗng dưng, tôi ao ước được như nó. Tôi ao ước mình cũng làm được một công việc gì đó hữu ích như Cầu để nuôi mẹ, đem lại niềm vui sướng cho những người thân và trở thành trụ cột của gia đình...

Tôi cứ theo đuổi những ý nghĩ đó mãi cho tới khi mẹ chú bé dừng dây dề sắp nồi khoai hầm theo lời con dặn. Tôi theo cô xuống bếp. Người đàn bà vẫn nồi cám lợn sang bên, bắc nồi khoai lên bếp. Những tàn lửa đỏ bắn lung tung như hoa cà hoa cải. Chúng tôi đun khoai tới lúc nước sắp cạn thì ú vào lửa trần. Sẵn than, người đàn bà nướng thêm mấy củ khoai nhỏ cho tôi ăn trước. Tôi ngồi rủ rủ nói chuyện với cô cho mãi tới khuya mới lên giường ngủ. Trong giấc ngủ đầu tiên xa nhà, bao nhiêu giấc mơ ngắn ngủi và lộn xộn ập đến, giống như những câu chuyện thực xen lẫn những huyền thoại hoang đường. Tuy thế, đó cũng là một giấc ngủ ngon lành, nó đem lại cho tôi sự thoải mái, niềm phấn khởi để bước tiếp trong những ngày tháng tới.

ÔNG GIÀ CHẶN VIT

Tám giờ rưỡi sáng hôm sau tôi mới tỉnh dậy.

Căn nhà vắng vẻ. Chỉ có tiếng thạch sùng tắc lười trên mái gian nhà. Gà trong xóm chốc lát lại gáy te te. Ngoài sân, một con mèo hoang gừ gừ với chủ gian.

vừa chop được. Mẹ con chú bé Cau đi đầu từ sớm. Họ để phần tôi một bát khoai hầm trên chõng. Tôi ra sân ánh nắng, rửa mặt bằng tay rồi trở vào ăn khoai. Xong, tôi lững thững đi theo con đường làng, qua những khu vườn là những mái nhà nối tiếp. Giờ này, dân trong các xóm đã ra đồng. Chỉ có những bà già giữ cháu và đám trẻ lau nhau chơi khăng, chơi đáo là còn ở nhà. Phía đình làng, lớp mẫu giáo đang học. Bên cạnh đó, nhà trẻ hợp tác có cái giếng xây to tương và một dây khăng mặt bay phấp phới trên dây phơi. Thằng cu nào đó đang ăn vạ gào rất to. Tiếng cô giữ trẻ cổ át đi mà không được. Tôi ngắm nhìn những rặng táo qua mùa, chỉ còn lại dăm quả lơ thơ, nhỏ như cuống cá pháo. Hồi lâu, buồn chán, tôi quay gót ra đồng.

Từ làng ra đồng có một con đường nhỏ, chạy song song với dòng mương. Đường bờ vùng vừa đủ cho xe cải tiến chở phân ra bón và chở lúa về sân phơi. Còn khắp nơi là ruộng xanh ngút ngát, chạy menh mông tới chân trời. Lác đác có những mảnh đầm rộng, loang loang nước. Ở đó, dù xa, cũng có thể thấy những đốm trắng li ti xao động. Đó là những đàn vịt được lúa đi kiếm ăn.

Nắng chưa gay gắt nhưng vừa đủ rực rỡ để cho những đám mây lung linh như thêu kim tuyến. Dọc bờ ruộng, cây vôi vôi uốn những chùm hoa tím nhạt xuống mặt cỏ. Còn những bụi cỏ mặt xanh thì tỏa lên mùi hương ngọt ngào, say sưa như ủ men rượu bên trong. Con mương kẻ một vệt dài thẳng tắp trên cánh đồng lúa. Và mặt nước sóng sánh lay động của nó khiến tôi nhớ lại một câu chuyện xa xưa:

... Có một hoàng tử thích chơi thuyền. Nhà vua đóng cho chiếc thuyền rồng xinh xắn. Rồi ngài lại sai quân

lình đào một dòng sông nhỏ trong thành. Hoàng tử vui sướng thả con thuyền của mình lên đó. Viên cận thần của vua nói: « Thưa hoàng tử, thuyền rồng của hoàng tử đã tới biển Cát-xpien... » Ông hoàng con ngạc nhiên hỏi: « Thuyền ta đã tới Cát-xpien rồi sao ? » Viên cận thần đáp: « Thưa hoàng tử, đúng như vậy ». Hoàng tử cười, và từ đó cứ định nhìn dòng sông đào trong kinh thành của vua cha là biển Cát-xpien xa xôi, hùng vĩ...

Chợt nhớ lại câu chuyện về ông hoàng con thơ ngây, tôi mỉm cười. Dẫu sao, tôi cũng trưởng thành và cứng cỏi hơn anh chàng con vua. Nghĩ lan man, tôi đã ra tới giữa đồng. Cách dòng mương chừng hai mươi thước, nổi lên một gò đất. Gò đất ăn liền với con đường. Trên đó, mọc sừng sững một cây gạo lớn. Gốc cây to, xù xì hươu, một người lớn đang tay ôm mới hết nửa vòng. Cảnh cây trở ra bốn phía, đa nầu pha từng mảng trắng phếu. Hoa gạo đã rụng hết, chỉ còn lại những chùm quả xanh non mềm mại. Tàn lá mỏng, cuốn lao xao trong gió. Cây gạo già khiến tôi đứng lặng đi vì cảm phục. Vẻ đẹp của nó hùng vĩ và thanh cao quá, giống như vẻ đẹp của những ông thần trong chuyện cổ chứ không phải vẻ đẹp của một loài cây bình thường trên mặt đất.

Nhưng sau phút giây sững sờ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, tôi chợt thấy mình bơ vơ. Lạc lõng giữa cánh đồng bao la tràn trề ánh nắng và màu xanh cây cỏ, tôi thấy mình như một kẻ bị lãng quên. Chẳng ai cần đến tôi, biết đến tôi lúc này: Dòng mương lấp lánh trời. Nó tự thầm thì trò chuyện với mình. Những cây vôi vôi hoa tím rủ rủ với những con ong ruồi bé tí. Cây gạo oai phong kia trò chuyện với bầu trời. Những người dân đang làm cỏ lúa và vãi phân trò chuyện cùng nhau. Chỉ mình tôi bơ vơ, đơn chiếc. Tôi đi tới gốc gạo. Tôi định hong sẽ ngồi đó chơi cho tới khi chú bé Cau đi

học về. Đến đỉnh gò, tôi chợt thấy một ông già nhỏ bé ngồi thu lu dưới gò, giáp với những đám ruộng. Vì gò đất cao, từ xa tôi không thể nhìn thấy ông. Ông nhỏ bé đến nỗi tôi cứ tưởng rằng ông vừa lu khụ bước ra từ cánh rừng nào đó của các chủ lùn và nàng Bạch Tuyết. Ông đội mũ lá, mặc áo bộ đội chần ba mươi hai đường gân khò (loại áo từ thời kháng chiến chống Pháp). Chiếc quần vải nâu xăn cao. Tay ông khoanh trước gối, vẻ mặt tư lự như mặt tượng Tuyết Sơn trong chùa. Bên cạnh ông, đặt một cây que dài, đầu buộc túm lá chuối khô. Té ra ông là một ông già chần vịt. Trong mảnh đầm nhỏ bị vây giữa đám ruộng, dưới chân ông, đầm chục ả vịt bầu đang ngoi lên ngụp xuống, vẻ thỏa thuê khoái trá.

Thấy tôi đi đến, ông già quay đầu lại.

— Châu chào ông ạ — tôi nói.

— A, ông chào cháu. — Ông già đáp lời, cặp mắt ẩn dưới hai hàng lông mày bạc nhìn tôi hơi tò mò. — Cháu ở đâu đến đây? — Ông hỏi.

— Thưa ông, cháu ở trong phố.

Tôi đáp lời. Rồi tôi ngồi xuống vạt cỏ dưới chân gò. Những con vịt dưới đầm ẩn nọ, phồn chí vươn cánh lên vỗ phành phạch và định nhảy sang ruộng lúa. Ông già chần vịt đứng dậy, hươ cái cần tre buộc túm lá chuối khô, miệng dọa:

— Xùy, xùy...

Lũ vịt quắc mồm kêu các các rồi hốt hoảng quay lại, nhảy tồm xuống đầm. Rồi chúng lại mò hup, bơi lội một cách ngoan ngoãn trong phạm vi mảnh đầm nhỏ bé. Ông già chần vịt lại ngồi xuống, đặt chiếc cần tre sang bên cạnh. Rồi ông lục túi áo, lấy ra bao thuốc thơm Thủ Đô. Móc túi bên kia, ông lại lấy ra chiếc bát lửa nhỏ xíu, ma kền sáng loáng. Ông thông thả rút thuốc, đổ lên mặt bao cho chặt, bật lửa châm. Cử chỉ

của ông không giống tất cả những ông già chần vẹt bình thường. Những người chần vẹt không bao giờ đuổi vẹt : « xùy, xùy... » như ông hồi nãy. Họ cũng không hút thuốc như ông. Thường thường, khi thêm thuốc, họ móc hộp thuốc lão trong túi áo ra, rút chiếc diều tre gài ở thắt lưng bên kia một que dóm dài mang đi từ nhà, hoặc giật mái lều lấy nước lạt châm lửa. Thuốc đã cháy, họ rít liền ba bốn hơi, cổ họng thít vào thật sâu, diều nổ giòn như pháo : rọc rọc rọc... Hút xong, thế nào họ cũng ngửa cổ lên, lim dim mắt và từ từ nhả khói trong họng ra. Họ nhả khói một cách chậm chạp, khoáng trá và lâu đến nỗi đôi khi, tôi tưởng cổ họng có một đám trấu rấm lửa ở bên trong, nên những hơi khói trắng đục cứ tuôn mãi chẳng ngừng... Rồi nhả hết khói, bất chợt họ mở choàng mắt, đưa chiếc diều lên nhìn như nhìn người bạn lâu ngày mới gặp. Và sau đó, họ giơ tay vỗ hộp vào miệng diều cây. Thế là mỗi thuốc tàn trong nõ nhảy bật ra, như con cóc nhảy ra từ miệng mụ phù thủy...

Những lần về quê ngoại, tôi thường theo đám em họ, cháu họ ra đồng. Và nhờ những ngày lang thang, rong chơi đó, tôi biết được khá nhiều thứ. Sau khi suy xét, tôi dám nghi ngờ ông già chần vẹt kỳ lạ này. Ngoài chuyện đuổi vẹt như đuổi chó và cách hút thuốc rất linh thành ra, ông còn có đôi tay nhỏ xíu và những cử chỉ hết sức lịch lãm, tinh vi.

Ông cụ ở đâu đến đây ?

Tôi thăm hỏi, bắt khéo nhìn mái tóc trắng như cước của ông phủ xuống tận gáy. Ông già dường như không để ý đến vẻ tò mò của tôi, ngả người ra phía sau, nhả khói lên trời. Mắt ông nheo lại, và những nếp nhăn chỉ chít tụ sau đuôi mắt.

Bất ngờ, ông quay lại bảo tôi :

— Này cô bé, lại đây ông bảo.

Tôi vẫn ngồi im trên vạt cỏ, phân vân.

— Lại đây với ông nào...

Ông già khuyến khích. Giọng ông nhỏ nhẹ, hơi trầm.

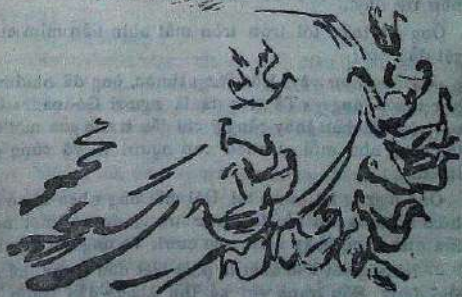
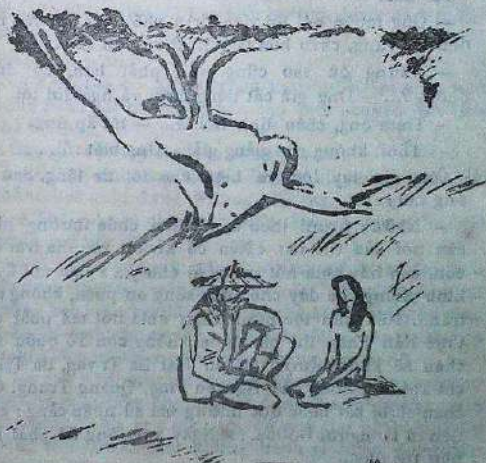
Tôi nhìn cặp mắt hiền hòa của ông, vững tâm tới gần. Ông dắt tay tôi ngồi xuống bên mình, cất tiếng hỏi :

— Có chuyện gì buồn mà lang thang bỏ học bỏ hành thế?... Nhìn vào mắt cháu, ông biết được điều đó... Hãy nói cho ông nghe xem sao. Có thể, ông sẽ giúp được cháu ít nhiều. Còn nếu như ông không giúp được cháu, ông sẽ im như hạt thóc trong vựa lúa. Cháu cứ yên tâm...

Tôi ngạc nhiên nhìn ông. Ông đưa cặp mắt già nua, thoáng nhìn tôi trêu mếu. Rồi ông lại ngẩng lên, rít thuốc và lơ đãng thả từng làn khói vào khung trời xanh thoáng đãng. Sự im lặng của ông chứa đựng điều gì đó khiến tôi bỗng thấy ông gần gũi, tin cậy. Và phía sau những lời khích lệ nhẹ nhàng của ông có một sức mạnh vô hình mà tôi có thể tựa đỡ, cũng như có thể gửi gắm tâm sự của mình. Tôi im lặng hồi lâu, rồi chậm rãi cất tiếng. Mọi chuyện đều được miêu tả lại minh bạch, rõ ràng, không thêm không bớt. Có lẽ, tôi đã qua những phút giây quá xúc động. Tôi đã quen được với nỗi đau khổ của mình nên tôi nói về nó với một giọng điệu bình tĩnh. Trong thời gian tôi nói, ông già đã hai lần rút thuốc, chậm lửa hút. Những mẩu tàn ném xuống vạt cỏ, dưới chân ông. Cặp mắt sâu của ông như bất động dưới hai hàng lông mày bạc trắng. Cảnh mũi khê phập phồng và cuc yết hầu chuyển động mỗi khi ông thở.

Khi tôi kể xong, ông khẽ đưa tay vuốt mái tóc tôi :

— Này cô bé, theo cháu thì việc làm của cháu sai hay đúng ?



Tôi hỏi:

— Ông muốn nói tới việc cháu nhốt ông Gia vào nhà tiên?... Vâng, cháu biết là sai, nhưng dù sao...

— Nhưng dù sao cũng vẫn phải làm, có đúng không?... — Ông già cất tiếng cười và ngắt lời tôi.

— Thưa ông, cháu định nói là... — tôi ấp úng.

— Thôi, không cần giảng giải... Ông biết rồi...

Ông giờ tay lên, ra hiệu cho tôi im lặng. Sau đó ông nói:

— Những người theo đạo Thiên chúa thường nhắc câu nói của Giê-su: « Nếu có kẻ tát vào má trái của con, con hãy chia nốt má phải cho y... » Câu nói ấy là bình phong che đậy cho cuộc sống an phận, không đấu tranh. Nếu dân tộc mình cũng chia nốt má phải cho thực dân Pháp thì chúng ta không còn Tổ quốc. Các cháu sẽ không được học sử Hai Bà Trưng, Bà Triệu, chí khí anh hùng của Nguyễn Huệ, Quang Trung. Các cháu sẽ bị bắt buộc đọc những bài sử nhập cảng: « Tổ tiên ta là người Gô-loa... » Ngày xưa, ông đã phải học như thế đấy...

Ông già thấy tôi tròn tròn mắt nhìn liền mỉm cười, gật đầu nói:

— Đúng như vậy. Hồi Pháp thuộc, ông đã nhai nhai học thuộc lòng: « Tổ tiên ta là người Gô-loa... » Ông nói vậy để cháu thấy rằng ý chỉ đấu tranh của một dân tộc cũng như mỗi cá nhân con người là vô cùng cần thiết...

Ông ngừng lại, nhìn tôi. Đôi mắt ông nheo nheo đầy hóm hỉnh và vui vẻ. Tựa như trong đó có một ngọn lửa nhỏ đang nhảy nhót, reo cười. Và ông nói tiếp:

— Nhưng cái khó nhất là phải biết đấu tranh thế nào cho đúng. Đấu tranh với kẻ thù khác, đấu tranh với

những sai lầm của những người xung quanh khác. Nhất là khi người đó lớn tuổi hơn và đứng vào một vị trí mà mình phải tôn trọng.

Tôi nói luôn :

— Như thế có nghĩa rằng cháu phải im lặng chịu đựng hoặc chỉ có quyền báo cáo mọi chuyện với thầy chủ nhiệm...

Ông già đặt tay lên đầu tôi, ngắt lời :

— Cứ từ từ, đừng vội vã. Ông không bảo cháu phải nhẫn nhục chịu đựng. Nhưng cần thận trọng.

— Thế ở hoàn cảnh của cháu, ông sẽ làm gì? — tôi nòn nóng hỏi tiếp.

— Ờ ờ... — Ông già gật gù. — Ông sẽ kiên tâm theo dõi mọi sự thêm một thời gian nữa, vì biết đâu mình chẳng kết luận hồ đồ. Hoặc nếu không hồ đồ thì cũng thiếu tang chứng cụ thể. Đời xưa đã có câu: «Nói có sách, mách có chứng...» Cháu không nhớ sao?

Tôi sực nhớ lại việc chị Bội từ chối hoàn toàn sự thực và cảm thấy ông già nói đúng. Nói có sách, mách có chứng... Quả là chúng tôi đã quá thờ ơ ngây, hấp tấp trong việc báo cáo lại những hành vi thiếu đứng đắn của ông Già.

Ông già nói tiếp :

— Muốn được việc, tất cả các điều kiện phải chín muồi. Như ông, thì cháu nên nói rõ chuyện với mẹ, với thầy chủ nhiệm, với người nào đó sáng suốt, công bằng, và quan trọng hơn cả là có đủ tư cách và quyền lực giải quyết.

— Nhưng mà ông ấy trù úm cháu, hành hạ cháu ác độc lắm — tôi kêu lên.

— Ông biết chứ — ông già nhẹ nhàng, trầm tĩnh trả lời. — Nhưng dù sao cháu cũng phải can đảm chịu đựng cho đến khi mọi sự sáng tỏ. Trong đời, đôi khi rủi ro ta gặp phải những kẻ xấu, kẻ ác. Nếu ta hấp

tấp chống trả lại, không đắn đo suy nghĩ thì hỏng việc. Kẽ xấu không bị phơi áo mà chính ta sẽ thiệt thân. Vì như hoàn cảnh của cháu vậy, cháu bị đuổi học, còn ông giáo hư hỏng kia thì lại trắng án...

— Đời toàn những bất công — tôi kêu lên lần thứ hai, tức tối.

Ông già lại nhẹ nhẹ vuốt tóc tôi, cười:

— Đừng vung tay lên thế, va vào đầu ông thì ông đau lắm. Ông già rồi, không chịu được đòn như cháu đâu... Này, cô bé ngoan ngoan ơi, cháu đang buồn nhưng đừng vội bi quan. Đời có bất công chứ không hoàn toàn bất công như cháu nói. Mẹ cháu có thương yêu cháu hết lòng không? Có thể mẹ cháu chỉ quen nghĩ một cách đơn giản và không lường hết những phức tạp của cuộc đời nên đã không tìm được cách cư xử đúng với cháu trong lúc này và khiến cháu bỏ nhà ra đi... Nhưng mẹ cháu vẫn là người tốt. Thầy chủ nhiệm của cháu thì tuyệt diệu. Đúng không? Còn cậu bé có ông bố nát rượu đó, tên là gì nhỉ? À Ly, Ly... một cái tên đẹp như tên con gái. Nó cao thượng đấy chứ?... Và còn mẹ con chủ bé đánh cá ở làng này nữa... Biết bao người! Vì những người đó mà cuộc đời này tươi đẹp và đáng sống biết bao. Cháu đừng mong trên trái đất chỉ toàn những người tốt. Cái xấu đi kèm với cái tốt như bóng đêm đi bên ánh sáng. Không có đêm, sao ta phân biệt được ngày? Kẽ xấu, kẻ ác bao giờ cũng tồn tại trong xã hội, và người tốt phải đấu tranh với chúng... Và lại, cái xấu ngày nay đâu có thấm thía gì! Cháu cứ tưởng tượng xem, tên giáo viên đồi bại kia lại là một thằng mắt xanh mũi lõ. Nó có thể hãm hiếp mẹ cháu, đốt nhà cháu...

— Thà như thế để cháu đi làm cách mạng giết chết nó còn hơn... Chứ như thế này, tức lắm... — tôi ầm ừ nói.

— Cha cha cha... — ông già cười to. — Đừng nói tâm bậy. Không có thù hận nào mãnh liệt và thiêng liêng hơn thù hận của một dân tộc bị cướp đoạt tự do. Nỗi oan ức của cháu bây giờ chỉ là cái gai đâm sây tí da chân thôi. Phải đứng cầm vượt lên, cô bé ơi. Phải nghĩ tới tương lai.

— Cháu chẳng có tương lai nào hết... — tôi nói. — Bà hiệu trưởng đã gửi thông báo kỉ luật cháu khắp các trường cấp ba trong tỉnh. Cháu biết đi đâu bây giờ? Thế là chấm hết.

— Chấm hết — ông già nhắc lại câu nói, với vẻ giễu cợt thân ái. — Năm mười bảy, sống dưới ngọn roi của pò-lit Pháp, ông vẫn thấy cuộc đời bắt đầu chứ không phải là chấm hết...

— Nhưng cháu biết làm gì bây giờ? Chẳng lẽ cháu đi bán kem lấy tiền lời hay ra chợ xếp hàng bán năm xu một chỗ...

Tôi định nói đùa nhưng miệng lại mếu xệch và nước mắt tự tuôn ra ào ào không thể nào ghìm được.

Ông già lặng im giây lát, rồi lại vuốt tóc tôi:

— Đừng mura rào nữa mà! Trời đã tạnh rào từ lâu rồi.. Cô bé ơi, nín đi rồi ông kể cho mà nghe. Hồi trước ông đọc một cuốn truyện bằng tiếng Pháp, nhan đề Pa-pi-ông, nghĩa là Con bướm. Con bướm là biệt hiệu của một người tù. Và cuốn truyện đó thuật lại cuộc đời của anh ta. Con bướm vốn là một thanh niên lương thiện bị kết tội oan. Cuộc sống tù tội khiến anh ta trở nên một kẻ gan góc, lì lợm, có khả năng làm những việc ghê gớm như bắt cá sấu, giết kẻ mưu phản để trả trả hận tay, tổ chức những cuộc vượt ngục mạo hiểm và dẫm máu... Con bướm trốn trại nhiều lần. Lần nào cũng bị bắt và đẩy dọa khổ sở hơn. Anh ta bị nhốt dưới hầm cấm cố, quanh năm không nhìn thấy ánh

mặt trời. Phải ăn cả những con gián, con rết sống dễ sống. Anh ta đã từng lạc tới đảo của những người hủi, bị chim trong đầm lầy, bị vùi dập trong những cơn đông tố... Mặc những dây ải khổng khiếp đó, ý chí tự do của người tù không lùi bước. Cuối cùng, khi tất cả bạn bè đầu hàng, yên phận sống trong trại giam, con bướm đã vượt biển trên một chiếc bè làm bằng những quả dừa khô và đi tới châu Mỹ. Lúc đó, anh ta đã già, tóc trắng như sương. Pa-pi-ông viết cuốn truyện tự thuật cuộc đời mình, và trở thành một nhà văn lừng lẫy của thế giới. Chính phủ Pháp, cái chính phủ bỏ tù oan Pa-pi-ông, tại đảo Guy-am, đã phải mời anh trở về thăm Tổ quốc, không phải với danh hiệu một tù nhân, mà với danh hiệu của một nhà văn được hàm mộ...

Thấy tôi há hốc miệng nghe, ông già cười :

— Thế nào ?...

Tôi then thùng cúi đầu xuống.

Ông già chau vệt hỏi tiếp :

— Châu đã đọc Goóc-ki chưa ?

Tôi đáp :

— Châu mới đọc « Bài ca chim báo bão » trong văn tuyển lớp chín.

Ông già hỏi :

— Còn quyển « Thời thơ ấu » và « Trường đại học của tôi » ?

Tôi then thùng thủ nhận :

— Chưa ạ.

Ông già lắc đầu :

— Thật đáng tiếc. Đọc những tác phẩm đó, cháu sẽ hiểu được nhiều điều. Goóc-ki, tiếng Nga có nghĩa là cay đắng. Ông là đứa trẻ mồ côi, phải lang thang kiếm sống từ thời thơ ấu. Ông đã từng đọc sách bằng ánh trăng phản chiếu lên một chiếc xoang nhôm, chứ không

phải dưới ánh đèn một trăm nến như chân ở nhà — nói tôi đây, ông nhìn tôi cười giễu cợt. — Goóc-ki đã từng làm đủ mọi nghề, sống với những kẻ mà người ta quen gọi là lớp người dưới đáy của xã hội. Các trường đại học của ông chính là những khuôn hình của cuộc đời rộng lớn và đau khổ ở nước Nga xưa. Đi qua cuộc đời ấy, ông vẫn giữ được tấm lòng nhân ái, cao thượng của mình. Ông trở thành một nhà văn được nhân loại yêu quý.

Tôi im lặng. Ông già lại nhìn vào mắt tôi :

— Chắc hẳn rằng Goóc-ki không bao giờ nghĩ tới chuyện chấm hết, dù ông đói khát hoặc đau khổ.

Ngừng lại giây phút, ông hạ giọng nói khẽ khàng :

—Đừng bao giờ nghĩ tới chuyện chấm hết, ngay cả khi người ta đã già rồi.

Dứt câu, ông trầm ngâm nhìn ra phía trước. Tôi im lặng ngồi bên ông. Tôi biết ông đang theo đuổi những ý nghĩ rất riêng biệt và tôi không muốn khuấy động giây phút trầm tư đó. Những câu chuyện ông vừa kể còn xáo động tâm tư tôi. Chúng khơi mở một thế giới hùng vĩ và lấp lánh. Có lẽ từ khi tôi lớn tới giờ, chưa người nào làm được công việc thiêng liêng đó. Ông già thối vào tôi một ngọn lửa kỳ diệu, khiến tôi bỗng thấy mình khôn lớn vượt bậc, nhìn cuộc sống với cặp mắt trong sáng, tự tin và bình tĩnh trước mọi gian nguy. Nỗi đau khổ tôi đang chịu bỗng trở nên nhỏ bé, tầm thường. «ít ra mình cũng phải vượt qua những tai ương và nguy hiểm dữ dội gấp năm lần như thế...» — tôi nghĩ vậy và yên tâm. Dầu sao tôi cũng phải đứng lên đi tiếp tới mục tiêu của đời mình.

Mặt trời lên cao. Ánh nắng ngả sang màu trắng. Cảnh đồng xanh mênh mông yên lặng. Chỉ còn nghe gió rì rào. Xa xa, nơi đồng lúa tiếp giáp với chân trời, những gợn mây trắng mỏng từ từ bay lên cao, như những

con cừu rong đuôi qua thảo nguyên vô tận của thỉnh không. Tôi bỗng nảy ra ý muốn ôm chúng trong vòng tay, những con cừu nhẹ như bông, trắng như sữa và hân là mát lạnh. Vài đốm nắng lọt qua tán lá gạo rơi xuống gáy nóng ẩm. Tôi chợt nhớ là đã trưa và có thể Cau đã về nhà. Tôi đứng dậy :

— Thưa ông, cháu xin phép ông.

Ông già chần vịt như choàng dậy. Ông nhìn tôi rồi nói :

— Cháu về làng hả ?... Thôi được, cứ về đi...

Tôi cúi chào ông, định quay lưng bước đi. Ông già vội vã gọi :

— Này, cô bé...

Tôi nhìn ông :

— Ông bảo gì cháu ạ ?

— Có mỗi việc quan trọng nhất thì lại quên — ông nói, lúc túi áo rút ra một chiếc bút máy hoàn toàn bằng vàng tây, nhỏ như chiếc thuốc lá. — Cháu cho ông ghi tên tuổi của cháu, mẹ cháu và số nhà cháu ở, tên trường và lớp cháu học, cả thầy chủ nhiệm nữa. Ông sẽ cố gắng làm một điều gì đó có ích đối với cháu. Ông sẽ cố gắng hết sức mình...

Ông nghe tôi đọc và ghi trên bao thuốc là những dòng chữ nhỏ li ti. Xong ông cất chiếc bút sang trọng và bao thuốc vào túi chiếc áo cổ lỗ có ba mươi hai đường gian khổ :

— Dừng cảm ơn, cô bé nhé... Ông hy vọng ông cháu ta sẽ còn được gặp nhau. Nhất định sẽ gặp nhau, trong một hoàn cảnh thú vị hơn bây giờ. Người ta nói trái đất tròn mà... Có đúng không?...

Tôi không biết trả lời sao, đành ấp úng :

— Thưa ông, cháu cảm ơn ông... Cháu chào ông...

Ông già giờ bao tay nhỏ bé, nhăn nhoe và nổi những vết đồi mồi:

— Ông chào cháu. Chúc cô bé gặp may mắn trong cuộc đời. Hãy nhớ những lời ông nói. Nó không thú vị như trò chơi nhưng rất có ích cho cháu, ngay cả khi cháu đã lớn rồi..

Ông đứng dậy, bắt tay tôi như bắt tay một người bạn thật sự. Khi tôi ra về, ông trở lại chỗ ngồi. Hết con đường bờ nương vào đến làng, tôi còn thấy bóng ông ở dưới gốc cây gao hùng vĩ. Nhỏ bé và uy nghi, mái tóc trắng như cước bay phơ phất, ông đứng là ông già tốt bụng từ trong cánh rừng của nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn đi lạc tới đây.

CON ĐƯỜNG DẪN TỚI CUỘC PHIÊU LƯU

Tôi về nhà, đã non trưa. Hóa ra tôi đã ngồi trò chuyện với ông già chuẩn vịt gần ba tiếng đồng hồ.

Cau lúi húi nấu cơm dưới bếp. Nó bảo tôi:

— Hôm nay chỉ có hai chị em mình ăn cơm thôi. Mẹ em sang nhà cô Nhài làm giúp đám cưới rồi ăn ở đó luôn.

Nó bảo tôi ra vườn hái một nắm lá lốt:

— Để bỏ vào canh ếch. Chị đã ăn canh ếch nấu lá lốt bao giờ chưa?

Tôi rửa nắm lá lốt đưa cho Cau và đáp:

— Chưa bao giờ chị ăn ếch cả.

Cau nói:

— Thế thì đại quá. Thịt ếch ngon ghê lắm. Người ta đã bảo gà đồng mà lại.

Rồi nó đọc luôn:

Măng chua nấu với gà đồng.

Chơi nhau một mẻ xem chống về ai?..

Tôi cười rũ ra. Chúng tôi cùng ngồi trước một chiếc nồi đất đang sôi lục bục trên bếp lửa. Cau giải thích cho tôi hiểu rằng các món canh như cá, cua, lươn, ếch nấu nồi đất thường ngon hơn nồi đồng, xoong nhôm, vì đất hút hết mùi tanh. Ở làng này, người ta thích ăn canh cua, canh lươn và canh ếch. Canh lươn cho rau răm, hành, còn canh ếch cho măng tươi thái nhỏ với lá lốt và ớt chỉ thiên. Món nấu ở làng quê đơn giản vì người ta còn vội làm nhiều việc khác. Nhưng nhất thiết phải tươi và nóng. Bưng nồi canh ra, mở vung là hơi phả lên mùi thơm, mùi lá thơm bốc lên nhà, thế mới đạt tiêu chuẩn.

— Đây này, chị xem nhé...

Cau bảo tôi. Miệng nói, tay nó mở vung nồi. Trong lớp hơi nước bốc mù mịt, tôi thấy những miếng thịt ếch trắng nõn nhào lộn với nhiều sợi dài như sợi bánh đa; đó là măng tươi và măng tươi tre thái nhỏ. Cau ném một thìa tương vào nồi canh, rồi ném nắm lá lốt thái nhỏ vào. Xong, nó hối hả bắc ra ngay, không để những sợi rau thơm kịp chín. Thắng bé lấy chiếc vung đất úp chặt miệng nồi lại, bảo tôi:

— Được rồi đây, chị bưng ra mâm cho em.

Trên mâm, đã có đĩa cá bống kho tương khô lẫn lóc. Cau xới cơm ra bát rồi mở vung nồi canh:

— Nào, ăn thôi.

Mùi canh ếch bốc lên ngào ngạt. Những miếng thịt ếch còn tươi rói nên vừa trắng vừa ngọt. Tuy không có mì chính, chỉ nêm tương ăn cũng tuyệt vời. Chỉ có một điều đáng tiếc là canh rất cay, tôi ăn ớt chưa quen nên ho sặc sụa.

Ăn xong, chú bé phải tới trường ngay. Chỉ còn mình tôi nằm nhà, lắng nghe tiếng một đục gỗ và những con thạch sùng tặc lướt trên mái gianh. Tôi nhớ lại cuộc gặp gỡ với ông già chần vịt lạ lòng buổi sáng. Cặp mắt hiền hậu và tinh anh của ông hiện lên trước tôi, khích lệ:

— Nào, hãy dũng cảm mà tiến lên, có bé...

Ô, nhưng tôi sẽ tiến lên bằng con đường nào cơ chứ?

Việc lánh nạn lên một trường huyện xa xôi nào đó thì đã hết hy vọng rồi. Ở lại thị trấn, nhìn túi bạc ngày ngày cấp sách tới trường, tôi không thể nào chịu nổi. Nơi đó quá khứ oanh liệt của tôi chưa phải mờ trong tâm trí mọi người và do đó nó sẽ không ngừng day dứt tôi. Về quê ư? Cũng không được vì ở đó tôi cũng đã trót được coi như bình tượng tốt đẹp nhất cho lũ trẻ trong họ hàng học tập. Hay tôi xin làm thợ nhỏ ở một xưởng cơ khí hay nhà máy nào đấy? Cũng không được, vì tôi đâu đã đến tuổi lao động... Cuối cùng, tôi chợt nhớ đến bố tôi. Con người thân yêu nhất nhưng lại xa biệt đến nỗi tôi chẳng kịp nghĩ tới trong những lúc vui sướng cũng như khi đau khổ. Bây giờ tôi bỗng đứng nhớ tới người. Có lẽ, vì một thằng bé nào đó bị bạn đánh vừa khóc vừa gọi: «Bố ơi» ở ngoài đường. Tiếng gọi của nó vọng vào trong nhà, đánh thức những ý nghĩ trong tôi: Ô, mình cũng có một người bố. Lẽ ra trong lúc này, tôi cũng có thể gọi: «Bố ơi, con khổ quá, bố bảo con làm gì bây giờ? Bố có thương con không? Bố che chở cho con và đừng ghét con...» Và khi đó, chắc hẳn bố sẽ ôm tôi vào lòng: «Con Bé của bố, làm sao bố ghét bỏ con được. Bố sẽ che chở cho con. Bố sẽ dìu đỡ con...»

Lần nào về phép, bố cũng ôm tôi tha thiết, âu yếm như thế. Vậy mà những lúc đó tôi lại cố gắng chui khỏi

vòng tay bố để không ra phố chơi, đùa khoe với lũ bạn chiếc túi thổ cẩm hoặc chiếc vuốt hổ treo ở sợi dây đeo cổ. Tôi chế người bố có mùi thuốc lá và mùi hăng hăng lạ lạ mang ở trên rừng về.

Mẹ tôi mắng:

— Con nhà bất hiếu.

Còn bố chỉ cười hiền lành. Rồi bố chia tay:

— Bà ơi, bố con mình ra sông tắm nhé. Bố nghe mẹ viết thư kể rằng con đã bơi vượt sông được rồi, bố mừng quá. Cả đồn biên phòng của bố đều biết tin con Bé đã vượt được sông... Nào, bố con mình cùng nhau bơi thi chứ?...

Chao ơi, những giờ phút đó ngắn ngủi và mau qua. Bây giờ bố đang làm gì trên miền rừng xa xôi đó? Bố có biết tôi đang đau khổ và đang khóc vì nhớ bố không?

Ngoài đường, thằng bé lúc nãy bị đòn lại khóc ré lên, gọi:

— Bố, bố ơi!...

Tôi chợt nảy ra ý nghĩ: Lên biên giới tìm bố. Hai bố con sẽ được ở với nhau cho tới vụ hè. Rồi sẽ định liệu năm học tới. Hằng nào thì tôi cũng phải bỏ hẳn năm nay. Ở trên đồn biên phòng heo hút đó, chắc bố nhớ tôi ghê lắm. Tôi lên, bố sẽ mừng biết bao. Tôi sẽ mang kim chỉ vá áo quần rách cho bố. Tôi sẽ mang thuốc lá, dầu cù là, thuốc ho cam thảo và ô mai mơ cho bố... Tôi quyết định ngay: Mình sẽ đi. Dẫu sao, mình cũng là con một đại úy mà kinh nghiệm chiến đấu và lòng dũng cảm khiến nhiều cán bộ cấp tá phải kính nể. Đã nhiều lần, tôi nghe bà bạn bố nói vậy. Tôi phải đủ can đảm để lên miền biên giới đó, đứng ở cửa đồn biên phòng mà gọi to:

— Bố ơi, con Bé của bố đã lên.

Bố tôi sẽ ngừng đầu lên, kén :

— Trời đất, thật hay mơ thế này ? Các cậu nhier xom, con Bê của tôi lên tôi tận đây sao?...

Viễn ảnh tươi đẹp ấy khiến tôi vui vẻ, lòng nhẹ lâng lâng. Tôi cứ nghĩ tới nó mãi và trôi vào một giấc ngủ êm ái, dễ chịu.

Khi tôi tỉnh dậy, đã gần năm giờ chiều. Mẹ Cau về, đem theo gói xôi lớn :

— Cháu ăn một nửa, phần em Cau một nửa. Chiều nay khỏi phải nấu cơm. Phần cô, cô đã ăn no nê rồi.

Xôi thơm cười nên là xôi gạo đỗ tươi, vừa ngọt vừa béo ngậy mỡ. Tôi ăn xôi xong, chào cô đi ra bến sông chờ Loan. Lần này, chỉ năm phút, cô bạn đã tới.

Tôi hỏi :

— Mẹ cậu khỏe chưa ? Sao cứ ìu xiu thế ?

Loan đáp :

— Mẹ tớ đỡ rồi. Nhưng hai người em của mẹ tớ dưới quê lên. Các cậu ấy tới nhà lão cai Cấn đòi tiền. Lão chửi ầm ĩ và sai hai thằng con ra công đuổi. Hai cậu tớ kéo cả một dây đàn ông trong họ tớ định đốt nhà. Thế là chính quyền, công an phải tới can thiệp. Chuyện ầm lên, tớ xấu hổ quá.

Tôi an ủi cô bạn :

— Người lớn họ đánh nhau. Mình dính gì vào đó mà sợ ?...

Rồi tôi kể cho Loan nghe ý định của tôi. Loan kêu thét lên. Tôi tưởng nó hoảng sợ can ngăn, không ngờ cô bạn hí hửng nói :

— Tớ đi với. Nhất định đảng ấy phải cho tớ đi. Hai đứa mình sẽ cùng đi. Thử thật !

Tôi lắc đầu :

— Không được. Nhiệm vụ của cậu là phải ở nhà học. Học cho giỏi để sau này còn kèm cấp tớ.

Loan kêu to :

— Tớ không thể học được nữa. Đẳng ấy thì lang thang. Mẹ tớ nằm trên viện. Chuyện nhà ầm ĩ lên, tớ không dám nhìn mặt ai cả. Đến bố Thế, tớ cũng phải tránh đi...

Tôi nói :

— Tự đừng bỏ học, có họa người điên.

Loan bưng bình lắc đầu :

— Không. Tớ quyết sẽ đi. Xưa nay, tớ cứ làm theo sự chỉ huy của đẳng ấy. Bây giờ, tớ làm theo ý mình.

Tôi chưa kịp đối đáp, Loan dọa thêm :

— Nếu đẳng ấy không cho tớ đi, tớ sẽ báo cho mẹ đẳng ấy tới đây bắt đẳng ấy về nhà. Nào, suy tính đi.

Tôi chưa bao giờ thấy Loan hét mồm to ra bưng bình và đảo đề như lúc ấy. Tôi nghĩ bụng : Có khi mình phải nhượng bộ nó thật : Mà kể ra, đi hai đứa cũng vui hơn... Tôi đành dàn hòa :

— Thôi được. Nhưng có gặp khó khăn, gian khổ dọc đường đừng có oán tớ, nghe chưa ?

Loan mừng cuống quyết, và nó trở lại hiền lành, êm ái ngay tức khắc :

— Mình hứa mà... Mình xin hứa là sẽ...

Tôi ngắt lời :

— Còn chuyện này nữa : Số tiền hai trăm câu lấy ở đâu ? Nếu là tiền phi nghĩa thì phải trả ngay.

Loan chột ngẩn ra, thờ dài. Sau đó, nó khẽ nói :

— Hồi mẹ tớ bán nhà, chú tớ không đồng ý. Vì đất làm nhà là của ông bà nội để cho. Nhưng mẹ tớ nghe lão cai Càn cứ bán. Chú tớ khóc, bảo tớ rằng : « Cháu tìm cách lấy lại một món tiền trong số tiền bán nhà để lập bàn thờ và cúng vong hồn bố cháu. Chú tàn tật, yếu hèn, chú không giữ được mảnh đất tổ tiên để lại. Chú xin thấp ba nén nhang để vong linh bố cháu

chừng giám cho tấm lòng... Thế rồi, từ đó tờ rình mãi nhưng không có cơ hội. Một hôm, tờ đang ngồi đi đồng trong chuồng xí, chợt thấy thằng con lớn lão cai Cấn chạy xuống nhà tắm, lật ngói lên, giấu một gói giấy. Tờ đoán chắc đó là tiền. Tui con lão luôn luôn tìm cách ăn trộm, ăn bớt tiền của bố. Chờ cho nó ra phố, tờ nhắc viên ngói, lấy gói tiền cất đi. Hôm sau, thằng đó cứ quanh quẩn tìm nhưng không dám kêu. Nó hậm hực kiếm cớ đánh thằng em. Còn tờ, tờ chờ dịp đưa cho chú tờ làm bàn thờ, nhưng chưa thấy chú lên. Bây giờ tờ nghĩ đảng ấy cần đến tiền hơn...

Tôi lắng nghe chuyện. Lòng tôi bỗng dấy lên nỗi chua xót. Bố Loan ngày xưa là chú thợ cơ khí khỏe mạnh, đẹp trai, hiền như đất. Tôi nhớ hai cánh tay lực lưỡng của chú thường tung Loan và tôi lên cao. Hăm răng trắng ánh khi chú cười. Và mỗi khi chú khom lưng làm nghề cười, chúng tôi thường kêu:

— Ấp ếp, nheng nheng...

Người đàn ông tốt bụng hiền lành đó đã chết đột ngột làm sao! Em chú, một anh thợ rèn ở làng, khắp khiêng, nhứt nhát tới mức chỉ cần một đũa tre hay một cò báng xoi treu cũng độ dư mặt lên, lưỡi lưu lại. Người em đó đã không đủ sức giữ mảnh vườn mà anh mình đã tưới biết bao mồ hôi lên.

Loan thấy tôi im lặng hồi lâu, hỏi:

— Đảng ấy bảo sao?

Tôi thở dài:

— Thôi, cũng được. Coi như đây là tiền của bố cậu. Chúng mình sẽ dùng nó vào chuyện đi này. Khi nào có dịp, ta sẽ lập bàn thờ và cúng vong linh cho bố cậu.

Rồi tôi dặn Loan những công việc cụ thể: Phải lấy đủ quần áo, nhất là quần áo rét vì miền núi khí trời lạnh lắm. Phải tìm bằng được lá thư bố tôi để địa chỉ và ghi rõ đường đi. Mẹ tôi đã theo đường này lên thăm

bổ khi tới chín tuổi. Phải vào phố mua khăn mặt, bàn chải và thuốc đánh răng, kẹo bạc hà, ô mai cam thảo, thuốc láo, kim chỉ, phong bì, giấy viết thư với tem. Ngoài ra, phải nhớ mang chiếc hộp bằng nhôm ở nhà đi. Thứ nổi lưu động đó nấn ấn dọc đường là tiện nhất. Các chú bộ đội đã bảo thế.

Tôi ra lệnh:

— Cậu phải chuẩn bị tất cả mọi thứ trong vòng ba tiếng đồng hồ. Đứng chín giờ, mình lại chờ cậu ở đây. Ta ra đảo đảo kho tàng. Sớm mai, lên đường.

Loan nín thở, nghe tôi nói. Mặt nó long lanh, đầy xúc động. Tôi cũng thấy hai đầu gối run run. Chao ôi, thiêng liêng làm sao cái phút giây trước chuyến đi xa đầu tiên của cuộc đời. Loan về thị trấn, tôi quay lại nhà chú bé Cau, xin mảnh giấy viết thư cho mẹ:

Thưa mẹ yêu kính của con,

Con rất đau khổ vì đã gây cho mẹ những nỗi lo buồn. Con mong mẹ tha thứ cho con. Ngày mai, con sẽ lên đường đi xa, con sẽ tiến lên bằng đôi chân bé nhỏ và lòng dũng cảm của mình. Con sẽ cố gắng để trở thành con ngoan của mẹ, trò yêu của bố Thế. Mẹ đừng lo cho con. Lúc nào, con cũng giữ một tâm hồn trong sạch và ngay thẳng. Mẹ ở nhà đừng ốm và đừng buồn vì con nữa. Con chắc mọi người không sẽ quên con. Trước khi đi, con gửi mẹ và tất cả họ hàng ruột thịt nhà ta lời chúc tốt đẹp.

Con gái mẹ: Vũ Thị Bé.

Tái bút: Loạn đi cùng với con. Mẹ nói để cô Lưu yên tâm.

Gấp lá thư làm tư, tôi bỏ vào túi quần. Rồi tôi lấy trong số hai trăm ra ba mươi đồng, đặt dưới gối của chú bé Cau. Và không nói một lời, tôi lẳng lẳng ra



dòng sông Xanh quen thuộc. Giá ban ngày, tôi đã có thể thấy được làn nước trong với những gợn sóng lăn tăn, những đám cỏ mềm xanh như lá liễn và bầu trời lơ lửng mình trên đáy nước. Nhưng bây giờ là đêm, nên tôi chỉ có thể lắng nghe tiếng gió rì rào và tưởng tượng ra chúng mà thôi. Tôi tìm được cái thuyền của bà An Lạc rồi. Chút nữa, tôi sẽ chở Loan ra đảo. Sáng tinh sương mai, chúng tôi sẽ đi bộ lên một ga xếp cách thị trấn năm cây số và lên tàu. Trước khi lên tàu, tôi bỏ thư cho mẹ. Khi chúng tôi tới một thị trấn cách ga hơn một trăm cây số, mẹ sẽ nhận được thư tôi.

— Trời ơi, con gái của mẹ, sao con đại dột thế?... Sao con bỏ mẹ ra đi?... Giờ này, con gái tôi bơ vơ ở đâu rồi?

Mẹ sẽ nức nở và gục lên chiếc bàn chất chồng vở học trò chờ chấm.

— Mẹ ơi, con không đại dột đâu, và mẹ cũng đừng lo con bơ vơ giữa cuộc đời...

Tôi thầm nói với mẹ như vậy. Và nước mắt tôi chảy ra tự lúc nào không rõ, ướt lạnh trên hai má.

Thôi, chào sông nhé, chào dòng sông thân yêu, chào hòn đảo đã cất giấu kho tàng và những bí mật của tuổi thơ. Chào thị trấn quê hương. Tất cả hãy ở lại vẹn nguyên, tươi đẹp. Và hãy chúc cho tôi một lời may mắn, trước khi tôi bước vào cuộc phiêu lưu thật sự, trước khi tôi bước vào chuyến đi xa thứ nhất của cuộc đời.

PHẦN THỨ HAI

BÀI HỌC ĐẦU TIÊN TRONG CUỘC HÀNH TRÌNH

Chuyến tàu dẫn chúng tôi vào cuộc phiêu lưu là một chuyến tàu chợ. Tàu chợ là tàu chạy chậm, đỗ ở tất cả các ga xép để đón khách. Khách đi tàu thường là dân miền xuôi lên miền núi mua khoai sắn khô phòng ngày giáp hạt, dân buôn măng khô, mộc nhĩ, nấm hương, gạo nếp, củ nâu từ miền núi về. Và cá mắm, cá khô, tôm tép ướp muối, các loại kim chỉ màu, phẩm nhuộm... tóm lại là trăm thứ đồ vật vãn ở dưới xuôi lên. Hàng hóa của họ đặt chồng lên nhau chặt như nêm cối. Lần đầu tiên đi tàu, tôi không khỏi choáng váng vì sự đông đúc nhộn nhịp, vì tiếng trò chuyện, cãi cọ ồn ào, vì cả mùi trâu thuốc, mùi mồ hôi chua khắm và mùi khai từ buồng vệ sinh dầu toa theo gió tạt xuống. Nhưng dần sao, đấy cũng là những giây phút đầu tiên chúng tôi rời tà áo mẹ, bước vào đời. Tôi và Loan đều hồi hộp khi con tàu thết lên hồi còi dài để giã từ cái ga xép chúng tôi vừa từ đó lên. Những toa tàu dồn nhau lịch kịch. Các đầu nối xô lại khiến hành khách ngã giúi giúi. Một làn khói trắng tuôn lên trời cao. Rồi con tàu chuyển bánh, lặn về phía trước.

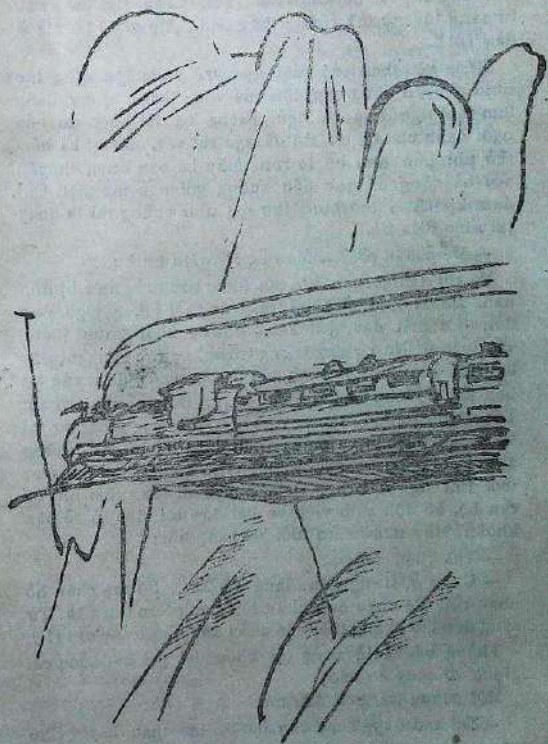
Hai đứa tôi ngồi sát vào nhau. Mặc dù chúng tôi mua đủ hai vé, một bà buôn gạo to béo vẫn huých chúng tôi vào một xô để đặt bộ móng đồ sộ của bà vào ghế:

— Chúng mày là trẻ con, ngồi thu vào một chỗ trong kia.

Bà ra lệnh. Không đợi chúng tôi trả lời, bà bắt đầu mở túi, lấy trầu ăn và nói chuyện oang oang với đám bạn buôn chuyện ngồi quanh.

Chúng tôi nhìn ra bên ngoài. Những cánh đồng quen thuộc lùi lại phía sau. Những thửa ruộng tôi và Loan đã từng đi tát cá dầu dầu về nấu dưa. Dòng mương chúng tôi vẫn cùng nhau lội mò trúng vịt để rơi. Trái đồi tròn, xanh um kia là trái đồi Đông Na, nơi có ngôi chùa xinh xắn, những trái đào ngọt lịm và những trái đu đủ chín cây đỏ hươm hươm. Bà vải chùa thật hiền từ, còn lão già sống với bà là một con quỷ độc ác. Lão đã nhốt tôi trong căn buồng tối tăm, hôi mốc và khiến tôi đói lả suốt một ngày đêm... Dòng mương thẳng tắp có những gợn sóng lăn tăn dọc con đường bờ vùng học sinh trường tôi góp sức đào với dân xã. Chính cái hôm đào mương, trời vừa mưa vừa nắng, Ly đã bị cảm và bố Thế công nó đưa lên bệnh viện... Những kỷ niệm lần lượt hiện về khiến tôi xốn xang trong dạ. Loan cũng im lặng. Hẳn nó cũng đang xúc động như tôi. Khi con tàu rẽ vào một đoạn đường ngầm xuyên qua núi, tôi bỗng muốn khóc. Nhưng tôi không dám để cho Loan hạt măt biết mình yếu mềm như thế. Tôi ngoảnh mặt ra ngoài cửa sổ và đưa lưỡi liếm những giọt nước mắt mẩn mẩn đang theo nhau chảy xuống.

Con tàu chui khỏi đoạn đường hầm. Từ đây nó chạy giữa những trái đồi nối tiếp. Trái đồi nào cũng tròn và thấp, làng mạc băm xung quanh giống như những trái cam màu xanh.



— Các bà, các cô giúp cháu với. Cháu tìm mẹ cháu từ sáng tới giờ mà chẳng thấy đâu... Mẹ ơi i i l... Mẹ ở đâu rồi?...

Tiếng kêu than của một đứa trẻ vang lên giữa lúc nhịp chuyển động đều đặn của vòng bánh quay đang làm mọi người gà gà ngủ. Riêng bà lái buôn to béo ngồi cạnh chúng tôi thì đã ngủ rất say, miệng há hốc, thở phì phò như bễ lò rèn. Mấy bà bạn buôn chuyển với bà cũng đã gục đầu xuống gối ngủ mê mết. Chỉ đám khách đi tàu bình thường như chúng tôi là quay lại nhìn đứa bé.

— Mẹ ở đâu rồi?... Mẹ ơi i i l... Hu hu hu...

Nó cất tiếng than hơi rồi khóc tức tưởi như bị đòn oan. Đó là một đứa bé trai trạc tuổi tôi, gầy gò, đen đũi. Đôi mắt đen, rất sáng nhưng không nhìn thẳng vào một ai. Nó cứ mở trừng trừng, ngược hàng mi dày lên như nhìn vào nỗi bất hạnh của sự cô đơn, của tai họa mà nó đang phải gánh chịu. Đôi vai gầy hơi so. Tóc dài lợp xuống tận gáy. Thằng bé mặc chiếc sơ mi kẻ sọc đã cũ bần và chiếc quần dài tới đầu gối. Những sợi vải tua lưa rủ xuống khiến nó có vẻ man dại như một thú rừng. Đám khách đi tàu, gồm những cán bộ, bộ đội, sinh viên và hai đứa tôi, đều tỏ vẻ băn khoăn. Mấy người lớn tuổi sốt sắng hỏi:

— Nhà cháu ở đâu?

— Cháu ở Hưng Yên, làng Lệ Xá... Bố mẹ cháu bỏ nhau rồi. Mẹ cháu đưa cháu lên Lạng Sơn tìm cậu. Từ sáng đến giờ chẳng thấy mẹ cháu đâu nữa... Mẹ ơi i i l...

Thằng bé kể lể xong lại khóc, lại gọi mẹ bằng cái giọng vô cùng ảo não.

Một chàng trai xoa đầu nó:

— Tại sao có hai mẹ con mà lại lạc nhau được? Chú trông cháu có đến nỗi khờ khạo lắm đâu.

Thằng bé liếc nhìn anh rất nhanh và đáp :

— Cháu ngủ. Mẹ cháu cũng ngủ. Mẹ cháu bảo sớm mai tới ga mua bánh mì ăn. Lúc thức dậy, cháu không thấy mẹ cháu đâu nữa... Mẹ ơi i i i... Mẹ ở đâu bây giờ?...

Sau mỗi lần trả lời, đứa bé gọi mẹ càng thảm thiết hơn.

Mấy chị ngồi quanh tôi thì thảo :

— Có lẽ mẹ nó không nuôi nổi nên bỏ con đi nơi khác,

— Hoặc chị ta theo nhân tình nhân ngẫu nên bỏ con cho khỏi vương thân chẳng?

— Ăn nói hồ đồ... Làm gì có thứ đàn bà qua tha gà mỗ thế!... Đến hồ cái cũng còn biết thương con, huống chi là người...

— Thế vì có gì mà thằng bé bị bỏ bơ vơ?...

Mỗi người một ý, xôn xao bàn tán.

Thằng bé vẫn đứng giữa đám đông, ngược đời mắt sâu nảo lên, khuôn mặt lem nhem bụi bẩn và hoen nước mắt. Một chú bộ đội rút chiếc bánh mì kẹp thịt trong túi ra đưa cho nó :

— Chắc từ tối qua đến giờ cháu chưa ăn gì?... Cháu ăn tạm chiếc bánh này. Bụng cháu thì cũng đủ no đấy...

— Cảm ơn chú — thằng bé lắc đầu. — Mẹ ơi, mẹ ơi i i i...

Nó không ăn uống gì mà dựa mắt nhìn quanh để tìm kiếm một cách vô vọng. Trong đám hành khách có người khẽ chép miệng :

— Nó là con nhà tử tế đấy. Đói thế mà có thể ăn đầu... Nó mãi tìm mẹ... Đến là khổn khổ cho số kiếp con người...

Thằng bé không đề ý những lời phẩm bình xung quanh. Nó đưa mắt nhìn tôi, vừa như ngạc nhiên, vừa như muốn tìm một câu an ủi, một niềm cảm thông. Những kẻ đồng niên bao giờ cũng dễ thân với nhau hơn là với những người khác tuổi. Tôi nghĩ thế nên gọi:

— Bạn có thể cùng đi với chúng tôi tới Lạng Sơn. Chúng tôi có đủ thức ăn dọc đường cho cả ba người đấy.

Mấy chị cán bộ hùn vào:

— Phải rồi, cùng tuổi với nhau dễ ăn dễ nói hơn. Châu cứ lại ngồi với hai bạn gái cho vui. Tôi Lạng Sơn, các cô dẫn vào đồn công an tìm mẹ...

Thằng bé im lặng đưa mắt nhìn chúng tôi. Rồi nó lại nhìn bà lái buồn to béo vẫn đang há hốc miệng như con cá ngáo mà ngủ, thấy kệ mọi chuyện trên đời.

Loan hạt mít sốt sắng chia túi thức ăn gồm rất nhiều thứ: nạo bánh dày kẹp chả, bánh giò, xôi nếp, bỏng nếm ngáo mặt...

— Đẳng ấy không lo tui tờ dổi dàu. Ối thứ ăn cơ mà.

Đưa bé chừng như yên tâm, lẳng lặng tôi ngồi bên mép ghê dổi diện với chúng tôi. Loan mời mãi, nó mới ăn một miếng xôi nếp với chả. Mặt thằng bé buồn thiu khiến chúng tôi không dám hỏi thêm một lời nào về tình cảnh thương tâm của mẹ con nó.

Xinh xịch, xinh xịch, xinh xịch... Con tàu cứ chạy đều. Những trái đồi bên ngoài dần dần thưa thớt hơn và cao hơn. Đã có những khoảng rừng ven chân núi đá. Không còn những thôn ấp trung du tròn trịa như những trái cam xanh mà chỉ có các xóm trại lơ thơ giữa thung lũng hoặc bóm chênh vênh lưng chừng đồi. Ngắm mãi cảnh cũng chán mắt. Tiếng bánh tàu nghiêng trên

đường ray tạo nên một âm điệu đều đặn buồn tẻ khiến dần dần mi mắt tôi cũng dờ, rơi sập xuống. Tôi tựa đầu vào ghế mà ngủ. Trong giấc ngủ, gió lẹ làng từ ngoài ô cửa tôi vượt ve làn da và mái tóc tôi. Hương thơm của lúa, của những vườn cây xa xôi đưa tới. Tôi mơ thấy mình đang cưỡi trên lưng con ngựa hồng. Con ngựa xinh đẹp phi nhịp nháng qua những dãy núi xanh thăm vùng biên cương. Rồi nó hí vang lên khi tới trước một đồn biên phòng ở đỉnh ngọn núi cao chót vót. Tiếng hí của con ngựa hồng rung chuyển khoảng trời im vắng. Bố tôi ở trong chiếc lán nửa, phía sau mảnh sân cắm lá cờ bước ra, kêu lên mừng rỡ:

— Con Bè của bố, con Bè của bố lên tới tận đây...
Này, các cậu xem, con gái tôi có cừ khôi không?... Nó đã lên tới tận đây mà thăm chúng mình...

Có người đập vào vai tôi rất mạnh, nhưng không phải bố tôi mà là bà lái buồn to béo có cặp môi nứt nẻ quét trầu:

— Tới ga Voi Xò rồi đấy, chúng mày có xuống không?

Tôi giụi mắt, đáp:

— Chúng cháu còn đi xa hơn nhiều, bà ạ.

Loan hạt mít cũng vừa tỉnh dậy. Hân nó vừa được một giấc ngon lành, say sưa như tôi. Tiếng cô phát thanh viên trên loa ra rả:

— Tàu đã tới ga Voi Xò. Mời hành khách kiểm tra lại hành lý, trật tự xuống tàu. Ai đi trước xuống trước, ai đi sau xuống sau, không nên chen lấn, phòng kẻ gian móc túi.

Các bà, các cô lục tục đứng dậy, tìm túi, tìm nải, quang gánh lên vai xuống ga. Tôi tho thò cổ khỏi cửa sổ để nhìn cái ga đầu tiên vùng trung du.

Chợt Loan hối hoảng kêu:

— Bè ơi, túi quần áo đâu rồi?

Tôi quay vào, ngẩng đầu nhìn lên giàn gác hành lý. Chiếc ba lô đựng toàn bộ áo quần đồ đạc của chúng tôi đã không cánh mà bay. Thằng bé lạc mọ ngồi đối diện với chúng tôi cũng biến mất. Bây giờ không phải thằng bé đó khóc mà chính Loan hạt mít hu hu:

— Mất hết áo quần, đồ đạc rồi... Biết làm thế nào bây giờ? Hu hu hu...

Trong chiếc ba lô đó, tôi đã xếp đủ áo quần mùa hè lẫn mùa đông của hai đứa. Chiếc phong bì có vẽ đường lên Khau Phai. Tất cả những thứ tôi sắp sửa để đem lên cho bố tôi và các chú bộ đội: kim chỉ, dầu cù là, khuy áo, tem thư, kẹo bạc hà ngậm ho, ô mai cam thảo, một cân đường phèn, ba lạng hàn the để quấy bánh dúc (lời nghe nói bộ đội hay thêm ăn mấy thứ quà vặt đó). Cả bộ «Đồng Chu liệt quốc». Ngoài ra còn số tiền dành dụm và pho tượng vũ nữ bằng bạc của bà ngoại Loan cho. Chao ôi, đối với chúng tôi, đó là một gia tài quá lớn. Và chẳng, khi bắt đầu cuộc hành trình đầy mạo hiểm này, tôi chưa hề nghĩ tại họa xảy ra với mình chưa cay thế. Tôi cứ tưởng tượng cảnh gặp hồ ngang đèo, gặp tướng cướp từ các đám lau rậm xông ra giống như những chuyện bọn lục lâm đòi tiền mãi lộ thời trước... Ai dè, kẻ gieo tai họa chỉ là một thằng nhãi gầy gò, loẻo khoẻo.

Loan hạt mít vẫn khóc nức nở.

Tôi cố gắng để không khóc. Tôi cũng khóc thì còn ra thế thống gì nữa?..

Bằng nào thì tôi vẫn là con chim đầu đàn, là người dẫn đường cho nó. Những hành khách xung quanh xúm lại hỏi thăm. Khi vỡ lẽ, người ta thốt lên:

— Khiếp thật, kẻ cắp bảy giờ đóng kịch giỏi hơn tài tử xi-nê-ma. Lúc này mình định gọi nó tới cho ăn nữa chứ..

— Trông mặt mũi hiền lành, sáng sủa thế... Ai ngờ được là quân lừa đảo...

Bà lái buôn to béo ngồi cạnh chúng tôi bêu dai cặp môi khô nẻ quết trâu:

— Tại sao các ông các bà không gọi tôi đây? Tôi mà đây thì tôi tổng cổ thẳng lối con ra khỏi toa này ngay. Chuyển buôn xuôi bán ngược nào tôi chả gặp mặt nó. Lúc nó giả vờ lạc mẹ, lúc nó giả vờ bị chú đường đuổi khỏi nhà. Lúc nó giả vờ bị mất hết áo quần, tiền bạc, nó đi xin từng người tiền về quê... Dân buôn chúng tôi nhẵn mặt nó nên cứ thấy tui tôi là nó lảng ngay. Các ông các bà là ma mới nên bị vào tròng. Phải tay tôi, tôi cứ xách tai lên, vặn ra đằng sau cho lòi con mắt ra mới thôi...

Hết tràng diễn thuyết, bà chồm người ra cửa nhỏ nước quết trâu rồi bảo chúng tôi:

— Từ rày phải cảnh giác, các cháu ạ. Chúng mày là con nhà lành, ra đời để gặp quân mèo mả gà đồng ga găm, lừa gạt lăm. Chớ có tin người mà chết.

Tôi ngao ngán nhìn túi thức ăn đặt dưới chân. Ra đi hay quay về? Lấy gì mà tiếp tục cuộc hành trình, khi trước mắt là con đường dài dằng dặc, không có một người thân quen, một nơi tựa đỡ?... Còn quay về thì xã với mẹ tôi, với hoàn cảnh hiện tại, trước những con mắt tò mò thương hại của mọi người?... Rồi sẽ có những bàn tay xoa đầu tôi và nói:

— Thôi, đừng có viễn vông, éch ngồi đây giếng coi trời bằng vung là chết đấy...

Hoặc :

— Cứ ở nhà nuôi gà cho mẹ mày vài năm cũng chẳng sao. Chưa vỡ bụng cắt đứt có đôi bay bằng..

Mời nghĩ tới đó, mặt tôi đã nóng ran lên. Tôi không thể hèn kém vậy!... Goóc-ki từng tự kiếm sống bằng nghề bới rác vụn, đánh giày, làm thuê... Vậy mà ông đã trở thành nhà văn nổi lạc trên thế giới. Tại sao tôi không thể làm như vậy? Không phải để trở thành một nhà văn mà chỉ để kiếm đủ tiền lên chơi với bố tôi, một người lính biên phòng..

Tôi bảo Loan :

— Đừng khóc nữa. Đắng ấy có khóc hết nước mắt cũng không ích gì. Chúng ta vẫn còn cách sống.

Tôi nói thầm cho Loan biết rằng chúng tôi vẫn còn một trăm bảy mươi đồng. Số tiền hai trăm của Loan đưa, tôi cho mẹ con thằng bé Cau ba mươi đồng, còn lại tôi khâu vào túi con ở lưng quần. Số tiền đó đủ mua cho mỗi đứa một bộ áo quần và chiếc áo bông. Còn lại, chúng tôi sẽ ăn uống dè xẻn để dành mua vé lên Cao Bằng. Từ Cao Bằng lên đồn Khẩu Phai, mọi chuyện sẽ tính sau. Loan nghe xuôi tai, không khóc nữa. Và lại xưa nay nó vẫn tin tôi.

Bản tính nó ít lo nghĩ, tư lự. Chỉ mười phút sau, Loan đã giở bánh giò ra ăn rồi vỗ tay cười toe toét khi thấy một con sơn dương chạy qua thung lũng ven đường. Tôi cũng ăn xong, ngồi tựa vào lưng ghế nghĩ ngợi. Dầu sao, tôi không khỏi lo âu. Tôi chưa biết cái gì sẽ xảy ra trong những ngày sắp tới. Và cuộc phiêu lưu của chúng tôi sẽ tới ngã đường nào?... Bên ngoài, những dãy núi xanh rì tiếp tục lướt qua. Ánh chiều vàng rực trên sườn non đã nhạt, rồi bóng tối bỏ từ những khoảng rừng đen thẫm tới, Ngon đèn điện đỏ quạch trong chiếc lưới sắt được bật lên, soi lộ mờ. Hành khách trong toa ăn no, chuyện văn chân, gà gặt

gục vào nhau ngủ. Loan tựa đầu vào vai tôi, ngáy khe khẽ. Còn tôi, tôi không ngủ được. Mắt mở thao láo, tôi tìm một đốm lửa trong những hình thù quái dị của núi non đang trôi qua khung cửa con tàu. Ngày trước, bà tôi vẫn bảo, ban đêm gặp lửa cháy là gặp điềm may. Khi con tàu đi khuất vào một hẻm núi, tôi bỗng nhìn thấy một đốm lửa thật. Ánh lửa đỏ rực, lắt lay, chập chờn giữa thung lũng. Hình như một người dân nào đó cầm đuốc đi đêm. Ông ta không biết rằng đốm lửa đó đã gieo vào lòng tôi, một dứa bé xa lạ, niềm tin đinh ninh rằng mình sẽ gặp may mắn trong đời.

THỊ TRẦN LẠ LÙNG VỚI NHỮNG CON NGƯỜI LẠ LÙNG

Tàu tới ga vào lúc hai giờ rưỡi sáng. Đám hành khách bừng tỉnh khi người phát thanh viên nhắc nhở:

— Tàu đã tới ga... Ai đi trước xuống trước, ai đi sau xuống sau, không chen lấn xô đẩy, phòng kẻ gian móc túi...

Giọng nói vang trong loa rất to, rè rè như người nói đang buồn ngủ. Con tàu chạy chậm lại rồi bỗng dừng phanh kít trên đường ray. Đám dân buồn đứng giữa hai hàng ghế bị xô ngã nháo nhào. Họ lăm băm chửi rủa rồi lần lượt đi ra hai đầu toa. Chúng tôi chờ họ bớt chen chúc mới đứng dậy. Một thanh niên cùng chuyến tàu với chúng tôi bước tới nói:

— Đi xuống ga với anh. Chắc hai em không có họ hàng quen thuộc ở đây.

Tôi đáp :

— Vâng, cảm ơn anh.

Trống bụng, tôi phân vân chưa biết xử trí ra sao. Suốt chuyến đi, kể cả lúc thăng bề giả vờ khóc lóc, kể cả lúc chúng tôi bị mất cấp, anh đều không nói năng gì. Đôi mắt anh nhìn mông lung đầu đố. Mái tóc mềm gió đánh bay xòa xuống tận chân mày. Anh ngồi cách chúng tôi hai ghế nên chúng tôi cũng không để ý tới anh nhiều.

Khách đi tàu đã xuống ga vắng. Chúng tôi bước theo anh. Bậc lên xuống rất cao, anh lần lượt nhấc bổng từng đứa xuống. Rồi anh xách chiếc túi đựng thức ăn nhẹ tênh của chúng tôi, cười :

— Gia tài bây giờ nhẹ bổng rồi, phải không?... Hồi còn bé, anh cũng đã bị mất cấp một lần. Nhưng không phải vì một thằng bé con mà là một mu rất dẻo mồm. Mu ta rủ anh đi mua keo hồ, mua bánh ngọt, rồi tháo chiếc vòng bạc mẹ anh đeo ở cổ cho anh.

— Thế xong rồi sao cơ.

— Rồi anh bị một trận đòn nên thân và nhớ tới tận bây giờ... Nay, nhưng đừng nói chuyện nữa, đi cẩn thận kéo ngã xuống hẻm núi đấy.

Đường từ ga xuống gấp ghe ghềnh cheo leo thật. Nó hẹp chừng non hai thước, rải đá trắng nhưng lâu ngày mưa đã xói mòn, đá lở bết. Chỉ còn trơ những rễ cây cổ thụ và những tảng đá lớn bám vào gốc cây. Nhà ga không có đèn. Người gác ghi cầm cây đèn hộp vuông chân kính xanh, đỏ, vàng đánh tín hiệu cho tàu đi xong, liền bước vào phòng bán vé đóng sập cửa lại. Thế là tất cả tối đen. Mọi vật chỉ còn hiện lên lơ mờ ánh sao và ánh lửa hắt từ đèn quán ăn tí dưới đường quốc lộ. Chúng tôi túm áo nhau, nắm chặt tay anh thanh niên tốt bụng mà đi. Những người dân buôn gánh hàng sọt

bên chúng tôi. Họ là dân địa phương nên họ thuộc đường. Nhiều người nói chuyện với nhau bằng thứ tiếng riêng mà chúng tôi không hiểu :

— Người Hoa đây — anh thanh niên giải thích. — Các em có nghĩ thấy mùi thơm không?... Họ buồn thuốc từ dưới ga Đồng Mô lên đây...

Trong đêm, mùi thơm bốc lên thoang thoang, lẫn với mùi mồ hôi và mùi lữ ngựa thồ hàng cũng đang lóc cóc đi xuống. Phía trước, đèn các quán ăn đã sáng rõ. Quán lớn treo đèn măng-sông. Quán nhỏ mắc hai, ba ngọn đèn dây. Những người bán ở quán bận áo quần đen, khuy vải tốt. Họ mời khách liền một lúc bằng hai ba thứ tiếng :

— Vào ăn cơm kéo đi tàu đêm đôi bụng. Phở ngọt, phở chua ngon lắm.

— Cơm tấm có thịt kho đường, đậu rán, dưa chua...
Nào, vào đi...

Nói tiếng Kinh xong, tiếp đến tiếng Hoa, Hềng Tây, tiếng Nùng. Anh thanh niên cùng đi bảo :

— Có khi họ còn nói được cả tiếng Lô Lô, tiếng Sán Diu, Sán Chỉ. Dân bán hàng cơm là dân giỏi ngoại ngữ nhất thế giới.

Anh dắt chúng tôi vào một quán cơm nhỏ, treo hai ngọn đèn dây. Chủ quán còn trẻ, mặc áo xanh kiêu cô viên, khuy vải tốt, tóc cắt ngắn. Trông vẻ mặt cô ta hiền hiền.

— Cô Mui, cho chú cháu tôi ăn cơm với.

Chủ quán cười :

— À, chào anh Cao, lâu ngày quá mới gặp. Anh lại có thêm hai đứa cháu nữa rồi?

Anh Cao cũng cười :

— Ờ, chị tôi đẻ nhiều lắm. Hôm nay cơm có món trứng đậu không?

Cô bán hàng gặt đầu :

— Có, có... Ba bốn năm rồi mà anh Cao vẫn nhớ món trảm đen à? Ăn thật kho với dưa chua nữa chứ?

Anh Cao gật gật :

— Có, có... Cho thêm hai bla đậu nhồi thịt rán nữa nhé. Hôm nay tôi đãi khách tí hon.

Một tốp khách buôn đông đúc kéo vào, ngồi chát ba chiếc ghế dài, kiểu ghế băng của học sinh, quây xung quanh. Cô bán hàng nhanh nhẹn dọn đồ ăn cho chúng tôi rồi quay sang phục vụ đám khách mới.

— Nào, các cháu ăn tự nhiên đi. Giống như chúng ta ăn cơm ở nhà vậy... — anh Cao so dưa, dưa cho chúng tôi, mời mọc ăn cần. — Đi đường xa, ăn cơm ngon hơn cơm ở nhà... Thế nên người ta mới thích du lịch, phải không?...

Anh nheo mắt cười, trông hiền và hóm hỉnh. Tôi quên những buồn bực, lo âu đang đè nặng trong lòng, lấy cái vui hồ hởi của anh. Chúng tôi ăn cơm ngon lành. Món trảm đen nhồi thịt của cô hàng lạ miệng và hấp dẫn nhất. Đám khách buôn ăn uống xì xụp cạnh chúng tôi. Họ vừa ăn vừa uống rượu. Rượu không uống trong chén mà uống cạn từng bát đầy. Mùi rượu nồng nặc phả ra khiến chúng tôi rờn rợn. Nhất là khi họ cười, những chiếc răng học vẹt, học bạc của họ lóe lên dưới ánh lửa. Những người đàn bà giơ tay cào tóc, còn những người đàn ông gãi mái đầu cứt ngắn gần như trọc. Ăn cơm xong, chúng tôi uống nước ngay tại đây. Những người khách ăn vẫn tiếp tục vào. Anh Cao đếm tiền trả chủ quán và bảo chúng tôi:

— Chú cháu ta kiếm chỗ ngồi cho họ bán hàng.

Chúng tôi xách túi bước ra đường. Kiếm chỗ nào ngồi bây giờ? Dãy phố kéo dài hun hút, tối đen, không bóng người qua lại. Thỉnh thoảng có những

chiếc xe thồ lóc cóc gõ trên đường đá. Riêng khu quán ăn, đèn đuốc sáng trưng. Những quán ăn lớn có biển đề:

Ở đây có chỗ trọ.

Năm đồng một giường.

Ôi chao, đối với túi tiền của chúng tôi, năm đồng một chỗ ngủ qua đêm thì lớn quá. Nhất là khi chúng tôi vừa mất sạch sành sanh. Anh Cao bảo:

— Anh cũng không giàu có gì. Chúng ta không thể phí mười lăm đồng bạc chỉ để nằm mấy tiếng đồng hồ đợi trời sáng. Mà những quán trọ này rệp khùng khiếp lắm. Không cần thận, mình có thể bị truyền bệnh thì nguy. Bây giờ, anh trải ni-lông dưới mái hiên kia. Anh em mình ngồi dựa vào nhau ngủ một lúc. Các em bằng lòng chứ?

Cố nhiên, chúng tôi bằng lòng ngay. Anh Cao dắt chúng tôi tới một căn nhà gần đó, nơi ánh đèn khu quán ăn còn rọi tới, đủ soi rõ mặt người. Ngõ nhà này có mái hiên rộng, lợp ngói ống kiểu cổ.

Đối với chúng tôi lúc đó, nó là nơi trú thân tốt đẹp. Anh Cao rút trong túi du lịch mảnh ni-lông, trải xuống thềm. Anh cởi thắt lưng buộc chiếc túi du lịch vào chân. Rồi anh lấy áo khoác trùm cho cả ba người. Xong, chúng tôi cùng tựa lưng vào cửa ngôi nhà mà ngủ. Giấc ngủ tới mau lạ. Nhưng chừng hơn một giờ sau, tôi tỉnh dậy vì lạnh quá. Chiếc áo khoác của anh Cao không đủ giữ hơi ấm. Loạn hết một ngồi giữa nên vẫn ngủ ngon lành. Anh Cao cũng vậy. Có lẽ vì bên trong sơ-mi, anh còn mặc áo dệt kim dày. Tôi rết run cầm cập. Khi nui đêm lạnh buốt. Khu quán ăn đã tắt hết đèn, đóng cửa. Trời đất đen như mực. Những ngôi nhà lờ mờ trong đêm giống như hai hàm răng lởm chởm của con cá sấu. Phía sau dãy phố là những ngọn núi



cao sừng sững, hiểm trở, bí ẩn và đầy đe dọa. Hơi gió
lùa qua hẻm núi vang lên từng hồi còi dài, rền rĩ.
Thình thoảng, một con chim buong tiếng kêu khàn
khàn khiến tim tôi nảy thót lên. Mắt mở thao láo, tôi
nhìn vào bóng bém, chờ đợi một con vật khủng khiếp
nào đó bò tới, há cái mõm đỏ lôm ra trước mặt mình.
Trong cơn sợ hãi, tôi nhớ lại hình ảnh con khủng long
ở phòng thí nghiệm nhà trường. Nó bước từ bức tranh
xuống, khung khiêng đi trên đường, lúc lắc cái cổ
khổng lồ to và dài hơn cả một chiếc cần cẩu. Rồi tôi
hình dung ra những bầy người vượn Nê-an-đéc-tan,
người Crô-ma-nông từ những hang sâu trong dãy núi
hiểm trở kia đi tới, giơ cánh tay lông lá cho tôi:

— Mày tới đây làm gì? Có muốn đi cùng chúng tao
không?... Nào, đứng dậy đi...

Tay chân tôi tê cứng như bị ngâm trong thùng đá
lạnh. Đúng lúc đó, có một bóng đen lừ lừ đi tới thật.
Tim tôi muốn nhảy vọt khỏi lồng ngực. Tôi định thét
lên gọi anh Cao nhưng lưỡi đã cứng như bị đóng băng
giữa hai hàm. Cái bóng đen rất cao, lồng khồng, hơi
gù gù. Gã đi khật khùng như một kẻ say rượu,
nhưng không nói lắp nhảm và không bốc mùi men.
Gã đi từng bước một, bước nọ nối bước kia, lặng lẽ
tựa bóng ma, hai cánh tay dài đung đưa như hai que
củi buộc hững hờ, lừng lững cạnh sườn.

Tôi định thét lên, định quát tháo đuổi gã, nhưng rút
cục, tôi cứ ngồi lặng đi, hai mắt mở thao láo. Mùi hơi
lùa vào mũi tôi. Nhờ ánh sao, tôi nhận ra những mảnh
vải rách lả tả bay dưới hai cánh tay gã. Cái bóng đen
đó đi tới tận nơi chúng tôi ngồi, lặng im ngấm nghĩa
bồi lâu. Rồi gã khẽ cất tiếng hát:

Ta có một con mèo xinh thật là xinh

Ta có một ngôi nhà cánh cửa sơn xanh, sơn xanh...

Vừa hát, gã lại vừa dùng đỉnh bước đi. Gã đi vào trong phố. Té ra, đó là một người điên. Tôi đặt tay lên ngực vẫn thấy tim đập thình thình.

— Thật là thần hồn nát thần tính...

Tôi tự mắng mỏ mình, dùng cái câu bà ngoại vẫn mắng tôi ngày xưa, mỗi lần tôi kêu sợ ma, đòi bà dắt ra đầu hè để ị vào bờ chữ dốt khoát không xuống chuồng tiêu vì sợ bóng cây sung già đứng ở đó.

Tiếng gà trong phố bỗng nhất loạt gáy lên. Tôi đoán chừng khoảng ba giờ sáng. Sau cơn hoảng sợ, tôi dần trở lại bình tĩnh. Tôi nhìn vào bóng đêm bịt bùng với con mắt tự tin hơn. Những viên răng cưa khủng khiếp màu đen in lên trời đêm cũng không hăm dọa tôi nữa. Tôi như những giây phút đầu tiên tôi đặt chân lên mảnh đất này. Sau cùng, tôi nghĩ rằng con người có thể quen được với tất cả mọi thứ, kể cả nỗi lo âu và sự sợ hãi. Tôi co hai chân lên, thu đầu gối sát ngực để đỡ rét. Rồi tôi ngủ lúc nào không rõ. Một giấc ngủ ngắn, nhưng không còn mộng mị.

Khi anh Cao gọi tôi dậy, mặt trời đã lên khỏi dãy núi phía đông. Hơi sương già chưa tan những ánh nắng tràn ngập mọi nẻo. Cảnh vật bừng lên như một đóa hoa vừa chớm nở. Tất cả những hình thù quái dị, đen tối đe dọa tôi đêm qua giờ đây phơi bày dưới ánh nắng trở nên tươi đẹp lạ thường. Hai dãy phố đã mở cửa. Các hàng quán lau chùi bàn ghế, mời mọc người vào. Những chiếc đèn lồng bằng lụa đỏ từ Trung thu năm ngoái còn treo tới tận bây giờ. Màu lụa tuy đã cũ nhưng vẫn vui mắt. Những ông phổng xanh, phổng đỏ đứng trước các tủ bánh kẹo, thuốc trà. Người trong phố đi chợ. Bù màu sắc, áo quần của dân Hoa. Nhưng nhiều nhất vẫn là màu chàm của người Tây, người Nùng xuống núi. Những con đường núi óng ánh vì mặt trời chiếu

trên cổ utor. Hoa dại nở từng chùm tím đỏ khắp nơi. Cả những gốc cây um tùm dưới nắng cũng xanh lại. Anh Cao dắt chúng tôi tới một hàng bán bánh bao mua ba chiếc^ô bánh ăn sáng. Xong, anh bảo chúng tôi chờ anh ra bến xe một lát. Chúng tôi uống hết chén chè xanh thì anh quay về:

— Anh phải đi ngay bây giờ. Nửa tiếng nữa xe sẽ chạy. Còn các em phải đợi ba ngày nữa mới có chuyến xe đi Cao Bằng. Những ngày này các em lại quán cơm tối qua, nói với cô Mùi xin ngủ nhờ. Cô ấy cũng là người tốt bụng.

Tới đó, anh rút ví, đếm tiền đưa cho chúng tôi:

— Không may cho các em là anh cũng chẳng giàu có gì. Các em cầm tạm ba chục mà chi tiêu thêm. Khi nào rồi, nhờ biên thư cho anh. Cứ đề: Phạm Văn Cao, lớp... Trường đại học địa chất.

Tôi nhìn chiếc ví lép kẹp của anh, lắc đầu:

— Không, chúng em không nhận của anh. Anh nghèo hơn cả chúng em nữa.

Anh Cao cười, hàm răng lấp lánh:

— Anh tới nơi trong ngày nay. Các em còn phải đi nhiều ngày nữa. Thôi, cầm lấy... Còn bé mà khải tính thế hả cô?...

Anh xoa đầu tôi rồi rút trong ví một mẫu giấy nhỏ, hí hoáy viết. Tôi tưởng anh ghi địa chỉ của anh cho chúng tôi. Nhưng anh lại viết cho cô Mùi, người bán hàng cơm tối qua.

— Các em đưa cho cô ấy. Cô ấy sẽ giúp đỡ các em phần nào... Thôi, chúc các em may mắn nhé... anh đi đây..

Không kịp đề cho chúng tôi cảm ơn hoặc nói lời từ biệt, anh cầm chiếc xắc du lịch, di vùn vụt về phía bến ô-tô. Chúng tôi đứng tần ngần nhìn theo anh, mái tóc mềm gió thổi lật về phía sau, cổ chiếc áo sơ-mi bay

lật phật. Sao này, không bao giờ chúng tôi gặp lại anh nữa. Bởi vì, cái đĩa chỉ anh nói, chúng tôi không kịp ghi nhớ trong phút giây hồi rồi. Nhưng gương mặt anh với nụ cười rạng rỡ vẫn luôn luôn hiện lên trong ký ức của tôi, như một khung trời mới lạ, như một dải núi non với vợi mới hiện lên trước chân trời.

Tôi đứng tần ngần mãi, cho tới khi Loan hạt mít gọi :

— Bô này, đi tới hàng cô Múi đi chứ. Anh Cao viết cho cô ấy đây này.

Tôi cúi xuống đọc những dòng chữ nhỏ, nét bay bướm và sắc :

Thân gửi A Múi,

Tôi không có thời giờ ở lại phố lâu. Nhưng tôi vẫn giữ cảm tình tốt với A Múi. Chúng ta là những người bạn quý hóa nhau, có phải không?... Tiện đây, tôi nhờ A Múi một việc. Hai em nhỏ này tôi gặp trên tàu. Chúng bị mất cấp hết tài sản mà còn phải lên tận Cao Bằng. A Múi cố gắng giúp chúng ăn ở trong mấy ngày tới. Tôi mong A Múi vui lòng. Tôi cảm ơn A Múi và hẹn dịp sẽ tới chơi.

Tôi nắm mảnh giấy nhàu nát trong tay như nắm lá bùa hộ mệnh. Rồi tôi cùng Loan quay trở lại khu nhà trước cửa ga. Nơi đó suốt ngày ồn ào người buôn bán, qua lại ăn uống. Dọc đường, Loan kêu đói. Tôi biết nó đã no bụng nhưng con mắt còn thèm. Bánh bao ở đây quả thực ngon vì do người Hoa làm, khác hẳn thứ bánh bao cứng dẹt dưới thị xã quê hương tôi. Tôi mua một chiếc cho Loan. Phần tôi, tôi nói rằng no rồi. Quả thực, tôi phải dè sẻn vì cuộc hành trình còn hứa hẹn nhiều trắc trở. Loan hạt mít ngượng. Nó bẻ cho tôi một nửa nhưng tôi không ăn. Cô nàng vật nài mãi, tôi mới ăn một mẫu cho nó vui lòng.

Chúng tôi đến cửa hàng cô Mùi vừa lúc cô đang lau chùi, quét dọn bàn ghế, hiện trước, sân sau. Tôi lễ phép chào cô, đưa mảnh giấy anh Cao viết. Cô bỏ chiếc chổi đang cầm trong tay xuống, kéo ghế ngồi đối diện nhìn chúng tôi với cặp mắt tò mò và hỏi:

— Các cháu mất hết đồ đạc hả? Các cháu không phải cháu chủ Cao hả? Các cháu lên Cao Bằng thăm người nhà hả?..

Cô hỏi liên một hồi. Tôi trả lời từng diềm một. Xong rồi cô bảo:

— Ở đây với cô mấy ngày cũng được nhưng phải thật thà, không được ăn cắp vặt, nghe chưa?..

Tôi thấy hòng đảng lại. Tôi chưa từng bị nghe một câu nói thô lỗ và tàn nhẫn như thế bao giờ. Máu chảy rần rần trong huyết mạch tôi. Hai tai tôi có tiếng trống thỉnh thỉnh. Mãi sau, tôi mới cất được tiếng nói:

— Cháu không phải con nhà ăn cắp. Chào cô..

Tôi xách túi quay đi.

Hình như cô Mùi cũng biết mình vừa làm một việc sai lầm. Cô đuổi theo tôi, gọi:

— Đây là cô nói vậy thôi. Đừng có dối..

Tôi muốn đi ngay, nhưng lúc đó Loan hạt mít nài nỉ:

— Bê ơi! Bê ơi!..

Hắn là nó sợ cảnh bơ vơ giữa đường giữa chợ. Hắn là nó sợ cảnh màn trời chiếu đất như đến qua. Nhất là khi không còn một người đáng tin cậy như anh Cao ở bên mình. Tôi nghĩ thương Loan và hải hùng nổi bơ vơ nên đánh xách túi quay lại.

Cô Mùi bảo:

— Trông mặt mũi các cháu cũng là con nhà tử tế đấy.

Trong bụng, cơn uất vẫn trào lên. Tôi muốn nói: «Không phải chỉ là con nhà tử tế mà là con cô giáo

Hạnh chứ không phải con cô bán cơm hàng cho lái buôn... » Nhưng tôi dành nuốt nước bọt như nuốt một viên thuốc đắng và lặng im vào nhà.

Ngày hôm đó cũng như những ngày hôm sau, tôi cùng Loan hạt mít giúp cô Mui quét dọn cửa nhà, lau chùi chén bát, tưới măng, nhặt rau, nhổ lông gà lông vịt... Để trả công, cô cho chúng tôi ăn ngày ba bữa cơm khá thịnh soạn và cho ngủ trong căn buồng xếp sau nhà. Cô Mui sống một mình. Tôi hơi ngạc nhiên vì thường ở tuổi cô, người ta ở chung với bố mẹ hoặc với chồng con. Nhưng quan hệ cách biệt giữa chúng tôi không cho phép tôi hỏi cô điều đó. Duy chỉ một lần, một người đàn ông tới đem theo chiếc xe máy với chiếc va-li cũng phòng. Ông ta vào thẳng trong buồng. Cô Mui đưa cho tôi với Loan hai đồng bạc, bảo :

— Cho hai đứa ra chợ mua sim ăn. Tối hãy quay lại.

Chúng tôi trở về đúng sáu giờ tối để đón khách tàu xuôi. Người đàn ông kia đã đi. Ngoài ra, chúng tôi không biết gì hơn. Tôi không thể nghĩ có chủ quán sơm đó lại là người bạn của anh Cao được, mặc dù cô ta đối với tôi cũng chẳng tồi tệ gì.

Xe đi Cao Bằng cứ ba ngày mới có một chuyến. Nhưng rủi cho chúng tôi, dịp đó đường bị sạt vì lũ, xảy tai nạn nên phòng giao thông yết bảng báo tin các chuyến đi tạm dừng cho tới khi đường sửa xong. Đã sang tới ngày thứ bảy rồi. Tôi nóng ruột sôi gan. Ngày nào tôi cũng ra bến xe thăm hỏi tin tức. Chưa có hy vọng gì cả. Mùa thu đã tới từng ngày. Mùa thu ở đây ví như mùa đông dưới đồng bằng. Nhất là ban đêm, khi núi lạnh tẻ tái. Đã mấy lần, Loan giục mua áo rét nhưng tôi chần chừ vì sợ không đủ tiền mua vé và ăn đường lên tới Khau Phai. Tôi mới mua thêm cho mỗi đứa một bộ áo quần thường nữa. Như vậy số vốn một trăm bảy mươi đồng cũ, cộng với ba mươi đồng anh

Cao cho, hạt xuống còn một trăm năm mươi tư đồng. Nếu mua hai chiếc áo bông, mỗi chiếc ba mươi sáu đồng, nó sẽ hết đi bảy mươi hai đồng nữa. Chúng tôi không thể nào nhịn đói để mua vé đi Cao Bằng rồi từ đó ăn rễ cây, uống nước suối mà lên tới đồn Khẩu Phai. Có thể, một chàng Thạch Sanh nào đó sẽ làm được điều đó, nhưng chúng tôi thì không. Bởi lẽ, chúng tôi vốn chỉ là dân cây đường nhựa, chưa biết phân biệt cây cà pháo với cây cà độc ra sao. Đây là một đứa liều lĩnh, ưa mạo hiểm, tôi cũng không thể vượt ra ngoài những khả năng có thực của mình.

Sang ngày thứ tám, trời bỗng nổi gió heo may. Loan hạt mít lạnh quá sụt sịt khóc. Chính tôi, tôi cũng nổi da gà và cảm thấy muốn ồm đến nơi. Tôi đánh ra mẩu dịch mua hai chiếc áo bông hoa nền xanh chấm đỏ. Mặc hai chiếc áo đó, trông tôi và Loan chẳng khác gì các cô bé ở thị trấn miền sơn cước này. Giả như tôi cắt tóc trước trán nữa thì chúng tôi hoàn toàn khiến mọi người lầm lẫn là những Hoa kiều có gốc rễ lâu năm. Cô Múi khen chúng tôi mặc áo mới đẹp quá. Còn tôi, tôi buồn nẫu ruột vì số tiền còn lại không cho phép chúng tôi tiếp tục hành trình. Chẳng lẽ cứ ở đây làm một thứ người ở không công cho cô chủ quán cơm phố Khách...

Ngày lại ngày, công việc nhân chân của quán cơm càng khiến tôi bứt rứt. Cô Múi thì vui thích ra mặt vì từ ngày có chúng tôi giúp việc, cô bán được gấp đôi ba số hàng và tiền lời nhiều lên. Loan vô tư. Nơi nào có tôi, tránh được bộ mặt lão cai Càn là nó vui thích. Thỉnh thoảng cô nàng cũng nhớ mẹ sụt sịt khóc một lúc, nhưng những trò vui khác lại làm nó quên đi rất mau. Ở đây cũng không thiếu trò chơi. Đám trẻ con quán ăn có tiền, chúng thường rủ nhau chơi bài, đánh chắn, có đứa mua cả khỉ về làm trò, có đứa dạy được

mèo và chó biết đi ra đập con, làm rức... Loan hăm mấy trò vặt đó. Chỉ riêng tôi, tôi tìm cách tháo gỡ khỏi tình cảnh này. Đã có lúc tôi định nói với cô Mùi trả tiền công hằng tháng cho chúng tôi. Khi nào đủ tiền ăn đường, chúng tôi sẽ đi. Nhưng suy đi tính lại, tôi ngượng ngùng không dám nói. Trẻ con trong phố vẫn kiếm được tiền bằng cách lên núi hái sim, trèo đồi, hoặc đun nước bán cho khách đi tàu. Tôi và Loan cũng không thể làm được điều đó vì chúng tôi bị trói buộc với những công việc của cô Mùi... Rút cục, tôi thấy mình đang chui vào chiếc sừng trâu. Thế nhưng, vào lúc tôi buồn rầu vì hết mọi hy vọng thì cuộc đời lại đột ngột rẽ sang ngã khác. Thật đúng câu ngạn ngữ của người đời: Cái rủi không báo tin, điều may không gửi dấu.

MỘT ÔNG BỤT GIỮA ĐỜI THƯỜNG

Buổi sớm hôm đó trời lạnh. Tôi thức dậy, mặc tấm áo bông mới mua rồi bắt tay vào việc quét dọn nhà cửa. Cô Mùi đang ngủ. Cô tự cho mình quyền được ngủ muộn vì những việc vặt vãnh đã có hai đứa chúng tôi lo. Loan cũng thức dậy sau tôi, mang rổ măng ra trước cửa tước nhỏ. Món măng chỉ xào với trứng hay thịt bò là món được gọi nhiều nhất trong các bữa ăn. Hai đứa chúng tôi vừa làm vừa trao đổi về vụ xô xát giữa cô Mùi và bà chủ quán bên cạnh đêm qua. Lúc đó, một ông già bận quần áo chàm, đeo tay nải cũng nhuộm chàm bước vào:

— Chà chà... cô Mùi đâu mà để hai đứa nhỏ trông hàng?

Tôi mau miệng trả lời :

— Cô Mùi còn ngủ à. Ông muốn ăn bánh hay uống nước? Chưa có cơm đâu. Cô Mùi chỉ nấu cơm đón khách chuyển tàu chín giờ rưỡi sáng thôi.

Ông già đặt tay nải xuống ghế, chăm chú nhìn tôi :

— Ông không ăn cơm. Ông chỉ muốn uống một chén trà với ăn cặp bánh mật.

Tôi bỏ chổi xuống, lau tay, rót nước cho ông. Sau đó tôi gỡ một cặp bánh mật trên dây treo cạnh bức tường, bóc đặt lên đĩa đem tới trước mặt ông :

— Bánh mới lấy chiều hôm qua, còn dẻo lắm ông à.

Ông già gật đầu tỏ ý hài lòng. Ông ăn bánh chậm rãi, uống từng ngụm trà nhỏ rồi cất tiếng nhẹ nhàng hỏi :

— Châu này... Ông mời tôi đây tháng trước, quán chỉ có một mình A Mùi. Hai cháu vừa ở dưới xuôi lên chăng ?

— Thưa ông, vâng — Loan đáp. — Chúng cháu không định lên đây đâu. Chúng cháu định lên đồn Khẩu Phai, xa hơn thị xã Cao Bằng gần một trăm cây số nữa. Nhưng chúng cháu bị mất cặp hết áo quần, đồ đạc không đủ tiền đi nên đành ở lại đây.

— Đồn Khẩu Phai — ông già trầm ngâm nhắc lại hai hàng lông mày rậm và trắng như cước nhàu lại. — Các cháu lên đó làm gì ?

— Lên thăm chú Tùng, bố của bạn Bè — Loan giơ tay chỉ vào tôi. — Chú Tùng là đại úy, trưởng đồn biên phòng Khẩu Phai. Ông đã lên tới vùng biên giới đó bao giờ chưa?...

— Chưa. Ông chưa lên tới đó...

Ông già lắc đầu. Rồi sau khi ăn xong cặp bánh mật, uống cạn chén trà, ông hỏi :

— Các cháu có họ hàng với cô Mùi không

— Thưa ông, không.

— Các cháu làm ở đây mỗi tháng được bao nhiêu tiền công?

— Thưa ông, cô Múi chỉ nuôi chúng cháu ăn và cho ngủ nhờ thôi.

— Há? Há?...

Ông già nhướn cặp mày trắng lên hỏi. Rồi không chờ chúng tôi trả lời, ông lần trong túi áo chàm, lấy ra một gói thuốc lao, vè thuốc nạp vào nỏ, châm lửa hút. Khói thuốc ông phả ra làm quán trắng mịt mờ. Lúc đó, cô Múi đã trở dậy. Cô ra bẻ nước sau nhà, súc miệng ừng ực.

Ông già nhìn chúng tôi hiền từ, chậm rãi nói:

— Ông chưa lên Khậu Phai bao giờ, nhưng ông có đứa cháu là lính biên phòng đóng ở gần đó. Khậu Phai, Khậu Phát, Nường Le, Phia Khoảng là một dãy những đồn biên phòng ở trên vùng đá cheo leo. Các cháu không thể tự tìm lên đó được. Mà ở đây làm người ở không công cho cô Múi bán cơm cũng chẳng hay. Ông chỉ có một mình thôi. Nhìn mặt các cháu sáng như gương, ăn nói lễ phép, ông thương lắm. Về ở với ông đi. Ba ông cháu mình sẽ cùng làm nương, cùng đi săn thú, cùng ăn con cá bắt dưới suối lên. Ông sẽ viết thư gọi thẳng cháu của ông về phép. Khi nào đi, nó sẽ dẫn các cháu đi cùng. Nào, các cháu có bằng lòng không?...

Tôi nhìn Loan. Loan nhìn tôi. Cả hai chúng tôi đều tin cây ông già ngay từ phút đầu gặp gỡ và cùng cảm thấy sung sướng đến bàng hoàng khi nghe ông nói những lời giản dị, dịu dàng như thế.

Cô Múi dưới sân đi lên, khăn mặt vắt trên vai. Ông già bắt đầu nói với cô ý định của ông. Chúng tôi im

lặng chờ đợi. Dẫu sao chúng tôi đi, cô Mùi cũng mất một món hời, tôi nghĩ thế. Nhưng tôi không ngờ cô lại đỏ bừng mặt lên, nói sa sả:

— Không được, không được, anh Cao giao chúng nó cho tôi trông nom mà. Bao giờ anh Cao về, tôi mới trả.

Ông già gõ gõ ngón tay lên mặt bàn nước:

— Trông nom gì mà hai đứa phải làm từ tỉnh mơ, còn cô rúc trong chăn ngủ cho đầy mắt. Tháng tháng, không cho trê lấy vài chuc bạc cầm tay. Trông nom trê như vậy cũng gần giống địa chủ trông nom tá điền đấy...

Cô Mùi đứng sững, ghen hòng không nói được nữa. Nhưng gương mặt đỏ tía của cô chứng tỏ cô cảm uất ông già tới bầm ruột bầm gan. Ông già nghiêm nghị nhìn tôi và Loan, nói như ra lệnh:

— Hai cháu thu xếp quần áo, đi thôi...

Những ngày tháng ở với người đời đã dạy tôi khôn lớn. Như con chồn, con cáo đánh hơi thấy mồi, tôi cũng nhận biết được khá chính xác ai là người tốt, ai là kẻ bất lương. Nhìn cặp mắt ông già, tôi biết ông là một cây đại thụ vững vàng mà tôi có thể tựa vào trong cuộc đời phía trước. Tôi đứng lên, bỏ cây chổi quét nhà ra sau sân, thu dọn đồ vật, gấp áo quần cho vào chiếc túi ngày xưa chúng tôi dùng làm túi đựng đồ ăn khi bước vào cuộc hành trình. Chỉ vồn vồn hai bộ áo quần. Còn hai bộ mới mua, chúng tôi đã mặc trên người, cùng với tấm áo bông. Số tiền nằm trong cái túi con khau dính với lưng quần. Chúng tôi bước tới trước mặt cô chủ quán cơm:

— Chúng cháu xin phép cô ạ. Chúng cháu chào cô ạ...

Dẫu sao, tôi cũng muốn coi cô như một ân nhân, mặc dù cô chỉ làm cái việc có lợi cho túi tiền của cô.

Cô Múi không trả lời, mặt hăm hăm đầy sát khí.

Tôi nhìn nài chào lần thứ hai. Lần này, cô đánh miến cưỡng gặt đầu. Ông già trả tiền chén nước trà với cặp bánh mật rồi khoác tay nài lên vai:

— Nào, đi.

Chúng tôi ra khỏi khu quán cơm, thẳng đường bước vào phố. Những cây đèn lồng lua đỏ cũ kỹ, những ống phồng xanh đỏ đầy bụi trông mới mẻ, rực rỡ hẳn lên trong mắt tôi. Cả những chiếc lá bàng đỏ ủa rơi khỏi cành đang nhào lộn trong không trung cũng như lời chào đón. Tôi thầm nghĩ: « Cuối cùng, mình sẽ gặp những điều may mắn, những con người nhân ái, giàu tình thương ».

Ông già đi rất nhanh. Cứ vài chục bước ông lại dừng để đợi chúng tôi:

— Ông đưa các cháu vào chợ chơi. Quá trưa ta về hẳn. Hôm nay là ngày chợ phiên. Trai gái hát vui lắm đấy...

Tiếng là đã ở phố Lang lâu nhưng chúng tôi bận phục vụ quán cơm của cô Múi nên chưa biết chợ phiên vùng núi ra sao. Nghe ông già nói vậy, tôi thú lắm. Loan nhây căng lên như đứa bé lên ba. Ông già hỏi tên tuổi từng đứa. Chúng tôi lần lượt kể chuyện mình, không hề giấu giếm. Ngay cả món tiền nhỏ bé còn khâu ở lưng quần chưa bao giờ cô Múi biết, tôi cũng đưa cho ông. Ông già cười, xoa đầu tôi:

— Khổ thân con bé. Từng này tiền làm sao đủ mua bánh tét ăn mà đòi lên tận Khâu Phai.

Ông bỏ món tiền cơm đó vào túi. Tối lúc vào chợ phiên, ông tiêu hết một món tiền lớn gấp ba số tiền chúng tôi dành dụm. Thoạt tiên ông đưa hai đứa vào hàng phở chua nổi tiếng của người Hoa. Sau đó lại sang hàng bánh bao nhân xá vừa ăn mỗi người một

chiếc lớn. Rồi ông dắt chúng tôi vào chợ chơi. Trai gái người các dân tộc thời khèn, lượn lờ từng đôi một, hát đối đáp như kiểu hát quan họ, hát ghẹo vùng Bắc Ninh và Vĩnh Phú. Nhưng điệu hát của họ trầm buồn, đều đều, lại khác ngôn ngữ nên chúng tôi không hiểu. Ông già đưa chúng tôi tới dãy bán thắng cố. Hàng chục chiếc chảo gang to tướng, nước sôi gần tới miệng, luôn luôn sôi sùng sục. Bên trong là những tảng thịt trâu, thịt ngựa, thịt bò thi nhau nhào lộn, vàng mỡ lẫn bọt tuyết nổi từng đám lênh bênh. Ông già bảo :

— Dưới lớp thịt ninh kia có các loại xương nữa đấy. Phải có xương, nước mới ngọt.

Những người dân miền núi tới chợ ngồi sụp xuống quanh chảo thắng cố. Nước sôi lục bục, khói tỏa nghi ngút. Người bán vớt thịt xẻo một miếng, múc một bát nước đưa cho người mua. Người mua si sụp húp nước, cắn thịt nhai ngon lành. Nhưng tôi ngửi mùi mỡ bò bay lên gây gây thì sợ hãi. Tôi nói với ông già :

— Cháu không biết ăn thứ này đâu.

Ông nhìn tôi, cười :

— Chính ông cũng không biết ăn. Cháu đừng sợ ông ép.

Ông dẫn chúng tôi đi một lượt qua những hàng bán hồng, bán bưởi, bán trám, hạt dẻ, củ mỡ, khoai sọ, nấm hương, mộc nhĩ... Lại tới một hàng ăn bán thịt nhuộm hoa hộc đỏ chót lẫn những mảnh tiết đen thái nhỏ. Người ta gọi món đó là ngầu pín. Toàn đàn ông ngồi ăn. Họ uống rượu từng bát. Tôi hỏi ông già có ăn hay không. Ông cũng lắc đầu. Lòng đầy thắc mắc, tôi hỏi :

— Ông ơi, sao là người vùng này mà ông lại không biết ăn mấy món đó ?..

Ông già cười :

— Cháu có biết tên ông là gì không?... Ông tên là Mộc. Thời trẻ ông mở cối cả cha lẫn mẹ, theo ông chủ làm thợ mộc đi lang thang khắp các vùng kiếm ăn. Người ta gọi ông là anh thợ mộc. Gọi mãi đến quen miệng, quên cả tên cha mẹ đặt cho. Ông ở trên này, lấy vợ người Nùng. Bà xinh xắn lắm, dệt vải giỏi nhất bản. Ông với bà có hai đứa con. Hai năm sau chiến dịch biên giới, Tây càn giết sạch dân bản. Ông đang săn thú trong rừng nên thoát chết. Từ đó, ông cứ ở một mình, không lấy ai nữa. Từ ngày hòa bình, ông cũng chưa về thăm quê. Quê ông ở Kẻ Sặt. Chắc các cháu chưa tới đó bao giờ?...

Tôi thú nhận :

— Vâng. Cháu chưa lần nào được ra khỏi thị trấn quê hương. Xa nhất cũng chỉ là quê ngoại, cách thị trấn mười lăm cây số.

Ông già Mộc nói tiếp :

— Ở vùng này lâu nhưng ông vẫn không quen được với nhiều món ăn của dân địa phương. Đặc biệt là món thắng cố và ngầu pín. Còn thịt thú rừng biết làm thì ngon lắm. Khi nào săn được, ông sẽ nấu nướng cho các cháu ăn.

Ông dắt chúng tôi dạo qua dãy hàng xén, mua kim chỉ, rất nhiều chỉ màu, phấn viết bằng, giấy viết và bút mực. Ông còn mua hai chiếc khung thêu bằng nhôm tròn. Ông mua cả một lò những chiếc vòng đeo tay đủ màu sắc. Tôi kinh ngạc hỏi :

— Ông mua đem về bản bán lại hay sao?

Ông cười :

— Ờ, bán lại cho hai cháu.

Ông mua cho chúng tôi hai bộ quần áo hoa nữa, tuy đường may vụng nhưng vải láng rất dày và mịn. Sau

đó, ông đưa chúng tôi sang dãy hàng bán cá mắm, mắm tôm, nước mắm khô, tép khô... Ông mua mỗi thứ một cân, đựng đầy cái bị cối mà ông rút trong tay nải ra. Đến lúc này, tôi mới hết ngỡ ngàng. Ông già Mộc đích thực là một nông dân vùng đồng bằng. Dầu đã xa quê mấy chục năm ròng, ông vẫn không thể quên những món ăn quen của thời thơ ấu.

— Nào, hai đứa còn muốn ăn gì nữa không?

Ông hỏi chúng tôi khi đã ra khỏi khu chợ ồn ào, lấm bụi.

— Không, không, chúng cháu no căng bụng rồi ạ.

Tôi vội vã trả lời.

Tuy vậy, ông vẫn đưa chúng tôi vào cửa hàng giải khát, gọi nước bát bảo lượng xà uống rồi mời lên đường về bản.

— Ông ở có xa không ông?... Đi độ mấy giờ thì đến nhà? — Loan hạt mít hỏi.

— Cũng không xa lắm. Nhưng đối với đôi chân của các cháu thì khá xa đấy. Minh cứ đi chậm chậm thôi. Tôi đau mệt, ta lại nghỉ. Chưa về đến nhà ngay thì ta ngủ nhà bạn. Ông có vợ khối bè bạn ở các bản dọc đường.

Tôi cau mày mắng Loan:

— Chưa chi đã ngại xa... Đáng lẽ đằng ấy cứ ngồi bán quán cơm như cô Mùi là tốt hơn cả.

Ông già Mộc sợ Loan dỗi nên vội vã gạt đi:

— Ài chà, đừng nói bạn như thế, Loan nó hỏi cho biết đường thôi. Nào, đi đi. Hết đoạn phố này, ông cháu ta sẽ rẽ xuống đường tắt.

Đừng trưa, nắng gay gắt. Trời lại im gió nên chúng tôi đã cởi hết áo bông mà vẫn còn thấy nóng. Thời tiết ở miền núi thay đổi như một kẻ trái tính trái nết.



Tuy vậy, tôi vẫn bước phăng phăng. Núi non như gần lại phía trước. Đường chân trời cũng trở nên thoáng đãng, thân thuộc. Những con đường mòn quanh co, uốn lượn qua các sườn non, vắt qua những thung sâu trông như dải lụa mềm. Cảnh trí tươi đẹp quá, khi ta có một người dễ thương yêu, dễ tin cậy. Ông già Mộc gánh gánh đồ nặng trĩu đi phía trước chúng tôi. Những bước chân ông rắn rỏi, đều đặn, không một chút cố gắng nào. Tôi bỗng hình dung rõ ràng, ông là ông bụt hiện lên trong cuộc đời chúng tôi giống như ông bụt hiện lên với cô Tấm trong truyện cổ. Ôi, thật kỳ diệu khi ta bỗng bắt gặp những ông bụt sống cùng ta trên mặt đất, giữa cây cỏ, dưới ánh mặt trời. Những ông bụt hiền lành, bình dị của đời thường.

NHỮNG NGÀY THẦN TIÊN

Tôi muốn kể lại quãng đường ông già Mộc đưa tôi từ phố Lạng trở về bản Muốn, những con suối tôi đã đi qua, những vôi nước phun từ kẽ đá mát lạnh và trong suốt, những con bướm to lớn kỳ dị chưa bao giờ tôi gặp trong đời... nhưng như vậy thì sẽ tốn vô khối trang giấy và thời giờ của các bạn. Tôi chỉ nói về quãng đời thần tiên tôi đã sống với ông già ở bản Muốn. Một bản nhỏ, nép mình trong thung lũng, bốn bề núi non vây bọc, nhưng xinh đẹp và thú vị đúng với cái tên của nó. Ai chưa đến đó thì muốn đến. Ai đã ở đó thì chẳng muốn đi. Cả bản có trên hai chục nóc nhà. Nhà nọ cách nhà kia chừng trăm thước, người ở bản gọi là cách nhau vài quãng đào. Nhưng đứng ở sân trước

nhà này nói với sang sân trước nhà kia vẫn cứ nghe thấy. Có lẽ vì không gian ở đây tĩnh lặng và mỗi âm thanh đều được các vách núi ném vọng lên gấp ba lần. Nhà ở bản. Muốn toàn là nhà sàn kiên cố, dựng bởi hàng chục cây cột lớn, tằm cao mỗi cây cột đúng bằng hai chiều cao từ mặt đất lên tới nóc đình dưới vùng xuôi. Đi trong nhà, người chỉ thấp chưa đầy góc cột. Có thể dựng gỗ cửa xẻ, đóng đồ mộc ngay trong nhà. Sân nhà lát gỗ tằm dày. Trước nhà, nối tiếp với cầu thang chính là sân ken bằng gỗ cây hoặc gỗ tằm, rộng chừng ba bốn chiếc chiếu. Sân sau nhà hẹp chừng non một thước, nối với cầu thang phụ, thường là nơi kê chum đựng nước, sẵn mới dỡ ngoài nướng vè, củi khô sắp sẵn để tiện rút vào bếp đun. Gian dùng làm bếp đun kê với cầu thang phụ. Một gác gỗ chạy lưng chừng gian để chất các bồ đựng thóc nếp, thóc tẻ, khoai sắn khô cho lợn, ngô đậu và các thứ giống. Chính giữa sân thường có một ô vuông khuôn bằng sắt hoặc đắp bằng đất ngăn cho lửa khỏi cháy lan ra gỗ sàn. Suốt mùa thu và mùa đông, những thân củi lớn, dài chừng hai thước, chầu đầu trên khuôn bếp. Ngọn lửa cháy không ngưng nghỉ, khi bùng lên rực rỡ, khi âm ỉ leo lét quanh các đống than hồng. Bất cứ lúc nào ta cũng có thể nướng khoai, nướng sắn, rang bỏng nếp hoặc bày những trò nấu ăn khác trên cái bếp lửa cháy trường kỳ đó. Đi qua gian bếp tới gian chính, nối liền với sân trước và cầu thang lớn. Gian chính có khi rộng bằng cả năm gian nhà dưới xuôi cộng lại. Lần đầu tiên bước lên, tôi và Loan cứ ngỡ ngàng đi hết đầu nọ tới đầu kia, tưởng như mình lạc vào cái cung điện bằng gỗ của một bộ lạc nào đó còn sót lại. Phía bên trái gian nhà chính là một dãy bốn ngăn buồng nhỏ, có cửa gỗ dày, khép kín đáo. Ông già Mộc bảo những ngăn đó là để cho đàn bà, con gái trong nhà. Từ khi vợ và các con ông bị giặc

Pháp giặt, ông vẫn giữ nguyên chân nệm, gối màn trong mỗi ngăn. Cứ đến mùa hè ông đem ra phơi phơi, giặt. Khi đưa tôi và Loan về, ông cũng đem những tấm nệm, những tấm chăn thêu ra trước sân phơi nắng, đập bụi. Chúng bốc lên mùi nấm mốc. Tôi nhìn gương mặt răn rỏi như tạc bằng đá của ông già Mộc, biết rằng ông đã từng đau khổ và cô đơn, rằng ông thương chúng tôi bằng tình thương chân thực và bằng trái tim khao khát yêu thương của một ông già đơn chiếc. Sau khi đun nước nóng cho chúng tôi tắm giặt, ông bảo chúng tôi giữ nệm trái trong các ngăn buồng. Ông gọi một ông già rậm râu bên nhà tôi. Ông nói một tràng dài tiếng Nùng. Lát sau, ông già rậm râu về lấy một con dao nhọn sáng loáng. Tôi trông thấy đã sợ hãi ớn. Muốn gì, đây cũng là xử lý. Chúng tôi không khỏi còn chút hồ nghi. Ông già Mộc với ông rậm râu nói với nhau vài câu, chỉ tro đám lợn đang chạy lòng nhòng dưới sân. Sau đó, hình như họ thỏa thuận với nhau nên gặt đầu một cách hỉ hả và cùng chạy xuống cầu thang phụ. Người hò, người hét cuối cùng hai ông túm được một con lợn lang cỡ bốn năm chục cân. Té ra, ông già Mộc gọi ông rậm râu tới nhờ thịt lợn. Bây giờ, chúng tôi mới hoàn hồn.

Tôi không ngờ ông già Mộc đôn chúng tôi thịnh soạn và trịnh trọng như thế. Hôm đó, ông thịt lợn, giã giò nạc, giò mỡ, làm lòng theo đúng kiểu miền xuôi. Còn thủ lợn và bốn chân giò, ông đem luộc lên bày tất cả vào một chiếc nồi nhỏ, giống như chiếc mẹt dưới xuôi, đan bằng tre cắt sợi tằm vàng óng.

Lặn mặt trời, ông đứng trước sân, khum tay che miệng làm loa hú gọi những người thân trong bản. Người đầu tiên nghe tiếng hú của ông là một bà nà dòng mặc áo dài nhuộm chàm, thắt lưng chàm bỏ mũi. Bà lại đứng quay mặt về hướng núi hú gọi người

khác. Người nọ gọi người kia theo kiểu dây chuyền. Cứ như thế chúng non nửa tiếng đồng hồ, thung lũng vang đầy những tiếng hú bổng trầm, cao thấp. Rồi người nọ theo người kia lục tục kéo đến. Tôi rất ngạc nhiên vì người nào cũng đem theo một bó nửa rất dài. Ông già Mộc giải thích đó là bó đuốc. Đi chơi buổi chiều phải đem theo đuốc để soi đường lúc trở về. Người khách nào tới cũng vòng ra cầu thang phụ rửa chân. Nước ở đây giống như vòi nước máy ở thành phố. Nhưng nó không chảy trong các ống thép mà chảy qua các ống nửa dài, ống nọ nối ống kia bắc ngang lưng núi, ăn sâu mãi tới đầu nguồn suối. Sau khi rửa chân, khách bỏ dép dưới cầu thang, đi chân đất vào nhà, qua gian bếp, qua gian chính mà tới sân trước. Ông già Mộc bảo: « Khách thân tình được đi cửa sau, khách lạ khách quý đi cửa trước ». Khi khách khứa đã xếp chân ngồi thành vòng tròn, ông già Mộc xoa tay nói.

— Hôm nay tôi gặp hai đứa cháu dưới xuôi lên chơi. Tôi thịt con lợn mời bà con bản tới ăn mừng. Miếng xôi người đàn ông hong vung, miếng thịt người già nướng không ngon, nhưng trong bụng vui, mời bà con uống rượu.

Nói xong tiếng Kinh, ông lại dịch sang tiếng Nùng. Đám dân bản nhìn chúng tôi, người gật gù, người cười cười, người đưa tay vuốt tóc hoặc nắm tay hai đứa. Tự nhiên biến thành một nhân vật trung tâm được mọi người chú ý, tôi ngượng đỏ mặt. Loan hạt mít tự nhiên hơn tôi. Nó cứ tít mắt lại mà cười.

Trong đám dân bản, bà nạ dòng mặc áo dài chàm biết tiếng Kinh khá sỏi. Bà ta quay sang nói dồn dập:

— Ôi dà, các cháu xinh đấy, trông các cháu ngoan đấy. Bao nhiêu tuổi rồi? ... Á á... mười ba tuổi mà to



vậy?... Lên ở bản Muốn là đẹp gái ra nhiều lắm đấy. Da hồng như cánh hoa đào. Rồi không muốn về dưới xuôi nữa đâu...

Chờ cho bà hết bài diễn thuyết lộn xộn và nồng nhiệt đó, ông già Mộc bưng hũ rót vào từng chén. Ông có mười hai chén sứ Giang Tây rất đẹp. Không hiểu sao, bao nhiêu năm chiến tranh, qua những lần chạy giặc khổ sở như vậy mà ông vẫn giữ được nguyên vẹn những thứ của dễ vỡ đó?...

— Nào, chúc hai cháu mạnh giỏi, ngoan ngoãn,... Chúc bà con khỏe, cứng cáp chân tay, sẵn thủ thủ chết, gieo lúa nương lúa nương đầy giàn.

Ông già Mộc bưng chén rượu chúc. Những người khác cũng lần lượt chúc theo. Bữa ăn bắt đầu. Ba con dao nhỏ sắc lẹm đặt ba góc. Thịt nướng, thịt luộc, lòng lợn để nguyên trên từng chiếc đồng xính xắn, sạch sẽ. Ai ung ăn miếng nào, cầm dao xẻo miếng ấy. Thoạt tiên, mọi người còn nói chuyện. Tới nửa chừng bữa ăn, rượu ngà ngà, ông già Mộc vào trong nhà lấy ra một cây đàn tính. Ông rậm rần lúc này cầm dao giết lợn trông thành thạo một như ông hàng thịt chính cống, bây giờ cầm đàn tính gảy. Cặp mắt đen của ông trở nên đại đại, hiền từ.

— Tính tính tính... tang tình tình tang tính...

Âm điệu réo rắt của cây đàn hòa lẫn tiếng hát trầm đục, hòa lẫn tiếng suối reo xa xa vọng tới và tiếng nước chảy róc rách trong các ống dẫn nước thành bản nhạc lạ lùng, không bao giờ có thể quên. Đệm vào giai điệu đó, là tiếng chày giã gạo ở các cối nước thì thụp đều đặn, khiến tôi tưởng như thời gian ở đây dài dằng dặc một năm bằng một thế kỷ ở vùng đồng bằng.

Mặt trời đã lặn từ lâu. Thoạt tiên còn nhìn rõ lơ mơ mặt người. Sau chỉ thấy những bóng đen ngồi đối diện

hoặc bên cạnh ta. Mọi người say hát, không ăn và uống rượu nữa. Họ cứ hát hết bài này sang bài khác. Những giai điệu không khác nhau là bao. Dân ca vùng này khác hẳn những bài quan họ dưới quê tôi, nó buồn, lằng lằng như cảnh núi non tĩnh mịch vậy. Khi đất trời đã tối đen như mực tàu, ngôi sao bạc nhỏ lấp láy trên đỉnh núi, ông già Mộc mới vào nhà lấy cây đèn ba dây lên thắp. Ánh sáng khiến đám người đang mê mẩn vì những bài ca kia bừng tỉnh lại. Họ tiếp tục trao đổi những câu chuyện, tiếp tục uống rượu, ăn thịt, và cười khe khẽ mỗi khi ông già Mộc pha trò. Người bản thường ít cười. Nếu không có ông già Mộc, hẳn suốt bữa ăn họ chỉ chuyện làm rằm hoặc hát như vậy. Ngọn đèn ba dây sáng lay động một khoảng rộng. Ngoài xa, núi non trập trùng đen thẳm. Tiếng kêu của những con vật, chắc con hoẵng hoặc nai, tôi đoán vậy vì nó giống như tiếng kêu của con nai, con hoẵng tôi đã được xem phim, vọng tới. Bữa ăn đêm vùng núi được một vẻ kỳ dị khiến tôi thú vị. Tôi hít thở khí trời mát lạnh hơi sương, tìm một góc vắng nằm dài, ngắm những vì sao li ti gần trên trời. Khuya lắm, bữa tiệc mới tan. Mọi người lục tục đốt đuốc ra về. Đứng trên sân nhìn xuống, trông như có một con rắn lửa lượn giữa thung lũng.

— Nhìn kia, đẹp chưa!..

Tôi kêu lên, chỉ cho Loan hạt mứt.

Nó đứng sát vào tôi, khẽ nói:

—Ồ, thú thật. Thú vị thật. Trong phim cũng chưa thấy cảnh này đấy nhé.

Chúng tôi đứng ngắm những đốm lửa một lúc lâu cho tới khi chúng tan tã đi nhiều ngả, khuất sau những vườn bưởi, vườn giầu già, những nếp nhà sàn, mới vào nhà.

— Nào các cháu, giúp ông một tay nhé — ông già Mộc gọi.

Từ lúc chúng tôi đặt chân lên sàn, ông không cho chúng tôi mó tay vào một việc gì thuộc về bếp núc. Tôi lúc ông cất tiếng gọi, tôi nhanh nhẹn đáp:

— Vâng. Chúng cháu đi rửa bát chén, ông nhé.

— Không đâu, không đâu... — ông già Mộc lắc đầu. — Bát chén mai rửa nước nóng. Giờ ông cháu ta làm thịt cho tươi.

— Vâng. Các món thịt cháu vẫn biết làm.

Tôi đáp lời, xắn tay áo chuẩn bị thái thịt để kho hoặc làm ruốc bông theo kiểu miền xuôi. Nhưng ông già Mộc lại lắc đầu:

— Không phải vậy.

Ông gọi tôi:

— Cháu lại đây. Cứ mỗi lần ông bảo, cháu lại rắc một bát muối vào cối, rắc từ từ và thật đều.

Rồi ông gọi Loan:

— Cháu nhặt thịt ném vào cối cho ông. Khi nào ông bảo thôi thì ngừng tay lại.

Chúng tôi đi theo ông vào gian bếp, chờ đợi. Ông vẫn một chiếc cối đá to như chiếc cối chày giã gạo dưới đồng bằng, nhưng rất cao và dày. Chày giã dài hơn một thước. Đặt cối đặt chày xong, ông bưng ra chiếc thúng lớn đựng thịt lợn đầy tới cạp. Những miếng thịt đã pha sẵn, đều tằm tấp, miếng nào cũng nặng chừng năm, sáu lạng. Rồi ông lại lấy ra một chiếc sọt tre đáy nhỏ, miệng rộng, tựa hình cái chum, và một ôm rơm mới thơm mùi nắng. Sau đó ông bảo Loan cầm từng tảng thịt ném vào cối, tôi thì rắc muối lên. Ông vừa giã vừa đảo cho những hạt muối sắc cắm sâu vào thớ thịt. Hết mặt nọ, lật mặt kia. Khi những tảng thịt đã thấm muối, ông xếp ra sọt. Đây sọt lột rơm. Thịt xếp

xong một lượt lại ém rơm lên lượt nữa. Liết thúng thịt thì đông rơm to tướng cũng sạch trơn. Chiếc sọt tre đầy thịt tôi tận ngon. Ông già Mộc bưng sọt thịt muối đặt nơi thoáng gió :

— Cứ như thế này, ông cháu ta có thể ăn thịt luôn trong hai ba tháng mà vẫn tươi ngon.

Xong việc, chúng tôi rửa mặt rửa chân tay bằng nước nóng rồi đi ngủ. Tôi với Loan nằm cùng một ngăn buồng, trên đắp chăn, dưới trải nệm. Cả hai đứa đều bàng hoàng, trấn trở vì thấy cuộc sống của mình biến động không thể nào lường trước. Nổi vui, nổi buồn, lòng mong nhớ, sự thắc thỏm xáo trộn trong lòng. Nhưng khoảnh khắc đó cũng chỉ kéo dài được năm mười phút. Rồi chúng tôi ôm nhau ngủ.

Hôm sau, mặt trời lên khỏi núi tôi mới tỉnh dậy. Loan vẫn còn ngủ say. Má nó đỏ hồng. Tôi để cho bạn ngủ, lặng lẽ bước ra ngoài buồng.

— Lại đây uống nước cho ấm bụng.

Ông già Mộc gọi. Ông ngồi bên bếp, uống trà. Tôi nhìn chạn bát đã thấy bát chén rửa sạch úp từng hàng từng lối. Trên bếp, chỗ xôi đang bốc hơi thơm lừng. Ông già Mộc đưa cho tôi chiếc ấm đồng to bằng cả chiếc gầu múc nước, bảo :

— Nước nóng đỏ, rửa mặt đi.

Tôi ra cầu thang sau, hứng nước lạnh già chảy long long từ ống xuống vào thau, rồi pha nước nóng trong ấm để rửa mặt. Rửa nước nóng khi khi trời tẻ tẻ lạnh lạnh thật thú vị. Tôi vào bếp, trách ông già Mộc không gọi tôi dậy sớm rửa bát chén, thu dọn nhà cửa. Ông bảo :

— Cháu ngoan đấy. Nhưng ông ít ngủ, ông làm cho vui tay, vui chân. Các cháu đang tuổi no ăn no ngủ mà không được phiêu lưu thì ốm người đi... Nào, ngồi đây uống nước với ông, chờ bạn dậy rồi ăn xôi sáng.

Tôi hỏi :

— Mặt trời lên khỏi núi, sao ông không phải đi nương ?

Ông già cười :

— Ông có một mình, nuôi lợn, nuôi bò, làm đồ mộc cũng chưa tiêu hết tiền, đi nương nhiều làm gì nữa ?... Đó, cháu nhìn đàn bò của ông xem...

Ông chỉ xuống kẻ sào. Dưới chuồng thênh thang có tới mười lăm con bò. Con lợn thì khoảng ba chục chú.

Gà lớn nhỏ đậu từng bầy trên các thanh ván gác ngang, cao thấp khác nhau. Có hơn mười chiếc ổ rơm treo giăng vách gỗ quay chuồng. Quả thực, so với người nông dân miền xuôi, gia tài của ông già quả đồ sộ. Tuy nhiên, mùi phân bò, phân lợn, mùi nước tiểu khai nồng từ dưới sàn bốc lên khiến tôi khó chịu. Nhất là buổi sớm, khi gió thung lũng chưa tới lửa đám hơi lưu cữu hơi hám đó đi. Tôi hỏi :

— Sao ông không làm chuồng nuôi bò, nuôi lợn, gà riêng ? Ở thế này mùi khó chịu lắm. Ở lâu, sinh bệnh ra đấy.

Tôi định nói, ở thế này mất vệ sinh, nhưng sợ ông giận nên đành nói trệch đi như vậy. Ông già Mộc gật đầu :

— Ông biết chứ. Dưới xuôi, mình có làm chuồng bò bên dưới nhà ở đâu... Ông đang vận động bà con trong bản làm chuồng bò, chuồng lợn riêng. Nhưng phải dần dần. Không mỗi lúc mà thay đổi được. Bà con ở đây quen ở như bây giờ. Họ bảo người ở trên, bò lợn ở dưới thì hổ sợ hơi người không dám tới bắt bò bắt lợn. Làm chuồng riêng, hổ về khénh đi hết. Ông học tập trên huyện về gần một năm nay mà đã ăn thua đâu. Bữa trước, bà Kín (tôi biết là bà nạ dòng mặc áo dài nhuộm chàm sang ăn cơm tối qua) vừa làm chuồng bò nhất riêng hôm trước, hôm sau con cạp thọt về tha con bò cái chưa đi mất. Ai nấy sợ hãi bỏ cả. Giờ chỉ còn mình

ông cương quyết quây chuồng bò, chuồng lợn riêng. Châu cô thấy đám gỗ dựng giáp sàn sau không?... Đó là gỗ cọc chuồng. Nhưng còn thiếu nhiều ván lắm.

— Ô, ông yên trí, cháu sẽ giúp ông lấy gỗ làm chuồng bò. Cháu khỏe không kém con trai đâu, ông ạ. Ở nhà cháu vẫn vật nhau với tụi chúng nó đấy...

Tôi bặng hai xắn cao tay áo lên.

Ông già Mộc nhìn tôi hấp háy cười, ánh lửa trong mắt ông vui như đang nhảy múa:

— Ô, cháu ngoan quá. Cháu chỉ nói thế là ông ấm lòng, đủ sức vác gỗ về làm chuồng bò rồi... — Ông cầm cánh tay tôi, lắc lắc — Tay này phải tốn năm gian nhà thóc, ba gian nhà thịt mới vác nổi gỗ rừng... Cháu nghe chưa?...

Lúc đó, Loan hạt mít lò dò từ trong buồng bước ra. Tôi ghục nó đánh răng, rửa mặt để còn ăn xôi sáng. Tôi đói bụng rồi. Quái lạ, hình như ở trên này da dầy tiêu nhanh gấp đôi dưới phố. Tôi chưa bao giờ thấy mình ăn khỏe và háu ăn như thế.

Ăn xong, ông già Mộc bảo chúng tôi cùng lên nương dỡ sắn. Chúng tôi tưởng dỡ sắn về nấu ăn nhưng ông bảo sắn ở đây chỉ nấu cho lợn. Năm nào, không may mất mùa, người bản mới dọn sắn vào nếp hong xôi. Từ nhà lên nương đường không dài, nhưng phải leo dốc khá cheo leo. Chúng tôi cứ bám theo gót ông già mà đi. Dọc đường, ông chỉ cho chúng tôi những nguồn nước trong suốt vọt từ kẽ đá ra. Người bản kê ống nứa vào hứng. Mỗi nhà tìm một nguồn nước. Cúm nhà nào gần nhau thì bắc chung ống máng dài. Dòng suối chảy qua phía bắc thung lũng rất xiết nên đặt được hơn mười chiếc cối giã gạo. Gạo trong các cối trắng muốt. Gạo nhà ai nhà nấy tới lấy. Không ai trộm của ai. Thằng hoặc có kẻ cắp thì đó chỉ là những con chuột núi lông xù đen dũi to bằng con mèo nhỏ. Chúng đã

quen với cối nước nên bỏ tới, thả mồm vục ăn gạo ngay khi chày vẫn thùm thụp nện xuống chạm cả vào rau. Những con chuột đó là những tên trộm không tôn ăn nào xỉ được. Chúng quá tỉnh ranh. Dầu có gài bẫy cũng dõ ai bắt được. Dọc theo dòng suối, giữa các cối gạo nước thường có những cây cỏ thu hoặc những mái lều con, người bản làm để trú nắng mưa khi lên nương hoặc đi đường. Từ trên cao nhìn xuống, chúng giống như những hộp diêm xinh xắn. Phía dưới các cối giã gạo, nơi dòng suối đã trở nên hiền hòa, nước mỏng và tràn trên bãi sỏi phẳng lì thì không còn những cây đại thụ mà chỉ có rau cải xanh um ven bãi và những đám hoa rừng đủ màu sắc nở trong các bụi cỏ dại. Mặc dù mặt trời lên cao, sương đọng trong các đám cỏ vẫn chưa tan hết, chúng phản chiếu ánh nắng như những hạt thủy tinh. Sơn ca núi từ lưng chừng trời đâm nhào xuống cỏ, rồi lại từ những bụi cỏ xanh rập rờn bay vút lên, buong tiếng hót vang lừng.

Tôi đứng trên nương lau mồ hôi, cùng Loan ngắm nhìn cảnh núi non, lắng nghe chim hót và thấy lòng lâng lâng như đang chấp cánh bay lượn. Tôi ước chi mình được là con chim kia, suốt tháng năm bay lượn dưới ánh nắng rực rỡ, giữa khoảng không xanh thẳm của bầu trời và cất tiếng hót mê say ngợi ca cảnh núi non hùng tráng... Ô, giá như vậy, giá chúng tôi có cánh bay như vậy!

Ý nghĩ của tôi không kéo dài được thêm vì ông già Mộc bỗng đứng thẳng lưng, giơ bàn tay che mắt nhìn trời rồi gọi:

— Hai cháu ơi, về nhà thôi. Trời sắp đông rồi đấy.

Tôi nhìn xung quanh: Chẳng thấy một đám mây đen nào. Cũng không có rặng mây mờ gà, mờ chó. Chỉ một vệt mây lơ lửng ngang dãy núi phía đông và trời hồng

đứng lặng gió. Ông già Mộc đặt chiếc đòn gánh tre, hai đầu trông hai quầy sắn, gọi lần thứ hai, hối hả hơn:

— Về mau thôi các cháu. Đông đến nơi rồi. Khí trời oi như thịt voi để qua đêm... Về thôi...

Miệng nói, chân ông bước. Chúng tôi vội vã bước theo ông. Mỗi đứa ôm trong tay một chùm sắn nguyên gốc nặng tới năm sáu, cân. Ông già Mộc ngoảnh lại:

— Các cháu ném sắn xuống, mai kia ra lấy cũng được. Từng này, lợn đủ ăn ba bốn ngày rồi.

Tôi tiếc rỏ chùm sắn ngon. Dưới xuôi, tụi tôi vẫn mua sắn luộc chia nhau từng khúc ăn vào giờ ra chơi. Tôi nói:

— Cháu mang được mà.

— Ông già bảo:

— Không. Các cháu vứt hết đi, chạy cho nhanh.

Tôi ngần ngại:

— Nhưng nếu đêm nay lợn rừng ra ăn hết.

Nó ăn hết thì thôi, không tiếc. Đi nhanh lên...

Ông nói gấp gáp. Chúng tôi đành vứt bỏ hai chùm sắn đi theo ông. Đường xuống núi còn khó hơn đường lên vì rất dễ ngã. Chỉ vô ý xảy chân là đập đầu vào đá hoặc lăn xuống hẻm như chơi. Chúng tôi đi tay không mà toát hết mồ hôi mới theo kịp ông già. Quả nhiên chưa hết dốc, mây đã từ đầu cuộn cuộn bay tới trong nháy mắt, như bùa phép của loài ma quỷ. Gió từ cánh rừng thổi tới, rú lên từng hồi. Cây cối đổ ngã nghiêng, xiêu vẹo. Khi ba ông cháu chúng tôi vừa bước lên cầu thang phụ, mưa ào ào đổ xuống.

— Ôi chà chà, thật là may...

Ông già nói. Chúng tôi im thin thít. Giá chúng tôi không chịu nghe lời ông thì đã ướt như chuột lột từ chân dốc kia rồi. Mọi người rửa chân, vào nhà ngồi quanh bếp lửa sưởi. Ai nấy đều đã thấm rét. Nước trong

Ông máng không chảy long tong như mọi khi mà ào ào như thác xối. Chiếc chum hứng đầy tràn. Hơi nước bên ngoài bay mờ mịt vào cả trong bếp, nơi ngọn lửa hồng nhảy nhót, tỏa hơi ấm và gieo nỗi yên ấm vào tâm hồn chúng tôi. Tôi bỗng nhớ tới con sơn ca núi lúc này vừa bay lượn, cất tiếng hót thánh thót trên bầu trời. Giờ này không biết có núp trong hốc cây hay hang đá? Hẳn đôi cánh ướt đã cụp lại để giữ hơi ấm trong con mưa rừng lạnh buốt này. Vừa mới đây thôi tôi đã thêm khát, ước ao số phận của nó. Nhưng bây giờ, tôi biết mình lầm. Không, con người vẫn hơn tất cả. Dầu cùng cực hay nguy khốn, con người có khối óc, có đôi tay và do đó con người sẽ có một mái nhà trú ẩn. Tôi xòe bàn tay lên đám than hồng, nhìn cảnh trời mưa bão mịt mù và bàng hoàng nhớ tiếng hót của con sơn ca bé nhỏ.

VÌ CON NGỰA BẠCH MÀ GẶP THẮNG DỪNG CÒM

Ông già Mộc không chỉ làm nghề thợ mộc. Ông cũng gieo lúa nương, trồng sắn, nuôi lợn, nuôi bò đàn như tất cả những người dân bản. Ngoài ra, ông còn săn thú và biết nấu cao. Trong nhà ông không treo những tấm da hổ, da báo. Ngược ông không đeo vuốt hổ, nanh hổ như những tay thợ săn chuyên nghiệp tra khoe tài, nhưng qua nhiều câu chuyện tôi thấy dân bản kính nể ông về tài săn thú và nấu cao là những nghề vốn dĩ không phải của dân đồng bằng.

Một chiều, theo lệ thường, tôi chuẩn bị bữa ăn. Ông già Mộc lui húi phía sau nhà thay mấy tấm ván mộc

trên cầu thang phụ. Hôm đó, tôi và Loan bắt được ít ốc suối nên chúng tôi kiếm lá lốt, bày trò giã nghé, thái thịt nấu nướng công phu hơn mọi bữa. Sắp được ăn, bỗng có người gọi phía trước:

— Ông Mộc ơi, ông Mộc có nhà không?

Tiếng Kinh rất rõ ràng, không hề pha trộn giọng vùng núi. Tôi bỏ chiếc muối mùc canh, chạy ra.

— Ông Mộc có nhà đấy chứ?

Một người đàn ông gầy gò, đen dũi hất hàm hỏi tôi, tự nhiên như ông ta đã biết tôi từ lâu lắm.

— Ông cháu có nhà — tôi đáp. — Mời ông ngồi chơi, uống nước đã.

Rồi tôi bảo Loan:

— Bằng ấy xuống gọi ông đi.

Loan đứng trong bếp, gọi giọng giả. Kỳ thực, không cần chúng tôi gọi, ông Mộc cũng đã nghe tiếng khách lạ vào nhà. Nhưng ông cứ lảng lảng làm việc, đứng dưng. Thái độ có khác hẳn thái độ niềm nở của ông đối với dân bản.

Người khách cứ im lặng uống nước, tự rút trong túi ra gói thuốc lá vụn, cuốn sâu kèn hút, nhẩn nại ngồi chờ. Khoảng nửa giờ sau ông già mới rửa chân tay vào nhà.

— Ông lên đây theo tiếng con cá kêu, hay theo lối con cáo dẫn?... Ông lại muốn rủ tôi nấu cao hổ, cao khỉ như năm xưa chẳng?

Ông già Mộc cất tiếng hỏi ngay, giọng không vui không giận, nhưng lạnh lùng.

Người khách cup đôi mắt, đưa bàn tay khô khốc gãi những kẽ ngón chân còn đầy bụi đường.

— Ông Mộc, chuyện đã qua rồi..

Ông già Mộc đáp:

— Chuyện ăn nhớ nghìn năm, còn chuyện oán cũng phải trăm năm mới lạt dạ.

Người khách lạ im lặng, mặt buồn xo. Đôi vai ông ta chảy xuôi xuống trong tấm áo màu xanh da trời đã nhem nhuốc cấu bẩn vì ghệt bám và bụi đường. Mặt ông ta hộp lại, cảm nhột hoắt. Cặp tai bé xiu và mỏng như hai chiếc mộc nhĩ dán vào da đầu. Đôi lông mày thưa thớt luôn luôn cử động, mặc dù bộ mặt ỉu xiu cúi gằm xuống và cặp mắt nhìn như gấu vào một điểm trên tấm gỗ lát sàn.

Ông già Mộc chăm thuốc hút.

Không ai nói với ai một lời nào. Cho tới khi diều thuốc đã tàn, ông già Mộc mới đứng lên:

— Thôi, đầu sao ông cũng lợi suốt, qua đèo tới đây. Ông vẫn là khách, ông ra sân sau rửa chân tay rồi vào uống rượu, ăn cơm... Nào, cháu Bê, cháu Loan. Canh ốc được chưa nhỉ?... Ông đói bụng lắm rồi.

Chúng tôi dọn cơm trên một chiếc mâm gỗ đen bóng như sừng. Mâm có chân cao nên ngồi sàn ăn rất tiện. Không phải xôi nếp mà là cơm gạo tẻ. Ốc nấu thịt, nghệ, lá lốt, gần như món canh ốc đười xuôi. Thịt lợn rán và xào nấm hương.

— Chà chà, hai đứa làm bếp giỏi quá. Hôm nay ông phải uống ba chén rượu mới được.

Ông già Mộc cắt một lát cao hồ đen, mùi tanh, vị mặn, cho vào chén. Ông cời mấy cục than hồng đặt chén lên cho cao cháy tan rồi rót rượu vào uống. Thỉnh thoảng ông cũng cho chúng tôi uống một tí rượu pha với nước đường chứ không cho uống cao. Ông bảo:

— Chưa tới tuổi bốn mươi, uống cao hồ với ăn nhưng nứt thịt ra. Không chết thì cũng không làm gì được.

Người khách la sau khi rửa chân tay, lẳng lẽ ngồi xuống bên mâm. Ông già Mộc rót cho ông ta chén rượu và bảo :

— Ông đi đường xa mệt, cứ ăn no uống say rồi đi ngủ. Muốn chuyện gì mai nói.

Bữa cơm lẳng lẽ, tuy ngon miệng nhưng không vui như mọi ngày. Lệ thường, ông già Mộc hay kể chuyện. Vì như ông kể trong các hang gần nương sắn của ông có xương một con khỉ già, lông đã rụng trơ trụi. Một hôm cả bầy đang đu trên cành cao, con khỉ già bỗng trượt tay rơi xuống. Một con khỉ khác túm được chân nó nhưng không đủ sức kéo lên. Con khỉ già cứ chơi vơi trên miệng vực, rú lên thê thảm. Cả bầy khỉ hoảng sợ cũng rú lên. Con khỉ đực đang túm chân con khỉ già gần như sắp rơi theo vì căng thẳng. Sau cùng, con khỉ già quay cổ chỉ chóc kêu làm hiệu cho con khỉ đực kia buông tay. Khỉ đực chần chừ. Con khỉ già thu hết lực kêu thét lên một tiếng dữ tợn. Khỉ đực giật mình buông tay. Khỉ già rơi xuống vực sâu, giữa những mỏm đá và chết. Bầy khỉ chuyển cành cây lần xuống, chúng kêu than, đưa tay quạt nước mắt rồi khiêng con khỉ già bỏ vào hang. Ông già Mộc đã chứng kiến cảnh đó. Ông bảo chúng tôi rằng đôi khi, tình thương yêu giữa những con vật khiến con người phải thêm muốn và kinh ngạc. Hoặc ông kể chuyện sắn dìm, chuyện bắt chuồn... Thành ra, bữa cơm nào cũng giống như một buổi sinh hoạt văn nghệ đối với hai đứa tôi. Riêng bữa cơm hôm nay thì không. Thế nên, tôi không khỏi có ác cảm với ông khách xa lạ đó.

Cơm xong, ông già Mộc bảo chúng tôi đi ngủ sớm. Ông chỉ góc nhà có sẵn chăn nệm cho khách ngủ, rồi ông cũng đi ngủ luôn. Giữa nhà, ngọn lửa cháy bập bùng. Chốc chốc, hơi gió lùa vào đám than hồng rực, thổi những làn than bay rực rỡ. Chúng tôi nằm nghe

ngồi xem ông Mộc có nói chuyện với con người lạ lùng rất đáng hồ nghi kia không. Nhưng tuyệt nhiên chỉ có tiếng than nỏ lép bép. Sau cùng, tôi ngủ quên.

Sớm hôm sau, khi tôi thức dậy, ông già Mộc và người khách lạ đã ngồi bên bếp lửa. Trời còn tối om. Gió lạnh. Sương bay mù mịt như sữa loãng tràn vào tận trong nhà. Ngọn lửa được khơi, cháy rùng rục. Ánh lửa hắt lên khuôn mặt răn ròi diêm tĩnh của ông già. Ông đang hút thuốc. Người khách lạ ngồi xo ro, quay lưng lại phía tôi nằm, nói thê thọt :

— Tôi đã tình cặn kẻ với ông rồi mà. Tôi không dám đơn sai. Ông giúp cho kéo vợ tôi chết mất. Lần này, tôi không còn ham làm giàu nữa. Vợ tôi chết, tôi không thể nuôi nổi năm đứa con.

Ông già Mộc chậm rãi nói :

— Lần trước ông cũng bảo vợ ông sắp chết mà.

Người khách van nỉ :

— Lần ấy tôi nói dối ông. Tôi mang cao về, bán đi hết để lấy tiền. Tôi định buôn gỗ lấy lãi trả ông nhưng tôi bị kiểm lâm phạt, thu mất hai bè gỗ lát... Rồi tôi thua bạc. Nhưng lần này tôi không dám làm thế nữa. Vợ tôi ốm nặng lắm, nếu nó chết tôi đành dặt năm đứa con đi ăn mày...

Ông ta cúi gục đầu xuống, trong khốn khổ. Đốt xương sống lòi ra, nhô cao phía dưới gáy. Ông già Mộc vẫn tiếp tục nhả khói thuốc. Và người đàn ông kia, dường như cảm thấy tuyệt vọng, ngược nhìn ông già, đưa một cánh tay lên cao.

— Tôi xin thề... — giọng ông ta như nghẹn lại. — Tôi xin thề trên vong linh của năm đứa con tôi. Nếu tôi còn đơn sai, chúng nó sẽ chết. Chúng nó sẽ chết...

Mấy tiếng cuối, ông ta nói gần như khóc. Rồi ông ta rũ mái tóc lâu ngày chưa cắt, xơ xác, bần thiêu xuống. Giống như một kẻ hành khất ngồi bên lề đường.

Ông già Mộc ném mẩu thuốc thừa vào đám lửa bếp, thở dài:

— Thôi được, tôi thương năm đứa trẻ vô tội. Tôi sẽ giúp ông.

Nói xong, ông đứng lên, vào gian nhà chính, lục gì đó trong chiếc tủ đồ sộ ông vẫn dùng đựng áo quần, tiền bạc, đồ bạc đồ đồng và rất nhiều thứ linh tinh mà tôi không biết tên. Sau đó hồi lâu, ông lại bước tới, ngồi xuống bên bếp lửa:

— Bệnh của vợ ông không trị được bằng cao hổ. Phải có cao ngựa bạch.

— Cao ngựa bạch? — người khách hỏi. — Tôi có nghe thầy thuốc nói tôi thứ cao đó đâu?

Ông già Mộc không trả lời mà trầm ngâm suy tính:

— Phải lần tới bản Nội, may ra mới có. Xương hổ đã khô mua, xương ngựa bạch lại càng khó mua hơn. Người có ngựa bạch không bao giờ bán vì xưa nay họ cho rằng con ngựa bạch ra khỏi nhà trở theo một nửa linh hồn. Dân vùng này tin điều đó... Tôi sẽ giúp ông, nhưng có được hay không cũng còn tùy ở ý Trời.

Người khách lạ bồng quý xuống, hai tay chấp lại, vái lia lịa:

— Tôi lay van ông, ông thương lấy năm đứa trẻ. Tôi có tội nhưng chúng nó thì không. Ông cứu cho mẹ nó được sống.

Ông già Mộc chắc hẳn không muốn nhìn cảnh đó. Ông quay mặt đi:

— Đừng làm như vậy. Ông ngồi lên. Tôi không nói thì thôi. Đã nói, một lời như con dao cắm vào cây gỗ rắn, khó rút, khó lay...

Người khách là đang gác đầu trên mặt sàn chống tay ngồi thẳng dậy. Bên ngoài, trời đã rạng sáng. Sương loăng ra như sữa lỏng. Từng đám mây lướt thướt bay qua khung cửa nhà. Loan trở mình, thức giấc. Nó hỏi tôi:

— Đàng ấy dậy lâu chưa?

— Rồi.

Tôi đáp khẽ và bấm nó lặng yên. Ngoài bếp, ông già Mọc nói:

— Ông đi kiếm tiền mà nuôi trẻ. Việc đã hứa giúp ông, tôi sẽ làm. Một tháng nữa, ông quay lại đây.

Người khách đáp li nhí gi đỏ. Hình như ông ta cảm tạ ông già Mọc. Ông già bảo khách ăn xôi sớm. Ông ta ăn rất nhanh rồi khăn gói ra đi. Chúng tôi cứ nằm im thít trong buồng. Chờ cho người khách kia đi một lúc, ông già Mọc mới gọi chúng tôi dậy rửa mặt, ăn xôi. Tôi hỏi chuyện ông về con người kỳ quặc đó, nhưng ông chỉ đáp một câu:

— Ông ta là dân Kẻ Sắt, cùng làng với ông đấy. Con người tham tiền, coi nhẹ nghĩa nhẹ tình là bạc, không ăn ở được bền với ai. Nhưng vợ con ông ta vô tội, nên mình phải giúp họ... Thôi, cháu còn bé, đừng nghe nhiều chuyện xấu cho đen óc, đen đầu. Ngày mai, ông cháu ta sẽ sang bản Nội. Ông sẽ cố tìm mua con ngựa bạch về nấu cao.

Hôm sau, cả nhà dậy thật sớm. Ăn xôi xong, phải nén xôi gói trong lá chuối nướng. Lại phải hong than thui thịt lợn và thịt nai khô đem theo ăn đường. Tôi vui sướng vì từ ngày tới bản Muối, đây là lần đầu tiên chúng tôi được đi xa. Đường lên bản Nội ngược về phía tây bắc thung lũng. Phải vượt qua dãy núi sau lưng bản rồi xuống một đường mòn đi qua những rừng đồi lúa thưa dọc con suối cạn. Hết rừng đồi tới một thung lũng hoang vắng không bóng nhà sàn,

không chời canh nương, chỉ có những mảnh ruộng cao thấp từng hàng lúa đang lên mướt. Hết thung lũng, con đường chui vào giữa hai ngọn núi đá. Núi cao, cây cối mọc lưng chừng giống những tổ qua màu xanh, Thỉnh thoảng, một bầy khỉ lại chuyền cây, chỉ chóc gọi nhau. Gần đỉnh núi, có miệng hang lớn chừng hai người cùng đi lọt. Ông già Mộc bảo cái hang đó rộng chứa đủ năm mươi gia đình, ăn thông sang lưng núi bên kia. Hồi chín năm kháng Pháp, dân mấy bản quanh đây thường chạy vào đó tránh giặc.

Khoảng gần trưa, chúng tôi nghỉ chân dưới một gốc cây sao già ven đường mòn, giở xôi nên với thịt nướng ra ăn. Loan đeo bên lưng bầu nước chè xanh. Uống nước chè xong, mọi người ra rửa tay ở một nguồn nước nhỏ gần gốc cây đại thụ. Nguồn nước chảy từ lưng chừng núi, mát lạnh, trong như pha lê. Hai người dân Nùng đi sau chúng tôi cũng tới đó, rửa mặt, rồi chum hai bàn tay nóng nước núi một cách ngon lành. Tôi định uống thử nhưng ông già Mộc không cho. Ông bảo:

— Chưa quen dạ, uống nước trong Lẽ đá ồm rung hết tóc.

Rồi ông trái nỉ lông cho chúng tôi nằm bên vệ cỏ. Còn ông, ông ngồi tựa lưng vào gốc cây sao, ngủ ngay. Mười lăm phút sau, chúng tôi chưa kịp nhắm mắt, ông đã thức dậy, giục chúng tôi lên đường:

— Mình không đem đuốc, không có đèn sẵn trên trán, không có súng sẵn trong tay, không đi đêm được.

Ông nói đầy hình ảnh, theo cách nói của dân vùng cao. Chúng tôi tiếp tục đi. Buổi chiều, nắng oi và ít gió nên khá mệt. Cả hai chúng tôi đã cởi áo hong từ trước bữa ăn trưa mà vẫn thấy khó chịu. Qua con suối, chúng tôi đòi ông cho rửa chân tay, nghịch nước chừng dăm phút rồi mới chịu đi. Khi trời hết nắng, lớp sương mờ

mò đã lan khắp cửa rừng, chúng tôi tới bản Nọi. Bản này là một phố nhỏ, nơi tụ tập buôn bán của dân dưới xuôi lên và dân Mèo, dân Lô Lô trên núi cao xuống. Bản cũng toàn những nhà sàn nhưng không xa nhau vài trăm thước như ở bản Muồn. Nhà nọ với tay sang nhà kia mượn con dao, vay nắm muối được. Dưới sàn nhà, phân lợn, phân bò ngập ngụa. Vì người ở chen chúc, sức vật cũng chen chúc, gió không lùa mùi phân đi khiến chúng xông nồng nặc. Giữa bản, có một đám chường hơn chục nóc nhà lăm theo kiểu nhà nền lát gạch như dưới xuôi. Đám nhà đó toàn là dân bán phở, bán hàng tạp hóa, làm đậu phụ, tương và mắm. Chợ bản Nọi gần đám nhà trệt đó. Khi chúng tôi tới, chợ đã tan. Chỉ còn trơ lại những mái ngói cổ, lợp trên những cây cột cũ kỹ mòn nhẵn vì tay người cọ xát. Những đám hồng giập nát, bã mía, rác rưởi, lá bánh còn ngổn ngang chưa ai quét.

— Ta tìm quán ăn bát phở cho ấm bụng — ông già Mọc nói.

Chúng tôi đi theo ông tới căn nhà to nhất đám nhà trệt. Nhà này cũng có hiên như nhà dưới xuôi, nhưng lại lợp ngói ống là thứ ngói cổ chỉ riêng các lò ngói vùng cao mới sản xuất. Cột đỡ hàng hiên vẽ rồng vẽ phượng. Một tấm biển lớn bằng tôn kẻ chữ « Phở » đỏ chói. Dưới là dòng chữ sơn xanh nhỏ hơn: « Ngon, lành, thơm, bổ, theo đúng mùi vị phở Hà Nội. Kính mời ».

Chúng tôi vào quán. Lò lửa cháy rừng rực. Thùng nước dùng sôi tỏa mùi mỡ bò gáy gáy. Rõ ràng, mùi nước dùng không thể giống mùi nước phở dưới xuôi được. Hơn nữa, thịt bò luộc treo trên móc đã khô đen. Không có tùm hành tươi, cũng không có tương ớt. Bánh phở thái to, cứng quèo. Bù lại, chủ nhân cho rất nhiều gừng và ớt chỉ thiên cay tới bỏng môi, trào nước mắt.

— Lâu lắm mới thấy ông tới bán Nọi ăn phở. Ông định mua xương khỉ hay xương hổ về nấu cao chẳng?

Bà chủ quán bưng phở đặt trước bàn, nói. Bà ta trạc tuổi cô Lưu, người nhỏ nhắn, da trắng, tóc búi sau gáy, ăn mặc hoàn toàn như một phụ nữ vùng xuôi.

Ông già Mộc đáp:

— Ờ, lâu lắm tôi mới lại muốn nấu nôi cao. Ông bà chủ vẫn khỏe chứ?

— Dạ, cảm ơn ông. Chúng cháu bình thường. Ông có lời dạy vợ chúng cháu không ạ?

— Tôi muốn nhờ ông nhà tìm mua cho con ngựa bạch.

Nghe tới đó, bà chủ quán « à à... » một tiếng thật dài.

— Ngựa bạch khó tìm lắm. Tháng trước, có một người khách thấp nhỏ da đen cầm tiền tới nhờ nhà cháu mua hộ. Nhưng nhà cháu lắc đầu, bỏ đi.

Ông già Mộc đặt bàn tay gân guốc lên bàn:

— Tôi biết người đó rồi. Nhưng tôi nhờ thì ông khắc tìm cho chứ?

Người đàn bà cười:

— Dạ, ông để nhà cháu về xem...

— Ông ấy đi đâu rồi?

— Nhà cháu sang bán bên xem cái lư đồng, muốn mua về làm đồ thờ tổ tiên. Khoảng tàn bếp lửa, nhà cháu về đấy.

Ông già Mộc gặt gù, cầm thìa múc nước phở húp. Ông giục chúng tôi ăn cho nóng. Mặc dù phở ở đây thua xa phở dưới quê, nhưng vì đói nên chúng tôi cũng ăn một cách ngon lành. Ăn xong, ông già Mộc bảo:

— Bà xem có đậu nóng gọi cho chúng tôi mấy bìa chấm tương. Rồi mua cho hai đứa trẻ chực bánh rán nữa.

— Vàng, đậu nóng nhà bà Mên lúc nào cũng có. Ông uống rượu nữa để cháu lấy một thê. Còn bánh rán thì phải tôi ông ké San. Đạo này, cả bản chỉ còn mình ké San làm bánh rán. Phiên chợ nào ông ấy cũng bán hết ba chảo đầy.

Nói xong, bà chủ cầm chiếc rổ con ra đi, trong rổ có cái bát nhỏ, chắc là để đựng tương.

Trời chang vạng tối. Nhìn ra ngoài chỉ thấy những hòn đá lấp mờ trên mặt đường vì ánh lửa rọi. Hơi sương lạnh dần, khác hẳn lúc chiều khi chúng tôi qua suối. Loan khoác áo bông lên vai. Ông già Mọc hút một điếu thuốc trong khi chờ đợi. Chừng tàn hai điếu thuốc, người đàn bà trở về. Trong chiếc rổ con, đậu phụ còn bốc hơi nóng nghi ngút. Một tấm lá dong lớn gói bánh rán cũng nóng bỏng tay, mỡ thấm đầy.

— Ông uống rượu với đậu nóng ngon lắm, ông à.

Chủ quán nói, đặt bát tương nhỏ trước mặt ông già rồi vào trong nhà bung ra hũ rượu rót vào chén.

— Các cháu ăn đậu chấm tương trước rồi ăn bánh rán sau. Đậu ở đây ngon lắm — ông già Mọc bảo.

Chúng tôi theo lời ông, ăn món đậu chấm tương trước. Quả là đậu phụ rất ngon, bột mịn, thơm, ngọt và béo. Ông già uống một hớp rượu, lại bẻ một miếng đậu chấm tương và nhắm một chút ớt ăn kèm. Người đàn bà chủ quán đã lui về phía sau quầy hàng, đầy những thanh củi vào lò cho chúng cháy lom dom. Bất chợt, một thằng bé cắp rổ bước vào :

— Mợ ơi, thịt đây rồi. Bò vừa xẻ chiều nay.

Tiếng nói quen lạ lòng. Tôi và Loan quay ra. Lúc đó, thằng bé kia cũng đã đặt rổ thịt xuống, nhìn chúng tôi ngơ ngàng.

— Dừng!... Dừng còn...



Tôi kêu lên, vừa kinh ngạc vừa mừng rỡ.

Chúng tôi đứng lên. Dũng cũng từ từ bước vào, nói rất khẽ:

— Ô Bê, Loan... Làm sao mọi người lên tới đây được?...

Mắt nó mở to, loang loáng như đọng đầy nước. Nó vẫn gầy còm, tuy có cao hơn ngày xưa chút đỉnh. Mái tóc cắt ngắn khiến cho gương mặt nó có vẻ đại đại đi một cách kỳ khôi.

Ông già Mộc điềm tĩnh nhìn chúng tôi bằng con mắt từng trải và nhân hậu. Còn người đàn bà chủ quán thì sững sờ hỏi:

— Mấy người này có quen nhau thật à? Mấy người này có quen nhau thật sao?...

Tôi giải thích cho bà ta hiểu rằng chúng tôi là những đứa trẻ đã cùng sống với nhau thời thơ ấu, học cùng trường và cùng một quê hương.

Ông già Mộc vỗ vai Dũng còm:

— Ngồi đây cháu. Gặp bạn hiền là điều vui nhất trong đời. Uống một chút rượu với ông rồi ăn đậu, ăn bánh.

Dũng còm e dè ngồi xuống ghế. Nó đưa mắt băn khoăn nhìn bà mẹ lúc đó đang xếp những tảng thịt bò to lớn từ rổ lên thớt. Người đàn bà hiểu ý, ngừng dầu lên nói:

— Ông có lòng tốt, mày cứ uống rượu ăn bánh cho vui.

Dũng cầm chén rượu ông già Mộc rót cho, ngửa cổ uống một hơi. Nó uống rượu như một người dân miền núi thực thụ. Ông già Mộc hỏi:

— Cháu lên đây đã được bao lâu?

— Dạ, gần một năm.

Ông già gật đầu:

— Mỗi năm xa nhà, khôn lớn một gang. Khi nào cái khôn cao bằng cái cây lim trên núi, người ta khắc đủ khôn sống với đời. Nào, uống chút rượu nữa...

Nhưng Dũng còm không dám uống chén rượu thứ hai. Nó cầm bánh ăn và quay sang nói chuyện với chúng tôi. Tất cả những gì đã xảy ra ở quê hương thân thuộc, từ chuyện nó mất tích, chuyện lời và Loan bơi thuyền ra đảo Hoa Vàng để mọi người đi tìm suốt đêm, chuyện lão Gia ác độc, chuyện tội tệ của cai Càn đối với cô Lư... tôi kể hết. Dũng còm trầm ngâm như một ông lão, nó nghe đủ chuyện rồi khẽ nói:

— Ông cai Càn không biết yêu con dâu. Ông ấy chỉ yêu tiền thôi. Tờ chẳng bao giờ coi ông ấy là bố. Tờ không có bố. Tờ chỉ có một người mẹ đã chết rồi. Khi nào lớn lên, làm người chủ gia đình, tờ sẽ có nhiều tiền và tờ sẽ làm giỗ mẹ tờ to hơn ngày Tết Nguyên đán.

Chúng tôi lặng lẽ nghe Dũng còm nói. Bỗng nhiên, một người đàn ông bước vào. Đó là chủ quán, con người la lùng đã xuất hiện ở thị trấn khi gánh xiếc của người lùn đang biểu diễn. Ông ta vắn cao lớn, da đỏ ửng, mặc áo đen khuy vải tết, nhưng không đội mũ cát-két bằng ka ki màu da bò bần thiu mà đội mũ nời xanh đen. Đôi mắt sáng quắc một cách dữ tợn dưới hai hàng lông mày rậm. Vừa đi lạnh về nên hơi thở ông ta phả ra trắng như sương. Ông đập bỏ đuốc đang cháy xuống đất, lấy chân giẫm lên cho tắt hẳn rồi bước vào nhà.

— Ôi chao, chào khách quý. Đã lâu lắm ông mới lại tới đây.

Người chủ quán buông cây đuốc, giơ cả hai tay nắm bàn tay ông già Mọc lắc lắc.

— Ông chịn khó lặn lội vậy à?... Ông đã mua được đồ đồng chưa? — Ông già Mộc hỏi.

— Được rồi. Tôi đã trả tiền nhưng tới tuần trăng sau mới lấy. — Người đàn ông đáp lại vui vẻ. Rồi ông ta hỏi: — Lâu nay ông có uống được ngày hai ba chén rượu không?

— Được chứ — Ông già Mộc gật đầu. — Tôi còn đủ sức vác cây gỗ lim trên núi về thay cột nhà. Tôi đang muốn nhờ ông tìm mua cho một con ngựa bạch.

— Sao? ... — người đàn ông nhướn cặp mày lên. — Đã lâu lắm ông có nấu cao ngựa bạch đâu? Vừa lâu công lại vừa tốn kém

— Tôi biết chứ. Nhưng đây là việc cứu người.

— Người bà con của ông chăng?

— Không. Người cùng quê thôi. Nhưng chị ta có năm đứa con nhỏ. Chị ta không sống được, năm đứa trẻ sẽ mồ côi.

Người đàn ông gật đầu:

— Tôi biết rồi. Vợ cái người bữa trước lừa ông lấy cao hổ và cao khỉ. Tuần trăng vừa qua hẳn lại đây năn nỉ nhờ tôi mua giùm để dắt về xuôi nhờ nấu cao nhưng tôi quay mặt đi.

Ông già Mộc đáp:

— Ờ, đúng đấy.

Người đàn ông hỏi:

— Hẳn xấu húng thối, ông còn giúp hẳn làm gì? Tiền bán cao của ông một gang tay hẳn chưa trả đồng nào.

Ông già Mộc đáp:

— Tôi không giúp ông ta đâu. Tôi cứu năm đứa trẻ vô tội thôi. Nào, ông giúp tôi chứ? ...

Ông chìa bàn tay, đặt lên mặt bàn.

Người đàn ông khẽ đập tay ông ta lên tay ông già, nói:

— Ông nói một lời, trèo qua bảy tám ngọn núi tôi cũng sẽ tìm được ngựa đem về đây.

Bà chủ quán xào một đĩa thịt bò với ớt và lá sả non đem ra. Người chồng rút chiếc khăn vắt trên vách lau mặt rồi rót rượu vào chén. Ông ta bảo vợ rang lạc, nướng tôm khô thêm. Rồi ông ta ngồi uống rượu với ông già Mộc. Còn chúng tôi vào trong nhà ngủ. Bà chủ quán thu xếp cho chúng tôi ngủ trong một chiếc giường nhỏ ở góc buồng trong. Sau đó bà sai Dũng còn sang nhà ai đó mua thêm gừng để ngày mai làm bánh phở bán. Mai là ngày chợ phiên. Chợ ở bản Nội ngày nào cũng có nhưng cứ năm ngày một phiên nhỏ và ba phiên nhỏ tới một phiên lớn.

Trong câu chuyện của ông già Mộc với chủ quán buổi tối hôm đó, tôi nghe ông già hỏi:

— Thăng bé này là con cháu ông chăng?

Người chủ quán trả lời:

— Ôi dà, chuyện dài lắm.

Ông già bảo:

— Lửa còn cháy trong lò, đêm còn dài, ông cứ kể. Tôi trông nó, lòng tôi cũng thương. Mà nó lại là bạn với hai đứa cháu gái đi cùng với tôi đây.

Người đàn ông đáp rành rẽ:

— Chuyện không đẹp dễ gì. Người khác tôi không nói đâu, nhưng ông hỏi thì tôi kể. Thăng bé này là con bà chị ruột tôi. Chị em tôi lạc nhau từ hồi chạy Tây. Chị tôi buôn bán giàu có lắm. Ngoài số của cải của chị, chị còn giữ vòng vàng, nhẫn vàng, hoa tai mặt đá của mẹ tôi để lại. Cả những đồ đồng thờ cúng tổ tiên. Tôi không biết hết nhưng nghe nói lại là đủ bộ lễ, đỉnh, chân nến, bạc châu, cả mâm thau, ấm nước nữa... Chị

tôi nhiều lần nhờ người tìm tôi về nhận sổ đồ gia bảo và những thứ tư trang mà mẹ tôi gửi lại, vì tôi là con trai, người thờ cúng tổ tiên trong họ. Chỉ tôi chưa tìm được tôi thì đã chết vì có u trong ruột. Tôi tìm tôi hỏi anh về nhưng lão chối phăng. Lão còn vác gậy đuổi tôi khỏi nhà. Nghĩ căm trong da, tôi bắt thằng bé con đem đi. Tưởng lão thương con phải trả của. Nhưng lão lại thương của hơn con, lão cứ lờ như không... Chuyện dang dở, tôi chưa biết tình thế nào...

Nói xong, người đàn ông thở dài.

Ông già Mộc trầm ngâm gõ gõ ngón tay lên mặt bàn hồi lâu, rồi nói :

— Thằng bé cũng không quý trọng gì bố nó... Tôi nghiệp cho đứa trẻ.

Người chủ quán nói :

— Tôi nghe nói lão nhiều vàng lắm. Lão đang cầm đầu một dây buôn thuốc phiện lậu từ dưới xuôi lên Mèo Vạc thì phải. Bữa trước, có người anh em của tôi gặp lão trên đó.

Ông già Mộc hỏi :

— Thế đứa bé, ông tính sao ?

Người đàn ông đáp :

— Vợ chồng tôi chưa có con. Tôi giữ nó nuôi cũng được.

Ông già ôn tồn nói :

— Đứa trẻ có thuận, mình nuôi mới tốt. Nó không vui trong bụng, người sẽ héo như cây cỏ bị nhổ khỏi nương vườn. Ông cứ ngấm lời tôi nói mà xem...

Chủ quán im lặng. Hình như ông ta khẽ thở dài, rồi rít thuốc. Tôi nghe tiếng Dững còm về, báo tin đã mua đủ gừng với ớt để làm phở bán ngày mai.

— Thôi mày rửa chân mà đi ngủ. — người chủ quán, ông cau ruột của nó, nói.

— Vâng.

Thằng bé đáp rồi đi ra sân sau. Nó đi ngang qua chỗ chúng tôi nằm, nhẹ như cái bóng. Tiếng nước chảy róc rách phía sân. Rồi có tiếng guốc gỗ khua lộc cộc. Dững còm chui vào cái chần chiên ở góc giường ngủ. Tôi không thấy nó mắc mớ. Lúc ấy, tôi mới hiểu niềm hạnh phúc của chúng tôi khi gặp ông già Mộc. Rồi bàn tay của mẹ, nào dễ mấy ai may mắn tìm được người giàu lòng nhân ái như chúng tôi. Tôi định gọi Dững còm, nhưng sợ người lớn nghe thấy. Vả lại, cũng đã khuya. Cả ông già Mộc lẫn vợ chồng người chủ quán đều lục tục chuẩn bị ngủ nên tôi đành im lặng. Mùi chần chiên là làm tôi thao thức lâu. Nhưng rồi tôi cũng ngủ được khi gà vừa gáy lần thứ nhất.

Sớm hôm sau, tôi thức dậy muộn nhất so với tất cả mọi người. Loạn hạt mít đã ăn sáng từ lâu, đứng ngoài cửa nói chuyện với Dững còm. Lò lửa của bà chủ quán cháy rừng rục. Mùi mỡ bò, mùi xương bò ninh bốc hơi ngầy ngầy, gầy gầy. Người vào ăn phở đông. Phía trước, la liệt sọt, lũ đứng hàng cửa dân vùng cao mang sa nhân, hồi, nấm hương, mộc nhĩ, măng khô... về bán. Những chiếc xe ngựa từ các phố huyện tới mua hàng đem về xuôi đứng từng dãy. Mùi phân ngựa tươi bốc lên hăng ngái. Bóng áo chàm, áo đen, áo trắng lướt qua. Bụi chưa bốc lên vì hơi sương còn quấn nhưng tiếng ồn ào đã khiến tả hình dung cảnh chợ phiên thật rõ. Bà bán đậu ghé qua cửa hàng, đưa cho vợ chồng chủ quán một rổ đậu nóng hổi trước khi mang hàng ra chợ. Chúng tôi lại được ăn món đậu phụ chấm tương ngon lành, lạ miệng.

Ăn xong, ông già Mộc bảo :

— Các cháu chào ông bà chủ đi. Ta qua chợ chơi rồi về.

Chúng tôi cùng chào vợ chồng người chủ quán. Dững còm đứng một góc nhỏ, nó nhìn chúng tôi với đôi mắt

thèm khát, buồn tủi. Ông già Mọc gọi người chủ quán ra gốc cây trước cửa nói chuyện hồi lâu. Sau đó, ông chủ quay vào trao đổi vài câu với vợ, rồi ngồi xuống ghế.

— Mày ra đây cậu bảo — ông gọi Dũng còm.

— Dạ.

Thằng bé đến, đứng trước mặt ông cậu, vẻ nhẵn nại chờ đợi theo thói quen.

Người chủ quán giơ tay chỉ tôi và Loan rồi hỏi:

— Mày có muốn đi chơi với hai bạn không?

Dũng còm há miệng như muốn thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên. Nó đưa mắt hết nhìn vợ chồng người cậu lại nhìn chúng tôi, vẻ băn khoăn, ngần ngại.

— Cậu hỏi thật, mày có muốn đi chơi với hai bạn một vài tháng thì tao cho đi — người đàn ông nhắc lại, giọng dịu dàng hơn.

Dũng còm như quỳnh lười lại. Lúc sau nó mới khẽ trả lời:

— Nếu cậu với mẹ cho...

— Mày đi, nhà cũng bận, nhưng tao sẽ bảo con Đình sang giúp. Ở đây, suốt ngày mày râu rĩ, chúng tao cũng chẳng vui thú gì... — người mẹ nói, thẳng thắn một cách tàn nhẫn.

Tôi thấy Dũng còm cúi đầu, đáp li nhí:

— Vâng ạ.

Ông chủ quán bảo:

— Vào nhà thu xếp quần áo mà đi.

Dũng còm vâng một tiếng sung sướng, chạy vào buồng. Quần áo của nó cũng chẳng nhiều nhặn gì, tất cả không đầy một túi dết. Nó đeo vào vai, chào vợ chồng ông cậu, hôn hờ bước theo chúng tôi. Cái gia đình của chúng tôi từ đó gồm có bốn người.

CON HỒ THỌT KHIẾN CHÚNG TÔI GẶP MỘT NGƯỜI HỦI KHỔN KHỔ

Chúng tôi về bản Muốn được hai tuần lễ thì một buổi chiều, ông cậu ruột Dũng cõm dắt con ngựa bạch xuống. Đó là một con ngựa cường tráng, toàn thân trắng không điểm đốm đen, đuôi dài, bờm rũ lông thông không xén tỉa. Trông nó dũng mãnh và man rợ như một con ngựa hoang thời tiền sử. Mắt nó đỏ đồng, dọc tựa hai viên hồng ngọc, ban đêm thì nhìn rõ đường, còn ban ngày nước mắt chảy giàn giụa, hai mí mắt híp lại như người mắc bệnh bạch tạng. Nếu không dắt, nó sẽ đâm dúi dũi vào những bụi cây ven đường hoặc ngã xuống vực sâu. Ông già Mộc nhìn con ngựa, về hải lòng:

— Tôi cảm ơn ông lắm. Ông giỏi thật.

Ông cậu Dũng cõm đáp:

— Tôi cũng còn mang ơn ông nhiều, ông Mộc à.

Hai người mời nhau uống rượu, ăn thịt. Sớm hôm sau, ông già Mộc đưa cho người cậu Dũng cõm một bọc tiền rồi tiễn ông ta xuống tận chân cầu thang:

— Ông ra về mạnh khỏe nhé. Vài tuần trăng nữa tôi sẽ tới chơi lâu.

Người đàn ông hỏi:

— Thăng bé cháu tôi ở với ông thế nào?

Ông già Mộc cười:

— Trẻ có bạn như cây cỏ gặp mưa rào. Ông nhìn xem.

Người đàn ông có vẻ hải lòng. Dũng cõm ra tận cầu thang chào cậu. Nó còn đứng ở đó nhìn theo cho tới khi ông ta khuất mới quay vào.

Mấy ngày hôm sau, ông già Mộc bắt tay vào việc nấu cao. Ông giảng giải cho chúng tôi nghề nấu cao có từ

bao giờ ở vùng này đông họ nào giỏi nhất. Thời trước bản nào cũng có phía, tao hoặc một hai gia đình nhờ buôn bán mà giàu có. Họ thường nấu cao đem về xuôi. Nếu có các hàng thuốc quen nhận mua thì giá 'cao' đắt vô cùng. Người bản nói : « Bán được giá, nấu cao một vốn mười lời, hai mươi lời ». Nhà phía, tao nào cũng lừa dân đi săn, lấy khi lấy hổ hoặc sơn dương về nấu cao. Chúng bắt người già quen nghề ngồi róc thịt, rửa xương nấu cao suốt mùa hạ cho tới mùa đông. Họ phải làm nhiều đến nỗi mùi thịt thiu thối mọc từ các khúc xương xông lên khiến họ ốm o, gầy mòn. Hơi lửa nóng hơ quắt da thịt lại. Các nhà phía, tao thường đôn đốc công việc luôn luôn mà trả công chỉ có vài bát muối hoặc vài thùng gạo. Người làm nghề nấu cao vì thế không đủ nuôi vợ nuôi con. Đã ngồi vào lò nấu cao là nướng rẫy bỏ cho cỏ gấu, cỏ gai ăn hết đất.

— Sao họ không đấu tranh hở ông?

Tôi hỏi cắt ngang câu nói của ông già. Ông lắc đầu :

— Ô, thời đó trên đỉnh đầu là quan Tây, trên hai vai là phía, tao, lính tráng... Ai dám đấu tranh. Nhưng con người đã uất giận là khắc sinh chuyện chống đối. Đầu tiên, họ tìm cách ăn cắp khớp xương bánh chân sau con hổ. Cả bộ xương đầy đủ mấy trăm khúc, chỉ mất khớp xương bánh đó là nổi cao mất hết công hiệu. Mẻ cao đó sẽ làm cho nhà phía, tao bị mất khách mua ngay. Sau, tại người nhà phía, tao biết. Chúng canh riết. Chúng đếm từng khúc xương trước khi thả vào nồi, rồi ngồi lì trông nồi cao canh thợ cho tới lúc xương tan. Đám người làm nghĩ ra một cách khác. Họ dùng dọc tày lá chuối hút bọt cao. Nồi cao chưa tới độ keo, bọt nổi lên trên lớp nước. Thử bọt đó mang theo nhiều chất béo, chất bở. Mấy ông già nấu cao vờ như thử độ dính, thợ dọc lá chuối vào khoắng. Dọc chuối xộp, có hàng triệu lỗ hồng nhỏ. Các lỗ hồng đó sẽ hút

đầy chất bột kia vào. Họ nhúng chường dấm sắn cái dọc chuối là gắn hết lớp bột cao trong nồi. Khi nào lủ người canh thấy cao thành keo, chuẩn bị đồ khuôn, không để ý tới nữa thì họ cắt bỏ dọc chuối đó đem về nhà. Tới nhà họ vắt cho hết bột cao, nấu lại với một hai bộ xương khỉ là được một thứ cao hồ lẩn khỉ rất công hiệu.

— Ở đây có nhiều người nấu cao giả không ông?

— Có. Trước đây, thời xa lắm, người bản chỉ dùng cao chứ không bán thì họ nấu toàn thứ cao thật. Từ ngày đám phía, tạo và dân buôn đem cao về xuôi là sinh ra lệ nấu cao giả. Cao thứ tốt họ bán ở các hiệu thuốc quen với giá đắt. Cao giả, nấu dọn cả xương trâu, xương bò đem bán rong các nơi... Khi nào con người tham tiền, lúc đó khắt sinh nhiều tật xấu. Năm trước, ông bỏ một người bạn phưong sản cũng chỉ vì ông ta lừa dối kẻ khác lấy tiền. Đạo đó, trời đã rét, cây leo cây nhỏ nép bóng trong rừng đã rụng lá trơ trụi. Người bạn sản buồn vì vợ bỏ về nhà mẹ. Bà ta chê ông ta đã nhiều năm. Ông ta buồn nên tới rủ ông vào rừng. Đi hai ngày đầu chỉ dùng nắm bẫy con chim với một con dím đủ nướng ăn. Ngày thứ ba hạ được con gấu ngựa lớn tróc một tạ. Ông mừng lắm, định bảo xẻ con gấu lấy mật. Loài gấu, phải mổ bụng, lấy mật ngay khi nó vừa chết. Nếu để lâu, túi mật sẽ tự biến đi, dẫn vào khắp các chi của con vật. Chính vì điều này nên gấu không bao giờ bị thương khi ngã, mặc dù có khi say mật ong hoặc bị ong đốt, gấu buông tay từ những cành cây cao chót vót rơi xuống. Phải những con vật khác, không tan xương nát thịt cũng què. Nhưng gấu thì không. Nó cứ nằm ù lì, mắt nhắm tịt. Chặt mật trong túi tự dẫn tới, làm hồi lại các vết đau. Rồi sau đó, con gấu mở mắt, khùng khiêng bò dậy, đi về hang như thường..

Ông già Mộc ngừng kể, ném một nắm muối màu xám vào đám lửa trong lò nấu cao. Nắm muối nổ lép bép, lửa tỏa ra xanh lè như những chiếc lá trong truyện cổ tích, hoặc gần như ánh lửa hàn vọt lên từ những que gần với bình hơi của người thợ hàn ngày hôm nay. Lũ chúng tôi, cả ba đứa, đều nín thở để nghe ông nói tiếp:

— ... À, ông vừa kể cho các cháu nghe bọn ông bán gấu được con gấu ngựa. Ông định xẻ ngay để lấy mật. Nhưng lúc đó, một đoàn địa chất nghe tiếng súng chạy tới. Họ có chừng mười người, toàn là những người có gương mặt sáng sủa, nhàn tẻ. Người lớn tuổi năn nỉ xin mua túi mật vì ông ta có một ông bố đã gần tám mươi tuổi, bị bệnh đau xương. Ông và người bạn sẵn kia bằng lòng. Ông cán bộ địa chất mừng rơn. Ông ta cảm ơn mãi mặc dù người bạn sẵn của ông bắt ông ta phải mua cái mật gấu với giá đắt hơn giá thường hai lần. Lúc đó, ông giận nhưng không nói vì giữ mật cho bạn. Ông rút dao định xẻ con gấu. Nhưng ông bạn phờng sẵn ngăn lại:

— Chúng tôi chờ ở đây. Ông xuống lấy đủ tiền đem lên rồi tôi đưa mật. Không sợ chúng tôi khiêng gấu về bán đâu...

Người bạn phờng sẵn của ông nói với khách mua như vậy.

Cả đoàn cán bộ địa chất bỏ đi sau khi để lại nửa số tiền để giữ hàng. Còn ông, ông cũng ngồi xuống gốc cây, nói:

— Bán đắt như vậy là không tốt.

Người bạn kia trả lời:

— Họ cần, họ phải mua đắt. Ông có thấy họ mua đắt thế mà họ vẫn mừng không?...

Ông chán^{ngán} không buồn tranh cãi, nhắm mắt nghỉ. Lát sau, mở mắt ra, ông thấy người bạn phờng

sẵn kia đang làm một việc rất kỳ quái. Ông ta rút trong túi áo một hộp tiêm, có ống tiêm, có cả mũi tiêm, đã cắm sẵn? Ông ta tới xác con gấu còn đang ấm nóng, lần tìm nơi túi mật, cắm phập mũi kim vào. Rồi sau khi nhìn quanh, ông ta từ từ rút mũi kim ra. Trong cái ống thủy tinh, một dòng nước đặc quánh, màu xanh đen từ từ dâng lên. Khi mũi kim rút vừa hết nấc, chất nước xanh đen kia cũng ngừng dâng.

Bấy giờ ông dậy, và ông chợt hiểu ra việc làm xấu xa của bạn. Ông bảo ông ta:

— Lòng ông không thẳng như cây thông trên núi mà cong queo như rễ cây trần dưới khe sâu. Ông tự chặt đứt ngón tay trở kia đi.

Ông ta trả lời:

— Người dưới xuôi họ chỉ có mắt nhìn cây lúa chứ không có mắt nhìn cái lá ngón, lá han. Ông cứ mặc tôi. Chưa tàn thuốc, cái mật sẽ đầy căng như nguyên thôi. Tôi đã ra làm mấy lần rồi, đừng lo...

Con người đen bụng đó nói đúng thật. Khi mở con gấu ra, cái mật vẫn đầy căng như chưa từng bị rút hết ruột...

— Cháu biết rồi, cháu biết rồi...

Loan hạt mứt hấp tấp ngắt lời ông già Mộc bằng cái giọng lạnh chanh vốn có của nó. — Nước đó là nước mô...

Rồi nó nhìn vào cặp mắt băn khoăn của ông già, giải thích:

— Nước mô là nước có tất cả các tế bào trong cơ thể con người cũng như con vật. Khi con gấu bị rút mật đi thì nước mô sẽ tràn vào.

Ông già Mộc gật gù:

— Như nước ở bờ cao tràn xuống vùng thấp, dùng không?...

Rồi ông nói tiếp:

— Ông và người bạn phường săn đang cãi cọ, đoàn cán bộ địa chất trở lại. Họ đếm đủ tiền. Ông mở con gấu, đưa túi mật cho họ. Người bạn săn cầm tiền. Thường thường về tới bản, chia thịt và bán xương xong ông mới nhận tiền. Nhưng lúc đó, ông ta phải chia tiền ngay. Rồi ông đưa lại cho người mua số tiền đó. Ông ta chối từ. Ông đành nói:

— Tôi chỉ có một mình. Tiền ăn không hết đâu. Gấp ông, ưng cái bụng, tôi cho ông làm vui thôi.

Người bạn phường săn kia sợ ông nói sự thật nên vội vã hùn vào:

— Ông ấy nói đúng đó. Vợ con ông ấy bị giặc giết hết rồi. Ở một mình, tiền dày từng gang, đếm không hết đâu...

Người cán bộ địa chất cảm ơn ông mãi rồi cả đoàn trở lại dưới lũng khoan giếng. Ông bỏ con gấu ở đó luôn, không khiêng về bản nữa. Từ đó, ông cũng không bao giờ nhìn mặt con người lòng ruột cong queo kia...

Đám lửa trong lò reo lên, nhảy phắt phạt vì một hơi gió mạnh lùa vào. Ông già Mộc lại nhúm một nắm muối trộn lẫn đất đen ném vào lửa. Và những bông hoa lửa lại nở bùng lên, uốn éo, nhảy múa với muôn ngàn tia sáng xanh.

Ông già Mộc thôi không kể chuyện nữa. Ông bảo chúng tôi ăn sẵn nướng rồi đi ngủ. Sắn than, Loan hạt mít sàng chế ra một kiểu nướng sắn tuyệt vời. Nó dãn than thành hàng, rồi bèn trên gác củi. Sắn thái từng lát lớn, trông như từng lát bánh mì bỏ dọc, đặt lên. Mặt này vàng rộm mới lật mặt kia. Sắn nướng kiểu đó ăn không còn giống sắn mà giống như miếng vỏ giòn tan của bánh mì mới ra lò. Đưa nào muốn ăn mặn thì trước khi nướng tắm nước muối. Còn đưa nào ưa ăn ngọt, đem quét với mật mía để trong chum.

Chúng tôi đi ngủ trước ông già Mộc vì ngày hôm sau chúng tôi giúp ông kéo nốt số cây gỗ dưới chân dốc làm chuồng bò. Từ hồi Dũng còm về đây, nó tỏ ra là một người đàn ông thực thu vì luôn luôn đề xuất những công việc mới, cả những việc nặng nhọc mà chúng tôi chưa hề nghĩ tới. Dầu sao, nó cũng là một thằng con trai. Và một năm đi ở với người đời đã dạy nó nhiều bài học về sự làm ăn. Còn chúng tôi chỉ là những con chim vừa ra ràng đã được nắm trong vòng tay che chở của ông già Mộc. Thế nên chúng tôi phải khiêm tốn mà nói là thua nó.

— Dầu sao, về khoản này đảng ấy cũng hơn chúng tôi.

Tôi nói, tưởng Dũng còm sẽ khoái chí vì được khen. Nhưng nó chỉ khẽ bấu môi, xì một tiếng rất khẽ cả. Tưởng như nó bảo tôi:

— Ấm ớ, lắm chuyện...

Tôi tức lắm nhưng đành im vì cãi nhau bây giờ sẽ không còn đủ thời gian làm lành trước khi bắt tay vào việc. Mà đã vào việc, thì cái thằng oắt con ấy lại là chỉ huy của chúng tôi...

Chuồng bò vừa khánh thành được ba hôm, con hồ thọt đã nhảy về cắp đi một con bò tơ chưa đầy tuổi. Bà Kín te tái chạy sang, cắn nhẩn ông già Mộc:

— Một cây gậy, ông chưa đủ sợ gió hay sao? Tôi đã biết rồi mà. Vắng hơi người, cộp sẽ tha bò đi ngay. Nay một con, mai một con... Rồi còn bò đâu mà đẩy đàn đầy sân nữa...

Ông già Mộc lặng lẽ không nói gì. Dân bản xôn xao, mỗi người một lời góp vào, khuyên ông phá cái chuồng bò mới, lại dồn bò, dồn lợn xuống dưới sân nhà cho yên chuyện.

Đứng còm, tôi và Loan đứng im thin thít. Cái chuông bỏ đó là thành quả lao động của cả bốn ông cháu. Nhưng nó cũng lại là ý muốn của ba đứa chúng tôi. Chúng tôi vẫn tin rằng nuôi súc vật riêng tốt hơn, sạch sẽ hơn. Đàng buồn là khó khăn đã đến. Mà khó khăn đó ở ngoài tầm tay của chúng tôi. Từ nhỏ chúng tôi đã biết con hổ ra sao, huống hồ nghĩ cách tiêu diệt nó để bảo vệ dân bò...

Buổi trưa hôm đó, bữa cơm thật buồn tẻ. Nhưng đến tối, ông già Mợ an ủi chúng tôi:

— Đừng buồn. Thua keo này, phải bày keo khác. Cháu Dũng lấy sách ra đọc, còn hai đứa gái đem khung, đem chỉ mà thêu.

Hồi ở phố Lang trở về bản, ông già mua cho chúng tôi rất nhiều kim thêu, chỉ màu, khung thêu và cả sách vở, bút mực. Thoạt đầu, tôi chịu khó ghi nhật ký. Nhưng sau, dần dần ham vui tôi quên đi. Khung thêu với kim chỉ, chúng tôi rờ tới đúng hai lần, thêu chưa hết một bông hoa rồi cũng bỏ xó. Bởi lẽ cả tôi lẫn Loan đều thích trò bắt cá, bắt ốc trong suối, bẫy dìm, đào khoai môn rừng, hái và rồi nướng sắn, nướng khoai... Hết trò này tôi trò khác. Chúng tôi phí sức để làm chàng Rô-bin-sơn chính hiệu chứ không còn phải bơi thuyền ra đảo Hoa Vàng để tượng tượng mình trở thành Rô-bin-sơn. Vì tất cả những niềm ham mê đó, cứ chiến xuống, rửa chân tay xong là chúng tôi mệt lử. Nhất là sau bữa cơm ngon lành bên bếp lửa ấm, chỉ còn muốn chui vào giữa lớp chăn và nệm mà ngủ một giấc quên đất quên trời.

Từ ngày Dũng còm về bản Muôn, tôi trở lại ghi nhật ký đều đặn, còn Loan vẫn rong chơi như xưa. Nó vốn ham vui và lười. Dũng còm cứ mang theo trong túi áo quần của nó bộ Tam quốc chí đã nát nhàu của ông

cậu. Đêm đêm, chúng tôi ngồi đọc cho cả nhà nghe chung. Đọc đi đọc lại đến nỗi tất cả đều thuộc lòng. Không còn trò giải trí gì khác nên tối đó ông già Mộc bảo tôi và Loan đem kim chỉ ra thêu. Nề ông, hai đứa tôi ngồi thêu qua loa vài đường. Nhưng ánh lửa chập chờn khiến nét thêu không đều và các hình vẽ trên mặt vải cứ nhòe đi nên lát sau, hai đứa tôi quay sang nướng sắn ăn với mật. Dững còn ngồi nhai lại bộ Tam quốc. Cái đầu bù xù to tướng in lên vách. Còn ông già Mộc loay hoay giờ lâu trước hai cánh cửa tủ đã mở rộng. Lúc sau, tôi thấy ông lúi ra khẩu súng bọc giẻ, không hiểu loại súng gì. Ngoài khẩu súng, có chiếc que thông nòng, nhiều viên đạn và những phụ tùng lặt vặt.

Vừa thấy khẩu súng, Dững còm sáng mắt lên. Nó buồng quyền Tam quốc, sấn tới ngồi bên ông già. Ông vừa lau chùi từng bộ phận, vừa giảng giải chỗ nó nghe. Hai người thì thăm chuyện trò lâu lẫn. Khi chúng tôi đi ngủ vẫn còn thấy hai chiếc bóng, một cao một thấp, lay động, chập chờn in lên vách. Và ngọn lửa cháy đều dần thỉnh thoảng lại lửa tung lên một đám tàn than.

Sớm hôm sau, Dững còm gọi chúng tôi ra, điệu bộ đầy quan trọng:

— Ông Mộc sắp rủ phường săn quen tới đây. Nhất định phải diệt con cọp thọt. Còn nó, dân bản không ai dám làm chuồng nuôi bò nuôi lợn riêng. Hôm nay, ông tôi bàn với trưởng bản đấy.

Tôi hỏi:

— Thế ông có cho cậu đi theo không?

— Cổ nhiên là tớ sẽ đi theo ông chứ không phải các đảng ấy. Con gái không thể dính vào những việc quan trọng như thế này.



Dũng còm đáp lại với vẻ thản nhiên. Thản nhiên như điều nó nói là mặt trời mọc phương đông, lặn phương tây. Là bàn tay người ta có năm ngón; còn hai bên đầu chỉ mọc ra hai cái tai vậy. Nói xong, nó không thêm giải thích thêm một lời mà lại bảo:

— Cạn đi lau bát, sắp đĩa ra để tớ với ông Mộc ăn trước còn đi.

Tôi tức đặng hòng, không thêm trả lời.

Loan hạt mít không hiểu ý tôi lại lằng xằng đi lau bát, sắp mâm ra chuẩn bị bắc chõ xôi xuống. Tôi lờm nó đến đứt kế mít mà nó không hề hay biết gì. Kề ra, ở với đứa bạn đụt lăm lúc cũng tức như ăn phải thứ không tiêu.

Lúc đó, ông Mộc khoác súng lên vai xem dây đeo vừa chưa. Rồi ông bỏ cây súng, dựng xuống bên vách, nói:

— Hôm nay, hai cháu ở nhà cho lợn ăn nhé. Ông với Dũng sang nhà trưởng bản bàn chuyện.

Loan « vâng a » thật to. Tôi chẳng nói gì. Ông già Mộc thấy tôi ngồi im, liền nói:

— Cháu Bê đã sang nhà trưởng bản chơi với ông lần trước rồi mà... Bây giờ cháu cũng muốn đi nữa chẳng? Tôi trả lời rành rọt:

— Không. Nhà trưởng bản chỉ có vườn giàu gia với hai cây bưởi chua, cháu không sang. Cho Dũng còm đi. Nhưng khi nào ông cùng phường sẵn đi bắt con hổ thọt thì cháu sẽ đi theo ông. Đứt khoát là như thế.

Loan tròn mắt lên vì vẻ mặt hùng hổ và giọng nói gay gắt của tôi. Dũng còm im thít. Ông già cười hiền từ, giờ tay xoa đầu tôi, nói:

— Ôi chao, con bé này ghê thật. Rắn như miếng gỗ lim già.

Ông cúi xuống uống chén rượu buổi sớm theo lệ thường. Tôi nhìn bàn tay ông, chợt nhận thấy một ngón tay có buộc giẻ. Tôi quên cơn hôn giận rất nhanh, băn khoăn hỏi:

— Tay ông đứt hay sao mà buộc giẻ thế ông?

— Không — Ông trả lời.

— Không đứt sao lại buộc giẻ. Ông mở ra cháu xem còn chảy máu không, cháu rịt lông cu li vào. Con cu li của cháu lông tốt hơn của cái Loan với Dũng còn nhiều.

Ông già lúng túng, rồi như cảm động vì sự quan tâm của tôi, ông nói:

— Có gì đâu, sáng ông thái thuốc, ông sấy chút da thôi...

Ông giơ túi thuốc lá sợi cho tôi yên tâm rồi giục mọi người ăn sáng. Tôi hoàn toàn tin là thật. Mãi mười mấy năm sau, khi đã trưởng thành, trở lại bản Muốn thăm ông, tôi mới biết rằng ngón tay buộc giẻ đó là ngón tay ông cưa ra để nhỏ bảy giọt máu vào chén rượu thề. Ông tự thề với mình phải giết bằng được con hổ thọt. Cũng như ba mươi hai năm trước, ông cũng tự cưa tay nhỏ máu vào chén rượu thề trước ông chú ruột đang hấp hối rằng ông sẽ nuôi mấy đứa em cho tới lúc dựng vợ gả chồng. Và cũng như mười năm trước, ông thề trước vong linh người vợ và hai đứa con gái là ông ở vậy để tháng năm thờ cúng họ... Chuyện ngón tay buộc giẻ của ông già, cho tới giờ tôi vẫn còn thấy rõ như mới ngày hôm qua. Và tôi hiểu, mỗi con người là một thế giới huyền bí, có khi gần hết cuộc đời mình, ta mới có thể khám phá được phần nào cái thế giới sâu thẳm đó...

Ông già Mộc dắt Dũng còn tới nhà trưởng bản bàn xong, bảo nó về trước. Ông tới nhà các bạn phường

sẵn thông báo. Khoảng một tuần sau, cuộc săn chính thức bắt đầu. Tất cả những nhà thợ săn đã làm lễ cúng cầu may từ hôm trước. Ở gia đình chúng tôi, ông già Mộc bắt hai con gà làm cơm cúng tổ tiên như ngày giỗ dưới xuôi. Ông đứng trước bàn thờ, khấn vài lúc lâu. Chờ hương tàn, ông hô gọi mấy bà con xung quanh tôi. Lần này là một bữa ăn lặng lẽ, nghiêm túc. Mọi người chỉ nói nhiều tới chuyện lúa má, nương vườn mà không hề nhắc tới con cọp — kẻ thù và niềm kính sợ của dân bản. Ông già không đem dân tình ra, mọi người cũng không dân hát như lần trước. Ăn xong, ai nấy đều nắm tay ông già, chúc điều lành điều tốt trước cuộc săn rồi trở về.

Tôi hồi hộp, đi đi lại lại quanh quần chờ đợi. Khi hết khách, tôi bước tới bên ông. Không chờ tôi nói, ông già Mộc kéo tôi vào lòng, nhìn vào mắt tôi bằng cặp mắt già, hiền từ của ông và nói:

— Việc săn bắn không phải việc của đàn bà. Hướng hồ châu còn non như cây măng chưa đầy ngón tay. Cháu nghe ông, ở nhà. Ông sẽ đem cái vuốt con cọp thọt về cho cháu đeo trước ngực. Cọp già thành tinh, vuốt nó càng thiêng. Đeo vào người, không còn sợ gió độc gió dữ vật ngã mình.

Giọng ông nói ôn tồn và nghiêm trang quá khiến tôi không thể nói thêm được một lời nào. Tôi lặng lẽ cùng Loan vào buồng ngủ. Buồng bên kia Dũng cóm cũng vậy. Lần đầu tiên trong đời, tôi thầm khấn vái, cầu nguyện tổ tiên phù hộ cho ông già thần miễn của chúng tôi chiến thắng. Tôi không biết thần thánh bài, thánh lời, nhưng trong tâm can tôi, tiếng thì thầm cầu nguyện cứ vang lên. Và tôi bỗng tin rằng, khi ta mong mỏi thành thực, khi ta hết lòng hướng tới một điều tốt lành nào đó, thì điều đó sẽ trở thành hiện thực. Đêm yên lặng, mệnh mông. Tiếng nai, tiếng mang tác ngoài rừng

vọng qua thung lũng. Chỉ còn ngọn lửa vẫn đang nhảy nhót một cách cần cù. Chỉ mình nó thức với đêm dài, giữ cho lời cầu nguyện của tôi còn lại với ngôi nhà sàn ấm cúng, không bị những cơn gió lạnh lẽo mang đi.

Sớm hôm sau, khi chúng tôi thức dậy, phừng thợ săn đã ra đi từ lâu. Không có dấu vết gì. Trên bếp, cũng không có chỗ xói bốc hơi nghi ngút mà chỉ một mình ngọn lửa vì thức suốt đêm nên mỗi một giờ lim dim mắt, cháy liu riu. Tàn than trắng như bột phủ lên những hòn than lớn.

Chúng tôi cùng chạy ra trước sân, nhìn quanh. Thung lũng vẫn im lìm, sương phủ trắng như sữa. Trên dải núi đen mờ trước nhà, từng đám mây dài như đuôi chồn lướt quẹt đi qua. Những dải mây đó có lúc gió lùa qua nhà, chúng áp bàn tay già buốt lên da thịt chúng tôi rồi lại ra đi không một lời giải thích.

— Ông Mộc đi lúc nào mà không gọi tụi mình nhỉ? — Loan nói.

— Phừng săn ra đi phải bị mặt như bóng đêm, nhẹ như khói thì mới mang được thú về. Đi mà khua kèn gõ trống thì chỉ khiêng vài bãi phân cạp đầy lông đem về thôi.

Đứng còm nói bằng cái giọng hiền biết và ra vẻ giảng giải. Tôi quay vào nhà, đặt chỗ xói lên và bảo Loan múc cám lợn đã nấu tối qua trong chiếc chảo gang lớn đang còn nóng ấm cho lợn ăn. Hai con lợn mẹ vừa đẻ đang học lên đòi ăn dưới chuồng. Mặc dù bị hồ cạp mất con bò tơ, ông Mộc vẫn nhốt bò, nhốt lợn trong chuồng riêng vừa quây. Ông thì gan với con cạp thọt. Nếu hôm nay, cuộc đi săn thắng lợi, ông sẽ là người chiến thắng. Chúng tôi cũng sẽ là đội quân chiến thắng vì mọi người trong bản sẽ theo chúng tôi làm chuồng bò, chuồng lợn riêng. Cuộc sống ở bản sẽ vẫn minh hơn bản bây giờ.

Dũng cầm và Loan đều chung ý nghĩ như tôi. Chúng tôi vừa làm mọi việc vừa hồi hộp chờ đợi.

Vẫn không có một tiếng súng nào vọng về thung lũng. Không có một tiếng hú gọi, một tiếng kêu. Thậm chí một cơn gió mạnh cũng không. Những ngọn cây bụi, cây giâu gia, cây chùm kết quanh vườn im lặng. Sương đã tan hết và mặt trời nhô khỏi tầm chân trắng như bông của biển mây phương đông. Mặt trời cũng trắng như được nhúng sữa. Dần dần, màu trắng của mặt trời chói chang hơn và ánh nắng chiếu xuống mặt đất cũng ấm nóng hơn. Đã sang trưa rồi. Chúng tôi ăn bữa trưa vội vàng, không canh, chỉ có một món thịt rang mặn. Đứa nào cũng cố gắng không nhắc tới chuyện săn hổ cho đỡ nóng ruột.

— Dũng cầm ơi, đằng ấy kể chuyện Tam quốc đi — tôi bảo.

— Đoạn nào cơ? — Dũng hỏi lại.

— Đoạn kết nghĩa vườn đào ấy — tôi đáp lời.

Dũng lấy quyển Tam quốc, bắt đầu đọc. Tôi nghe, thờ ơ, những dòng chữ đã thuộc lâu. Được một chương, tôi bảo:

— Thôi, chán quá... Tui mình làm gì bây giờ cho quên việc săn hổ đi.

Dũng cầm đặt quyển sách xuống, thở dài:

— Ờ, tờ đọc mà cứ chán ngắt.

Loan nói:

— Hay chúng mình ra suối bắt ốc.

Dũng quay lại:

— Nhưng nếu chúng mình đang bắt ốc ngoài suối, hổ chạy về đây cắn cổ con lợn mang đi thì sao?... Nó đã cắn bò một lần, quen đường dễ trở lại lần nữa lắm chứ... Bây giờ, bò vào núi ăn thì nó sẽ cắn lợn đi.

— Nó về đây ban ngày à?... — Loan trợn mắt lên. —
Ừ giờ, sợ quá. Các cậu ơi, chúng mình kéo hết cầu
thang lên không hở vào nhà.

Dũng còm nhìn ra ngoài chuồng bò bằng con mắt vừa
sợ vừa háo hức:

— Giá mà con cạp ngồi chồm chồm trước sân kia
nhỉ?...

Loan rù lên:

— Thế thì chết. Trời ơi, thế thì tờ chui vào trong
buồng, đóng chặt cửa lại.

Dũng lườm:

— Hảo huyền! Hồ đã về đến đây, gan ruột chạy lên
ngón cây hết, còn đâu mà vào buồng với đóng chốt?...

Thấy Loan mặt tái xanh, rên rĩ, Dũng còm nói tiếp:

— Mà các cậu tưởng rút cầu thang lên là cạp sợ à?
Nó nhảy một cái vọt từ dưới đất lên tận sân nhà này
ấy chứ.

Tôi gạt đi?

— Loan đừng sợ. Dũng còm dọa cậu đấy. Không tin
cái miệng nó được đâu. Đồ con trai mà môi mỏng quẹt.

Dũng còm cau thực sự, quay lại vặc tôi:

— Cậu nên nhớ tờ đã ở đây một năm, trong khi các
cậu mới lên đây vài tháng. Mà cậu tờ chuyên mua
xương hổ, xương gấu, xương khỉ bán cho người dưới
xuôi nấu cao. Bao nhiêu chuyện về hổ, các ông thợ săn
đều kể cho cậu với thím tờ nghe hết.

Tôi cãi lý:

— Nhưng hổ về bản ban ngày thì chưa ai nói cả.
Loài vật, dầu là chúa sơn lâm cũng phải sợ người.

Dũng bấu dài môi, « xi » một tiếng. Dũng là môi nó
mỏng thật, trông mà ghét:

— Tờ xin cậu. Chỉ có tại cậu chưa được nghe đủ
chuyện thôi: Bị rượt, bị phường săn vầy, có khi hổ còn

chui vào trong chuồng bò nằm im mà không tha bò, tha lợn nữa... Nhưng đây là con hổ mèng. Chứ đã là hổ thật thì thành tinh rồi. Người, nó cũng còn gặm đầu, nữa là bò l... Nó sợ người thì đã chẳng dám về tận bản tha bò đi mấy lần như thế.

Loan hạt mít nghe lời đó lại sợ hãi rên rỉ, mắt tròn mắt dẹt nhìn ra ngoài. Nó bảo tôi:

— Hay mình đóng cửa vào. Bè nhé:

Tôi gật:

— Không đóng. Đừng có hèn.

Tôi cũng sợ thật, nhưng không hiểu sao tôi lại gật lên như thế. Có lẽ vì tôi sợ Dũng còn. Cũng có lẽ vì tôi thương ông già Mộc và nghĩ rằng khi ông đang cùng những người thợ săn vây bắt cọp mà mình đóng cửa lại, chỉ lo giữ thân, không lo giữ tài sản cho ông, thì mình không xứng đáng là một con người chính trực, con người biết tự trọng và giữ gìn nhân cách.

Thấy tôi quát, cả Loạn lẫn Dũng còm đều im. Khoảnh khắc im lặng đó kéo dài, rất dài. Sau đó nó bị cắt ngang chừng bởi một tiếng hú. Tôi lao ra cửa. Theo sau là Dũng và Loạn. Một thanh niên chạy băng qua bản. Vừa chạy, anh ta vừa hướng về phía núi trước mặt mà hú. Tiếng hú vang lên từng hồi, khẩn cấp, tha thiết, xen lẫn lo âu.

— Anh ơi, ông Mộc đâu rồi, ông Mộc đâu rồi?...

— Anh ơi, có vây được hổ không?... Có vây được con hổ thật không?...

Cả tôi, cả Dũng còm đều thì nhau cất tiếng hỏi dồn dập. Nhưng người thanh niên chỉ kịp quay đầu nhìn chúng tôi trong giây lát rồi cứ nhắm hướng ngọn núi phía đông mà chạy miết.

Chúng tôi đứng thẩn thờ nhìn theo. Người thanh niên đã chạy tới con đường leo lên núi, nhưng anh lại vòng ra phía sau. Dững còm kêu:

— Đi gọi ông Rộc. Tôi biết rồi, phường săn đã cử người về gọi ông Rộc.

Tôi hỏi nó:

— Ông Rộc nào?

Dững nhìn tôi, lạ lùng như nhìn một kẻ từ hành tinh nào đó rơi xuống:

— Ở bản Muốn mà không biết ông Rộc hay sao?

Tôi nhìn Loan. Loan lại nhìn tôi. Quả tình, hai đứa tôi chưa nghe nhắc tới cái tên lạ lùng này lần nào cả. Thấy vậy, Dững bắt đầu giảng giải:

— Bản này có hơn hai chục nóc nhà cùng ở trong thung lũng. Nhưng riêng có một nhà lẻ loi ngoài ngọn núi kia — nó giờ tay chỉ ngọn núi trước nhà, cao nhất trong dải núi phía đông, đỉnh nhọn hoắt như một mũi tên và luôn luôn sáng óng ánh vì những mỏm đá bắt ánh nắng. — Đó là nhà ông Rộc, người thợ săn số một, nổi tiếng cả vùng rừng này. Ông tí sản từ năm mười một tuổi. Bố mẹ ông Rộc đều chết sớm nên ông ở với ông nội và được ông nội dạy nghề săn bắn thú. Quanh năm, người tới nhà ông Rộc mua da hổ, da báo, mua mật gấu, mật trăn và các thứ cao, thứ xương đi mồn nhẵn con đường chung của bản. Hồi đó, ông Rộc cũng ở trong thung lũng này. Nhà ông gần nhà trưởng bản, phía lưng núi, chênh về bên trái vườn giầu gia kia kia... — Dững còm giờ tay chỉ cho chúng tôi xem. — Đó, hồi đó nhà ông Rộc vào loại lớn nhất bản Muốn. Đến bọn phía, tao cũng phải kiêng nể vì ông Rộc có thể bắn trúng con mắt trái hoặc con mắt phải của một con sơn dương cách xa ba bốn quãng dao.

Dững còm ngừng lại, vì mắt nó vẫn theo dõi người người thanh niên đang chạy vòng quanh chân núi. Vừa thoắt thấy bóng áo xanh của anh giữa đám cây. Dững nói:

— Còn phải mười lăm phút nữa mới tới được nhà ông Rộc, nếu chạy qua rừng đi ven suối...

Nó lăm bằm một mình, cặp mày chau lại.

Tôi giục:

— Rồi sao nữa, kể đi.

Dững còm tiếp tục:

— Ông Rộc nổi tiếng đến nỗi những kẻ tình nguyện theo hầu ông để học nghề một năm phải ăn hết một nhà gạo, thịt. Bây giờ, họ vẫn còn tới thăm nom, biếu quà bánh cho ông. Nhất là sau cơn tai nạn.

— Tai nạn gì cơ? — tôi sốt ruột hỏi dồn.

— Từ từ đã, tớ mới kể được chứ... — Dững còm nhún nhó. — Thế, ông Rộc có rất nhiều đệ tử. Được ông dạy, dần dần họ cũng giỏi giang. Vợ ông ít đi làm nương mà ở nhà cơm nước cho khách suốt năm. Ông Rộc nhiều bạn nhưng chỉ có một đứa con trai. Ông cũng dạy cho nó nghề săn từ năm thằng bé mười một tuổi. Bà vợ ông than khóc, xin ông cho nó làm nương, nuôi bò. Nghề làm nương không nguy hiểm, dù có nghèo cũng bảo toàn chữ thọ. Và lại đứa con trai đó dù không làm gì, với số của cải bố mẹ để lại, cũng thừa thóc thừa thịt ăn. Mặc vợ hết van vì đến khóc lóc dẫn dắt, ông Rộc vẫn cương quyết đào luyện con trở thành một thợ săn cao cường như mình. Thằng bé rất thông minh, dũng cảm. Nó cũng đã từng bắn được gấu ngựa, lợn lòi khi chưa đầy mười sáu tuổi và khiến đám học trò của ông Rộc phải kính nể. Tới năm thằng bé mười tám, ông Rộc định làm lễ cho con nhập phường. Đó là cái lễ chứng nhận thằng bé đã hết thời gian tập sự, đủ tư

cách làm một người thợ đứng trong phường săn. Buổi sáng trước hôm làm lễ, ông Rộc xuất quân đi săn. Ông bảo đưa con ở nhà để có đủ sức khỏe ngày hôm sau ra mặt anh em phường. Ông đưa hai người học trò vào núi. Trời hôm đó sương mù đặc tới độ gió bần tay trước mặt hai gang nhìn không thấy. Ông Rộc rửa trời rửa đất nhưng cương quyết hạ một con thú. Một bậc thợ nghề như ông, lấy lòng khắp vùng mà trở về tay không thì không đúng lễ. Ông cùng hai người học trò tìm đến con gấu ngựa ông đã theo dõi và đánh dấu hang. Lần trước, vai đã nặng khiêng nên ông không muốn đi đến cùng bắn con gấu. Ông định hôm nay sẽ bắn nó mang về, giống như người khác vào chuồng bắt một con lợn để mang lên thịt. Cả ba người lần tới hang gấu. Họ thấy cái bóng lù lù của nó bên kia một mỏm đá, trong màn sương loăng trắng đục. Ông Rộc không cần ngắm, gió súng bắn. Tai bắn của ông không cần nói, viên đạn cứ bật khỏi nòng là con thú ngã. Nhưng lần này, không phải con thú kêu học lên mà là tiếng thét đau đớn của đứa con trai ông:

— Bố ơi, bố bắn lầm rồi!..

Thì ra, đứa con trai không ở nhà theo lời ông Rộc dặn. Nó hiếu thắng, muốn lập chiến công trước khi chính thức bước vào phường. Khi ông Rộc đi, nó cũng rủ một người bạn nữa vào rừng. Và rủi ro thay, nó cũng lại muốn bắn con gấu ngựa mà lần săn trước, hai bố con đã tìm ra hang và đánh dấu...

Dừng ngừng kể.

Tôi lặng đi vì câu chuyện ghê gớm quá. Tâm trí xôn xang, tôi và Loan ngồi im nghe Dũng kể tiếp:

— Sau cơn tai nạn đó, người vợ ông Rộc chết vì buồn phiền. Ông Rộc dời nhà từ trong bản ra nơi đứa con trai ông bị bắn chết. Ông làm bàn thờ vợ và con, treo cành lá cũ trước cửa, không tiếp ai, không làm gì,

không đi tới đâu. Trước bàn thờ vợ con, ông dựng
khẩu súng chúc mũi xuống và thề không bao giờ còn
đi nữa.

Tôi hỏi:

— Thế anh thợ săn lúc này chạy tới nhà ông làm gì?
Ông ấy đã bỏ nghề rồi mà!

Dũng gật:

— Ờ, đúng là mấy năm nay ông Rộc bỏ nghề. Ông
chỉ sống bằng của cải còn lại và nương tựa nhờ trước
nhà. Nhưng tài nghệ của ông thì cả vùng còn kính nể.
Chắc hẳn cuộc săn gặp điều trắc trở mà ngoài ông Rộc
không ai vượt qua nổi nên họ cử người tới gặp ông.

— Theo đăng ấy, ông Rộc có ra tay không? — tôi hỏi.

— Minh chưa thể nào biết được. — Dũng đáp. Đôi
mắt nó nhìn xa lắc xa lơ.

— Làm sao cậu biết được nhỉ? Cậu tôi hẳn Muốn
chưa đầy tuần trăng mà... — tôi thắc mắc với nỗi
bất bình.

Dũng còm ngừng lên nhìn tôi:

— Thế cậu không biết, từ ngày tờ về đây chỉ có tờ
đi củi hay sao?... Các cậu là con gái nên chỉ việc đồ
sắn, nấu cháo cho lợn và nấu cơm... Ngày nào đi củi,
tờ cũng vác thêm cho ông Rộc một bó. Hôm gặp ông
ấy ngồi một mình trước vườn, tờ bỗng thấy thương.
Tờ tưởng ông ấy là một người cô đơn, ốm yếu và
nghèo khổ nên kiếm giúp ít củi. Ai ngờ, chuyện lại
là thế...

Chúng tôi ngồi im, mỗi đứa theo đuổi một ý nghĩ.
Trời đã ngả sang chiều từ lúc nào không rõ. Ánh nắng
bò dài trên thung lũng, trắng như lụa bạch. Những
ngọn cây in trong nắng hóa nhạt như màu mạ non.
Rồi ánh nắng cũng hết, Đàn bò đã về chuồng, tiếng mõ
lóc cộc quen thuộc. Dũng còm chạy xuống mở cửa

chuồng, dồn bỏ. Nó bảo tôi và Loan mau mau đồ cảm lợn vào máng để đóng chặt cửa chuồng lại. Tôi và Loan hối hả làm việc. Không đùa nào nói một lời nhưng đều cố gắng làm xong mọi việc thật nhanh trước khi trời đổ tối để lên cầu thang. Hình ảnh con hổ thọt đã thành tình vì hung dữ và ranh ma, cộng với câu chuyện thương tâm của Dũng còn kể về ông Rộc khiến chúng tôi sớn gai ốc. Cả ba đứa làm chu tất mọi việc trước khi trời sắp xuống. Sao mà ở đây, hoang hôn ngẩn ngủi thế. Mặt trời vừa ngã xuống sau núi là bóng tối đã từ khắp nơi đổ về, không còn có một khoảnh khắc chờ đợi. Mà bóng tối đã về là gió lạnh cùng sương núi giá buốt cũng về theo. Lúc đó, thung lũng, vườn cây, rừng núi... những gì ban ngày quen thuộc, tươi đẹp rực rỡ trước mắt ta bỗng nhiên trở thành bóng đêm quái dị, đầy đe dọa. Cả ba đứa đã rửa chân tay xong, lấy nước vào bếp. Lúc đó, chúng tôi mới bắc nồi cơm, bung dôi như cào.

— Phải chụm lửa cho thật to nhé. Đêm nay, chúng mình sẽ thức canh lửa suốt đêm.

Tôi nói thế. Dũng cầm và Loan đồng ý ngay. Nhưng sau khi ăn cơm xong, cơn buồn ngủ kéo chúng tôi rũ xuống. Cả ba đứa đều gát gù. Tôi cho Dũng cầm và Loan đi ngủ trước, một mình ngồi canh bếp. Nhưng cơn buồn ngủ khiến tôi ngã gục, mặc dù tôi tự véo tai, tự cấu vào chân, rút tóc và vãi nước lạnh vào mặt. Sớm hôm sau, tôi thấy mình nằm còng queo trên sàn, bên bếp lửa. Lửa còn cháy âm ỉ vì tôi đã chụm rất nhiều cây củi lớn và ngoài củi khô, tôi chụm lẫn củi tươi cho lâu bén.

Ngoài chuồng bỏ, lũ hổ đánh sừng lóc cóc những thanh ván chắn. Bầy lợn con, lợn mẹ cũng học lên đòi ăn. Trời sáng trắng. Tôi vội vã đánh thức Loan và Dũng. Chúng tôi hối hả múc cảm cho lợn ăn, mở gióng

chuồng thả đàn bò vào núi. Những con bò nhảy cẫng, con nọ húc vào mõng con kia chạy vượt lên. Loan ném cho gà một dấu ngò lấm. Nó cầm cây que dài đuổi lũ gà trống cộ và mái già để cho lũ gà con và đám gà choai choai ăn. Bầy gà trống hơn hai chục con trước khi tản mát ra khắp vườn tìm mỗi con vỏ cánh phành phạch, vươn cổ gáy.

Xong mọi việc, ba đưa chúng tôi trở vào nhà. Loan lui húi bắc chỗ xói lên. Tôi với Dũng còm, mỗi đứa ngồi một góc. Tự dưng, tôi nhìn gian nhà rộng mênh mông và thắm thía nỗi buồn. Chỉ vắng ông già Mọc hai buổi sáng mà sao đã thấy vắng vẻ vậy. Hình ảnh ông ngồi hút thuốc bên bếp lửa với chỗ xói bốc hơi nghi ngút đã quá quen thuộc mỗi ban mai, khi chúng tôi vừa tỉnh giấc. Giờ đây, thiếu ông, tất cả trở nên lạnh lùng, trống trải... Nhưng rồi vài ba tháng nữa, khi người cháu ông được về phép và đưa chúng tôi đi theo, ông già có thấy buồn nỗi buồn của tôi buổi sáng hôm nay không?...

Tôi đang nghĩ lan man thì khắp thung lũng bỗng vang lên những tiếng hú. Tiếng hú dồn dập khiến không gian nao động. Dường như tất cả những vòm lá, những ngọn cây, những mỏm đá đều ném tiếng hú lên cao khiến chúng trở thành một bản hòa âm ghê gớm. Tất cả dân trong bản đều đổ xuống dưới thung. Những ông bà già ốm yếu và những đứa bé tí xíu đứng lố nhố khắp các sân trước nhìn ra đường. Tất cả đều nhìn về phía cửa rừng, nôn nao chờ đợi. Khoảng thời gian ấy kéo dài.

Rồi cơn gió tới lay động cây lá. Cửa rừng như mở ra. Đoàn người xuất hiện. Thoạt tiên, là một người thợ săn trạc tuổi năm mươi. Ông ta đi mau lẹ, súng cầm trong tay và chiếc túi đi săn đeo nơi thắt lưng. Sau ông là hai người nữa. Rồi tới một tốp bốn thanh niên chúi đầu

về phía trước, dáng điệu như những người kéo thuyền. Chờ mãi, không thấy ai khiêng con thú bị bắn. Cũng không thấy bóng dáng ông già Mộc thân yêu của chúng tôi. Tự dưng, tôi nắm tay Dũng cầm, Dũng cầm nắm tay Loan. Cả ba chúng tôi đứng im lặng, mắt căng ra theo dõi đám người đi chuyển dọc con đường mép núi. Tim đập phồng vì những phỏng đoán rủi ro mà không một đứa nào dám nói ra lời...

Chúng tôi không dám thở mạnh.

Đoàn người vẫn tiến về phía bắc, lúc ẩn lúc hiện sau những mỏm đá, những bụi cây. Sau cùng, họ đã hiện ra hoàn toàn trên con đường đổ vào thung lũng. Tôi nhìn rõ mặt từng người. Ông già đi đầu tiên ở sát nhà bà Kín. Hai người đi sau ở gần khu nhà trường bắc. Bốn thanh niên lạ mặt ở bắc khác nhập phường đang kéo con hồ trên một thứ đòn quệt kiểu như đòn làm xe quệt cho trâu kéo. Đó là một con vật kinh khủng. Hẳn là nó nặng lắm nên người ta không thể khiêng mà phải làm đòn quệt kéo đi. Con hồ đã già nên lông không còn màu vàng như những bức tranh tôi thường nhìn thấy trong miếu thờ mà biến thành một thứ màu tro xám nhạt. Những vằn đen cũng bạc phếch, in lờ mờ trên lưng và hai sườn. Lông rụng từng đám, trông bản thú gớm guộc. Toàn thân nó bốc lên mùi gây gây, hôi hám đến buồn mửa. Khi chết, nó vẫn còn gây niềm kinh sợ. Nhưng đồng thời, nó cũng làm chúng tôi thất vọng vì nó không có dáng vẻ oai dũng như chúng tôi thường tưởng tượng, mà bản thú, nhem nhuốc.

Một người dân bản đá chân vào cái bụng to lớn của con hồ thọt:

— Ái chà, cái bụng này chứa hàng trăm con bò, con lợn của dân các bản rồi đây. Hôm nay con cạp thành tinh này mới đi theo lũ bò, lũ lợn đó.

Chúng tôi không còn để ý tới con vật gồm guốc để nữa. Chúng tôi đi tìm những người thợ trong phường săn, hỏi tin ông già Mộc. Đám thanh niên kéo con hổ đang ngồi thở. Còn ông già cầm súng đi đầu trong đám thợ săn bảo chúng tôi:

— Ông các cháu còn ở trong rừng, canh xác thằng bé bị con cọp này vỗ chết.

— Ông cháu bắn chết con hổ này à?

— Không. Ông Mộc bị treo phải bỏ cánh tay treo lên cổ từ ngày hôm qua, lúc lửa cọp vào vòng vây. Người bắn con cọp thọt này là ông Rộc. Ngoài ông Rộc, không ai dám bắn nó đâu.

— Thế ông Rộc đâu?

— Cũng ở lại đó với ông Mộc.

— Hai ông ở đó tới bao giờ về?

— Bao giờ người nhà thằng bé bị cọp vỗ tới nhận xác nó đem làm ma.

Thấy tôi băn khoăn, ông ta nói thêm:

— Không lần đâu. Đã có thằng khố chân chạy đi báo tin rồi. Dững còm im từ nãy, cất tiếng hỏi:

— Ông Rộc với ông cháu ở rừng nào hả ông? Có gần hang Khỉ Trắng không?

Ông già thợ săn nhưn cặp mày ngẩn ngẩn lên.

— Ô, máy cũng biết hang Khỉ Trắng sao? Giỏi đấy!... Đùng rồi, ở dưới hang Khỉ Trắng chừng nửa quãng đạo thôi.

Dững còm quay lại:

— Hai đảng ấy ở nhà, tớ vào với ông Mộc đây.

Nói xong, nó co chân định chạy. Nhưng tôi nhanh hơn, tôi đã túm chặt lấy đuôi áo nó:

— Không được, tớ đi với.

Rồi tôi quay lại:

— Loan ở nhà nhé. Tớ với Dững còm đi một tí tẹo thôi.

Loan hốt hoảng kêu :

— Không! Không đâu...

Nhưng, nó chưa kêu hết câu thì tôi và Dũng còm đã chạy đi. Tôi chắc Loan không dám đuổi theo vì nó vốn hiền và nhát. Vả lại, xưa nay nó vốn quen phục tùng lệnh của tôi. Mà nếu nó có định chạy theo cũng không nổi vì nó béo ục ịch như con vịt bầu. Quả nhiên, tôi đoạn đường rẽ, tôi quay lại đã thấy cô nàng ngoan ngoãn leo cầu thang trở lại sân.

Phần tôi và Dũng, không còn cảm thấy đói khát gì nữa, chúng tôi chạy như bay, mặc gai các bụi cây dọc đường cào cấu, mặc những cú vấp ngã đau điếng và những túm lá ban ướt cọ vào ngựa đến muốn phồng tay, Dũng còm quả là cừ khôi. Nó thuộc đường như đã ở đây hàng chục năm rồi. Tôi cứ nhắm theo nó mà chạy, hơi thở phì ra hai lỗ tai mới theo kịp.

— Bê! Châu Bê!... Dừng lại!...

Tiếng kêu của ông già Mộc vang lên cùng với tiếng gió ùn ùn trong óc. Tôi vẫn còn chạy theo quán tính mười bước nữa mới dừng lại được.

— Châu Bê, cả cháu Dũng nữa!... Ai bảo các cháu đến đây?...

Ông già Mộc từ trong rừng cây bước ra, giơ tay đón chúng tôi và sốt sắng hỏi :

— Không... không có ai bảo cả... Tự chúng cháu đi tìm ông...

Tôi nép vào ông già, hớn hên đáp. Chúng tôi đã được gặp ông sau bao nhiêu khắc khoải lo âu.

Ông Mộc kéo cả tôi lẫn Dũng còm vào lòng, mặc dầu ông chỉ còn cử động được cánh tay phải. Cánh tay trái đứng như ông già thợ săn về trước đã nói, nép chặt bằng một thanh tre treo trước ngực.

— Ông bị trọc hủ ông? Ông có đau lắm không? — tôi hỏi.

— Không — Ông già Mộc lắc đầu. — Treo là chuyện thường. Chỉ vài năm là xong thôi.

Lúc đó, Ông già Rộc thủng thỉnh bước tới. Đó là một người cao lớn, hơi gầy. Tưởng như người ông được kết bằng những đám rễ cây xoắn chặt lấy nhau. Gương mặt ông đều đặn nhưng hốc hác. Đôi mắt sáng quắc, hơi dữ, nhưng lại pha lẫn vẻ ngơ ngác và nỗi buồn. Ông Rộc nắm tay Dũng còm lắc lắc. Hai người đã quen nhau từ trước nên rủ rỉ chuyện trò.

Ông Mộc kiếm một khúc gỗ cho tôi ngồi. Tôi bỗng ngửi thấy mùi tanh đầu đó bay tới. Tôi sức nhớ hai ông già đang canh xác một người bị con cọp thọt vồ chết, chờ gia đình người đó tới mang về. Tôi bỗng rùng mình. Tôi hỏi:

— Xác người chết ở gần đây không ông?

Ông già đáp:

— Gần. Nhưng cháu đừng nghĩ tới nữa.

Tôi hỏi:

— Sao anh ta lại bị bỏ vồ hả ông? Anh ta có phải thợ phùng săn không?

— Không — Ông lắc đầu. — Thằng bé đó đi vào rừng gỗ mấy hôm đã đánh dấu. Rồi cho nó gặp lúc mình vầy con cọp. Ông bảo nó ra khỏi vòng về nhà nhưng nó không nghe. Nó ham xem nên đòi mọi người cho ở lại. Tới lúc con cọp lọt vòng rồi, tất cả đều trèo lên cây. Ông là người vững dạ nhất thì đã bị treo tay rồi nên không ai dám bắn. Con cọp này lại là con cọp đã thành tinh, nó dạn người, ăn người như ăn con bò, con lợn. Nghe tiếng thanh la, tiếng mõ đồn, nó chạy. Nhưng tới khi nhìn thấy người, nó liền dừng lại, cứ đi quanh quẩn dưới các gốc cây, gầm gừ. Tất cả mọi người đều đeo súng, nhưng không ai dám bắn vì tay phải ôm cây cho chắc, lỡ mà buột tay rơi xuống gốc

thì làm mồi cho cọp ngay. Cứ như vậy, người nhìn cọp cọp rình, người từ giữa buổi sáng cho tới non trưa, thằng bé đi gõ đồ ong sợ quá không chịu nổi nữa. Khi con cọp há mồm gầm lên một tiếng thì nó tuột tay ôm ngã xuống gốc cây, ngất xỉu. Con cọp thọt liền nhảy tới vỗ trúng bụng kẻ xấu số. Lúc đó, may mắn sao cậu trai trong phường treo ở ngọn cây xa nhất tụt xuống, lườn ra phía sau núi, về bản gọi ông già Rộc. Con cọp đang ăn mồi nên không chú ý nữa, anh ta đi thoát.

— Cháu có gặp anh đi qua bản, hú gọi ông già Rộc— tôi nói.

— Ủ — ông già Mộc đáp lời. — Không có ông Rộc còn gay go lắm. Cậu ấy thông minh thật. Phỉ ông Rộc không ai bắn được con hồ thọt trong tình thế ấy.

Tôi nhìn ông Rộc. Con người đáng kính nề ấy vẫn chống cằm, tư lự nhìn đầu đó, như không hề nghe tới câu chuyện về mình.

— Ông Rộc bắn ra sao hả ông? — Tôi hỏi.

— Mắt đối mắt, mắt chọi mắt — Ông già Mộc kể tiếp. — Bắn như thế là kiểu bắn độc. Người thợ săn chỉ có hai con đường: hoặc là bắn trúng con thú dữ, hoặc là phải chết. Con cọp thọt đứng trong tư thế bình thường bởi nó vừa ăn thịt người. Lưỡi nó thè ra liếm mép đỏ hồng. Ông Rộc giương súng nhắm thẳng đi ngược lên. Con cọp nhìn ông. Ông cũng nhìn con cọp chăm chăm. Cứ như thế, khoảng cách giữa ông Rộc và con cọp dữ thu ngắn dần lại. Tới đúng lúc con cọp quật đuôi xuống chuẩn bị nhảy thì ông nổ súng. Thông thường, hồ quật đuôi sang trái thì con cọp sẽ nhảy sang bên phải. Điều này người thợ săn nào mới nhập phường cũng biết. Cốt yếu là phải bắn trúng ngay, không được chệch đường ngắm, không được hóc hay thối đạn. Lúc ngồi trên cây, ông chỉ lo mỗi hai điều đó thôi.

Ông già ngừng lại, đưa tay giụi mi mắt. Hai ngày đêm căng thẳng thần kinh, hẳn ông cũng mỏi mệt. Tôi không dám hỏi nhưng ông kể tiếp:

— May cho ông, may cho dân bản là ông Rộc đã bắn trúng từ viên đạn thứ nhất. Đạn xuyên giữa trán con vượn. Nó nhảy vọt lên, cao hơn đầu người ước chừng một thước, rồi rơi xuống. Trước khi chết, nó vọt vĩa ba bốn lần. Cháu đã nhìn thấy anh em phường săn đem xác nó về bản chưa?

— Cháu nhìn thấy rồi ông ạ. Nhưng chán lắm, nó vừa thối vừa bản thối. Cháu không muốn nhìn lâu.

Ông già cười, xoa đầu tôi.

Tôi đã thấy đôi bụng, định nhắc ông về. Nhưng giữa lúc đó, từ trong cánh rừng chạy ra một người đàn ông. Ông ta chạy ra đột ngột khiến tôi giật mình, phải ôm chặt lấy ông già Mộc. Sau khi định thần nhìn rõ bộ mặt ông ta, tôi bủn rủn chân tay, không nói được nữa. Vì bộ mặt ông ta là bộ mặt của người hủi. Một bộ mặt sưng phồng như mặt sư tử, đôi tai lở loét. Hai bàn tay co quắp, có nhiều ngón đã rụng đứt. Ông ta biết sự ghê sợ của tôi và Dũng còm nên không tiến đến gần. Đôi chân đi giày vải rách xơ dưng lại cách nơi chúng tôi ngồi gần chừng hai mươi bước chân.

— Các ông cho tôi cái thầy người kia nhé... — Ông ta cất tiếng nói, giọng khàn khàn.

Ông già Mộc và ông Rộc vẫn điềm tĩnh ngồi, đưa mắt nhìn người hủi. Còn hai chúng tôi thì bấu chặt hai ông như hai trái bắp non dính chặt vào thân cây. Con người khốn khổ kia tiếp tục nói.

— Hai ông làm gì cái thầy chết đó. Cho tôi. Nó sẽ cứu cho tôi được làm người. Tôi ở trong núi mấy chục năm nay khổ hơn con khỉ trên cây, con rắn con rết trong hang...

Ông ta dừng lại như ghen hòng vì tội nhục. Rồi ông ta nuốt nước bọt một cách khó khăn và chỉ lên cây bằng những ngón tay cụt gồm ghiếc:

— Các ông xem... Con khỉ trên cành có tay chân leo trèo hái quả. Con rắn con rết cũng biết bò, biết trườn... Trời cho tôi làm người mà bắt tôi không được sống kiếp người. Đã bao nhiêu lần tôi bứt lá ngón về ăn mà trời bắt tội, không cho tôi cái gan to, không cho tôi cái tài nuốt lá độc... Tôi xin hai ông thầy ma kia... Nó sẽ cứu tôi được làm kiếp người...

Nói xong, người hủ giơ tay chỉ về phía sau, nơi xác kẻ xấu số bị hồ ếch đang bốc mùi máu tanh lợm. Tôi không dám nhìn nơi ông ta chỉ, tôi cũng không dám nhìn bộ mặt sư tử sừng phồng lỗ loét, tôi quay đi. Ông già Mộc im lặng. Ông già Rộc gác cây sừng vào vai, chậm rãi đáp:

— Thằng đó người bản bên kia. Phải chờ người nhà nó tôi mới xin được.

Người hủ cất tiếng van thăm thiết:

— Tôi xin chôn cất tử tế cho nó khi tôi xong việc rồi. Bằng nào nó cũng trở thành ma. Còn tôi, tôi xin hai ông cho tôi được sống kiếp con người. Đừng bắt tôi sống kiếp sâu bọ trong hang núi, tôi đến ăn lá ngón, ăn quả độc để chui vào mồ thôi...

Giọng ông ta rờ lên như khóc.

Hai ông già đưa mắt nhìn nhau. Rồi ông già Mộc đáp lời:

— Thôi được, làm đi. Xong rồi phải chôn cất cho tử tế. May biết rằng may đã mó tới xác người là không ai làm ma được cho nó nữa đâu.

Người hủ cúi rạp đầu:

— Thưa ông, tôi biết a, tôi biết a...

Nói xong, anh ta biến mất. Tôi nghe tiếng chân bước xa dần, rồi tiếng bước chân chạy huỳnh huých tại chỗ,

như người chạy vòng quanh một gốc cây. Tôi và Dũng còm giồng tai lên nghe nhưng không biết đầu đuôi ra sao cả.

Ông già Rộc lúc đó bảo :

— Ông đưa hai đứa bé về bản đi. Mặt chúng nó tái xanh như chàm kia. Tôi sẽ ngồi đây chờ người nhà thằng bé xấu số kia tới.

— Ông nói rằng...

Ông già Mộc ngập ngừng. Nhưng ông Rộc đã gạt đầu cắt ngang :

Tôi biết mà. Ông cứ yên tâm... Ông về trước đi.

Nói xong, ông rút thuốc trong túi chàm lửa hút. Trong khi đó tiếng chân chạy huỳnh huých kia vẫn vang lên không nghỉ trong rừng, nghe như chỉ cách nơi ông ngồi dăm bảy chục bước chân.

Dọc đường, ông già Mộc và hai chúng tôi đều im lặng. Chúng tôi bước hồi hả về bản cho mau. Ở bản, người ta đã xẻ thịt con cọp thọt, chia cho mọi nhà. Tắm da lột, bộ xương và những chiếc vuốt cọp còn để cả ở trước sân nhà chúng tôi. Những vết máu giấy trên gỗ thẫm đen.

Loan bung ra một rô thịt, nói là phần chia của phượng. Mùi thịt tanh lạ lùng. Tôi nói với ông già Mộc :

— Đừng ăn ông ạ. Cháu sợ lắm.

Ông gạt đầu :

— Ờ, để cả cho ông Rộc. Cả tắm da nữa. Ta chỉ lấy mấy cái vuốt cho các cháu đeo. Bộ xương đem nấu lên chia cho mỗi nhà vài lạng.

Chúng tôi ra máng nước rửa mặt, rửa chân tay. Ông Mộc vội nước trong thùng ra tắm gội. Trước khi tắm, ông bỏ vào nước một nắm lá khô. Chỉ lúc sau, nắm lá nở bông và tỏa mùi thơm nồng nồng, hăng hăng như mùi cây hương nhu dưới xuôi, rất dễ chịu. Tắm xong, ông cất tiếng hú gọi bà Kín. Bà cời cánh tay treo nẹp

tạm bằng tre rồi trộn các thứ lá với cao đen nhánh như hạt na bỏ cho ông. Tay ông bây giờ chỉ quấn một lớp vải bọc dày, vẫn cử động nhẹ nhàng được.

— Ông đừng làm việc nặng nhé. Ba ngày là khỏi thôi.

Bà nói rồi cầm túi thuốc, tắt tưới ra cầu thang.

Ông già Mộc hỏi với theo :

— Lúc anh em trong phường thịt con cạp, bà có ở đấy chứ?

— Có — bà Kin trả lời.

— Bà có thấy họ đốt râu nó đi không?

— Có. Đốt râu trước, mỡ thịt sau.

Bà đáp lời rồi xuống thang nhanh thoăn thoắt.

Ông già Mộc gật đầu :

— Như thế là tốt rồi.

Ông nói cho riêng mình ông nghe. Rồi ông vào bếp, ngồi ăn xôi với chúng tôi. Lúc đó, trời đã trưa. Chúng tôi đang ăn dở bữa thì ông Rộc bước lên sân. Ông có vẻ mệt, nét mặt phờ phạc. Ông dựng cây sủng vào vách sân, lẳng lẳng lấy chiếc thau đồng, ra máng nước.

Ông Mộc bỏ dở bát xôi, tự tay lấy nước nóng trong thùng và lá thơm bỏ vào thau cho bạn. Ông Rộc rửa mặt, bỏ mũ lau mái tóc dóm bạc rồi mới rửa sạch chân tay. Xong ông thông thả vào ngồi bên cạnh Dũng còm.

— Chúng cháu mời ông ăn xôi a.

Tôi nói trước, Dũng và Loan nói sau.

— Ở, cứ ăn đi thôi.

Ông Rộc đáp lời. Gương mặt ông không linh hoạt như gương mặt ông già Mộc. Nó trầm mặc, u uẩn.

Ông Mộc mở tủ, lấy cao hồ, cắt ra hai lát, bỏ vào hai chiếc chén sứ hơ lên than cho nóng chảy rồi rót rượu trong chiếc hũ nhỏ vẫn để dành vào chén. Mùi rượu thơm lừng, nóng sực. Mới ngồi đã thấy say say như ăn nhiều rượu nếp ngày mồng năm tháng năm.

Ông già Mọc đưa chén rượu cho khách, nói:

— Uống để mừng ông. Nỗi đau không làm nhứt cái chí. Nỗi buồn không kéo chùng sợi gân tay người đi săn. Từ hôm nay trở đi, ngọn súng lại quay về rừng. Con cọp, con heo chết cho yên bụng người dân bản.

Ông Rộc không nói gì. Ông nâng chén rượu ngang mặt mình, ngửa cổ uống một hơi.

— Chén thứ nhất nhấp giọng để nói với nhau điều hay. Chén thứ hai mới làm nóng cái bụng.

Ông già Mọc vừa nói vừa rót cho mỗi người một chén rượu nữa. Uống xong, họ ăn xôi với thịt nướng. Loạn nấu thêm một bát canh tai chua với mấy con cá trê dầu to bằng bao diêm, thân dài nhỏ tí tẹo chúng tôi bắt được trong hốc suối từ mấy hôm trước. Canh có nhiều là thơm và ới nên hai ông già húp xúm xập, khen ngon.

— Ông ở với mấy đứa cháu, vui quá thôi — Ông Rộc nói.

— Ở, mấy đứa ngoan lắm. Nết chúng nó sáng như sao mà. — Ông Mọc gật đầu rồi hỏi: — Người nhà thằng bé bị cọp vồ có nói gì không?

Ông Rộc đáp:

— Tôi bảo cọp ăn hết xác rồi. Làm cái lễ ở cửa rừng cho nó thôi.

— Còn đứa hủ kia?

— Nó vác nửa cái xác thặng bé, dốc ngược lên cho máu chảy thấm xuống áo quần, xuống người. Nó tin rằng con trùng hủ sẽ ra ăn máu người chết, không còn ăn thịt da nó nữa... Ông có biết nó sống ở đâu không?...

Ông già Mọc nói:

— Hồi nó ở rừng trám đen, tôi biết. Sau dân bản đuổi chạy đi. Nhưng nó có đứa em họ vẫn thường đem đồ ăn, thức dùng vào cửa rừng cho.

Ông Rộc gật đầu:

— Tôi biết thằng đó. Nó thương anh nhưng xấu hổ không dám nhận. Cứ một tuần trắng một lần, nó đem gạo, muối, dầu thắp đèn và đồ vật vào bỏ trong núi... Ông có biết thằng anh nó ở đâu không? Nó ở cái hang dơi phía sau hang Khi Trắng. Hang Khi Trắng rộng, lại đẹp nên người bản đi làm nương thường ghé vào nghỉ. Thằng hủ sợ, bỏ lên hang dơi phía sau. Cái hang đó hẹp, tối, lại đầy phân dơi... ôi chao, ở đó không chết cũng là tài...

Tôi hỏi:

— Ông ơi, người hủ đó không có bố mẹ, anh em ruột hay sao?

Ông Rộc đáp:

— Hồi ông còn nhỏ, gia đình nó giàu lắm. Lúc đó nó mới một hai tuổi thôi. Bò đàn nhà nó vài ba trăm con. Lợn kín dưới sàn. Rồi năm hai mươi tuổi, nó bỗng phát bệnh. Bố mẹ thương đưa con một, bao nhiêu thầy thuốc cũng rước về chữa. Nhưng bệnh càng ngày càng nặng khiến dân bản hoảng sợ. Nhà nó tốn không biết bao nhiêu bạc trắng với đồ đồng cúng cho phía, tạo để khỏi bị đuổi vào rừng. Bố nó nhờ người mua từng xe ngựa thuốc lão dưới xuôi đem lên rải cho con nằm. Rồi có người mách cách chữa bằng bò sống. Con bò sống, mổ bụng ra, rút hết ruột, nhét người bệnh vào trong khâu kín lại, chỉ thò đầu ra ngoài để thở, để ăn uống. Con trùng hủ sẽ ra ăn thịt bò, không đục khoét thịt da người bệnh nữa. Cứ làm hết một trăm con bò sẽ lành. Bố mẹ thằng bé giết cả đàn bò gần ba trăm con mà nó vẫn không khỏi bệnh. Các ngón chân nó bắt đầu rụng từng đốt. Người bản sợ, không cho ở trong bản nữa. Gia đình nó phải vào rừng. Bố mẹ thằng bé ăn lá ngón chết. Còn nó sống lay lắt tới tận ngày nay... Ô, nó tới gần bốn chục tuổi rồi đấy, ông Mộc nhỉ?

— Ô, cũng khoảng đấy — ông già Mộc gật đầu.
Chúng tôi đã buông đũa buông bát từ lâu. Tôi nói với hai ông già:

— Dân bản đuổi người hủi vào rừng là sai. Họ đáng thương. Họ không có tội.

— Biết vậy, nhưng ai cũng sợ lây bệnh. Lúc ở trong rừng, cháu có dám nhìn vào mặt nó đâu — ông già Mộc bảo tôi.

— Vâng. Nhìn người bệnh, ta vẫn sợ. Nhưng bệnh của họ chữa được. Nước mình có nhiều trại tập trung những người mắc bệnh hủi. Ở trại, họ lành bệnh, lấy vợ lấy chồng, cũng sinh con, cũng trồng vườn hái quả và câu được cá tôm... Ông chưa đọc báo nói về chuyện ấy nên ông không biết thôi.

Hai ông già nhìn tôi bằng cặp mắt hồ nghi.

Tôi quả quyết nói:

— Cháu xin thề với hai ông là cháu nói thật. Các ông cứ bảo trưởng bản, bảo xã làm công văn gửi lên Ty y tế tỉnh, họ khắc cứ cán bộ xuống đưa những người hủi vào trong trại.

Ông Rộc chậm rãi nói:

— Nếu vậy thì tốt lành quá. Ở quả núi bên kia cũng có hai vợ chồng người hủi. Cả xã có tới bốn, năm người. Rồi cả huyện nữa. Họ ở trong rừng nhưng họ cũng ăn nước suối, rửa nước suối. Họ ở đầu nguồn, dân bản ở cuối nguồn, lây bệnh lúc nào không biết được. Cháu nói điều hay, lẽ phải đấy. Chiều nay, ta qua trường bản bản xem...

Ông Rộc quả là một con người hành động. Ngay chiều hôm đó, ông kéo ông Mộc tới nhà trưởng bản bàn việc luôn. Cán bộ xã và huyện nhiều việc, nhưng cũng đang lúng túng về vấn đề này. Cứ thỉnh thoảng lại có một đoàn dân bản tới đòi đuổi những người nghi mắc bệnh

vào rừng. Rồi những vụ đốt nhà người mắc bệnh những trận xô xát tàn nhẫn xảy ra. Xã làm công vẫn gửi lên Ty y tế tỉnh. Khoảng vài tuần lễ sau đã có công văn phúc đáp. Nhưng phải ba tháng nữa khi Tết Nguyên đán đã qua, khi tôi và Loan ở trên đồn biên phòng Khau Phai, mới có cán bộ y tế của tỉnh về các xã trong huyện, đưa những người mắc bệnh tới trại tập trung. Đầu sao, đó cũng là một kỷ niệm đẹp của chúng tôi với bản Muôn. Cũng như việc cùng ông già Mộc xây dựng chuồng nuôi bò tách biệt khỏi nhà ở của con người.

ĐƯỜNG LÊN BIÊN GIỚI VỚI CUỘC GẶP GỠ BẤT NGỜ

Gia đình gồm bốn người chúng tôi sống thật vui vẻ. Ông già Mộc coi chúng tôi như những đứa con. Chúng tôi thương yêu và quý trọng ông như người cha mình. Dũng còn là đứa thoải mái nhất trong cuộc sống ở bản Muôn. Từ khi ông Rộc trở lại nghề săn, nó theo riết ông ngày đêm. Lúc nó ở nhà, lúc nó qua bên kia núi tới thăm ông Rộc, thoăn thoắt như con thoi. Hình ảnh cai Gan, ông bố tồi tệ, hẳn đã phai mờ trong tâm hồn chú bé. Nó hòa nhập với cuộc sống nơi đây một cách lạ lùng, từ cách ăn mặc tới cách nhìn, điệu đi dáng đứng. Bây giờ khó ai có thể phân biệt nó với những đứa bé chính gốc ở bản này. Cả hai ông già đều quý Dũng. Nó đi săn say mê như một thợ phùng săn chính thức. Nó đi củi, làm nương cũng giỏi hơn bất cứ đứa trẻ nào trong bản. Đầu óc tinh khôn, tay chân khéo léo nên nó làm cọn nước, làm cối giã gạo, làm

Ông mang dẫn nước rất đẹp. Ông già Mộc mua một con ngựa hồng hai tuổi. Từ đấy, đi đâu, hai ông cháu thường cưỡi ngựa, trường oai phong lẫm liệt không kém gì những viên tướng trong Tam quốc chí. Loạn hạt mít cũng đã quen với cảnh sống êm ấm, bình lặng này. Tuy nhiên, nó vốn thụ động. Hễ tôi bảo gì, nó sẽ nghe theo như vậy. Còn tôi, dù biết ơn ông già Mộc và thương yêu ông thật sự, tôi vẫn không quên mục tiêu chuyến đi dài. Tôi vẫn nhớ bố tôi và nghĩ rằng nếu tôi có mặt trên cái đồn tiền tiêu phía bắc đó, hẳn bố tôi sẽ vui sướng vô cùng.

Một buổi tối, trời lạnh buốt vì đã hoàn toàn sang tiết đông, tôi nói với ông già Mộc:

— Ông ơi, cháu muốn lên đồn Khâu Phai thăm bố cháu. Bao giờ thì ông cho cháu đi?

— Ông biết cái bụng cháu rồi. — Ông già gật đầu, nhưng mắt ông lại buồn buồn nhìn ngọn lửa. — Thư của đứa cháu ông từ Nương Le vừa tới bốn tuần trước. Nó hẹn về ăn Tết. Ăn Tết xong, nó sẽ đưa cháu theo.

Tôi khẽ đáp:

— Cháu cảm ơn ông.

Tôi biết ông sẽ rất nhớ, rất buồn khi chúng tôi rời bản. Muốn ra đi. Lại là căn nhà sàn menh mông với bóng ông đơn độc lúc ra lúc vào, và ngọn lửa chấp chờn trong bếp lửa. Nhưng tôi không thể ở lại đây với ông mãi mãi. Tôi phải đi.

Tôi nói:

— Cháu không bao giờ quên ông. Sau này khôn lớn, cháu sẽ lại tìm về bản Muốn thăm ông.

Ông già Mộc gật đầu:

— Ông biết cháu là đứa trẻ ngoan. Một đứa con hiền thảo sẽ là kẻ thù chung với mọi người.

Tôi nhìn ông:

— Châu còn được ở đây với ông gần hai tháng nữa.

Ông già gật đầu:

— Ở, ông sẽ cho cháu đi chơi khắp dãy núi quanh thung lũng bản Muồn. Ông sẽ cho cháu xem hết các con suối ngắn suối dài ở vùng này...

Ông già đã giữ lời hứa. Cứ lần lượt, mỗi tuần một lần, ông cho tôi và Loan cưỡi ngựa đi chơi núi, từ ngọn núi phía đông cho tới ngọn núi phía tây. Bên trong dãy núi dài, có những thác nước nhỏ, đẹp không kém những thác nước chúng tôi thường nhìn thấy trong bưu ảnh. Ông hái cho chúng tôi những trái vả chín mẫm, bên trong mật đọng như thạch. Ông giảng cho chúng tôi biết cách tìm hướng đi trong rừng ban đêm và ban ngày, cách phân biệt những trái cây độc với trái cây lành ăn được. Ông chỉ cho tôi những loài hoa rực rỡ và những cây nằm nầu trông đẹp mắt nhưng đụng tới là bông rộp da tay, mù mắt, hoặc nấu ăn sẽ ngộ độc. Trời mùa đông vùng núi, ngày ngắn tẻo teo. Chẳng trách người ta vẫn bảo: Tháng mười chưa cười đã tối. Một tuần trắng qua như con ngựa hồng đi ngang thung lũng. Chả mấy chốc mọi nhà đã rậm rịch đón Tết Nguyên đán. Trên này, ít ai cùng ông Táo. Nhưng từ mười rằm, hai mươi trở đi, người bản đã vào núi hái lá dong kịt gánh về. Bản Muồn ở xa đường quốc lộ nên không ai hái lá dong bán. Những bản gần đường, người ta kiếm bạc trăm bạc nghìn mỗi dịp chuẩn bị Tết như thế này. Hồi ở vùng xuôi, tôi đã từng nhìn thấy những toa tàu xanh ngắt lá dong chạy về Hà Nội. Ở gia đình chúng tôi, Dũng còn hái một gánh lá dong lớn. Hôm sau, nó lại hái một gánh nhỏ cho ông Rộc. Nó biết gói bánh đòn theo kiểu người trong bản, nó cũng lại biết gói bánh vuông như ở dưới quê. Ông Mộc bảo Dũng ngày hai mươi bảy gói bánh

cho nhà, còn hai mươi tám sang gói cho ông Rộc. Chúng tôi chỉ có nhiệm vụ mang lá ra suối rửa, kỳ kỳ từng lá, lật hết mặt này tới mặt kia, không được để cho giáp đất. Lá càng sạch, bánh càng là. 8. Rữa lá xong phải về đồ xôi, rang bỏng rồi quét bánh dày. Việc thịt lợn đã có ông già rậm râu người trong bản lo. Ông ta gần như thợ làm thịt lợn cho dân bản. Nhà nào thịt lợn cũng gọi ông. Chưa xong nhà này, đã tất tả sang nhà khác. Hai mươi chín Tết, ông mới thịt lợn nhà. Nói là thịt vì ngày Tết, chứ sọt rơm của ông đã có tới dăm sáu chục cân rồi. Nhà nào cũng biếu ba bốn cân, gọi là để đền ơn ông làm giúp. Cả bản dồn lại, số thịt ấy bằng gần một con lợn tạ. Ở vùng núi, không giống như phố xá. Ngày Tết, trong làng bản vẫn cứ giống ngày thường. Không có các cửa hiệu chằng đèn dây, chằng vải đỏ quảng cáo hàng, không có người qua kẻ lại đông đúc. Họa chăng, chỉ có tiếng pháo nổ đi đùng ở từng nhà là gọi nhớ tới cảnh lũ trẻ trong phố đốt pháo chơi. Ngược lại, ở bản, nhà nào cũng trồng cây nêu, có treo đủ các thứ khánh và các hình thú vật cắt giấy. Dưới chân nêu vẽ vạch vôi trắng hình tròn. Gió đánh những chiếc khánh đồng, khánh bạc reo lan canh. Ngày Tết Nguyên đán, nhưng mọi nhà trong bản đều treo cờ. Ngoài ra, không có gì hơn. Hoạt động ngày Tết dồn tụ quanh bếp lửa. Người ta giã giò, gói bánh, rang bỏng, ngào mật, làm chè lam, ngũ vị... đều ở bếp. Những chảo gang, chảo đồng ngào ngạt mùi thơm. Người bản Muốn chỉ giỏi làm bỏng. Bỏng họ làm cầu kỳ hơn dưới xuôi. Thoạt tiên, phải hong gạo nếp lên cho vừa chín. Xối chín, tãi ra các nong phơi và sấy than cho khô. Từng hạt xôi ép dẹt lại, trong suốt. Lúc đó, bỏ vào chảo rang. Chảo gang lớn, than bên dưới phải tãi đều, đủ độ nóng cho những hạt xôi khô nở dầy từ từ tới hết

cổ. Rang bỏng xong, thắng đường ngào và ép thành khuôn. Làm bỏng kiểu này, bánh bỏng kết khuôn rất chắc, ăn vừa ngọt vừa dẻo, không nở, bồm bộp như cách làm bỏng dưới xuôi. Chè lam và ngũ vị thì cả bản phải nhờ vào tay ông già Mộc. Hai món này vốn do ông đưa từ dưới quê lên và dạy cho mọi người. Chè lam ông làm đầy đủ vị gừng, thảo quả, vừa ngọt, vừa béo, dai như cao su. Cầm miếng chè lam thật rắn, nhưng cắn lại dẻo. Để trong thùng nhỏ phủ bột hàng tháng không khô, không chảy. Ngũ vị ông làm cũng ngon hơn bất cứ hàng ngũ vị nào thường bán ở các chợ vùng xuôi ngày Tết. Tôi và Loan chỉ lo chạy lăng xăng, làm những việc ông sai vặt cũng đủ thở ra đằng tai. Hóa ra, lo một cái Tết cũng mệt thật. Hàng trăm thứ việc không tên cứ dề ra ùn ùn chỉ quanh chuyện làm đồ ăn, thờ cúng. Nhưng đó cũng là những giây phút vui nhất của một năm. Khi tất cả mọi việc đã xong, ông Mộc bưng mâm cơm đặt lên bàn thờ tổ. Rồi ông quay ra bếp bảo chúng tôi với nước nóng trong thùng tắm tất niên. Ông tắm gội, thay áo quần rồi lên thắp hương, khấn vái trước bàn thờ rất lâu. Dưới ánh đèn ba dây và ánh nến chập chờn, trông ông già nua, hiền lành và xa lạ với ông ngày thường. Nét mặt ông nghiêm trang quá khiến chúng tôi cũng hồi hộp theo. Tưởng chừng trong đám đèn nến lung linh kia, có những người khác biệt với chúng ta, từ cõi mộng lung nào đó trở về. Và ông già Mộc đang thăm thì trò chuyện với họ.

Tôi bỗng nhớ, hồi tôi còn bé tí teo, có lần ông tôi nói rằng: Ta có thể nhìn thấy những người âm (những người đã chết), có thể nghe thấy cả tiếng nói của họ, nếu ta được gói đầu lên một chiếc gối làm bằng lông quạ. Không phải lông quạ người đi săn bắn được, mà

là lòng những con qua già, chết âm thầm trong góc núi, dưới vực sâu, hoặc ở góc bãi tha ma hoang vắng nào đó... »

Lúc ấy, tôi ước chi có được chiếc gối lòng qua thần kỳ. Có nó, chắc tôi sẽ thấy được gương mặt người vợ và hai cô con gái xinh đẹp của ông già Mộc. Tôi sẽ được nghe tiếng chuyện trò thăm thi của họ với ông. Hẳn họ than phiền rằng từ khi bị giặc giết, họ nhớ hẳn, nhớ ông suốt đêm ngày, rằng dưới đất không có lửa sưởi nên rất lạnh, rằng họ muốn ông luôn luôn nhớ tới họ và khấn cầu sức mạnh linh thiêng nào đó cho họ được trở về...

Tiếng pháo nổ từng hồi làm cơn mơ màng của tôi bị cắt đứt. Ông Mộc đã vái ba mâm, bảo chúng tôi:

— Nào, các cháu, ta ăn bữa cơm giao thừa để đón năm mới. Năm nay, ông chúc các cháu mạnh khỏe, không con gió độc nào vật ngã, không con thú độc nào làm sây sát chân tay. Ai cũng vui, ai cũng đẹp như mảnh áo mới vậy.

Bữa cơm bắt đầu sau những lời chúc mừng của ông. Chúng tôi lúng túng, vì lần đầu tiên trong đời, chúng tôi được nhận những lời chúc mừng trịnh trọng đến thế.

Tôi nâng chén rượu lên, thay mặt cả ba đứa, chúc ông:

— Cháu chúc ông một mùa xuân mới, đẹp như hoa mạn trên núi, trong như nước suối qua rừng đồi. Chân tay ông cứng hơn đá lên, dẻo hơn rễ cây. Tất cả chúng cháu đều luôn luôn thương và nhớ ông cũng như người ông ruột thịt của mình.

Nói xong, mặt tôi nóng rực lên. Tôi không ngờ tôi lại nói được những ý nghĩ của mình trơn tru vậy. Dầu

sao, tôi cũng chỉ là một đứa bé. Ông già Mộc lặng đi vì cảm động, rồi ông gật đầu:

— Ông biết tấm lòng của cháu. Ông biết các cháu. Các cháu sẽ khôn lớn, sẽ trở thành những con người vững vàng như ngọn núi, không giống như cây cỏ leo ven đường, gió thổi đung dong ngã sang đông, gió thổi đung tây ngã sang tây... Nào, ông cháu ta uống chén rượu mừng năm mới...

Từ nhà này qua nhà khác, khắp bản Muốn pháo nổ rền vang. Ông già của chúng tôi cạn chén, rồi cầm mỗi lửa châm bánh pháo treo trước cửa. Ngay tức khắc, từng tràng súng liên thanh nổ, giòn giã vang rền.

Dũng cầm đầy tự hào nhìn ông già Mộc:

— Ông xem, pháo nhà ta nổ giòn, nổ to nhất bản. Ông già gật đầu:

— Ông biết, cháu giỏi lắm. Cháu sẽ là một người đàn ông khá đấy.

Dũng cảm sướng rơn vì lời khen đó. Chẳng là Dũng đã nhồi pháo giỏi hơn đám trai bản, mặc dù chính lũ trai bản truyền nghề cho cậu ta.

Dũng còn còn chứng tỏ là một người đàn ông thực thụ. Khi ăn cơm xong, nó xuống thang cửa sau lấy lên một cây đuốc dài quét nhựa trám.

— Ông à, ông cháu ta đã ăn xong bữa cơm đầu năm. Giờ cháu sang thăm ông Rộc kéo ông Rộc buồn:

Ông già Mộc gật đầu:

— Cháu nghĩ thế cũng trúng bụng ông. Không nghĩ được điều đó, cháu là kẻ lạ. Nghĩ được điều đó, cháu đúng là cháu ông già Mộc này.

Nói xong, ông đưa Dũng cầm ra cửa, tự tay châm đuốc cho nó. Trời đêm mịt mùng thăm thẳm. Chỉ có ngọn đuốc của Dũng cầm là điểm sáng duy nhất giữa màn đen mênh mông. Chúng tôi đứng nhìn theo ngọn

lửa lay động giữa thung sâu, bắt lửa mờ lên những bóng dáng thấp, trùng của rừng núi. Cho tôi khi đóm lửa nhỏ mất hút, ba ông cháu mới quay vào.

Ông già Mộc bảo chúng tôi đi ngủ.

Ông không buồn ngủ, ông sẽ ngồi canh nồi bánh mật. Bánh chưng, bánh đòn đã vớt ra rồi. Ông lại gói thêm nồi bánh mật. Tôi hỏi vì sao đã có rất nhiều bánh dày vớt bông, chè lam, ngũ vị, ông còn gói thêm bánh mật cho lãng phí. Ông chỉ cười:

— Khắc có việc cần, cháu à.

Bây giờ, ông ngồi canh nồi bánh sôi lục ục. Còn chúng tôi chui vào trong chăn. Trời càng về khuya càng rét. Loan ngủ ngay. Riêng tôi, tôi thao thức vì chưa thấy người chân của ông Mộc về. Ban ngày, tôi cố gắng không hỏi tôi chuyện đó để ông Mộc khỏi buồn. Tôi sợ ông nghĩ rằng tôi muốn mau mau từ biệt ông. Tuy nhiên, tối đến, khi chui vào trong chăn, tôi lại nóng ruột vì mong ngày được ra đi. Càng gần Tết, nỗi mong càng da diết. Càng gần Tết, tôi càng nhớ bố tôi. Tất nhiên, tôi nhớ cả mẹ tôi nữa. Nhưng mẹ tôi ở dưới phố. Mẹ sẽ không buồn như bố ở trên vùng cao. Những tháng ngày sống ở nơi đây đã khiến tôi hình dung được lẽ mờ cuộc sống của những người lính biên phòng.

Cũng rừng, cũng núi, cũng các bản như ở đây... — tôi nghĩ. Nhưng không đẹp không vui bằng ở đây vì núi vùng đó hiểm trở lắm. Mà còn khổ vì thiếu nước. Anh chiến sĩ đồn Nường Le cháu ông già Mộc đã chẳng viết rằng phải khiêng nước từ dưới vực lên đỉnh núi cao, chia nhau từng ca, vừa đánh răng vừa rửa mặt đó hay sao?... Rồi ở đó, làm gì có bếp lửa ấm áp suốt năm như nơi đây, làm gì có những chiếc chảo gang, chảo đồng bắc lên mùi thơm ngào ngạt của bông nếp, chè lam, ngũ vị... Nhiều lắm, anh nuôi sẽ chỉ gói cho

mỗi người một hai đòn bánh, trong khi ở đây tôi được ngũ trong nệm ấm, ăn đủ thứ ngon, từ bánh trái tới thịt nấu nếm hương, măng khô, mộc nhĩ... Cũng giò chả, cũng nem rán... không khác gì một cái Tết no đủ vùng quê. Tôi bỗng nhớ những dịp bố về phép, mỗi lần bố ôm tôi, tôi lại đẩy ra vì áo quần bố có mùi lá lả, tay bố vàng khè khỏi thuốc lá... Tôi cứ bảo đó là mùi rừng...

— Ôi, tại sao mình lại vô tình và trẻ con như vậy?...

Tôi ăn hận mãi. Nghĩ liên miên, tôi bỗng thấy ướt lạnh nơi khoe mắt. Tôi vội vã vùi đầu vào gối, nhắm mắt lại. Nhưng giấc ngủ không tới. Tiếng pháo vẫn cứ nổ đi đẹt khắp bản. Các dãy núi bao quanh thung lũng nhai lại âm vang đỏ. Ngoài bếp, lửa than tí tách bắn lên. Bỗng ông già Mộc vẫn ngồi nghiêm trang như pho tượng đá. Tôi bỗng đứng nhớ bố Thế, người thầy thân yêu của tôi. Rồi tôi lại nhớ tới những dãy chai lọ trong phòng thí nghiệm, những chiếc bình cổ cong, các loại kính hiển vi mà chúng tôi đã từng soi vi trùng trong nước cũng như phóng đại một cái chân ruồi. Biết bao lần, bố Thế cho tôi điều khiển nhóm chuyên hóa, làm các phản ứng hóa học trong phòng thí nghiệm. Nước rau xanh biến thành màu quý tím, chất muối kết tủa dưới các dây lọ, kèm theo làn khói trắng khét lẹt bay lên... Tôi hình dung hàng phượng vĩ dọc đường tôi trường, những gương mặt bạn bè nhảy múa như trong trò ảo thuật. Bàn tay nổi gân xanh của mẹ tôi đang dây que đan. Món chè đường với xôi vò là món cổ truyền mẹ luôn luôn lấy lòng tôi mỗi lần tôi ốm:

— Ăn đi con. Ngày trước cụ ngoại chỉ ăn chè đường xôi vò quanh năm mà khỏe đến chín mươi hai tuổi mới mất...

Thị trấn thân yêu của tôi. Những đường quen, những vườn cây quen thuộc, từng chiếc ghế, từng bụi cỏ. Mảnh

hồ đầy rêu quanh ngôi thành cổ. Vương lựa bay phấp phới trên cây cột trước cửa chợ... Những kỷ niệm... Những kỷ niệm chồng chất lên nhau, dồn nén, xò ép. Tôi thấy tức thở. Tôi lau nước mắt, âm thầm ghìm nén những cơn nức nở trong họng. Nhưng có lẽ ông già Mộc cũng đã nghe thấy tiếng thút thít của tôi. Tôi thấy ông đưa tay lên cào mái tóc. Rồi ông đứng dậy, khẽ thở dài. Ông đi tìm que hương để thắp...

Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, cả nhà đã ngồi đầy đủ quanh mâm cơm chờ tôi. Dững cơm vừa từ nhà ông Rộc trở về. Nó bảo với tôi rằng nó ngồi nói chuyện với ông Rộc suốt đêm, không hề ngả lưng chợp mắt một phút. Điều đó đáng kinh nể thật. Tôi nghĩ bụng: «Trông cơm nhom như vậy mà nó thực đáng là đàn ông».

Tôi rửa mặt, chải tóc xong, mọi người cầm đĩa bát. Hôm nay, Loan bóc bánh mật vừa vớt khỏi nồi. Bánh còn nóng hôi. Ông Mộc bảo :

— Phải để se se đã, ăn nguội mới ngon.

Nhưng chúng tôi không đưa nào đợi cho nguội mà vừa rạo nước đã ăn ngay. Dẫu ăn nóng, bánh cũng rất ngon. Bánh mật giống như bánh nếp, bánh dợm dưới xuôi. Nhân đồ xanh giã nhỏ ngào đường, có thêm dừa hoặc vùng, hoặc thịt nạc tùy thích. Vỏ bằng bột nếp. Nhưng gọi là bánh mật vì vỏ nếp cũng trộn mật. Do đó, luộc phải kỹ và rắc ít hàn the cho giòn. Bánh mật vớt ráo nước, cứ treo lên vách nhà nơi gió lùa là để được rất lâu. Vùng núi trời lạnh nên đường không lên men chua. Ngược lại, gió thổi se khiến vỏ bánh càng dẻo dai và bánh thêm ngọt. Cũng giống như chè đậu dũi, khi để nguội, bốc hơi đi bao giờ cũng ngọt hơn chè nóng mới múc.

Ăn xong, ông Mộc dắt cả ba chúng tôi đi chúc Tết khắp bản. Vào nhà nào cũng từng ấy thứ bánh, thứ chè bày

ra. Vào nhà nào cũng phải ăn một ít nên chiều về bụng cứ ngang phè. Dững còm nằm vật ra giường kêu :

— Tối nay cháu không thể ăn thêm một tí gì nữa. ^ỜĐừng nấu cơm, ông ạ.

Ông Mộc bảo :

— Phải nấu cơm cúng chớ. Ngày mồng một mà.

Tôi không chú ý tới mọi việc vì tôi chỉ mong ngóng người cháu ông già Mộc trở về. Hễ cứ có tiếng chân bước ngoài cửa thang, tôi lại chạy tọt ra xem. Nhưng buồn thay, toàn là dân bản sang chúc Tết.

Sáng mồng hai, có bước chân rất lạ. Lòng khắp khởi, tôi đã tưởng anh chiến sĩ biên phòng. Nhưng hóa ra, đó là người dân ông thấp bé bần thủ mấy tháng trước đã lay van xin ông già Mộc nấu cho ít cao ngựa bạch. Ngày Tết, ông ta vẫn mặc chiếc áo bông cũ kỹ. Cổ quấn chiếc khăn bông to, cầu ghét. Ông ta đi giày vải đã rách lòi ngón chân. Trông ông ta tiêu tụy, thâm hai giữa đám dân bản áo chàm, áo trắng, áo hoa đào mới, mặt tươi tắn vì rượu Tết và men trầu. Ông ta bước vào cửa :

— Năm sớm, chúc ông ăn nên làm ra, phát tài bằng ba bằng bốn năm ngoài.

Ông già Mộc đứng lên đáp lời :

— Không dám, xin cảm ơn ông. Mời ông vào nhà uống rượu dần xuân.

Rồi ông quay vào, bảo chúng tôi dọn mâm cơm cúng xong :

— Đầu năm, tôi cũng chúc ông điều lành vào nhà, điều dữ đi ra, con người đồ da, sáng bụng.

Người khách chấp hai tay, vái dài trước bàn thờ rồi quay lại :

— Xin đa tạ ông ạ... Tôi biết ơn ông nhiều... Tôi biết ơn ông cả đời...

Người dân ông chọn đúng dịp Tết mà tới là rất khôn ngoan. Ngày Tết, thù hằn cũ xóa bỏ, bụng dạ sáng như gương dễ mang điều may mắn tốt về cho năm mới. Đầu là kẻ xấu xa nhất, ngày Tết đã tới nhà, đã vái trước bàn thờ gia tộc, đã chúc lời đầu xuân thì được coi là khách và được đối xử rất trân trọng, nhiệt thành. Ông già Mộc đãi cơm rượu ông ta hai ngày liền. Sáng mồng bốn, khi ông ta đi, ông cho không ba lạng cao ngựa bạch. Người khách cảm ơn tiền bị từ chối nhét vào trong túi áo ngực, đầu cúi xuống, miệng lắp bắp lời cảm tạ. Trông ông ta rõ ra một kẻ hèn đang sung sướng.

Chiều mồng bốn, cháu ông già Mộc mới về.

— Chào anh, em mong anh mãi... Em mong anh từ trước Tết cơ...

Tôi chưa cần ông già giới thiệu tên họ, đã nắm tay anh kéo vào. Người chiến sĩ trẻ măng cũng không tỏ vẻ ngạc nhiên, rút trong túi áo phong thư:

— Em có thư của bố gửi đây này. Nó bị ướt một góc vì anh gặp cây cầu gãy, phải bơi qua suối Nường Le.

Tôi lúc đó, ông Mộc mới nói:

— Đây là em Bé, chú đã viết thư cho cháu biết rồi. Còn đây là anh Khiết, họ đổi đóng ở Nường Le. Em Bé có ý đợi cháu từ trong Tết. Chú biết nó mong lên biên giới gặp bố lắm rồi... Được thư của cháu đã lâu, sao giờ mới về tới bản?

Anh Khiết đặt ba lô xuống sàn:

— Mùa lũ vừa rồi gãy mấy cây cầu mà giao thông tỉnh chưa chữa được. Cháu phải bơi qua, vất vả quá. Xe lại hỏng, phải nằm chờ ở bến ba hôm.

Ông Mộc bảo:

— Giờ đi rửa mặt, nghỉ ngơi rồi ăn cơm đã.

Nhưng anh lắc đầu :

— Châu được nghỉ tới mồng tám thôi. Chú cho cháu về nhà kéo bố mẹ cháu mong. Ruột cháu nóng như lửa đốt rồi.

Tôi hỏi :

— Thế nhà anh ở đâu?

Anh chỉ :

— Ở bản Khuôn, cách đây hai trái núi.

Ông Mộc gật đầu :

— Thôi được, cho mày về, cầm bánh vừa đi vừa ăn vậy. Ngày mồng tám qua đây đón em Bê cùng đi, nhớ đấy.

Anh chiến sĩ gật đầu :

— Cháu nhớ rồi. Thủ trưởng đồn Khẩu Phai cũng đã dặn ba bốn lời là đón em Bê lên.

Ông già Mộc buộc một chùm vừa bánh đòn, vừa bánh chưng, lại vừa bánh mật vào ba lọ anh Khiết.

— Cháu đói ghê, chú à...

Anh nói một cách hồn nhiên, chào chúng tôi rồi xuống cầu thang. Vừa đi, anh vừa bóc bánh ăn một cách ngon lành.

Chúng tôi nhìn theo anh. Sau, Dũng còn nói :

— Bê sướng nhé, sắp được gặp bố rồi.

Tôi lặng im. Tôi đang sung sướng thật. Nhưng cùng với niềm sung sướng ấy, tôi lại băn khoăn vì những người ở lại. Loạn tất nhiên sẽ đi cùng với tôi. Còn Dũng còn, liệu bao giờ ông cậu bắt nó quay về cửa hàng phở ở bản Nội? Rồi quãng đời cô đơn ở cái góc bản ngập ngụa phân trâu bò và phân ngựa, với ông cậu, bà mẹ lạnh lùng đó, Dũng còn sẽ ra sao?... Và ông già Mộc, khi chúng tôi đi hết, ông sẽ buồn tới bao giờ mới vui? Sẽ có những ngày mưa dầm, sẽ có những đêm gió núi lạnh lẽo hú quanh chân thang. Ông ngồi một mình bên bếp lửa, trong ngôi nhà mệnh mồng này

Khi ông ốm, ai sẽ nấu cho ông nồi cháo? Ai sẽ lên nương đào sắn cho lợn ăn khi từng đàn lợn mẹ lợn con đói kêu rít dưới chuồng? Ai sẽ mở giồng cho đàn bò vào rừng buổi sớm và soát lại các chốt cái buổi chiều khi chúng đã no nê trở về, nằm nhai lại cỏ. Rồi ai sẽ múc nước nóng vào thau đồng cho ông rửa mặt, bắc lại cái máng nước khi một con chồn hay một con mang đi ăn đêm đập ra ngoài nguồn suối?... Ông già Mộc quay lưng đi vào bếp. Đoán được những ý nghĩ của tôi, ông bảo:

— Cháu cứ đi... Cháu đừng lo cho ông. Trước đến nay ông đã sống ở đây quen rồi...

Tôi không nói, nhưng nghĩ: Đành rằng ông đã quen. Nhưng mỗi tuổi một già. Lúc đó con người sẽ yếu chân tay, sẽ mềm lòng. Lúc đó, cảnh cô đơn sẽ đáng sợ hơn là khi người ta còn cứng cáp, vững vàng...

Loan biết những điều tôi nghĩ. Nó cũng ngồi im, mặt buồn rười. Tôi quay sang hỏi Dũng còm:

— Bao giờ thì cậu quay lại bản Nội? Hay cậu về thị trấn luôn?

Dũng ngược mặt lên. Gương mặt nó trang trọng, khắc khổ như gương mặt một ông già. Nó bảo tôi:

— Đẳng ấy cứ yên tâm đi đi. Đừng lo cho tớ. Cũng đừng lo cho ông Mộc. Tớ không về bản Nội nữa đâu. Tớ cũng không về ở với ông cai Cán làm gì. Ông ấy quý mấy chiếc vòng vàng hơn tớ... — Nó ngừng lại nuốt nước bọt rồi nói tiếp: — Tớ sẽ ở đây. Hai người buồn cộng lại thành một cái nhà vui.

Đang ngồi trong bếp, ông già Mộc quay ra nhìn Dũng còm. Đôi mắt già nua của ông chớp chớp. Chứng như ông ngạc nhiên và cảm động quá. Tôi cũng vậy. Tôi nắm chặt tay Dũng còm:

— Đẳng ấy thật là tốt... Đẳng ấy ở đây, tớ yên tâm đi được...

Dũng còm cười:

— Con nai chọn cánh rừng nhiều lá ngon nhất để sống. Con người cũng chọn mái nhà nào êm ru nhất với mình... — nó nói vì von hình ảnh, như một người đàn ông vùng núi thực thụ.

Ông già Mọc đi từ bếp lửa ra, lặng lẽ ôm thẳng bé trong đôi tay cứng cáp. Bằng cử chỉ của ông, tất cả chúng tôi đều cảm động và vui sướng. Tất cả chúng tôi đều bằng lòng với cuộc sống của mình.

Tôi bảo Dũng:

— Cậu đã gần như một người dân bản Muốn rồi. Nhưng chúng tôi vẫn yêu cậu như yêu thằng Dũng còm nhút nhát hay khóc nhè của thị trấn quê hương.

Dũng đáp:

— Tôi mình không quên nhau được đâu. Tôi không muốn về dưới ấy khi chưa đủ tiền xây mộ cho mẹ tôi. Còn các cậu, các cậu nhớ luôn luôn lên đây. Lúc đó, tôi đã có thể nướng thịt nai chính tay tôi bán cho các cậu ăn.

Chúng tôi ngoéo tay nhau. Giây phút đó đẹp để vô cùng.

Tôi đọc đi đọc lại lá thư ngắn ngủi, nhờ nước của bố tôi trong những ngày chờ đợi. Bố đã nhận được thư mẹ, biết rõ mọi chuyện ở nhà. Bố không trách móc nhiều mà chỉ lo cho tôi trên đường từ nhà lên biên giới. Khi được anh Khiết sang báo tin, bố đã mừng tôi chảy nước mắt. Cả các chiến sĩ trong đồn Khẩu Phai cũng vậy. Mọi người tưởng chúng tôi bị bắt cóc hoặc mắc tai nạn gì đó trong khoảng thời gian lâu biệt biệt đó. Bố đã viết thư đi các nơi, nhờ các đồn công an dọc đường tìm tôi... Ôi, mọi chuyện cuối cùng rồi cũng tốt đẹp cả... Tôi nghĩ, và tưởng tượng tôi ngon núi cheo leo có cái tên Khẩu Phai, nơi giờ đây bố tôi đang mong chờ tôi từng giây, từng phút.

Ngày mồng tám, chúng tôi dậy từ bốn giờ sáng. Nhờ chiếc đồng hồ báo thức cũ kỹ có cỗ xe ngựa kéo nặng Bạch Tuyết và bảy chú lùn ông Mộc mua từ thời Pháp mà chúng tôi mới can đảm gat được tấm chăn ấm áp sang một bên. Cái đồng hồ tuy cũ kỹ, tróc hết nước mạ nhưng chuông reo cứ lạnh lạnh từng hồi, không chịu thua cơn buồn ngủ của chúng tôi. Ông già Mộc bảo Dũng còm nấu cơm, nấu canh măng với chân giò lợn ăn cho mát ruột.

— Buổi Sớm ăn cơm tẻ cho no. Suốt ngày đường chỉ được ăn bánh thối đấy.

Ông bảo vậy. Tôi với Loan thu xếp áo quần, đồ vật. Áo bông mặc vào người rồi. Mỗi đứa còn những ba bộ áo quần nữa, không kể bộ quần áo hoa mới tinh ông Mộc mua cho chúng tôi mặc Tết. Vì thế, cái túi cũ kỹ của chúng tôi trở nên chật hẹp. Ông già bảo:

— Cái túi đó đựng bánh ăn đường. Quần áo cho vào lủ.

Ông mở tủ, lấy ra một chiếc lán mây tròn, cao, đã cũ lắm nhưng còn chắc chắn. Những sợi mây đan nhân bông, màu vàng ám khói. Lán có nắp và có cả quai đeo. Ông bảo chúng tôi xếp áo quần vào đó. Rồi ông đưa cho tôi một xếp tiền:

— Ông đưa cho cháu năm trăm để đi đường phòng thân. Tiền vé xe ông sẽ đưa riêng cho thằng Khiết. Cháu chỉ dùng tới món tiền này khi nào đường đi gặp ghềnh, trắc trở...

Tôi nói:

— Không. Cháu không cần nhiều tiền như vậy. Đã có anh Khiết lo rồi mà.

Ông già Mộc lắc đầu :

— Ông nói, cháu phải nghe. Lần trước, cháu đã gặp chuyện không may rồi. Đừng để chuyện không may tới hai lần, cháu biết không...

Ông cất tiền cẩn thận vào túi trong của chiếc áo bông tôi đang mặc. Ông còn gài thêm cái ghim bằng nữa, cẩn thận như một người mẹ già. Tôi không dám cảm ơn ông. Vì mọi lời lẽ lúc này đều nhạt nhẽo và vô lý. Tôi cứ lẳng lặng làm theo ông bảo. Sắp xếp mọi thứ xong xuôi. Chúng tôi đi ăn cơm.

Trời lạnh buốt nên ông già Mộc bảo ăn gần bếp cho ấm. Chúng tôi vừa ăn xong, chưa kịp uống nước đã thấy ánh đèn pin quét loang loáng trước sân :

— Chú à, chú dậy chưa?... Em Bé đã sửa soạn xong chưa?...

Anh Khiết vừa lên cầu thang vừa hỏi. Tôi mở cửa, anh bước vào cởi mũ biên phòng, hơi thở phả trắng như sương muối.

— Sao, cả nhà ăn cơm rồi chứ?...

Ông Mộc đáp :

— Ăn rồi. May đi từ nửa đêm hay sao?

Anh Khiết nói :

— Cháu ăn cơm tối qua rồi ngồi uống rượu với bố mẹ cháu tới nửa đêm. Gà gáy lần thứ nhất, ăn bữa nữa tiếp rồi đi luôn, không ngủ.

Gương mặt tròn đỏ ửng của anh chứng tỏ anh chẳng hề mệt mỏi chút nào. Anh nhìn chúng tôi hỏi :

— Đồ đạc, áo quần gói ghém xong rồi chứ?... Không phải mang thức ăn đi đâu. Anh nhiều bánh đon lắm rồi.

Ông Mộc bảo :

— Phần cháu, cháu cứ mang lên cho anh em trên Nường La. Tao lo đủ cho hai đứa cháu này rồi.

Tôi nói:

— Em và bạn Loan sẽ cùng đi với anh đấy.

Anh Khiết cười to:

— Thế gặp hồ thì làm sao cõng cả hai em mà chạy được?...

Ông già Mộc cũng cười:

— Cháu Bé gan to lắm. Còn cháu Loan hay sợ. Đừng có dọa bậy bạ...

Hai cánh cửa mở toang khiến hơi sương lạnh tràn vào nhà. Tôi rung mình. Nhưng niềm vui sướng trước lúc lên đường khiến tôi đủ can đảm để nhìn vào khoảng không tối đen trước mặt. Anh Khiết hỏi:

— Đi tối không sợ chứ?

Tôi lắc đầu, đeo túi áo quần lên vai rồi quay vào nhìn ông già Mộc:

— Cháu đi đây... Cháu chào ông. Rồi bao giờ...

Tôi định nói rằng rồi bao giờ có dịp, tôi sẽ trở lại đây, sống với ông một thời gian ở bản Muồn, ở cái thung lũng bây giờ đã trở thành thân thương với mình... Nhưng tôi không nói được hết câu. Nước mắt bỗng dưng trào ra, lăn rất nhanh qua gò má rồi đọng lại nóng và mặn trên môi.

Loan cũng đỏ hoe mắt, nói lý nhí:

— Cháu chào ông ạ.

Ông già Mộc cúi xuống, nói khẽ khàng:

— Ờ, hai cháu đi đi... Rồi bao giờ lại trở về bản Muồn thăm ông... Ông không đưa tiễn các cháu đâu. Ông đi bây giờ, đường đi thì gần, thì nhẹ bước, mà đường về vừa xa, vừa nặng chân... Các cháu hiểu bụng ông chứ?... Các cháu lên đường cho may mắn...

Ông quay vào bếp.

Tôi nhìn cái bóng cao gầy của ông nhoe đi trong vòng sáng của ngọn lửa. Gió từ ngoài thung lũng lửa vào, đập cái cánh cửa cách một tiếng thật mạnh. Anh Khiết bảo chúng tôi:

— Chào bạn trai rồi đi.

Dững còm lắc đầu:

— Không. Em sẽ đưa tiễn Bé và Loan qua dãy núi trước nhà.

Anh Khiết thử lại công-tắc chiếc đèn cầm trong tay, chào thật to:

— Cháu đi đây, chú à.

Ông già đáp rất khẽ:

— Ờ. Đi cho cứng chân cứng tay nhé.

Dững còm khép cánh cửa lại. Rồi chúng tôi theo anh Khiết xuống cầu thang. Đường qua bản đen như mực. Nhờ ánh đèn quét loang loáng, chúng tôi mới nhận ra lối. Anh Khiết đi trước. Loan nhút nhát nên đòi bám ngay sau lưng anh. Tôi đi sau lưng Loan. Dững còm sau rốt. Đoàn chúng tôi như đang chơi trò rồng rắn, người nọ nắm áo lưng người kia bước. Đôi khi, một con rắn lao vút qua chân chúng tôi. Dầu đã có thuốc trị rắn cắn ông Mộc cho đem theo, chúng tôi vẫn cứ lạnh toát cả người. Anh khiết bảo:

— Loài rắn trên cây dữ hơn loài rắn bò dưới đất. Đừng sợ, cứ đi đi. Anh có thuốc chữa rắn cắn trong túi rồi.

Rồi anh pha trò:

— Rắn cắn các em, anh cũng được ngay. Còn rắn cắn anh, chắc các em phải treo anh lên đòn khiêng như thợ săn treo con gấu bị bắn, đúng không?

Chúng tôi cười câu ví của anh. Anh là người Nùng, cháu gọi vợ ông già Mộc là dì ruột, nhưng anh xuống vùng xuôi từ bé nên còn lém lỉnh hơn nhiều chiến sĩ

người Kinh. Suốt đường đi, anh luôn luôn pha trò, trêu cợt hoặc kể chuyện tiêu lâm để chúng tôi quên mệt.

Vượt qua dãy núi bia thung lũng, trời dần rạng sáng. Đã nhìn rõ hình những cum gai ven đường, những gốc đại thụ xòe tán im lặng như người khổng lồ giữa trời sương. Các ngọn đèn thấp thoáng hiện ra khi làn mây nặng trĩu trời xuống khe và lớp sương vẩy phủ loăng bét.

Tôi bảo Dũng còm:

— Đẳng ấy về đi kẻo đường xa lắm rồi.

Anh Kiệt cũng nói thêm:

— Đi đông người nói chuyện vui chứ quay về một mình đường vắng, buồn lắm đấy anh chàng a. Mà phải đến mười hai cây số chứ không ít đâu.

— Vâng.

Dũng đáp. Nhưng chân nó vẫn bước theo chúng tôi. Tôi khi ánh lên mình hẵng lên nơi chân trời phía đông, những ngọn cây đã phôi màu xanh dưới ánh sáng, Dũng mới dừng lại:

— Các đấng ấy đi mạnh khỏe nhé. Nhớ viết thư về cho tớ.

Chúng tôi ôm lấy nhau. Giả ở dưới phố, chúng tôi đã chẳng dám làm thế vì sợ tui bạn chế nhạo. Nhưng ở đây, tự dưng chúng tôi đều xô đến, cả tôi và Loan ôm chặt Dũng còm. Dũng còm cũng ôm lấy chúng tôi hồi lâu. Rồi tôi nói:

— Chúng tớ đi nhé.

— Ừ, đi...

Đứa nào đứa nấy đều bước vội vã. Tuy nhiên, đi được một đoạn, tôi và Loan cũng ngoái lại nhìn Dũng. Cũng đúng lúc đó Dũng còm quay nhìn chúng tôi. Ba đứa giơ tay vẫy chào nhau lần cuối, bịn rịn mãi không

nở dụt. Khi Dũng còm đã tụt xuống dưới chân đèo, trông chỉ bằng cái bắp ngô, nó còn ngoái cổ lên nhìn chúng tôi. Chắc hẳn nó chỉ thấy những đám cây xanh rì trên đỉnh đèo che khuất. Rồi cả tôi và Loan cũng không nhìn thấy cái bóng loắt choắt của Dũng nữa. Chúng tôi đang tụt xuống bên này núi. Trước mặt chúng tôi là một dòng suối đang róc rách chảy qua lối mòn.

— Tạm biệt nhé, bạn thân mến. Nếu không có những ngày ở bản Muối, chúng ta chẳng bao giờ hiểu nhau và thương nhau đến thế... Sau này, dù tôi đi đến phương trời nào, tôi cũng sẽ không quên bạn và sẽ không quên ngày về bản Muối...

Tôi thầm thì nói với mình như vậy. Không hiểu sao, tôi vẫn tin rằng tôi sẽ còn đi rất nhiều, đi rất xa. Tôi sẽ phải đi tới cái đỉnh núi ước vọng của mình.

— Nào, lên đường.

Tôi tự hạ lệnh. Xốc chiếc lư đeo trên vai, tôi bước dần lên theo anh Khiết. Phương đông, bình minh đã thay cho ánh lè mình xanh nhạt. Bình minh của vùng núi cao, lại vào tiết đầu xuân, không rực rỡ như những bình minh ta thường nghe tả trong sách. Đó là một bình minh êm ả, trắng mềm như sữa đọng, dịu dàng như có ngàn ngàn đàn cừ trắng toát từ những thảo nguyên mơ mộng lửng lơ đi qua bầu trời, lửng lơ gieo vào tâm hồn ta một thứ ánh sáng êm dịu màu bạc trắng và khiến ta cảm thấy trái tim mình trong trẻo, thanh khiết vô cùng trước thứ ánh sáng đó.

Đường từ bản Muối lên biên giới không có gì cần ghi lại. Vì không có sự kiện nào khiến chúng tôi phải vui sướng hay đau khổ, lo âu hoặc hãi hùng. Đã có anh Khiết, người đưa đường, chúng tôi vững tâm bước. Tôi đau đói, chúng tôi ngả các thứ bánh trái ra ăn. Ông già Mộc cần thận đem cả bánh chưng, bánh đòn, bánh

mai, chẻ lam, ngũ vị cho vào túi. Lại có cả một cái giò nguyên và cả một con gà luộc với gói muối. Đặc biệt, có rất nhiều bánh dày đã sấy khô. Tôi ngạc nhiên vì ngày Tết, ông cho chúng tôi bánh dày khô làm gì?...

Anh Khiết bảo:

— Ông già đã làm gì đều có lý cả. Bánh dày khô là thứ bánh ta sẽ ăn sau cùng. Để hàng tháng nữa cũng không mốc.

Chúng tôi tới phố Lạng vào lúc xế chiều. Ở bến xe lên Cao Bằng, vô số người ngồi đợi xe như chúng tôi. Họ bảo ít nhất cũng phải chờ ba ngày nữa. Chúng tôi phải chờ đúng ba ngày thật. Đám khách đợi xe làm quen với nhau rất nhanh, chuyện râm ran từ sáng tới tối. Ban đêm, vì không đủ quần trọ, chúng tôi ngồi với bộ đội, công nhân địa chất ở chân một ngọn lèn gần đó. Có hang rộng, chúng tôi đốt củi sưởi. Rồi người nọ tựa lưng người kia ngủ. Tốp này ngủ, tốp kia thức canh. Anh Khiết thật nhanh nhẹn. Anh kiểm được rất nhiều lá khô, rải thành một lớp dày, rồi trải ni-lông bên trên cho chúng tôi nằm. Anh mang chiếc võng làm chần đắp cho hai đứa. Khi chúng tôi ngủ, anh thức canh cho lửa khỏi tắt và đuổi những con muỗi dơi trong hang lằng vằng bay tới tìm hơi người. Chúng tôi cũng đã lớn khôn hơn dạo mới tới đây lần đầu nên quen dần với việc ngủ đêm ngoài trời, không còn bị những nỗi sợ hãi, những cơn mê ám ảnh như đêm ngồi ngủ với anh Cao trước đây. Chẳng tôi có ghé vào cửa hàng cô Mùi. Cô đang đông khách nên chào hỏi thờ ơ. Chúng tôi cũng nói với cô mấy câu qua quýt rồi đi. Trong ba ngày chờ xe đó, tôi đã tìm mua được một vài gói kẹo bạc hà, ô mai cam thảo, kẹo hồng, kẹo nu-ga là mấy thứ bố tôi thích. Lần nào bố về phép, mẹ tôi cũng tìm mua mấy thứ đó cho bố đem đi. Nghe người ta nói trên biên giới rét lắm, nên tôi

mua cho bố một chiếc khăn len dày, hai đôi găng tay len. Còn tôi và Loan thì mua mỗi đứa một chiếc khăn len kẻ ô vuông và hai đôi bít tất. Tôi cũng sắm thêm ít kim chỉ, khuy áo phông có khi cần tới, nhất là loại khuy lớn, đính áo của bộ đôi biên phông. Anh Khiết thấy chúng tôi sắm sửa như vậy, khen ngợi ghê lắm. Anh bảo, trên đó, một đứa bé như tôi hoặc Loan lên thì cả đồn mừng vui.

— Huống chi có những hai đứa — anh nói. — Phải thật lợn ăn mừng đấy.

Ngày thứ ba, chúng tôi mua được vé, lên xe đi Cao Bằng. Trên chuyến xe đó, ngờ đâu lại xảy ra một cuộc gặp gỡ. Một cuộc gặp gỡ kỳ quái đến nỗi không ai ngờ tới được, dù trong một giấc mơ.

Chuyến xe lên đường với số hành khách bốn mươi một người. Ai nấy đều kêu la, nhất là mấy người phải rớt lại chờ chuyến sau, vì lý do xe có tới bốn mươi ba chỗ.

— Hai chỗ này có người mua vé rồi.

Anh lái phụ nói thế rồi nhảy lên đóng sập cửa lại. Nhưng đám người bên dưới phản đối, dấm thùng xe ầm ầm khiến anh ta đành mở cửa xe ra, rút trong túi quần hai chiếc vé đã đóng dấu thu tiền sẵn:

— Khách bị rớt từ chuyến đi trước, được mua tru tiền. Người ta chờ xe ở dọc đường. Bà con không tin thì xem vé đây này...

Đám người đang nhao nhao dành im re khi nhìn hai tấm vé xe đóng dấu đỏ chói. Ông lái chính quay đầu lại, cau mày:

— Thôi đi đi, lòi thôi mãi...

Anh chàng lái phụ đóng rầm cửa xe lại trước những cặp mắt thất vọng của đám khách rớt phải đợi chờ. Xe chuyển bánh. Chúng hai mươi cây số sau, tới một dãy

phổ lèo tèo chừng hai, ba chue nóc nhà, xe ngừng lại. Một con bé buộc khăn đỏ, mặt mũi đen sì nhảy bổ ra, giờ tay vẩy rối rít:

— Đây, đây, bác tài ơi... Ở đây cơ...

Người lái lại nổ máy, đánh xe lên chừng hai mươi bước chân nữa, cho xe đỗ trước cửa một quán cơm, phở, rượu. Tám biển để ba chữ ngang nhau, trông thật kệch cỡm. Xe vừa tới, hai người đàn bà trạc trên bốn mươi từ trong nhà đi ra. Theo sau họ, hai người đàn ông vác những tải hàng nặng trĩu. Con bé đội khăn đỏ xách một chùm giàn gia lán với hai chiếc tay nải, hai cái lùn tre to, tất tưởi chạy theo sau. Những người đàn ông khuôn hàng lên xe xếp xong xuôi rồi quay xuống. Hai bà chủ hàng vào chỗ ghế trống ngồi. Con con bé trùm cái khăn đỏ chột dỏ ngồi ngay trên mảy tải hàng, mảy dằm khách ngồi cạnh dỏ cần nhả. Nó vãi giàn gia ỉn, ném hột ra ngoài cửa xe. Tôi thấy nó quen quen mà nghĩ mãi không ra ai. Tôi khi nó quay lại, tôi nhìn rõ mặt và nhận ra Cóc tóc đỏ.

— Ô ô... chị Bé!...

Cóc tóc đỏ cũng nhận ra tôi. Nó vùng đứng dậy kêu lên một cách vui vẻ. Rồi rất hung hăng, nó gạt người này, huých người kia, len đến chỗ chúng tôi.

— Cả con Loan tròn cũng ở đây nữa này... — Nó đập tay lên vai tôi đau điếng. — Thế mà cả thị trấn đồn là chị bị bắt cóc đem sang Đài Loan bán, còn con béo kia thì đem lên vùng dân Mèo... Hà hà hà... vui thật.

Nó cười, ngoác miệng tới tận mang tai, đôi mày đã thưa lại kẻ nhỏ như biến đi đâu mất. Không đợi chúng tôi hỏi han, nó tiếp tục nói như bắn súng liên thanh:

— Ối giới ơi, thế mà hai bà cô lại ngồi đây mới chết chứ!... Này, Loan béo ơi, mày chẳng biết lo biết nghĩ hay sao mà cứ tròn quay như con chim cun cút vậy.

Lão Cai Căn lừa hết vàng, hết tiền rồi giờ trơ trống cò mẹ mảy ra. Hai bên đánh nhau nhí nhắng mãi nhưng chả phân thắng bại gì, mẹ mảy bây giờ sang ở nhờ cô giáo Hạnh, mẹ chị Bè đấy. Phải tay tao, tao cho nó một lưỡi dao bầu. Mẹ mảy bây giờ gầy rồi, không béo đốp phây phây như hồi trước nữa đâu. Bà ấy lại mở cửa hàng bán bánh rán với bánh cuốn, không có sức đi buôn nữa... Thế mảy không viết thư về sao?...

Nó cứ nói oang oang như ếch ương kêu ngày mưa, không đề ý tới bộ mặt đồ tợn hoa gạo của Loan vì xấu hổ và những cặp mắt tò mò của đám khách ngồi xung quanh. Tội hạo:

— Kể là n gì chuyện ấy cho buồn. Kể chuyện làm ăn của cậu xem sao. Có gì mà lang thang tới tận đây?

— Em ấy à?...

Cộc tóc đỏ hồi lại, rồi lần thứ hai ngoác miệng ra mà cười, không lý do gì hết. Trông nó dồm dắng ra vẻ thiếu nữ, lông mày kẻ chỉ, tai đeo hoa, lại to lớn gấp rưỡi tôi nhưng nó cứ xúng em ngọt lịm khiến tôi thẹn đến nóng mặt lên.

— Em vẫn cứ ở chợ với bố em đến hết đời nếu cô em không tới tới ra khỏi cái hũ nút ấy. — Cô em kia kia — nó giờ tay chỉ bà lái buôn có nước da đen và cái cổ vạm vỡ đeo dây chuyền vàng ngồi ghế trước. — Có em tới chơi, bảo bố em: « Nó lớn đến nơi mà cứ giữ quanh quẩn ở chợ để làm con mẹ đại à? Cho đi theo tôi. Tập buôn tập bán kiếm miếng to mà ăn chứ cứ như anh, gà què ăn quần cối xay thì hỏng đời... » Thế là em quí, gói quần áo, tách theo cô em luôn. Em đi được nửa năn rồi đấy. Nghe tin chị bỏ học hai ba tháng thì em đi luôn. Đi miết tới bây giờ. Em cũng có tí vốn trong lưng rồi. Khi nào cô em cho nhập làng là em nhập ngay...

Nói tới đó, bộ mặt đầy mụn của nó vênh lên một cách tự hào. Tôi thấy nó mặc áo cánh xê, có bỏ đé gấu và quần sa tanh đen nên hỏi:

— Tiền đâu mà diện thế? Không dễ làm vốn buồn à?

Cóc tóc đỏ đáp:

— Tiền của em, em dễ làm vốn. Còn áo quần này là cô em sắm cho. Cô em tốt với em lắm.

Nó khoe một cách hồn nhiên. Tôi bỗng thấy mến đứa con gái thất học và xấu xí đó. Trong nó, có một điểm tốt đẹp là tính thực thà. Tôi hỏi Cóc tóc đỏ về những người trong phố. Nó lần lượt kể, cũng với cái giọng oang oang như ếch ương kêu, không hề biết thương lỗ tai đám khách xung quanh. Cuối cùng, nó bỗng chếp miệng:

— Kể cũng lạ. Từ dạo đó chẳng có tin tức gì về thằng Dũng còn cả chị ạ. Cái thằng hiền nhất, thằng thân nhất nhà lão cai Cán thì bị mất tích. Còn mấy thằng anh nó, toàn một lũ chuyên lừa đảo, ăn cắp như diên.

Tôi liền kể cho Cóc tóc đỏ nghe chuyện tôi gặp Dũng còn ở bản Nội và nguyên nhân vụ bắt cóc Dũng còn. Sau đó, tôi nói:

— Người cậu của nó tinh lắm. Tưởng cai Cán xót con phải trả vàng. Không ngờ, cai Cán lại xót vàng hơn. Có khi, loại người như lão, hột con, dờ cơm nuôi, lão lại mừng...

Cóc tóc đỏ tròn xoe mắt, cặp mày thưa và nhạt màu của nó như dựng ngược lên.

— Em không biết cơ sự lại thế. Cả thị trấn ghét lão quý ấy. Tưởng lão ấy chỉ đều với cô Lưu. Ai ngờ lão hất hủi cả đứa con đẻ của lão... Đến nước này lão chỉ có ở với quý sư dưới âm ti thôi. Chị có biết bây giờ lão làm gì không?...

Cóc tóc đỏ ghé vào tai tôi, hỏi. Và lần đầu tiên, tôi thấy nó ha^h giọng nói thầm:

— Lão buồn cơm đen. Tức là lão buồn thuốc phiện, hàng quốc cấm ấy. Lão cùng dây với một người quen có em. Lão đều quá. Để em dò xem rồi cho lão một vỏ, trả thù cho thằng Dũng cơm và mẹ cái Loan.

Nói xong, Cóc tóc đỏ chau mày. Bộ mặt nó bỗng nhiên răn căng lại như sành, trông già thêm mười tuổi nữa. Xe chạy thêm một con đèo thì Cóc tóc đỏ và hai bà lái buồn dờ hàng xuống. Họ không đi tới cuối đường.

— Xin chào nhé... — tôi giơ tay vẫy Cóc tóc đỏ.

— Chị Bè đi mạnh khỏe nhé ế ế...

Cóc tóc đỏ hét lên theo. Giọng nói vang vào hai vách núi nghe chói óc. Tôi còn nhìn thấy cái khăn đỏ chót của nó bay phất phơ khi xe đi tới đoạn đường vòng.

Tới Cao Bằng, chúng tôi chỉ nghỉ ăn cơm đứng nửa tiếng rồi lên đường đi ngay. Đường đi không ngắn như đường từ phố Lạng về bản Muối. Đi khỏi thị xã Cao Bằng chừng hai mươi cây số gặp một bản Tày. Rồi sau đó hoàn toàn là núi rừng vây bủa. Họa hỏan lắm mới gặp một người dắt ngựa thồ hàng đi ngược lại.

Anh Khiết rút khẩu súng ngắn trong bao ra cầm tay. Bây giờ, anh ít nói hẳn đi. Anh cũng không pha trò hay kể chuyện tiếu lâm nữa. Anh trở nên điềm tĩnh và thận trọng. Chúng tôi hiểu được điều đó. Chúng tôi cũng đi nhanh hơn và chăm chú theo dõi đường đi, tại lúc nào cũng giông lên chờ nghe tiếng động lạ hoặc lời anh Khiết chỉ bảo.

Ngày đi, đêm anh Khiết mắc võng giữa hai cây cao mọc gần nhau cho chúng tôi nằm. Võng rộng, trở đầu đuôi nằm cũng ấm. Bên trên, anh phủ mảnh ni-lông che sương. Còn anh, anh trèo lên cây, lấy dây buộc người vào thân cây phòng ngủ. Và súng cầm trong tay.

thu trước bụng, anh tựa vào cành cây mà ngủ. Nhiều buổi sáng, chúng tôi thức dậy trước, thấy anh còn đang ngủ ngon lành trong tư thế ấy.

Ngày nọ buổi sáng kia, Chân hai đứa tôi bắt đầu phồng rộp, mặc dù thời gian ở bản Muôn, chúng tôi đã quen đi nương. Ông già Mọc quả là người từng trải. Ông đoán trước cuộc hành trình nên đã lo cho chúng tôi đủ đồ ăn. Ba ngày đầu, chúng tôi ăn bánh chưng. Hai ngày sau, chúng tôi ăn bánh dón và bánh mật. Sang đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, hoàn toàn chỉ còn bánh dày khô. Bánh dày khô đem nhúng nước sôi cho mềm rồi nướng lên, lúc đói ăn cũng ngon không kém bánh chưng, bánh dón. Còn chè lam và ngũ vị là những thứ để dành làm quà cho các chiến sĩ biên phòng, chúng tôi cũng đã phải lấy ra ăn một ít vào ngày thứ tám. Ngày thứ chín mới tới đồn Khâu Phai.

Trời ơi, là sao cho được nỗi vui sướng của chúng tôi khi đứng dưới chân ngọn núi cao chất ngất mà anh Khiết vừa chỉ vừa nói:

— Bè, bố của em ở đỉnh ngọn núi Khâu Phai này.

Chân tôi bồng rất vì những vết rộp vỡ ra. Cả Loan cũng vậy. Chúng tôi đã vừa bò vừa lê suốt buổi sáng hôm nay để khỏi ngồi lại trong rừng. Anh Khiết phải dìu hai đứa từng đoạn, nhất là lúc qua suối hoặc lên dốc. Bấy giờ, nỗi đớn đau tan biến. Tôi giục:

— Đi lên đi, anh cùng đi lên với chúng em.

Người lính biên phòng cười tủm tỉm:

— Hết đau chân rồi à?...

Tôi im lặng, không đáp lời, hăm hở bước.

Khâu Phai quả là một ngọn lên hiểm độc. Đường lên toàn sỏi và đá trơn. Hai bên, những khối đá tai mèo xếp chồng chất. Chỉ cần ngã xuống là nát thịt, tõe máu ngay. Giữa những tảng đá, thỉnh thoảng lại vọt lên

một bụi cây. Nhưng không phải loài cây hiền hoặc hoa thơm, lá ngọt mà là loài gai, thân cành đầy những bọ gai nhọn hoắt.

— Chao ôi, tại sao bố mình lại chọn một chỗ kinh khủng thế này mà ở chứ?... Dưới kia, thung lũng mượt cỏ xanh, hoặc những ô ruộng con nối nhau theo bậc thang đẹp biết bao...

Tôi nghĩ như vậy. Nhưng tôi không nói. Mãi sau này, khi gần trở về quê, tôi mới hỏi bố tôi điều đó. Và bố tôi đã đáp lại rằng:

— Chiến sĩ biên phòng phải ở nơi nào nhìn rõ kẻ thù nhất. Nơi đó, dù là hang hùm hay ổ rắn vằn cừ phải dựng đồn tiền tiêu, trấn giữ biên thù.

Trong ba người chúng tôi leo núi, Loan mệt hơn cả. Tôi luôn luôn phải dừng lại để đợi nó. Có những lúc, anh Khiết cõng Loan trên lưng. Trong lòng, tôi biết ơn Loan vì sự tận tụy với ban. Nếu không vì tôi, có lẽ chẳng bao giờ Loan phải chịu đựng những phút giây gian nan, khó nhọc như lúc này.

Chỉ hơn một giờ sau, chúng tôi mới lên tới đồn. Đúng như tôi tưởng tượng, một cây cột được cắm giữa mảnh sân hẹp dục giữa những tảng đá. Trên cột, lá cờ đỏ sao vàng đang lượn lờ như một cánh chim. Từng đám mây trắng muốt đi qua. Hơi thở chúng tôi phả ra cũng giống như những làn mây nhỏ. Chúng tôi đang đứng, vừa thở vừa ngắm nhìn quang cảnh đồn thì một chiến sĩ người to béo phệ chạy ra:

— Khiết à, máy đưa con của thủ trưởng lên chơi phải không? Tao nhìn thấy từ dưới bia rừng kia kia.

Ngực anh lũng lảng một chiếc ống nhôm. Thì ra, anh đã theo dõi đoàn chúng tôi từ lâu. Anh Khiết đáp:

— Thủ trưởng đâu? Có gì cho ăn, cho uống đi. Vừa đói vừa khát đây này.

Anh chiến sĩ to như họ pháp kia đáp:

— Thủ trưởng thân chinh dẫn toàn đồn đi tiểu phỉ. Có lệnh đột xuất tuần trước. Cả bên^đ đồn Nường Le chúng mày với Khẩu Phất nữa đấy. Giữ đồn chỉ còn tao với Thắng Tín, thắng Sín. Mấy đứa hậu cần cũng đi theo chiến dịch rồi.

Anh Khiết đứng ngăn người, lăm lăm:

— Liên kết cả ba đồn hả?... Thế thì thành chiến dịch rồi. Không còn đánh lẻ như mọi bữa... Thế mà mình lại không được đi đánh một trận lớn cho sướng, tức thật...

Anh chiến sĩ to lớn đồn Khẩu Phai tò mò nhìn chúng tôi:

— Cả hai đứa đều là con thủ trưởng à?

Anh Khiết gật:

— Mày hỏi gì mà dốt thế hả? Đây là em Bà, con thủ trưởng. Còn đây là em Loan, bạn của Bà... Chúng tao là khách lên đây mà mày chẳng mời vào nhà, không lấy nước uống, không mang cơm mang bánh ra đãi à?..

Anh họ pháp lúc bấy giờ mới cuống quýt ngượng ngùng nói:

— Ờ, tao quên. — Tao gọi thắng Tín, thắng Sín nhé?

Anh Khiết hỏi:

— Có ba đứa, mày canh gác, còn chúng nó đi đâu?

— Dám đi đâu trong lúc này? Chúng nó ngủ. Phải thay nhau canh gác mà. — Anh chiến sĩ kia trả lời.

Nghe xong, anh Khiết khoát tay, nói:

— Lệnh gọi chúng nó dậy làm gì nữa. Mày tìm xem có gì cho chúng tao ăn.

Rồi anh quay lại bảo chúng tôi:

— Vào đây các em... Nhà của các anh không to như nhà sàn dưới bản Muôn đầu.

Anh đi trước, như một chủ nhân thực sự. Anh Lệnh hộ pháp đi theo. Hai chúng tôi trong khi đứng nghe họ chuyện trò đã rết công tay, lập cập bước qua mảnh sân đá. Sân rất hẹp, nhưng có những kẽ nứt dài. Bước vô ý có thể lọt chân rơi dấp xuống đó. Cuối mảnh sân có hai bồn hoa ghép bằng đá, đồ dặt munn trồng đầy vạn niên thanh. Dây leo lên mái nhà. Những chiếc lá vạn niên thanh to bằng tai trâu nhưng mép sém vàng vì rết. Ở giữa hai bồn hoa trồng dây leo đó có một mảnh vườn nhỏ, đất rải trên sân, có những viên đá vuông vắn, xếp thành hình ngôi sao bao quanh. Mảnh vườn con con trồng hoa cúc và hoa mào gà. Đây là hình ảnh tươi mát của cuộc sống mà hơi ấm bàn tay con người đã gieo lên đỉnh ngọn núi tại mèo tua tua những bụi gai này.

« Bao nhiêu năm nay bố mình đã ở đây ».

Tôi nghĩ, khi chui vào một mái nhà lợp tranh dày, xung quanh là hai lượt ván gỗ ghép. Phía ngoài hai lượt gỗ, các chiến sĩ áp một lớp mỏng các tấm tranh, rồi dùng các tấm phen toàn bằng cật tre vàng óng ép chặt lại. Trông bên ngoài, gian nhà giống như một thứ đồ chơi xinh xắn đan bằng tre, trúc. Nhưng bên trong, sạch sẽ và ấm áp. Lớp tranh giữa phần tre và gỗ giữ được nhiệt độ. Các chiến sĩ ngăn các gian nhà bằng ván ghép, tấm nào tấm nấy bào nhẵn và bóng như đánh xi. Gian ngoài cùng là gian tiếp khách, làm việc, có bếp lửa nhỏ. Trên bếp, một chục cái phễu bằng tôn uốn, nối với ống khói nhỏ dẫn khói ra ngoài trời.

— Hai em ngồi đây nhé. Có khát nước thì lấy nước trong ấm nhôm này này. Anh đi bóc bánh đã — anh Lệnh hộ pháp bảo chúng tôi bằng cái giọng Kinh chưa sôi, rất chậm chạp.

Chúng tôi ngồi xuống bên bếp lửa, trên những chiếc đôn thấp tròn đan bằng mây theo kiểu của người Mèo.

Ngồi đôn mày thật êm và dễ chịu. Anh Khiết tìm chiếc ca men, rót nước cho tôi và Loan uống trước, anh uống sau. Chè ở đây ngon, nước xanh trong, vị vừa thơm vừa chát. Uống hết nước, vị chát mất đi, chỉ còn mùi thơm và vị ngọt lưu giữ rất lâu trong họng. Chúng tôi uống nước xong, anh Lành đem ra một đĩa bánh đôn.

— Ăn đi.

Anh nói cộc lốc rồi tiếp tục cắt đĩa bánh thứ hai. Một đầu sợi lát tước nhỏ cắn chặt giữa hai hàm răng. Đầu kia nằm trong tay phải, đôn bánh bóc trong tay trái. Anh quấn một vòng lát quanh đôn bánh đã bóc sẵn, kéo căng sợi dây ra là một lát bánh rơi xuống đĩa. Lát nào cũng giống lát nào, đều nhau như cắt bằng máy vậy.

Chờ anh Lành đặt đĩa bánh thứ hai xuống cái bàn thấp trước mặt chúng tôi, anh Khiết hỏi:

— Tết ở đồn chúng mày chỉ có thế này thôi à?

— Còn chứ!

Anh Lành đáp và lại vào gian trong. Lúc sau, anh mang ra một tảng thịt lợn luộc đã khô cong bì.

— Ăn đi. Muối ở trong lọ kia kia. Có cả mắm tôm rang ớt, ngon lắm.

Anh chỉ cho chúng tôi hai cái lọ độc bình lớn, nút bằng lá chuối khô. Không hiểu sao đồn biên phòng này lại có hai chiếc lọ độc bình đẹp như thế. Đó là hai chiếc lọ cổ, sứ Giang Tây, có vẽ hình tam cô tiên trong rừng. Cô thổi sáo, cô gảy đàn tì bà, cô cười hặc, cô cầm dải lụa đi trong mây... Hồi nhỏ, ông ngoại tôi cũng cho tôi xem một chiếc lọ như vậy, nhưng nó chỉ nhỏ bằng cái phích nước hai lít rượu, vừa đủ cầm cành đào ngày Tết. Còn ở đồn Khâu Phai, hai chiếc lọ này cao gần bằng đầu chúng tôi, có nghĩa là cao hơn một thước ba.

Các chiến sĩ dùng một ly đựng muối, còn lọ kia đựng mắm tôm rang lẫn ớt bột. Có lẽ đó là hai món thực phẩm quý nhất ở vùng núi hiểm trở này.

Anh Lệnh lấy mắm tôm ớt ra một cái bát nhỏ. Chúng tôi ăn bánh đon, thịt lợn luộc với mắm tôm. So với những thứ bánh trái với măng nấu chân giò, nấm hương xào thịt nạc của ông già Mộc ở bản Muốn thì những món ăn ở đây quả là quá khách. Nhưng chúng tôi vẫn thấy ngon. Anh Lệnh bảo:

— Đơn vị vừa thịt lợn xong, đã có lệnh đi. Thế là chẳng xào nấu gì hết, luộc cả con. Cắt để ở nhà một ít, còn đem theo. Tở ở lại mang lòng xuống dưới bản làm rồi liên hoan với dân. Dân có cho ít bí xanh với rau cải để dưới bếp. Chiều nay ta xào.

Anh Khiết bảo:

— Chiều nay tao về đồn Nường Le rồi. Mày xào nấu ngon vào cho hai em bé nó ăn.

Tôi nói:

— Đồn anh cũng đi tiểu phỉ hết rồi. Anh ở lại chơi với chúng em.

Anh Khiết xoa đầu tôi:

— Không được. Anh phải về. Thế nào rồi cũng có dịp anh em ta gặp lại nhau.

Tôi chia số bánh chè lam và ngũ vị còn lại làm đôi để anh mang về đồn Nường Le làm quà một nửa. Còn lại chờ anh Tấn và anh Sửu thức dậy đem ra liên hoan. Anh Lệnh buộc túm ba đon bánh nếp đưa cho anh Khiết đi đường.

— Cần thân đấy — anh bảo bạn.

Anh Khiết đáp lại:

— Đừng lo cho tao. Lo cho em Bê với em Loan đó. Mày phải làm sao cho mọi sự tốt đẹp cho tới khi thủ trưởng quay về.

Hai người bắt tay nhau.

Chúng tôi đi cùng các anh ra hết khoảng sân nhỏ hẹp của đồn thì anh Lệnh bảo chúng tôi quay lại:

— Vào nhà đi.

Anh nói cộc lốc như ra lệnh. Nhưng chúng tôi còn đứng nhìn theo anh Khiết cho tới khi một đám mây lớn, dày như tấm chăn bằng sương lạnh, cuốn chúng tôi vào trong.

— Đã bảo vào đi.

Lại nghe thấy giọng nói của anh Lệnh hộ pháp. Rồi anh dắt tay tôi với Loan, đưa vào nhà.

Bắt đầu từ đó là những ngày buồn tẻ. Các chiến sĩ suốt ngày thay nhau canh gác hoặc ngủ. Cả ba anh lại cùng là người Nùng, người Mèo, rất ít nói. Khác hẳn với anh Khiết, chẳng bao giờ họ gọi chuyện hoặc hỏi chúng tôi muốn gì, muốn đi đâu... Chính tôi phải gọi chuyện nói trước. Hóa ra trong ba người, anh Lệnh hộ pháp lại nói chuyện có duyên hơn cả, mặc dù cái giọng ở ở của anh nghe mà sốt ruột.

Ở trên đồn, thỉnh thoảng chúng tôi nghe tiếng súng vọng tới. Các chiến sĩ vẫn bình thần giờ tay súng trước bếp mỗi khi vừa tuần tra quanh núi hoặc đi xuống bản liên lạc với đơn vị dân quân về. Họ bảo, tiếng súng ở vùng này ngày nào cũng có. Thường là súng bọn phi bọn trộm vào bản, hoặc bản thú dè nường ăn. Bọn chúng chui rúc trong rừng, nguồn tiếp tế ít ỏi nên phải ăn thịt thú là chính. Mỗi khi ta đi tuần tra thường đón nghe tiếng súng sấm mà lặn tới. Mười bản thì cũng sáu bảy bản bắt gặp phi đối, hoặc đám lửa nường thịt thú nhen lên với văng giữa rừng còn bốc khói chưa tàn.

Buổi sáng ngày thứ tư, bỗng nhiên có bóng người lố nhố chạy lên đồn. Vừa chạy, họ vừa hú gọi rất khẩn cấp. Những người chạy đều đeo súng sau lưng. Anh Lệnh giờ ống nhôm lên ngắm nhĩa rồi quay vào, đánh thức anh Tín và anh Sửu.

Cả ba người cùng ra sân, chuẩn bị sẵn sàng súng đạn, bình nước và thức ăn khô dọc đường. Họ trao đổi với nhau bằng tiếng Nùng nên tôi không hiểu gì. Loan có nghe lồm bồm được đôi ba câu. Nó vốn có năng khiếu về ngôn ngữ hơn tôi. Nhưng nó cũng chỉ dịch được có vài từ: « Dân quân dưới bản, nhanh lắm, phải đi thôi... »

Sốt ruột, tôi dứt áo anh Lệnh:

— Có chuyện gì thế anh?

Anh đáp:

— Dân quân dưới bản lên gọi. Chắc bọn phi tới gần núi rồi.

Những người đang leo dốc lên đèo vẫn bám nhau đi. Họ mặc quần áo ka-ki màu lá úa hoặc vải nhuộm chàm, đội mũ nồi hoặc mũ bông biển phồng. Tiếng hú gọi lẫn với hơi thở hỗn hển. Họ đã gần lên tới nơi: Anh Lệnh cúi xuống hỏi:

— Có chuyện gì thế?

Những người đang leo lên núi thì nhau đáp:

— Nguy lắm, nguy lắm, bộ đội ơi...

Tôi khi ba thanh niên với một người đàn ông trạc ngoài bốn mươi tuổi lên tới nơi, anh Lệnh hỏi từng người:

— Thế nào, có phi tới hay sao?

Người đàn ông đứng tuổi lắc đầu:

— Chúng tôi vừa đi tuần tiễu về. Không có bọn phi nhưng nguy lắm, anh Lệnh à... Dân bản chết hai người, đang còn chết nữa...

Anh Lệnh ngược đôi mắt lúc nào cũng có vẻ ngái ngủ, lì xì:

— Cái gì? Nói cái gì?

Một trong ba thanh niên trả lời:

— Chúng tôi đi tuần tiễu hai ngày. Về, thấy tất cả các nhà trong bản đều ốm. Có hai người già chết rồi... Còn nhiều người cũng muốn chết. Lão thầy mo Triệu đang cúng. Người bản đi qua dãy núi mời lão về.

Khi anh nói, ba người kia thì nhau thở, lột mũ lau mồ hôi ướt đầm dề trên trán. Người đàn ông có vẻ thất vọng:

— Chuyến này đến đấy bản mà đi thôi, anh Lệnh à. Anh Lệnh bảo:

— Đừng nói chuyện đó.

Rồi anh quay lại bảo anh Tín và anh Siu:

— Hai đứa mày ở đây giữ đồn. Tao xuống bản.

Đám dân quân địa phương lục tục xuống trước. Anh Lệnh quay vào nhà lấy mũ bông biên phòng và bị-đồng nước đem theo. Thấy vậy, tôi nhào tới giữ chặt áo anh:

— Cho em đi với.

Anh lắc đầu:

— Không được. Bản này đã chết người mấy lần rồi. Không xuống được.

Tôi bướng bỉnh nói:

— Họ có chết vì đạn phỉ đâu?... Họ chết vì ốm cơ mà... Em đã làm y tá cho trường đấy. Em đi với anh.

Quả tình chỗ này tôi bị. Tôi có làm y tá cho trường bao giờ đâu. Nhưng tôi hay qua lại chơi với cô Dang, y tá của thị trấn, và tôi có biết võ vẽ đôi điều. Mặc dù tôi đã liên nói vậy, anh Lệnh vẫn cứ tỉnh bơ:

— Không đi được. Lệnh thủ trưởng là bảo vệ em.

Tôi nói:

— Bảo vệ không phải là nhốt trong đồn. Anh xuống bản được, em cũng xuống được.

Anh Lệnh không thêm nói gì, bước ra cửa.

Tôi bảo anh, giọng lạnh lùng :

— Anh đi trước, em sẽ đi sau. Em mà lạc, anh chịu trách nhiệm.

Tôi đó, anh chiến sĩ bộ pháp bỗng dừng lại nơi ngưỡng cửa, bối rối nhìn tôi. Tôi lấy chiếc khăn len kẻ ô, trùm to hó lên đầu, nói với anh Tín và anh Siu :

— Loan thục đây, các anh cứ bảo nó nấu cơm ăn, đừng chờ em nhé. Em đi với anh Lệnh đây.

Vì trong ba người, anh Lệnh là thượng sĩ, còn anh Tín với anh Siu chỉ là binh nhất, nên khi tôi đã áp đảo được anh Lệnh thì mọi sự xong xuôi. Hai anh binh nhất chỉ gật đầu một cách hiền từ rồi đứng nhìn tôi chạy theo anh Lệnh xuống núi.

Đám dân quân bản địa đi trước chúng tôi một thời đường. Bỗng họ thấp thoáng phía trước. Anh Lệnh chân cao nên bước một bước thì bằng hai bước của tôi. Anh đi bình thường, tôi cũng phải chạy mới theo kịp. May mà anh biết ý đi chậm chậm để chờ. Con người to lớn trông củ mĩ thế nhưng nhiều khi lại tỏ ra rất tế nhị. Tôi đã cảm thấy mến anh. Anh cũng quý tôi nên hay ngồi kể tỉ mỉ mọi chuyện cho tôi nghe. Từ chuyện cô vợ chưa cưới của anh bị bấu cõ hiện đang về chữa ở Hà Nội lẫn chuyện đưa cháu gọi anh bằng chú có sáu ngón chân. Mẹ thằng bé lấy sợi chỉ thắt cái ngón thừa đi, nhưng không hiểu chị làm thế nào thằng bé bị sốt, cứ ưỡn bụng lên, mắt trợn ngược rồi chết... Tóm lại, tôi đã có thể coi anh như một người bạn lớn tuổi, đáng tin cậy. Đi đường với anh, thật yên tâm.

Chúng tôi tới bản Khum vào giữa trưa. Bóng cây cối lơ mờ in ngay xuống gốc. Không có mặt trời, một vầng mây bạc hắt sáng xuống rừng núi. Bản Khum nằm dưới chân lên đá, không ở giữa thung lũng tươi xanh như bản Muôn. Nhà cửa ở đây thấp nhỏ, tiêu tụy hơn ở bản Muôn nhiều. Những đồng phân trâu, phân người

ấy như bún nhão dưới sàn. Ở bản Muôn, người ta làm chuồng riêng. Ở bản Khum, di đồng ngay vào chuồng lợn. Tiết trời mù sương, mưa lay phay khiến những con đường dính nhơm nhớp. Phấn trần từ những kẽ hở ván quây chuồng bò, chuồng lợn chảy ra đường. Mùi hôi thối quẩn trong không khí tù hãm, không thoát đi được. Tôi nói với anh Lành:

— Người bản này ốm vì ở bản. Phấn bò, phấn lợn, phấn người ngấp ngua thế kia, sao không ốm được. Ở bản Muôn, nhà cao, đất rộng, thung lũng thoáng gió mà ông già Mọc với tui em vẫn vận động dân bản làm chuồng nuôi bò nuôi lợn riêng. Dưới sàn dễ trông. Bản Khum vừa chật hẹp, vừa bí gió lại ở như thế này tránh sao khỏi bệnh tật...

— Ở — anh Lành gật đầu — Thủ trưởng cũng đã giải thích cho các anh và vận động dân bản nhưng chưa được. Nề bộ đội lắm, người bản mới dựng được một gian nhà mở lớp học cho trẻ con. Còn họ vẫn quen ở như vậy. Cứ mỗi lần ốm, chết nhiều, người bản lại nhờ nhà, dời sang đất khác. Họ bảo đất đó có ma.

Chúng tôi vào nhà trưởng bản. Chính nhà ông ta cũng đang có người mẹ ốm. Bà cụ nằm trong buồng, chiếc chăn chiên che kín cửa. Anh Lành vào, ông trưởng bản râu rí nói:

— Chắc bản ta lại phải dời khỏi núi này. Trời không thương người bản, cứ đuổi mãi thôi. Cái nhà sàn vừa dựng, ở chưa ấm đất. Cái nương vừa phá, chưa đánh hết rễ cây rễ cỏ, chưa thu được hạt lúa vào quây, đã phải nhờ cộc sàn, địu con địu mẹ đi tìm đất khác. Kiếp người bản Khum là vậy, nghèo suốt đời. Nghèo đời ông sang đời con. Nghèo đời con sang đời cháu...

Mắt ông ta đỏ đục, lơ lơ, trông mệt mỏi và như đang cạn hết sinh khí. Anh Lệnh bảo:

— Tôi vào thăm người bệnh nhé.

Trường bản lắc đầu:

— Bộ đội đừng vào, vào lây bệnh chết đấy. Người già chết còn tiếc hưởng gì trai chưa vợ chưa con...

Anh Lệnh không nói, lảng lảng vén tấm chăn chiến bước vào trong buồng. Mùi hơi lưu cữu trong nhà trộn lẫn hơi phan tươi dưới sân bốc lên, khiến tôi muốn nôn thốc nôn tháo. Nhưng tôi cũng cố gắng bước theo anh Lệnh. Đứng bên ngoài một mình, giữa những người lạ, tôi có cảm giác sợ hãi. Bà già sốt mê man. Không cần đặt tay lên trán bà cụ, tôi cũng thấy hơi nóng từ người bà đang bốc lên hừng hực. Bà già nhắm nghiền mắt, không hay biết gì.

Anh Lệnh nhìn bộ mặt đỏ tím của bà, rồi khẽ thở dài, bước ra. Anh ngồi xuống bên bếp lửa, xòe bàn tay hơ:

— Người bản phát bệnh bao giờ?

Trường bản đáp:

— Hai hôm rồi. Từ hôm tôi sang bên kia núi thăm nhà vợ. Bà cụ ở nhà xuống con Mây ăn cơm. Sáng đó họ thịt con trâu, chia mỗi nhà vài cân xáo uống rượu.

Ngừng một lát, ông ta chậm rãi nói tiếp:

Thầy mo Triệu đang cúng ở nhà bản. Ông ta bảo hề cúng không được thì phải rời bản ngay tức khắc.

Anh Lệnh cau mày:

— Lão đó nuôi bọn phỉ hàng tháng trời trong nhà. Ta đã cảnh cáo rồi. Có dịp là khắc tôi bắt thôi.

Trường bản vẫn dăm dăm nhìn ngọn lửa bập bồng đôi mắt buồn rầu:

— Người trong bản nhao nhác lắm. Tôi không biết tính sao. Vợ tôi lại sắp tới ngày nằm cử.

Anh Lành hỏi:

— Sao ông không cho người xuống huyện mời y tá? Đem thuốc cho dân bản uống mới khỏi chứ vừa ốm lại tính chuyện dời bản sao nghe lọt tai...

Trưởng bản lắc đầu:

— Dân bản tin cũng hơn. Tôi ốm, tôi không đi được. Có mấy đứa dân quân còn cứng chân cứng tay thì phải lo chống giữ phi. Đàn bà, con gái làm gì được?

Tôi khẽ giật áo anh Lành:

— Bệnh viện huyện có xa không anh?

Anh đáp:

— Đi bộ hai ngày đường. Đi ngựa thì nhanh hơn.

Tôi bảo:

— Anh mượn ngựa, anh với em cùng đi

Anh Lành ngẫm nghĩ, rồi bảo trưởng bản:

— Ông cho tôi mượn ngựa, tôi đi.

Trưởng bản ngược mắt lên:

— Ngày Tết, anh cũng đi à?

Anh Lành đáp:

— Ngày Tết chúng tôi còn phải tiểu phí, có được ngồi bên bếp lửa mà bóc bánh dầu. Việc cứu người ốm cũng như tiểu phí, không thể chần chừ được. Ông lo mượn cho tôi hai con ngựa.

Trưởng bản ngạc nhiên nhìn tôi:

— Cả cái bé này cũng đi được à?

Anh Lành gật đầu:

— Đi được. Ông tìm ngựa nhanh lên. Cứu sống người nào hay người đó.

Trưởng bản không nói nữa, lẳng lặng xuống cầu thang. Chúng tôi ngồi bên bếp lửa chờ đợi. Chừng non nửa giờ sau, ông ta quay lại:

— Ngựa có rồi. Tôi vận động bà con ủng hộ bánh cho anh ăn dọc đường. Cả thức cho ngựa nữa.

Ông đưa ra một chùm bánh dòn. Những chiếc bánh dòn vùng này chỉ nhỏ bằng nửa bánh ở bản Muôn. Tôi thấy lòng nao nao vì nghĩ tới sự khốn khó của con người.

Anh Lềnh nói:

— Đi.

Chúng tôi bước xuống cầu thang. Mỗi con ngựa đã có một bị thóc đeo trước cổ. Yên làm bằng bao tải, trên lót vải rách xơ. Anh Lềnh đeo vào lưng chùm bánh ông trưởng bản đưa cho rồi chúng tôi lên ngựa, nhắm hướng tây bắc, đi mãi miết. Những quãng đường bằng, chúng tôi thúc ngựa chạy đều đều. Đoạn dốc, ngựa đi không, còn người xuống bộ. Xuống thung lũng hoặc xuống đèo, anh Lềnh bảo:

— Nằm xuống, nắm chắc dây cương nhé.

Rồi anh thét ngựa phi nước kiệu. Gió ù ù bên tai khiến tôi chóng cả mắt. Rồi con ngựa lờ bước hoặc vấp ngã là tôi dỗi. Nhưng may sao, hai con ngựa đều rất khỏe. Đường chúng tôi đi hoàn toàn trơn chảy. Gần chiều, anh bót bánh đưa cho tôi ăn. Ăn xong, hai anh em tôi một con suối. Chúng tôi nhảy xuống, rửa tay, dắt ngựa lội qua. Nước lạnh khiến tôi rùng mình. Khi vừa tới bờ suối bên kia, bỗng có tiếng chim kêu ngay phía trước, trong một lùm cây rậm ven đường:

— Hú mà...

Tiếng chim kêu rất to, nghe như tiếng người thét. Tôi giật mình ngẩng lên nhìn. Còn anh Lềnh thì đứng sững lại. Mặt anh tái mét, đôi mắt thất thần như người trong cơn hoảng loạn. Tôi tưởng anh ốm nên vội vỗ hỏi:

— Anh làm sao thế?

Anh Lềnh đứng ngây, không trả lời.

Lúc đó, tiếng chim lại vang lên lần thứ hai :

— Hú mà...

Tiếng chim giống như tiếng người đang ngồi thu mình trong vòm lá dày đặc phía trước thét lên để trên cột chúng tôi. Anh Lệnh vẫn đứng im, mặt xanh như chàm đỏ. Tôi chưa kịp hiểu vì sao thì tiếng chim cất lên lần thứ ba, rõ ràng, như một kẻ tai quái rít ngay trên đầu chúng tôi :

— Hú mà...

Hai con ngựa đang đi bị dừng lại, cúi đầu tìm cỏ ven đường. Anh Lệnh vẫn chưa nói được tiếng nào. Tôi thấy bộ mặt to lớn của anh bạc phếch, nhợt nhạt như người trúng gió. Tôi nắm tay anh, da tay anh nổi gai ốc. Tôi nói :

— Anh làm sao thế? Anh có ốm, em xoa đầu cho... Em có lọ dầu trong túi áo bông đây này.

Vừa nói, tôi vừa vỗ vỗ vào lưng anh.

Như chợt tỉnh ra, anh khẽ rung mình rồi lấp bắp :

— Không, anh không ốm... Không, không... Ta đi thôi...

Anh nhảy lên ngựa, thúc nó chạy như cuồng mặc dù đường rất khó đi. Tôi cố gắng hết sức mới theo kịp anh được. Vượt khỏi con suối đó chừng ba cây số, chúng tôi tới một con dốc rất cao. Anh Lệnh nhảy xuống ngựa, quay lại nhìn đoạn đường vừa đi qua như nhìn một con quỷ, một cơn ác mộng hãi hùng :

— Ôi dà dà...

Tôi cười :

— Anh làm gì mà phi ngựa như ma đuổi. Em không cần thận thì đã ngã gãy cổ rồi.

Anh lắc đầu :

— Ôi dà, em không biết đâu !...

Anh lại quay đầu nhìn quãng đường vừa đi lần thứ hai, với đôi mắt sợ sệt, kinh hoàng.



Tôi hỏi:

— Có chuyện gì ghê gớm thế?

Anh lắc đầu:

— Chưa nói được. Đi hết đỉnh núi này rồi anh sẽ nói.

Anh bỏ giỏ thóc đeo ở cổ ngựa xuống cho chúng ăn. Sau đó, anh bảo tôi dắt ngựa lên dốc. Từ chân con dốc cho tới đỉnh dốc, thời gian rất lâu. Ước chừng có tới gần một tiếng đồng hồ. Mặc dù tôi khản nài, cầu cạnh, giận dỗi đủ trò, anh vẫn cứ im thin thít. Khi tới đỉnh núi, anh lăm băm nói câu gì đó trong miệng. Rồi anh thở một hơi dài như người vừa trút được gánh nặng:

— Bây giờ, nói được rồi... Lúc ở dưới, em có nghe thấy gì không?

Tôi đáp:

— Có nghe. Coa chim kêu.

Anh Lệnh nói:

— Đúng rồi... đúng rồi... Nhưng không phải chim thường đâu. Nó là con chim hú mã, nghĩa là con chim gọi hồn. Nó kêu ở đâu, ở đó phải có người chết. Năm trước, trưởng bản nói với anh: « cách đây sáu năm, bản Khum ở cách đồn Khẩu Phai hơn một ngày đường. Bản đang yên lành, bỗng dưng một chiều, con chim hú mã tới kêu ba tiếng. Hôm sau, dân bản bắt đầu ốm chết. Chết dần chết mòn hết hai phần. Lúc đó, người bản mới dời tới chân núi đồn Khẩu Phai ».

Tôi nói:

— Em nghe nói con chim kêu như thế có nơi gọi là chim lệnh. Loài chim này thường ăn thịt thối mắc trong hồ. Nó tới đâu có nghĩa là hồ tới đó vô người, bắt bỏ bắt lợn. Đúng không?...

— Không, không... — anh Lệnh lắc đầu một cách quyết liệt. — Không phải, không phải mà... Anh đã nghe nói tới con chim này từ hồi năm tuổi. Ông anh kể với

bố anh. Bố anh lại nói chuyện cho cả nhà... Vùng anh, người ta cũng sợ con chim hú mà lắm. Thường thường, cả đời người có khi không nghe thấy tiếng nó kêu. Nhưng đã gặp nó, là có chuyện không lành. — Anh ngừng lại, nuốt nước bọt rồi thì thầm nói tiếp: — Những người già sợ không dám nhắc tới tên nó. Ông anh bảo con chim này không bay dưới ánh mặt trời. Nó chỉ đậu ở những vòm lá tối mà người đi rừng không bao giờ nhìn thấy. Ta chỉ biết được nó khi nó chết. Con hú mà chết, xương rơi xuống gốc cây, giống in hết một bộ xương người. Cái đầu nó cũng giống như đầu lâu người, xương cánh giống xương tay người, xương chân cũng giống xương chân người...

— Thế anh đã nhìn thấy bộ xương đó bao giờ chưa? — tôi hỏi.

— Chưa. Nhưng người già nói đúng, nói thiêng lắm.

Anh Lệnh đáp, giọng thành kính, tin cẩn. Tôi hiểu rằng trong tâm hồn người linh vùng núi này, câu chuyện hoang đường kia đã để lại một dấu ấn không thể nào phai nhạt. Làm gì có con chim kêu một tiếng mà hàng loạt người chết, ngoại trừ con chim đó là trái bom tấn vô hình hoặc nó có thể phát ra luồng khí độc hay một khối lượng vi trùng nguy hại tới mức con người không thể nào chống đỡ.

Tuy vậy, tôi im lặng đi bên anh. Trời đã tối từ lúc nào không biết. Anh Lệnh rút chiếc đèn pin trong túi ra:

— Hết con dốc này, anh em ta lại lên ngựa rồi. Cặp ngựa này khá đấy. Gần bằng ngựa của đồn Khẩu Phai. — Anh nói, giọng rất tự hào: — Anh nuôi ngựa giỏi nhất đồn, thủ trưởng thường khen anh luôn đấy.

Có tiếng cộp gầm rất xa vắng tới. Ông già Mộc đã giảng cho tôi tiếng gầm đó là tiếng hổ được gọi hổ cái. Tôi rằng mình, hỏi:

— Tiếng cộp gầm đấy. Anh sợ không?

Anh cười hề hề:

— Sợ gì? Súng trong tay, đèn trong tay đây... Ban ngày, gặp hổ, chỉ vụt que nứa nó cũng cong đuôi chạy.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

— Sao lại thế?

Anh Lệnh bảo:

— Có gì đâu! Con hổ nào đã ăn người một lần quen là cứ ăn mãi. Người ta bảo là cộp thành tinh. Còn những con khác thấy người phải sợ chứ... Nó cũng tưởng mình là một con vật có thể hại nó được...

Tôi đó, anh lại cất tiếng cười hờn nhien:

— Mình chỉ cần vụt que nứa là nó chạy. Loài hổ sợ nhất nứa. Nứa sắc, cứa đứt da, chảy máu. Mà đã chảy máu là nó cứ đưa lưỡi liếm mãi. Lưỡi hổ sắc, càng liếm càng rách thịt, chảy máu. Cứ thế, có khi hổ không chết vì đạn mà lại chết vì một vết nứa cứa thối đấy.

Trời đã tối mịt. Con dốc cũng vừa hết. Anh Lệnh nhắc tôi lên ngựa rồi anh cũng nhảy lên lưng con ngựa của anh, giục chúng đi. Tôi đi sau, anh đi trước rọi đường, ánh đèn pin quét loang loáng. Bóng anh cao lớn, lúc nhòa, lúc hiện trong đêm. Kể cũng lạ, anh sợ tiếng kêu của một con chim đến thế, mà đi trong đêm tối mịt mùng, lúc nào cũng có thể gặp phỉ hoặc thú dữ, anh lại đứng đưng như anh ta đi giữa đồng lúa. Còn tôi, dù can đảm đến mấy, tôi vẫn sợ hãi trước đêm rừng. Tôi luôn luôn có cảm tưởng một con thú nào đó, hoặc một con hổ, một con gấu, một con trăn khổng lồ, hoặc một bóng đen bí hiểm từ những vòm cây rậm rịt sắp nhảy bổ tới, ôm choàng lấy tôi. Nhất là trong các xô xình, những vật sáng xanh cứ nhấp nháy như những

con mắt lúc mờ, lúc nhắm, cười cợt. Tôi hiểu đó là vết lằn tinh trên các thân gỗ mục. Nhưng một nỗi sợ hãi khó giải thích vẫn khiến tôi loát mồ hôi gáy. Tôi gọi anh Lành:

— Anh Lành ơi, anh đi sau, em đi trước cơ.

Anh quay lại bảo:

— Nhưng anh còn phải soi đường, lại phải phát hiện xem có dấu vết tại chỗ đi ăn lễ không chứ.

Tôi bị nhưng vẫn cứ nói:

— Không, em cứ đi trước cơ. Đi sau, em không thích.

Anh Lành ngạc nhiên:

— Sao lại không thích? Đường núi mà, đi hàng một dễ lọt chứ đi song song, ngựa không lách được.

Tôi hết lý, nhưng bóng đêm phía sau lưng tôi mỗi lúc một dày đặc hơn. Và nỗi đe dọa cũng từ trong bóng đêm menh mông đó nhòm ngó tôi bằng những đôi mắt lập lờ. Tôi kêu lên:

— Anh Lành, em không đi nữa đâu!

Anh chiến sĩ hiền lành kinh ngạc trước tiếng kêu đột ngột của tôi, nhảy xuống ngựa:

— Sao thế?

Rồi anh đành bế tôi sang ngựa của anh, cho ngồi sau lưng. Cón con ngựa của tôi, anh nới dây cương, buộc vào sau yên. Anh ngồi trước, tôi ngồi sau, ôm lưng anh, thỉnh thoảng lại quay đầu nhìn xem có bóng đen nào đuôi theo hoặc con thú dữ nào rình mò không. Từ lúc đó trở đi, tôi hoàn toàn yên trí. Đôi ngựa vẫn bước đều đặn.

— Lọc cọc, lọc cọc, lọc cọc...

Tiếng vó ngựa nện xuống đường nghe đều đều như tiếng tích tắc của đồng hồ hoặc tiếng quay của bánh xe lửa nghiêng trên đường ray. Nhịp điệu đó khiến ta dễ buồn ngủ. Khi không còn lo âu, sợ hãi nữa, tôi dần buồn ngủ thật. Lại mi mắt nặng trĩu cứ sụp xuống.

Thỉnh thoảng, một con chồn đêm lao soạt vào bụi rậm khiến tôi giật nảy người. Nhưng chỉ có đêm yên lặng ngự trị khắp rừng núi. Ngoài những vết lán tỉnh, không còn ánh sáng nào hơn. Cứ như vậy đêm bảy lần, tôi không giật mình hoảng sợ nữa. Ngay cả tiếng mang tác ngay ven suối, hay tiếng hổ gầm nơi thung sâu nào đó vắng tôi cũng không thể khiến cặp mi nặng trĩu của tôi nâng lên được. Tôi ngủ lúc nào không rõ. Tiếng vó ngựa lộc cộc vẫn cứ vang lên đều đặn. Trong giấc ngủ rất dài, tôi chỉ nghe thấy riêng một thứ âm thanh buồn tẻ đó mà thôi...

Tôi tỉnh dậy khi phố huyện đã hiện ra trước một thung lũng dài, không đẹp bằng thung lũng bản Muôn nhưng rộng hơn. Những ngôi nhà gạch xây trong lòng thung, chạy dọc theo đường chính. Anh Lành và tôi tới bệnh viện huyện khi người thương trực chưa mở cửa. Ông ta còn quần chần ngay như hồ kéo gỗ trong cái chái nhà lợp ngói đỏ chót, rường cột mới tinh, chưa nhân vết riu.

— Này, này, chưa đến giờ vào thăm bệnh nhân. Buộc ngựa ra ngoài kia không nó ỉa ra cổng bệnh viện bây giờ.

Ông ta mở mắt gườm gườm nhìn hai chúng tôi, mắng một bồi rồi lại nhắm mắt, rút đầu vào tấm chăn bông hoa mà ngủ.

Anh Lành gọi:

— Chúng tôi không đến thăm bệnh nhân đâu. Chúng tôi cần gặp bác sĩ, mở cửa cho chúng tôi...

Ông thương trực ngồi nhồm dậy, hai mắt đỏ kè:

— Gặp bác sĩ nào chứ? Ở đây có hai bác sĩ mà.

Anh Lềnh đứng ngăn người, không đáp được. Tôi nhanh trí nói :

— Bác sĩ phụ trách bệnh viện, người có quyền cao nhất ở đây. Ông cứ bảo có người trên đồn biên phòng Khau Phai về gặp.

Ông già thường trực chămchăm nhìn tôi và anh Lềnh, rồi khẽ kên « ái dà dà » trong miệng, chui khỏi cái chăn ấm áp như con sâu kén chui khỏi vỏ. Ông ta choàng áo bông, chụp lên đầu chiếc mũ dạ cũ, rồi xỏ chân vào đôi guốc tự dẽo lấy, lép kẹp đi vào. Chúng tôi buộc ngựa, đứng thi nhau giậm chân cho đỡ rét. Chừng mười lăm phút sau, một người đàn ông bận áo bờ-lu trắng đi ra. Thấy tôi, ông ta vồn vã hỏi trước :

— Châu vừa ở dưới xuôi lên hả ?

— Vâng.

— Châu người ở đâu ?

— Châu ở Bắc Ninh.

— Ô, con gái xứ Kinh Bắc cũ. Còn chú ở Ninh Bình.

Châu đã bao giờ tới đó chưa ?

— Chưa đâu ạ.

— Nhưng chú cháu ta vẫn cứ là người miền xuôi. Trên này, gạo đồng hương là quý lắm...

Nói tới đó, bệnh viện trưởng mới sực nhớ tới người chiến sĩ biên phòng cao lớn vẫn đứng im lặng sau lưng tôi. Ông giơ tay :

— Chào đồng chí. Mời đồng chí vào đây.

Chúng tôi cùng vào, trình bày sự việc ở bản Khum. Ông bác sĩ trưởng viện tên là Tỉnh nói :

— Thực ra việc này Ty y tế phải làm. Nhưng lực lượng cán bộ y tế ở tỉnh mỏng quá, không thể phục vụ hết. Các bản lại ở cách xa đường. Nhất là bản người Mèo trên núi cao, đi hàng tháng trời mới tới. Chuyện các bệnh dịch lan tràn, chết hàng loạt người năm nào

cũng có. Nhiều vùng, người bản cũng tới vài trăm lợn và cả đàn trâu bò... Có ca đau ruột thừa mà lập ba bốn đàn cúng. Khiêng tới viện thì ruột đã thối, không thể nào cứu chữa.

Ông bác sĩ ngừng lời. Tôi hỏi:

— Thế chú đi cùng chúng cháu lên bản Khum chứ?

Ông trưởng viện ngập ngừng:

— Tôi không dám bỏ viện đi đâu vì các ca mổ, các ca bệnh lý nguy hiểm cần trực tiếp xử trí nhiều lắm... Nhưng để một y tá đi thì cũng không yên tâm. Một trường hợp lâm lẩn có thể gây chết hàng loạt người và mất uy tín của ngành. Đối với người dân tộc vùng cao, đã mất lòng tin một lần thì khó mà lấy lại được.

Tôi nói:

— Chú không thể giao lại bệnh viện cho chủ bác sĩ viện phó hay sao? Tôi bản Khum rồi về ngay chỉ mất ba, bốn ngày.

Ông bác sĩ Tinh cười, phẩy hai hàm răng vàng khè khỏi thuốc:

— Cháu có biết mấy năm rồi chủ chưa đi phép không?... Năm năm, ba tháng. Đưa con út lên năm chưa thấy mặt chủ mà chủ cũng chẳng được bỏ nó lần nào. Chỉ nhìn ảnh mẹ nó gửi lên thôi.

Tôi lặng im. Bác sĩ trưởng viện nói tiếp:

— Ở đây chưa có bác sĩ, dân cứ gọi như vậy quen miệng đi thôi. Cả viện này chỉ có chủ và chủ Hiền là y sĩ. Chủ Hiền chuyên khoa ngoại, còn chủ phụ trách chung. Sáu y tá có hai người Kinh, còn lại bốn là dân tộc ít người đang đào tạo chưa đủ vững tay nghề. Tình thế khó khăn lắm...

Ông thở dài.

Anh Lành lúc ấy mới nói:

— Báo cáo đồng chí, tôi đang làm nhiệm vụ giữ đồn, canh gác bọn phỉ. Tôi phải giao việc cho anh em

khác, vượt rừng về đây. Đồng chí cố gắng đi kéo dân bản Khum chết nhiều lại đời bản. Hiện giờ lão thầy mo Triệu đang lập đàn cúng dưới đó. Lão bảo cúng không khỏi thì phải đưa dân đi... Tôi thấy có chuyện chẳng lành...

Nhìn đôi mắt lo âu của anh khi nhắc tới chuyện chẳng lành, tôi biết anh không nghĩ về hai người bị bệnh đã chết ở bản Khum thật sự mà lại nghĩ đến tiếng kêu ghê rợn của con chim hú mà ở bờ suối chiều qua. Tôi nài nỉ:

— Việc quan trọng lắm, chú đi đi...

— Được. Chờ tôi đã nhé.

Y sĩ Tinh nói rồi bước đi. Chắc ông tìm y sĩ Hiền dẫn dò mọi việc. Xong, ông xách về một túi dật căng đầy những thuốc men, dụng cụ khám bệnh và bảo:

— Đi. Đã đi thì phải đi thật nhanh, tranh thủ từng giờ từng phút.

Khi ông ra cửa, một cô y tá trắng mũm mĩm chạy theo, đưa túi cơm:

— Chú Tinh, phải mang thức ăn dọc đường chứ.

Y sĩ trưởng viện quay lại dặn:

— Cô nhớ theo dõi ca viêm màng não tối hôm qua.

Cô y tá gật đầu:

— Châu nhớ rồi.

Chúng tôi ra khỏi viện. Y sĩ Tinh cưỡi con ngựa ô cao lớn của anh Lệnh. Còn anh và tôi cưỡi chung con ngựa hồng của tôi. Cả đêm qua nó được đi không nên còn dư sức. Qua cửa hàng ăn uống của huyện, cả ba chúng tôi vào ăn phở. Phở ở đây còn kém phở bản Nội xa nhưng đôi nên cũng đành nhắm mắt nuốt. Ăn xong, tôi mua một chục bánh mật, bánh rán của các hàng dân bản quanh đó. Anh Lệnh không có tiền. Tôi đưa tiền để anh mua thức cho ngựa ăn no. Rồi chúng tôi lên đường.

Từ phố huyện tới bản Khum chúng tôi không nghỉ một phút nào, trừ những lúc ăn uống. Ăn hết cơm với xôi nếp của y sĩ Tĩnh rồi tôi bánh rán, bánh mật tôi mua. Ông y sĩ tận tụy với nghề cứ luôn miệng giục đi. Ông nóng ruột vì cả những người ốm đang đợi ở bản Khum lẫn những người bệnh ở viện nhà.

Y sĩ Tĩnh không hề ngủ. Mắt ông vẫn sáng quắc mặc dù mặt gầy hốc hác. Anh Lành cũng không ngủ. Chỉ có tôi, vì yên trí ngồi ôm lưng anh nên ban đêm tôi vẫn vừa ngồi vừa ngủ được một giấc dài.

Đi suốt ngày, suốt đêm. Sáng hôm sau, người và ngựa tới bản Khum. Lại thêm một nhà nữa có người chết, treo cành lá cũ trước cửa. Tiếng than khóc, tiếng la gọi, tiếng gào rú của thầy mo Triệu, tiếng trống và tiếng chũm chọe cùng lúc vang rền nào động. Chúng tôi vào nhà trường bản trước. Y sĩ Tĩnh không nói nhiều, chỉ gạt dần chảo chủ nhà rồi bước vào buồng người bệnh ngay. Hẳn ông đã ở vùng này lâu, hẳn lương tâm người thầy thuốc trong ông thật lớn nên ông đã chịu đựng mùi hôi hám tanh tưởi một cách bình thản. Ông khám bệnh cho bà già, hỏi chủ nhà dăm ba câu rồi nói:

— Dịch sốt nhiệt thân. Người bệnh ăn phải trâu hoặc bò chết vì bệnh nhiệt thân.

Ông bới trường bản bằng tiếng Nùng. Trường bản tròn xoe mắt ngạc nhiên, gạt đầu đáp:

— Đúng, ông nói đúng lắm. Bà cụ có ăn thịt trâu ở nhà con May, em gái tôi.

Y sĩ Tĩnh bảo:

— Tất cả những ai ăn thịt con trâu đó đều sẽ mắc bệnh sốt này.

Trường bản hỏi:

— Có chữa được không?

Y sĩ Tinh đáp :

— Uống thuốc, tiêm thuốc kịp thời thì chữa khỏi.

Trưởng bản mừng rú lên. Ông ta cuống quýt chạy xuống cầu thang :

— Đề tôi đi báo cho dân bản biết. Thế là con trâu chết làm hại người bản Khum chứ không phải trời làm hại người bản Khum. Ôi dà dà...

Ông ta đi một lúc, hồi hả quay về, hơi thở tuôn khỏi ra hai lỗ mũi :

— Bác sĩ đi theo tôi, nhiều lắm... Nhiều người ăn thịt trâu bị ốm lắm.

Ông y sĩ Tinh đã tiêm cho bà cụ xong, lấy thuốc dán cô con dâu bụng chữa vượt mặt, tức là người vợ trẻ của ông trưởng bản, cho bà cụ uống rồi đeo túi thuốc, ra đi.

Anh Lành bảo tôi :

— Giờ em với anh về trên đồn chứ?

Tôi lắc đầu :

— Không, ở đây xem chú Tinh tiêm.

Anh Lành cười :

— Thế em ở lại xem nhé. Anh về một tí rồi xuống bản ngay.

Tôi gật đầu. Anh lên đồn, còn tôi theo trưởng bản và y sĩ Tinh đi từng nhà, tiêm và cho người bệnh uống thuốc. Y sĩ Tinh giao cho tôi đeo túi thuốc khi đi đường, lấy bông tẩm cồn hoặc xòe diêm đốt lửa sát trùng kim tiêm nên người bản tưởng tôi là một cô y tá bé xiu. Và họ nhìn tôi bằng con mắt thân phục vô cùng.

Vòng hết bản, trời đã tối, Trưởng bản đốt đuốc đưa chúng tôi đến mấy nhà cuối cùng. Mấy nhà này thuộc loại khá trong bản. Có người ốm là họ khắc lập đàn cúng ngay. Tôi nhà nào cũng thấy khói hương nghi ngút. Còn đồ lễ buộc lại để đem tới nhà thầy mo Triệu.

Đồ lễ gồm mười hai vuông lụa hồng, mười hai vuông vải trắng. Xôi đầy mâm và gà luộc cả con bày lên trên. Nhà nào nhà nấy người ốm vẫn sốt li bì mặc dù tàn hương làm thuốc của thầy mo với giấy đốt rải đầy trần, đầy bụng. Họ nhìn chung tòi, ngao ngán:

— Thôi mà, không chữa được đâu. Cũng hết lễ lớn, lễ con mà ma vẫn trôi người ốm xuống giường, bịt mắt không cho mở.

Rồi họ bảo trưởng bản:

— Người bản Khum ta rồi lại phải cõng nhà bỏ đất này ra đi thôi.

Trưởng bản nói:

— Tiêm thuốc, uống thuốc sẽ khỏi. Cả bản đã được tiêm thuốc, uống thuốc rồi. Nay đến nhà mày thôi đấy.

Chủ nhân thờ ơ bảo:

— Làm thì làm thôi. Nhưng con chim hú mà đã kêu ngoài suối lớn rồi. Hai hôm trước, có đưa đi nương về nghe thấy.

Ồi, lại con chim hú mà... — tôi nghĩ. Sao mà nó gây cho những người dân vùng núi cao nổi kinh hoàng ghê gớm đến như vậy?..

Y sĩ Tính thăm bệnh cho người ốm xong. Ông vẫy tôi lại:

— Cũng là dịch nhiệt thán. Ta chuẩn bị tiêm.

Tôi lấy bông tẩm cồn đốt sát trùng kim. Y sĩ bê ống thuốc. Tôi nghĩ mình cũng có thể trở thành một người thầy thuốc được, trừ việc mổ xẻ. Vì cứ nhìn thấy máu là tôi chóng mặt quay cuồng, muốn ngã lộn. Chùng tôi lần lượt tiêm thuốc cho khóm nhà còn lại của bản Khum. Lúc xuống cầu thang, tôi thở phào:

— Hết rồi, chú Tính nhỉ.

Nhưng trưởng bản biết tiếng Kinh. Ông ta nói:

— Chưa hết đâu. Còn một nhà nữa ở rìa núi. Nhà nó có đứa con mười hai tuổi bị bệnh, nghèo quá chạy vay vay tiền, vay lùa khắp bản tới chiều nay mới đủ lễ. Hiện thầy mo Triệu đang cúng ngoài đó.

— Cồ đi nữa không chú?

Tôi hỏi y sĩ Tĩnh. Trời tối đen, gió thổi lạnh tới tận xương. Bỏ được trưởng bản cầm trong tay cũng đã gần tàn. Y sĩ Tĩnh trả lời không ngập ngừng:

— Đi chứ. Cố gắng thêm chút nữa, cháu à.

Tôi im lặng đi theo ông. Từ đó về sau, tôi hiểu rằng người thầy thuốc thật sự phải có lòng nhân ái sâu xa, phải có tinh thần trách nhiệm cao cả. Những đức tính đó tạo nên phẩm chất riêng biệt của họ. Không một nghề nghiệp nào đòi hỏi phẩm chất cao như vậy.

Trưởng bản nhìn đường, rồi nói:

— Bác sĩ chờ tôi một lúc nhé. Tôi phải thay thuốc. Trời tối mà đường còn dài...

Nói xong, ông ta hối hả rẽ vào một lối mòn, lên ngôi nhà gần đó nhất. Còn lại tôi và y sĩ Tĩnh đứng trong đêm. Ông kéo tôi tới gần, choàng tay qua vai tôi:

— Rét quá hả cháu? Mới lên đây chưa quen được với thời tiết ghê gớm này. Nhưng quen rồi lại béo ra, má đỏ hây hây ấy. Con gái hợp với khí hậu núi. Chỉ có đàn ông là không. Các chú ở đây, anh nào cũng сут ít nhất cũng ba bốn cân trở lại.

Tôi hỏi:

— Sao chú không xin về dưới xuôi?... [Ở đây lâu buồn lắm.

Y sĩ Tĩnh cười hiền lành:

— Cháu nói nghe ngon lành như ăn chè đồ dãi ấy. Nếu xin được, chú đã chẳng phải ở liên năm năm không nghỉ phép. Làm gì có ai thay? Không lẽ cứ bỏ mặc người bệnh chết mà đành lòng đi được...

Tôi nói:

— Bố cháu cũng thế. Lần nào về phép, mẹ cháu hỏi, bố cũng bảo chờ cấp trên cho người thay. Chờ mãi hơn mười năm vẫn cứ ở đồn Khẩu Phai này.

Y sĩ Tinh vỗ vỗ vào lưng tôi:

— Người lên thì ít, người muốn xuống lại nhiều. Việc ở đây cứ ùn lên không đủ sức gánh vác. Minh không muốn bị lương tâm cắn rứt, mình phải đưa vai ra thôi...

Trường bản đã xuống cầu thang, cầm bó đuốc lớn cháy rừng rực.

— Ta đi thôi nào.

Giọng ông nói thảo thảo, bốc mùi rượu. Hắn là ông ta đã tranh thủ uống một bát trước khi ra đi.

Trời rét. Sương quần thành một lớp dày bay là là trên mặt đất, bao quanh các chân núi. Chúng tôi đi trong sương mù như những người bị bệnh mộng du⁽¹⁾, cứ bập bênh, trôi nổi. Tôi có cảm giác tất cả bị sương dày trôi xuống một bờ vực trơn ướt. Nhưng đó chỉ là những bụi cây đầm nước quệt vào gấu quần tôi. Đi chừng gần một giờ mới tới nhà có người bệnh. Chúng tôi lên cầu thang giữa lúc thầy mo Triệu đang la hét, nhảy nhót. Những vương lụa hồng, vương vải trắng xếp trên bàn thờ. Cả một mâm xôi trắng với con gà luộc bày bên trên. Hai hàng nến mỡ bò cháy nghi ngút, mùi bốc lên khét lẹt. Mấy tờ giấy bản lảo lảo thầy mo vẽ bùa chú nguệch ngoạc dán ngay dưới chân nến.

Chúng tôi vào, thầy mo Triệu ngừng lại. Sau khi nghe trường bản giảng giải, lão dẫn đổi bảo chủ nhân:

— Thôi nhé, bác sĩ tới tiệm rồi, tôi không cần đâu. Cái ma về, đừng gọi tôi nữa nhé.

(1) Người mắc bệnh đi lại trong giấc ngủ.

Chủ nhân, một người đàn ông trạc ngoài ba mươi, trông gầy gò tiêu tụy. Nước da anh ta vàng khè vì sốt rét. Chị vợ cũng ăn bần tồi tàn. Cả hai cuống cuống chấp tay lay thầy mo Triệu khi lão dọa bỏ đi.

Trường bản nói:

— Bốn nhà ông cũng có người nào khỏi đau? Phải để cho bác sĩ tiêm mới hết bệnh.

Rồi trường bản quay vào nói với vợ chồng chủ nhân:

— Mấy nhà đó nó tiêm thuốc hết rồi.

Ông kể tên một loạt bốn nhà chúng tôi tới và nói:

— Đồ lễ còn bỏ trên bàn thờ, chưa bọc lụa đem sang nui cho thầy mo. Tao có nói sai đâu?

Vợ chồng chủ nhà lúc ấy lại cuống quýt quay sang lay y sĩ Tĩnh xin tiêm thuốc cho đứa con độc nhất của họ.

Thấy vậy, thầy mo Triệu đội mũ, cởi áo dài lễ làm bộ định bỏ đi. Người vợ lại chạy tới níu kéo, năn nỉ:

— Thôi mà, thầy thương vợ chồng tôi chứ. Chạy môn chân mới sẵn đủ lễ cúng con ma... Thầy thương cho...

Tĩnh thế thật oái oăm. Đứa bé ốm nằm trong nhà bông la lên như phát cuồng. Y sĩ Tĩnh và tôi chạy vào buồng theo mẹ nó. Trên chiếc giường không trải chiếu mà trải tấm da hổ, một thằng bé còm nhom, đầu và hai mắt to thao láo đang kêu la rên rĩ. Nó rú lên từng tràng tiếng Nùng. Hơi thở vừa nóng vừa hôi. Y sĩ Tĩnh bảo tôi:

— Bệnh tới giai đoạn ba rồi. Phải nhanh tay mới thoát.

Chúng tôi chuẩn bị tiêm thuốc ngay trong cái căn buồng nhỏ hẹp thấp ngọn nến mờ mờ khói mù. Bên ngoài, lão thầy mo Triệu vẫn đang dang dãi nói gì đó với trường bản. Tiêm xong, y sĩ Tĩnh bảo tôi:

— Cháu ra ngoài đó chờ. Chủ ngồi theo dõi thằng bé này. Nó đang trong cơn nguy kịch.

Tôi ra ngoài nhà. Trưởng bản nhìn tôi. Tôi bảo :

— Tiêm thuốc rồi. Nhưng chú Tinh phải ngồi đó theo dõi tiếp. Bệnh thằng bé nặng lắm.

Trưởng bản quay sang hỏi người bố :

— Nó sang nhà bác nó ăn thịt trâu, phải không ?

Người bố đáp :

— Đùng rồi. Tôi hết tiền nên không mua.

Trưởng bản nói :

— Vợ chồng mày mà ăn thì cũng bị bệnh luôn. Nhà anh mày năm ốm hết rồi. May quá, tao lại đưa vợ tao sang bên kia núi thăm bà cụ.

Lão thầy mo Triệu từ nãy vẫn ngồi im. Nghe hai người nói chuyện, thấy mình bị bỏ quên, lão xăm xăm đứng dậy :

— Tôi về đây.

Đeo cái bị lên vai, lão cười nhạt, cặp môi thâm xăm hé ra, phờ hai hàm răng nhỏ, nhọn hoắt :

— Ôi dà, ma về đừng có trách thầy mo Triệu nhé.

Người dân ông chủ nhà hét hải đứng lên, mặt xanh mét :

— Xin thầy ở lại làm lễ. Xin thầy thương cho cháu. Cái ma nó về, vợ chồng tôi chết mất thôi.

Thầy mo đứng lại. Hắn lão đang dùng dằng giữa sự kênh kiệu với món đồ lễ. Lão vénh mặt đứng quay lưng vào bàn thờ, không nói năng gì. !

Trưởng bản thấy vậy, dân xếp :

— Thôi, đồ lễ đã bày ra rồi, thầy mo cứ cúng. Càng nhiều người ra tay cứu chữa, càng mau lành bệnh chứ sao...

Thầy mo Triệu đứng đĩnh quay vào, bỏ tay nải, khoác áo dài lễ, ngồi trước bàn thờ. Cứ lăm nhăm trong miệng, ba que hương cầm tay múa loạn xạ lên một hồi, lão lại hét thật to, nhẩy cẳng lên rồi ngồi phịch xuống sàn. Động tác đó lặp đi lặp lại, không một

mỗi. Nhìn bộ mặt thâm si của lão, tôi ghét quá. Lão đã tới làm lễ ở năm nhà trong bản. Đêm nay, người ta phải mang lễ qua núi, tới tận nơi lão ở để cúng phụng lão, mặc dù tất cả những người bệnh đều được chữa bằng thuốc của nhà nước. Sáu mươi vuông lụa hồng, sáu mươi vuông vải trắng, năm mâm xôi và năm con gà. Đó là cả một gia tài đối với những người dân nghèo nàn ở bản Khum này.

Tôi chợt nhớ tới một câu trong bài giảng :

« Ở nơi nào sự ngu dốt thống trị thì nghèo hèn cũng thống trị theo ».

Câu nói ấy, trôi tuột theo bao nhiêu câu nói khác vào quên lãng. Tôi lúc này, tôi chợt nhớ lại và thăm thía chân lý đã vạch ra.

Tôi nhìn chăm chăm vào mặt lão thầy mo. Nhưng lão đang hành nghề. Lão đang múa may trong cái trò của lão. Tôi nhìn cái sàn tre nhẵn thín, nơi lão thỉnh thoảng lại nhảy căng lên rồi buông dít rơi phịch xuống. Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ... Tôi bỏ xuống cầu thang...

Ánh đèn, ánh lửa nền hắt xuống mặt đất. Tôi dò dẫm bước vào chuồng nhốt súc vật dưới sàn. Nhà này nghèo, chỉ có ba con bò và một đàn lợn. Thấy người lạ, chúng lục tục kéo nhau giạt vào một góc. Tôi kiểm que nửa thật nhọn và cứng. Phải lần mãi, tôi mới rút được nó ở hàng rào quây đậu leo và cây cà tím. Tôi nin thở, vào chuồng bò. Ánh nến lọt qua những kẽ sàn, hắt xuống từng vệt dài và rất thẳng. Tôi chờ đúng lúc thầy mo Triệu nhảy căng lên. Trước khi lão buông dít rơi phịch xuống sàn, tôi thò que nửa nhọn qua kẽ hở, vào đúng nơi mà móng lão sẽ rơi xuống.

Một tiếng thét dài, hốt hoảng vang lên.

Tôi ném cây que, bỏ chạy thục mạng. Không hiểu sao lúc đó trí nhớ của tôi lại kỳ diệu đến thế, mặc dù

bình thường tôi là đứa hay quên. Nhưng lúc đó, những nẻo đường trường bản đã từng dẫn tôi với chú Tinh đi, tôi đều nhớ như in. Đêm tối, xoe² bàn tay trước mặt không nhìn rõ, tôi cứ theo trí nhớ mà chạy. Những cánh giâu gia, những lá bưởi lòa xòa ven đường quết vào mặt tôi, ướt lạnh. Mặc, tôi cứ chạy, chạy mãi. Tiếng chân đuổi theo tôi mỗi lúc mỗi nhỏ dần. Lão thầy mo không thể đuổi kịp tôi. Chắc lão đã quay lại.

Lúc đó, tôi mới vừa đi vừa thở, tay đưa lên xoa hai má rất như bông vì những cánh lá quất vào. Phía trước, có ánh đèn pin loang loáng.

Dân quân bản đi tuần chẳng? — tôi nghĩ. Nhưng giọng nói chậm rãi quen thuộc của anh Lệnh đã vang lên trong bóng đêm:

— Ôi dâ, sao em đi có một mình? Chú Tinh đâu rồi?

Tôi kêu to:

— Anh Lệnh!

Và tôi lao tới, ôm chặt lấy anh với nỗi vui sướng khôn cùng.

— Em đói bụng rồi hả? anh Lệnh hỏi tôi.

— Không, không, lão thầy mo Triệu đuổi em.

Tôi hớn hớn đáp. Rồi tôi kể vắn tắt chuyện vừa xảy ra. Anh Lệnh làm bầm trong miệng:

— Chết thôi, chết thôi..

Tôi đoạn lão buông đất rơi phịch xuống cây nửa ngọn, anh cười khe khẽ trong họng:

— Ồ, lão thầy mo đó không tốt, lão độc bụng lắm... Có bị thể cũng đáng.

Anh vuốt tóc tôi, ngạc nhiên hỏi:

— Này Bê, cái khăn len của em đâu?...

Tôi đưa tay lên đầu. Lúc đó tôi mới biết chiếc khăn len đã rơi mất ở dọc đường, khi tôi chạy trốn lão thầy mo. Anh Lệnh bảo:

— Giờ anh đưa em tới nhà trưởng bản ngồi, anh giải quyết mọi việc, tìm khăn đã. Xong, ta về đồn.

Tôi ngoan ngoãn theo anh lên nhà trưởng bản.

Ở đó, cô vợ trẻ của ông đãi tôi xôi hồng, còn nóng với muối ớt. Ăn xong, tôi còn chờ một lúc lâu mới thấy anh Lệnh, trưởng bản và chú Tinh về.

Chú Tinh bảo tôi:

— Con bé này làm chú mất miếng gạc và thuốc cầm máu. Phải phạt cháu thôi.

Trưởng bản nhìn tôi tò mò, cười tủm tỉm.

Còn anh Lệnh không nói gì. Anh dựng khẩu súng vào vách sàn, tôi ngồi bên bếp lửa giờ tay hơi. Chú Tinh kể cho tôi nghe khi bị nửa đám vào mông, lão thầy mo đau quá kêu thét lên, bỏ dở cuộc lễ, chạy xuống cầu thang đuổi theo tôi khiến mọi người ngỡ ngác không hiểu chuyện gì. Không đuổi được tôi, lão đành quay về. Lão thò tay vào mông xem, thấy máu chảy ra, sút một miếng thịt. Lão kêu rống lên. Chú ra lau vết thương, lấy trùng tiêm cho lão một ống vi-ta-min K cầm máu rồi lấy băng dính dán gạc băng tại. Lão Triệu tức giận định bắt chủ nhà sắm đồ lễ khác làm lại từ đầu nhưng anh Lệnh tới, lão hoảng sợ vội làm lễ tiếp rồi tự tay bung số đồ lễ về qua núi, không bắt chủ nhà phải mang sang như mọi nhà trong bản.

— Bị một vết đau, lão ấy mới chữa — tôi nói.

— Cháu làm thế mà không có chú với anh Lệnh ở đó là nguy rồi — chú Tinh nói. Chú chỉ trưởng bản, nói tiếp: — Ông trưởng bản tiến bộ nhưng dân bản

nhiều người còn tin thầy mo. Khi mọi người còn tin thầy mo mà mình làm vậy, họ coi như mình xúc phạm tới họ.

Tôi cãi:

— Lão có chữa khỏi cho ai đâu? Lão cãi lừa họ để lấy đồ lễ.

Chú Tinh gật đầu:

— Biết vậy mà mình phải lặng im. Mọi sự nóng vội trong đời đều làm hỏng việc.

Trưởng bản loay hoay một lúc trong buồng. Lát sau ông ta bước ra, một tay cầm hũ rượu, tay kia cầm miếng thịt nai khô:

— Mời bác sĩ với bộ đội uống một chén rượu mừng. Máy hôm nay tôi lo thất ruột. Phải đời bản thì khổ quá.

Cô vợ trẻ của trưởng bản để thêm:

— Lão thầy mo Triệu đã dọa dân bản bốn năm hôm nay rồi: «Không đời bản thì người sẽ chết hết. Trâu bò, gà lợn sẽ chạy vào rừng ở thôi».

Trưởng bản rót rượu ra từng bát, nói tiếp.

— Nhiều người sợ thầy mo lắm. Trước đây vợ chồng tôi cũng sợ lão. Bung lão rất độc, lão nuôi một bầy sâu rầu cộp trong nhà. Định hại ai, lão hại được ngay.

Tôi nhìn trưởng bản, hỏi:

— Sâu rầu cộp là gì?

Anh Lệnh khẽ đập vào tay tôi:

— Để cho ông ấy nướng thịt nai không cháy hết.

Đúng là trưởng bản đang gọt than để nướng thịt nai thật. Ông lấy con dao sắc, lang tẻn thịt nai khô thành từng lát mỏng, nhúng vào một bát nước vàng thẫm, hình như mật mía pha với ớt giã, rồi đặt lên than nướng.

Anh Lềnh giải thích cho tôi nghe :

— Những người già vẫn bảo : Săn cộp về phải đốt râu râu đi hãy làm thịt. Đừng để cho ai cắt được cái râu ấy. Râu cộp đem cắm vào ống măng ba tháng chín ngày sẽ nở thành sáu. Con sáu này chuyên ăn thịt sống, cũng giống như cộp vậy. Phải nuôi nó bằng thịt sống. Một năm, nó dài bằng ngón tay trỏ, to bằng cái đũa lớn đem xới. Cút sáu ỉa là thuốc độc. Chỉ cần thả một hột ngô cứt sáu râu cộp vào chum nước, cả nhà ăn đều chết. Thế nên người ta sợ loài sáu này. Những kẻ nuôi giống sáu này là thứ người hiểm ác.

Tôi lắng nghe. Và tôi chợt nhớ tới ngày ở bản Muôn. Khi từ hang Khỉ Trắng đi về, ông già Mọc đã hỏi ngay bà Kin :

— Lúc thịt cộp, bà có thấy người bản đốt râu nó đi không ?

Và bà Kin gật đầu :

— Đốt rồi. Đốt xong mới xẻ thịt...

Chao ôi, thật là những chuyện la lung, kỳ ảo, không khác chi các truyền thuyết hoang đường.

Nhưng mùi thịt nai khô nướng bốc lên lẫn với mùi rượu cay nồng lại hoàn toàn có thực. Những lát thịt nai đã được lát đều hai mặt, sém vàng, mùi ớt cay với mùi mật mía cháy thơm tỏa khắp gian nhà. Cô vợ trẻ của trưởng bản đặt thêm bát muối giã nữa.

— Người nhà tôi ăn mặn lắm mà.

Cô ta nói. Và trưởng bản gật gù, tỏ vẻ hài lòng trước cử chỉ ân cần của cô vợ.

— Tôi biết ơn bác sĩ, biết ơn bộ đội lắm. Ta cùng uống rượu mừng.

Ông ta rót cho tôi một bát rượu đầy :

— Châu cũng uống đi chứ. Uống đi cho vui lòng người bản Khum... Ta ước ao một đứa con quá... Một đứa

con có đôi mắt đen như đôi mắt của cháu đây này...

Đầu ông ta lắc lư, dù ông ta mới uống hơn một nửa bát rượu. Ông ta nhìn mọi người, uống nốt nửa bát còn lại. Y sĩ Tính, anh Lệnh lần lượt uống. Còn tôi, tôi khẽ nhấp một tí rồi trút rượu sang bát của anh Lệnh. Ngọn lửa cháy ở giữa chúng tôi, rọi lên gương mặt mọi người làn ánh sáng rung rinh, đỏ rực của nó

TÔI ĐÃ GẶP BỐ VÀ NHẬN ĐƯỢC THƯ CỦA MẸ Ở ĐÂU?

Ngay đêm ấy, uống rượu xong, anh Lệnh bảo:

— Cảm ơn bác sĩ nhé. Tôi đã cử người đưa đồng chí trở về huyện. Ta đi ngay bây giờ hay sáng mai?

Y sĩ Tính đáp:

— Đi ngay thôi. Ở viện tôi còn mấy ca rất nặng đang theo dõi trên lâm sàng. Tôi đi đêm quen lắm rồi.

Anh Lệnh không nói gì thêm, bước ra cầu thang giơ tay che miệng lâm loa, hướng lên phía núi Khẩu Phai mà hú. Trong đêm tịch mịch, tiếng hú nghe vang vọng làm sao. Hú ba tiếng rồi, anh quay vào:

— Ta lên đồn ngay bây giờ nhé. Em có sợ không?

Tôi đứng dậy:

— Có gì mà sợ?...

Y sĩ Tính cười:

— Trời ơi, đồng hương nhỏ tuổi của mình khá thật.

Tôi trả ông cái túi dề lúc đi căng phòng thuốc tiêm, thuốc uống, giờ đã lép xẹp. Chúng tôi chia tay nhau. Y sĩ Tính bảo khi nào tôi về nhớ rẽ qua bệnh viện huyện thăm ông. Rồi ông chào mọi người, xuống cầu thang.

Chúng tôi cùng tiến ông. Trường bắn dốt hổ đuốc
nhựa trám soi đường. Dưới chân cầu thang, cặp ngựa,
con hồng, con đen đang đứng gõ chân cho đỡ rét.
Trường bắn đem thức cho chúng ăn. Lát sau từ phía
núi có tiếng hú dài. Rồi ánh lửa đuốc chập chòn tiến
đến, mỗi lúc một rõ hơn. Trong ánh mắt theo dõi chăm
chú của mọi người, binh nhất Siu hiện ra, trang phục
chỉnh tề, súng liên thanh đeo sau lưng, súng ngắn dắt
bụng. Tay anh cầm cây đuốc lớn.

— Báo cáo, tôi có mặt.

Anh đứng nghiêm giờ tay chào anh Lệnh theo điều
lệnh. Anh Lệnh chào đáp lại rồi nói:

— Đồng chí thi hành mệnh lệnh.

Binh nhất Siu đập hai gót chân:

— Rõ.

Anh quay sang nhìn chúng tôi:

— Đồng chí bác sĩ đâu a? Tôi có nhiệm vụ hộ tống
đồng chí.

— Tôi đây, tôi đây... Ta cùng đi với nhau cho vui..

Y sĩ Tinh đáp lại, cuống quýt. Ông ngượng ngùng
trước thái độ trịnh trọng của hai chiến sĩ biên phòng
đối với mình. Ông đeo túi dết, nhảy lên lưng con ngựa
ô, rồi giờ tay chào chúng tôi lần nữa:

— Hôm nào về, nhớ vào chơi, đồng hương trẻ tuổi
nhé...

Tôi đáp:

— Cháu nhớ rồi...

Tiếng nói của chúng tôi đập vào vách đá, nghe như
có người nhai. Anh Siu nhảy lên con ngựa hồng, thúc
mũi giày giục ngựa chạy. Bỏ đuốc trong tay anh cháy
phần phật, khi xa dần trông như một vầng mặt trời
nhòa giữa lớp mù sương.

Tôi hỏi anh Lệnh:

— Đi giữa đường, cháy hết đuốc thì làm sao?

Anh Lành đáp :

— Có đèn pin chứ. Đốt đuốc là dễ đỡ tốn pin. Được đoạn đường nào hay đoạn đường ấy.

Rồi anh quay lại chào trưởng bản :

— Thôi, ông lên ngủ cho khỏe. Anh em tôi về đây. Trưởng bản lên cầu thang.

— Anh em ta lên đường. — Anh Lành nói rồi rút trong túi áo ra chiếc khăn len đưa cho tôi. — Em có biết em đánh rơi ở chỗ nào không? Ngay dưới cầu thang nhà lão thầy mo đang cúng. Chưa lên nhà, anh đã nhặt được.

Tôi trùm khăn ấm thật. Có ở vùng núi cao mới thấy rõ giá trị của một tấm khăn len, một chiếc áo bông, một đôi bít tất hoặc găng tay. Khi ta có chúng, cái lạnh giá ghê rợn của thiên nhiên bị đẩy lùi lại và con người bỗng thấy tự tin hơn ở những cửa cái mình đã làm ra, ở nền văn minh phương tiện giúp con người chống đỡ và chiến thắng sự khắc nghiệt của hoàn cảnh sống. Tôi nhớ lại rành rọt những lời thầy giáo dạy sử đã dạy. Và tôi bỗng thương những bầy người thời nguyên thủy, khi họ chưa có lửa, chưa có áo quần, chưa có những kiến thức của con người...

Anh Lành đập vào vai tôi, khiến tôi giật bản lên :

— Sao im lặng thế?... Mọi lần em nói chuyện vui lắm mà...

Tôi đáp :

— Em đang mong về đồn cho thật nhanh.

Nhưng những ý nghĩ miên man vẫn cứ chạy qua óc tôi như những tia chớp trong đêm đông, rất nhanh, rất ngắn ngủi nhưng mạnh mẽ.

Tôi lên tới đồn, chưa kịp bước vào nhà, Loan đã nhảy ủa ra ôm. Rồi vừa ôm nó vừa hỏi huyền thuyên trăm ngàn thứ chuyện. Tôi bước vào, ngạc nhiên vì quanh bếp lửa có tới ba bốn chục chiến sĩ đang ngồi.

Ngon lửa cháy thật cao, y như lửa trại, bắt ánh sáng lên từng khuôn mặt đen rạm, hốc hác và mệt mỏi. Thấy tôi, họ quay ra nhìn:

— Ô, em Bê, con gái thủ trưởng đấy!

— Ôi, con bé xinh quá nhỉ... Thủ trưởng cứ nhắc tôi luôn.

Hai người lớn tuổi chạy tới, nắm tay tôi, ân cần nói:

— Vào đây cháu. Ngoài trời lạnh lắm hả?...

Tôi nhìn quanh. Một nỗi lo âu mơ hồ như dòng điện run rẩy lan khắp người. Tôi nhìn lại lượt nữa. Vẫn không thấy gương mặt quen thân của bố tôi. Tôi hỏi anh Lệnh:

— Bố em đâu? Bố em đâu, anh Lệnh?...

Người chiến sĩ to lớn như hộ pháp bước tới gần bếp lửa, kéo tôi ngồi:

— Rồi anh sẽ nói. Em cứ ngồi sưởi cho ấm đã.

Tôi rút tay tôi khỏi bàn tay rộng lớn của anh:

— Không. Em không ngồi. Anh nói đi. Bố em đâu rồi?..

Anh Lệnh ngược nhìn tôi, khẽ đáp:

— Bố em bị thương, chưa về được.

Tôi lạnh toát người. Tôi muốn khóc. Nhưng tôi cố gắng ghìm giữ để hỏi thêm:

— Thế bây giờ bố em nằm ở đâu?

Một trong hai chiến sĩ lớn tuổi vừa ân cần nắm tay tôi lúc nãy trả lời:

— Bố cháu đang ở trạm phẫu thuật của trung đoàn. Cháu đừng lo. Thế nào rồi bố cháu cũng sẽ về đây.

— Không — tôi nói: — Cháu không chờ bố cháu về đây. Cháu đến ở với bố...

Nói tới đó, tôi không kìm được dòng nước mắt nóng hổi đang tràn khỏi bờ mi. Những giọt nước mắt lớn, lăn rất nhanh, rơi lã chã.

— Bố... bố ơi!...

Tôi bỗng bật tiếng gọi trong cơn nức nở. Hầu như tất cả những oan ức, những đau khổ của riêng mình, những nỗi lo âu, những niềm thương nhớ đã ấp ủ suốt cuộc hành trình cùng lúc tràn đầy trái tim nhỏ bé của tôi. Những gì tôi dự định sẽ nói với bố tôi liền biến thành cơn nức nở kéo dài với nỗi nghẹn ngào dâng lên, không nhứt chìm được xuống. Mọi người để cho tôi khóc rất lâu. Tôi khi tôi ngủ gục bên bếp lửa, họ mới bế tôi lên giường, đặt nằm bên cạnh Loan. Họ trùm cho chúng tôi hai tấm chăn bông. Bên ngoài, còn phủ thêm lượt dù để giữ hơi ấm. Vì thế, hai chúng tôi ngủ say tới gần mười giờ sáng hôm sau mới thức dậy.

Tôi bảo Loan:

— Tớ phải đến trạm phẫu thuật của trung đoàn với bố tớ. Đẳng ấy cứ ở đây chơi nhé.

Loan giãy nảy lên:

— Không, đẳng ấy xấu chơi lắm. Đẳng ấy xuống bản Khum đã bắt tớ ở nhà một mình rồi. Bây giờ, tớ không chịu đâu.

Tôi bảo:

— Nhưng đường đi khó khăn. Có thể gặp hổ. Cũng có thể gặp cả phi nữa.

Loan lắc đầu:

— Chẳng gặp cái gì hết. Mà gặp cái gì cũng được. Tớ cứ đi. Đẳng ấy đi đâu, tớ đi đấy.

Tôi nói:

— Thôi được, chúng mình sẽ cùng đi. Ta đi ngay ngày hôm nay. Ăn cơm xong là lên đường.

Tất cả các tiểu đội đều đã đi làm nhiệm vụ hết. Hai người chiến sĩ đứng tuổi hôm qua chính là hai trung úy phó đồn. Các chú ấy vừa xới cơm cho chúng tôi ăn vừa trò chuyện. Một chú đã hai năm chưa về phép, còn chú kia cũng như bố tôi, đã hơn ba năm chưa về.

Cả hai người đều nhớ nhà, nhớ con đa diết. Họ ôm chúng lồi, vuốt tóc, vuốt má, vồn vã âu yếm nhưng vụng về. Tôi nói:

— Giờ cháu tiến bộ nhiều rồi, cháu biết thương bố cháu. Trước đây, bố cháu về phép ôm cháu vuốt tóc như các chú bảy giờ là cháu chui khỏi vòng tay, chạy ra phố liền. Cháu chê người bố cháu có mùi thuốc lá với mùi rừng...

Hai trung úy cười vang.

Một chú bảo:

— Các chiến sĩ đã chuẩn bị ngựa với thức ăn đường rồi. Chú cử anh Lệnh và một chiến sĩ người Kinh bắn giỏi nhất đại đội đưa các cháu đi. Các cháu bằng lòng chứ?

Tôi gật đầu:

— Cảm ơn chú.

Hai trung úy phó đồn lần lượt bắt tay chúng tôi. Ngoài sân, anh Lệnh cùng một chiến sĩ thấp bé, gương mặt lạnh lợi đã chờ sẵn bên ba con ngựa. Anh Lệnh nói:

— Ta lại đi thôi.

Anh cùng người chiến sĩ kia dắt ngựa xuống núi trước. Tôi và Loan quay lại, chào các trung úy phó đồn lần cuối rồi đi theo. Loan xách túi quần áo, tôi đi tay không. Nó muốn thế vì mấy hôm nay tôi mệt.

Trạm phẫu thuật của trung đoàn nằm giữa rừng già. Những dãy lều bạt nối tiếp nhau. Giường nằm của bệnh nhân bên trong cũng là thứ giường bạt, khung nhôm có thể gấp gọn và di chuyển nhẹ nhàng. Bông bác sĩ, y sĩ, y tá quân y mặc áo trắng đi lại giữa khu nhà bạt, dưới vòm cây xanh màu diệp lục khiến tôi có cảm giác như chiến tranh đang xảy ra gần đây. Đúng là một cuộc chiến tranh thật. Nhưng cuộc chiến tranh âm thầm không tiếng đại bác nổ, không có bộc phá nổ, không

có tiếng thét xung phong và ngàn ngàn quân lính tiến lên trong hồi kèn xung trận. Cuộc chiến tranh tiêu diệt phi diễn ra trong những dãy núi cao chót vót, những khu rừng thăm thẳm bịt bùng. Người chiến sĩ phải chiến đấu khó khăn hơn, đơn độc hơn, dai dẳng hơn...

Ý nghĩ đó khiến tôi thương bố và tự hào vì bố.

Người lính thường trực trạm phẫu thuật đưa chúng tôi tới tận nơi bố tôi đang nằm. Ở đây, bệnh nhân ít nên các nhân viên phục vụ bệnh viện thuộc từng người.

— Đại úy Vũ Đình Tùng, có người tới thăm đồng chí.

Bố tôi đang nằm quay mặt vào trong. Hình như bố đang lơ mơ ngủ. Nghe người thường trực trạm phẫu thuật gọi, bố quay ra.

— Bố ơi...

Tôi khẽ gọi. Rồi tôi bước tới một bước, quỳ xuống, ôm đầu bố.

— Ô, con Bê, con Bê của bố...

Bố nhắm mắt lại. Từ hai đuôi mắt, nơi những nếp nhăn hình rẽ quạt hằn lên, những giọt nước mắt lặng lẽ chảy. Tôi kinh ngạc nhìn những giọt nước mắt lớn và đục lặn qua thái dương. Tôi chưa nhìn thấy bố tôi khóc bao giờ.

— Bố ơi, bố có đau không bố?

Tôi cất tiếng hỏi. Không hiểu vì sao, giọng tôi sai lạc hẳn đi, nghe như tiếng nói của một người nào đó. Nước mắt tôi, tưởng chừng đã khô cạn vì những cơn nức nở ngày hôm qua, lại trào lên, cay xè giữa hai mí mắt còn sưng húp. Nước mắt tôi rơi vào đám tóc bố. Tóc bố cứng, mùi mồ hôi và mùi bụi bốc lên. Hẳn là suốt chiến dịch tiền phi vừa qua, bố không được tắm gội. Đám râu quai nón bao quanh khuôn mặt bố cũng chưa được cạo, cọ nhám nháp mặt tôi. Tôi nghĩ thấy mùi thuốc súng khét lẹt trên áo quần bố, mùi thuốc sát

trùng hăng hắc và mùi các vết thương vừa được băng bó xông lên... Nhưng giờ đây, tất cả những điều đó đối với tôi không còn ý nghĩa. Tôi cảm thấy bố không còn xa lạ với tôi như trước. Bố không còn là anh bộ đội về phép, đeo ba lô bước vào nhà, người bốc lên mùi rừng và mùi thuốc lá — cái anh bộ đội mà tôi phải gọi là bố theo lệnh của mẹ tôi. Nhưng dù mẹ tôi dỗ dành, đe nẹt thế nào, tôi cũng không ngồi chơi với anh ấy được quá nửa tiếng đồng hồ... Không, bây giờ bố tôi là bố tôi, một phần cơ thể tôi, tình thương yêu triu mến, niềm kính phục và lòng tự hào của tôi. Tôi ôm đầu bố trong tay, cho bố tha hồ hôn lên đôi má và mái tóc tôi. Bây giờ, bố không thể vuốt ve tôi bằng đôi tay cứng rắn nữa. Tay bố bị thương, băng trắng toát đặt lên trước ngực...

Hai chiến sĩ từ biệt bố tôi ra về. Tôi và Loan ở lại trạm phẫu thuật. Chúng tôi giúp các cô y tá nấu nước, thay băng băng, lăm gọi, đơm khuy áo đứt và vá những chỗ rách cho các chiến sĩ. Có lẽ đó là những công việc có ích nhất trong tuổi thơ mà chúng tôi đã làm được. Nó dạy chúng tôi lòng nhẫn nại và đức tính chịu đựng. Lòng hy sinh và sự cần mẫn của nhiều cô y tá khiến tôi kinh ngạc. Có cô đã phục vụ quân đội mười hai năm liền. Trừ những đợt phép ngắn ngủi, quanh năm các cô sống dưới vòm lá rừng, chăm sóc các thương bệnh binh. Những người phụ nữ như thế phải có tấm lòng dịu dàng và khoan dung của một bà tiên trên thượng giới hay của một người mẹ hiền dưới thế gian.

Ngoài những lúc quanh quần bên giường bệnh của bố hoặc giúp các cô y sĩ, y tá làm việc, tôi và Loan cũng còn đủ thời gian vào rừng chặt măng hoặc hái nấm. Gần trạm phẫu thuật có một con suối lớn, nước sâu. Suối có nhiều cá. Anh cấp dưỡng của trạm dạy

chúng tôi câu cá một lần. Từ lần sau, chúng tôi tự đi câu lấy. Ngày nào cũng câu được cá, ít nhất cũng ba bốn con bằng ngón chân cái. Đem rán lên vừa một đĩa con. Có lần chúng tôi lời được con cá quả nặng tám lạng, khắp sườn nó hoa vàng hoa đen trông rất dữ tợn.

Đoạn suối nông tít dưới hạ nguồn có ốc. Thịnh thoảng tôi và Loan lại dậy sớm, đi xuống dưới đó bắt ốc về nấu canh lá lốt. Món canh ốc được nhiều người thích. Người thích nhất cố nhiên là bố tôi. Tuy thế, kiếm ốc cũng không dễ lắm. Hai năm thì dễ hơn nhiều. Đạo đó đang là mùa xuân. Sau mỗi cơn mưa, hăng hà sa số nấm mọc trên các thân gỗ mục, trong các trảng cỏ khuất bóng cây. Từ nấm mỡ, nấm hương cho tới nấm mối, nấm cỏ... Được nấm hương thì tuyệt diệu. Nếu không, các thứ nấm khác hái về còn tươi cũng thơm, đem nấu với mắm tôm và thịt hộp ngon lắm. Món nấm khiến mọi người trong trạm, từ bác sĩ trạm trưởng tới anh binh nhì thường trực, từ chỗ thiếu tá bị bệnh kiệt kinh niên đến anh binh nhất Mã A Tông mất một bàn chân trong đợt tiêu phi vừa rồi... đều nghiện. Cứ vắng món canh đó hai ba hôm là mọi người lại bảo chúng tôi:

— Này hai cô nàng Bạch Tuyết, vào rừng hái nấm đi chứ!...

Hoặc là:

— Thiếu món canh nấm của hai cô bé, cơm nhạt hần di... Liệu có cách nào cho nó mặn mà thêm không nhỉ?...

Tất nhiên, không phải vì những chuyện lật vật như vậy mà họ quý hai đứa tôi. Nhưng đó là những kỷ niệm gần bố chúng tôi với họ. Bố tôi không nói. Nhưng ánh mắt của bố cho tôi biết rằng bố hải lòng. Sức khỏe của bố đã khá hơn rất nhiều. Hai bàn tay



bị thương đã gần lành. Những ngày đầu mới đến tôi phải rửa mặt, cạo râu, chải đầu cho bố. Còn những việc nặng nhọc hơn đã có các cô y tá làm. Bố tôi sung sướng nhất là những lúc tôi rảnh việc, tôi ngồi bên bố, tỉ mỉ nhổ những sợi tóc sâu hoặc những sợi tóc bạc sớm. Tôi phơi những chiếc áo quần của bố lên các tầng đá lớn ven suối, chờ tới khi khô đem về, dò từng mũi chỉ thêu chữ Tùng với hai hàng lá xanh. Bố tôi bảo:

— Mẹ dạy con thêu à?

Tôi lắc đầu:

— Không. Nhà trường có giờ dạy nữ công. Nhưng hồi học ở trường con lười khâu vá, thêu thùa lắm. Dao ở bản Muốn, con mới chằm.

Bố tôi lại hỏi:

— Bản đó đẹp hơn bản Khum chứ?

Tôi đáp:

— Đẹp hơn nhiều, bố ạ...

Rồi tôi dần dần kể cho bố nghe những chuyện xảy ra trong cuộc phiêu lưu của tôi. Mỗi ngày một chuyện. Các cô y tá bảo:

— Nói chuyện vừa phải thôi. Cho bố khỏe lên đã.

Tuy thế, bố tôi luôn luôn đòi tôi kể chuyện cho bố nghe, kể cả những chuyện xảy ra ở trường mà mẹ tôi đã viết thư kể tỉ mỉ cho bố biết.

Tôi có cảm giác hình như tôi nói bao nhiêu chuyện cũng không đủ. Vì những tháng ngày đặng đặng nhớ mẹ con tôi trên vùng biên cương heo hút này dài quá.

— Chuyện thắng Ly với thắng Dũng còn thì có gì liên quan tới bố mà bố bắt con kể? — tôi hỏi.

— Ồ, không. Chuyện nào ở dưới phố mình cũng hay cả. Con cứ kể đi.

Bố tôi đáp lời. Rồi bố lại chằm chú lắng nghe, đôi mắt đen và sáng nhìn như dán vào miệng tôi với viết

bao triu mền. Ngày tháng cứ thế trôi. Tới lúc cô y sĩ phụ trách điều trị báo tin tuần sau bố tôi được tháo băng hoàn toàn thì chúng tôi nhận được thư. Thư gửi lên đồn Khẩu Phai, anh Lệnh đem xuống.

— Anh em nhớ thủ trưởng, mong thủ trưởng về. — Anh nói vậy rồi rút trong túi ra mấy cặp bánh mứt với một gói bông nếp: — Quà của đồn gửi cho hai em đây.

Anh bảo tôi và Loan như vậy. Nói xong, anh đứng chờ xem bố tôi có nhún gí không. Nhưng bố tôi chỉ cười:

— Minh cảm ơn các cậu. Toàn thể anh em trong đồn phải đề cao cảnh giác nhé. Chiến dịch vừa rồi tuy thắng lợi nhưng bọn phỉ ở bên kia biên giới lại vừa tràn sang. Trên đó nghe tình hình chưa?

— Báo cáo thủ trưởng, anh em đã được học tập nhiệm vụ mới rồi — anh chiến sĩ nghiêm trang đáp. Bố tôi nói:

— Nhấn với các đồng chí phó đồn là giải quyết phép cho mấy cậu người Mèo và người Lô Lô ngay, trước khi ta bước vào trận chiến đấu mới.

Anh Lệnh đứng thẳng, đập gót chân vào nhau:

— Báo cáo, rõ!

Bố tôi gật đầu:

— Thế thôi, cậu về cho sớm sửa nhé. Đàn ngựa của đồn ta vẫn khá nhất tuyến hay lại tụt xuống rồi?

— Báo cáo thủ trưởng, ngựa đồn Khẩu Phai vẫn đứng đầu bảng ạ.

Anh Lệnh đáp một cách rành rọt, đầy tự hào, rồi giơ tay chào, quay ra. Tôi với Loan tiễn anh tới bờ suối lớn mới quay vào. Trong khoảng thời gian ấy, bố tôi đã đọc xong thư. Bố đưa cho tôi:

— Con đọc xem.



Thấy giọng nói của bố xúc động, tôi lo lắng hỏi :

— Có chuyện gì đấy bố ?

Bố tôi không trả lời, nhắc lại :

— Con đọc đi.

Tôi nhìn Loan. Loan cũng nhìn tôi. Rồi tôi mở tờ giấy khổ rộng gấp làm tám, trải ra trước mặt. Hai chúng tôi chụm đầu cùng xem :

Thân yêu gửi hai bố con,

Mẹ đã nhận được thư của Bê viết khi chờ xe lên Cao Bằng. Từ đó tới nay không có tin tức gì thêm nữa. Mẹ tin chuyện đi của con và bạn Loan sẽ tốt đẹp vì đã có anh chiến sĩ Khiết đi cùng. Mẹ nghe con kể qua về ông già Mọc, về anh Khiết, cảm động lắm. Những người đã giúp đỡ mình trong cuộc đời, cho tới lúc chết cũng không được quên ơn, nhạt nghĩa. Về phần mẹ, mẹ vẫn khỏe. Có Lưu hiện ở cùng mẹ, mở cửa hàng bán bánh rán và bánh cuốn. Cửa hàng đông khách và có Lưu đã trở lại vui vẻ, khỏe khoắn. Con nói cho Loan yên tâm. Điều mừng vui nhất đối với mẹ con ta rất bất ngờ. Sau khi con đi một tháng, cô người ở Bộ giáo dục về tìm mẹ. Mẹ đang dạy, Ty giáo dục mới lên ngay. Ở đó, mẹ gặp ông thứ trưởng. Mẹ rất ngạc nhiên. Gia đình ta không hề quen biết một ai trên Bộ, dù chỉ là văn thư hoặc người làm hành chính, kể chỉ tới ông thứ trưởng này. Sau khi nghe mẹ kể xong, ông gật đầu :

— Cảm ơn chị.

Rồi ông lặng lẽ cấp cấp ra xe, trở về Hà Nội. Buổi tối, thầy Thế và thầy Bách tới chơi cũng nói chuyện là ông thứ trưởng gặp các thầy, hỏi chuyện nội bộ trường, chuyện bà Vinh và vụ kỷ luật của con. Các thầy bàn tán

nhieu về việc này lắm. Tuy nhiên, mẹ cũng không ngờ được rằng ngay tuần sau, Ty giáo dục về trường, lập hồ sơ kỷ luật con cùng vài vụ khác, họp hội đồng giáo viên xét lại. Mẹ nghe nói trong mấy cuộc họp này, bà hiệu trưởng bị anh em trong trường, nhất là thầy chủ nhiệm con, đấu tranh mạnh mẽ lắm. Biên bản họp mang lên Ty và gửi lên văn phòng Bộ cho ông thứ trưởng xem. Đúng ba tuần sau, quyết định kỷ luật cũ của con đã được xóa. Điểm hạnh kiểm của con đã được toàn bộ hội đồng kỷ luật nhất trí phục hồi. Bề yếu quý, mẹ mừng đến rơi nước mắt. Bản quyết định mẹ nắm trong tay rồi. Contrô về ngay bây giờ, sẽ được lớp học ngay... Mẹ mong như thế, nhưng mẹ cũng biết hiện giờ con đang ở với bố. Và hai bố con có những giờ phút gần gũi nhau. Thôi, con cứ ở chơi với bố cho thỏa những ngày xa cách. Trước vụ hệ, con trở về nhà, ôn lại bài vở để vào năm học mới. Từ nay trở đi, mẹ có thể ngừng cao mặt nhìn mọi người, không còn buồn tủi nữa.

Bố của con chắc vẫn khỏe. Đã lâu quá bố con chưa về phép. Nếu dịp này, bố con thu xếp đưa con về nhà chơi thì thật may. Mẹ ngừng bút. Cho mẹ gửi thăm Loan và các chú chiến sĩ trong đồn của bố.

Mẹ thương yêu hai bố con rất nhiều.

Hạnh

Tôi nhìn bố tôi, rồi nhìn Loan. Cả hai người cùng nhìn tôi với cặp mắt long lanh vui sướng và triu mến. Tôi ôm chặt cô bạn trong tay. Chúng tôi không nói được lời nào. Niềm hạnh phúc như men rượu đang thấm

đuộm trong tâm hồn tôi. Tôi có cảm giác bồn bênh, say sưa như đêm giao thừa ở bản Muôn, uống quá nhiều rượu.

— Ta sẽ trở về... Ta sẽ trở về chiến thắng!...

Tôi muốn thét lên như vậy. Tôi muốn gào thét to cho cả cánh rừng già rung chuyển lên, và những vách đá xa xôi ngoài thung lũng cũng vang lên tiếng kêu của niềm vui và hy vọng.

THAY CHO ĐOẠN KẾT

Khi tháng năm bắt đầu thổi xoe những cánh hoa phượng vĩ trên đường phố thì lúc đó, bố con tôi cùng Loan từ đồn Khẩu Phai trở về. Dẫu đã sang hè, buổi sớm miền núi vẫn lạnh cóng. Chỉ tới lúc mặt trời đã lên, sương tan, không khí mới nóng sức lên. Các chiến sĩ trong đồn với một trong hai chú trung úy phó đồn đưa chúng tôi đến hết đường vào bản Khum.

— Tam biệt!... tam biệt nhé!... Sẽ có ngày gặp lại...

Tôi giờ tay, hét lên thật to khi các chiến sĩ đã leo lên lưng chừng con đường dốc lên đồn. Họ giờ tay vẫy chúng tôi. Còn tôi vừa đi vừa thích thú lắng nghe hai vách núi nhai lại tiếng hét của mình. Niềm vui sướng tràn đầy khiến tôi nhảy nhót như đứa bé lên năm. Vậy mà tôi đã mười bốn tuổi, cái tuổi sắp trở thành thiếu nữ.

Hoa chuối rừng nở đỏ chót, hoa đỗ quyên dai và hoa kim tuyến, hoa kim anh nở khắp nơi, như giăng lên tấm lụa của hội hè. Những con sơn ca núi lao vút từ dưới mặt đất lên không trung, xoe cánh lượn và buông tiếng hót say mê. Từng đàn bướm lớn, rye rõ đến quái dị trong làn đá bay ra, giống như những đám mây sắc sỡ lượn lờ trên mặt đất. Thỉnh thoảng, lại có một dòng suối chảy qua đường, nước trong vắt, phủ những hòn sỏi tròn trĩnh dưới đáy...

.. Ôi, sao đường về lại đẹp đến thế !...

Không bao giờ tôi có thể quên được hình ảnh tươi sáng và lòng đầy của núi non, của rừng, của suối và của chính tâm hồn tôi ngày ấy.

— Không, con người phải đấu tranh và phải chiến thắng...

Ý nghĩ đó vang lên trong óc tôi, như tiếng nhạc ngựa vang rền trong thung lũng mùa xuân. Con người phải chiến thắng những buồn khổ, những bất hạnh và nỗi thất vọng của chính mình. Không bao giờ được nghĩ tới chuyện chấm hết, dù khi ta là một đứa trẻ mười ba hay là một người già xấp xỉ tám mươi... Tôi nhớ lại dáng dấp của ông già chần vọt, nhớ mái tóc trắng phơ của ông, nụ cười thâm lặng và hóm hỉnh của ông. Cả cây bút vàng gài trong túi áo... Vàng, tôi nhớ tất cả, và tôi thầm cảm ơn ông. Chính ông, đã dạy tôi nên người, trong cái khoảnh khắc buồn thảm nhất của thời niên thiếu...

Sau này, tôi biết ông là một giáo sư nổi tiếng, thầy dạy ông thứ trưởng Bộ giáo dục đã về giải quyết vụ kỷ luật oan ức của tôi. Khi tôi học xong chương trình phổ thông, sang Hà Nội tìm ông, người ta bảo cho tôi biết ông đang họp tại Mát-xcơ-va, do Viện hàn lâm Liên Xô triệu tập. Tới lúc tôi tốt nghiệp đại học mở ở Hung-ga-ri về nước, ông đã mất. Tôi gặp ông trong nghĩa trang Văn Điển. Một ngôi mộ xanh rờn cỏ, nằm giữa những dãy dài mộ chí. Cũng tấm bia đá giản đơn ghi tên họ, ngày sinh và ngày từ biệt cuộc đời. Tôi đặt bó hồng trắng dưới tấm bia và quỳ trước mộ ông. Trong trái tim tôi, ông là ánh sáng vô cùng thanh khiết, tựa nguồn nước trong nhất trên đỉnh núi, như

làn mây trắng trôi từ một rang đông trắng êm dềm. Nước mắt tôi nhỏ lên những cánh hồng xinh xắn. Tôi ngồi trước mộ ông cho tôi chiều tà, khi ông đội nón lá, cầm gậy chặn vịt bước ra bảo :

— Về đi, ông phải lừa vịt về nhà. Còn cháu, cháu hãy thấp cây đèn và mở những trang sách ra.

Tôi trở về, với phòng thí nghiệm đồ sộ. Ở đó, không có hình vẽ con khủng long với những bộ xương bằng thạch cao mà có rất nhiều máy phân tích hiện đại và các mẫu quặng nôm chờ trong các ngăn tủ...

Trong số những người tôi đã gặp trên đường năm ấy, có những người không bao giờ tôi còn gặp lại nữa. Ví như ông y sĩ Tỉnh, như anh Cao, anh Khiết, anh Lệnh.

Thằng bé đã ăn cắp ba lô của chúng tôi trên tàu, tôi gặp lại trong một trại cải tạo. Tôi có người anh họ làm quản giáo trên trại đó. Tôi lên trại chơi và nhìn thấy thằng ăn cắp khi nó đang cuốc đất trồng sắn. Cổ nhiên, nó không nhận ra tôi. Làm sao một thằng ăn cắp có thể nhớ được một trong số hàng trăm nạn nhân của nó?...

Tôi về thăm quê, đi chơi khắp lượt và gặp gần hết mọi người. Trước tiên là chị Bội. Bây giờ, chị là nhân viên bán thuốc. Chị tỏ ý ngượng ngùng vì chuyện cũ, xin lỗi tôi.

Tôi cười :

— Bây giờ, ta phải nhìn tất cả những chuyện đó như trò trẻ.

Chị béo xõ ra, mặt đầy tàn nhang, không còn xinh đẹp như xưa. Tôi hỏi chuyện Ly, chị nói :

— Ly không ở phố nữa. Nó xin đi công nhân mỏ nhưng thiếu cân và không đủ chiều cao nên không được

nhận. Ly phải làm hợp đồng cho công trường nhà máy phân đạm Bắc Giang. Bây giờ, nghe đâu nó đã được vào biên chế và chuyển sang đội bảo vệ...

Tôi đi qua nhà Ly, nhưng không gặp ông bố và bà di ghê ghê gớm của nó. Trên đường tôi gặp Đào Ca. Anh bán kẹo, suốt ngày cầm ống xóc xóc những thê tre gọi trẻ con tôi mua:

— Kẹo kéo trắng dai, bánh bột đậu thơm ngon đây ày ày...

Mặt anh ta ngờ ngẩn, dờ dẩn. Anh đã thành ông già quá sớm.

Xit trở thành một công tử cực kỳ đẹp trai, lấy vợ sớm và khi tốt nghiệp Trường đại học y khoa thì đã có một đứa con trai ba tuổi. Sau anh chàng bỏ vợ. Gặp tôi, anh ta có ý định theo đuổi tôi nhưng tôi không mấy may rung động trước bộ mặt đẹp của anh ta. Tuy nhiên, câu chuyện cũ về vụ kỷ luật giữa anh ta với tôi, tôi vẫn nhớ. Tôi xuống trường chơi. Bố Thế thân yêu của chúng tôi đã chuyển về một cơ quan tuyên huấn ở Trung ương từ khi tôi đi học nước ngoài. Giờ, thầy Bách lên làm hiệu trưởng thay ba hiệu trưởng cũ. Khi thầy cùng tôi dạo chơi trên mảnh sân cũ, quanh hội trường lớn và bể nước, dọc theo các hành lang và qua bồn hoa trước cửa văn phòng, tôi bỗng cảm thấy thời học sinh trong trẻo và tươi sáng của tôi hiện lên tươi rói trong ký ức. Nhưng mọi vật đều như nhỏ bé hơn, dịu dàng hơn và kỳ lạ hơn. Những tán kim phượng hoe vàng cũng như những bông phượng vĩ đỏ có nhụy mà chúng tôi thường chơi chọi gà nở rung rinh trên đầu tôi. Chúng là bông hoa của dĩ vãng. Một dĩ vãng không thể nào phai nhạt. Thầy Bách dẫn tôi thăm lớp cũ và phòng thí nghiệm. Ông già coi phòng có chiếc mũi dài cong cong đã về hưu. Giờ, người cai quản lại là một cô giáo dạy hóa trẻ măng, tóc cắt ngắn, cao lớn như nữ cầu thủ bóng rổ.

Ở nhà tôi, Loan trở nên đưa con chính vì tôi bận công việc cứ đi biển biệt quanh năm. Bỏ tôi đã chuyển từ đồn Khẩu Phai sang một đồn khác ở miền tây Tổ quốc. Mẹ tôi vẫn dạy học, có Lưu vẫn bán bánh cuốn và bánh rán. Loan hạt mít cũng dạy trường cấp hai ngay thị trấn. Vì ở gần hai mẹ, được ăn ngon nên nó cứ tròn mồi ra.

Cóc tóc đỏ đã lấy được chồng, có bốn con, không buồn chuyển mà mở quán bán bún riêu. À to béo đến nỗi người ta không dám gọi là Cóc tóc đỏ như thời son rồi mà phải gọi rất kính cần là bà Bùn béo. Bà Bùn béo nặng trên bảy mươi cân, tóc búi ngược sau gáy, hai cánh tay nung núc thịt suốt ngày đem bún, chan riêu, thu tiền của khách. Gặp tôi, nó mừng rỡ kêu:

— A, chị Bè!... Chị Bè... Tưởng mất tăm mất tích, ai dè còn về quê cơ chứ?... Ngồi xuống đây, ngồi xuống đây...

Khi tôi ngồi xuống ghế, Cóc tóc đỏ ngày xưa mở miệng nói như bản liên thanh:

— Chị Bè biết không? Chị đi rồi em cho lão cai Càn một vỏ kính hồn. Em theo dõi được mỗi buổi cơm đen của lão. Đúng lúc lão định cất một mẻ vó to thì em báo công an. Lão quỉ ấy mua một con khỉ trắng thật to, nhốt vào chuồng tre đưa về Hà Nội. Tất cả các ống tre đều đục thủng, nhét đầy thuốc phiện bên trong. Công an hỏi, lão làm giả quất tháo. Tới khi vạt ống tre giống chuồng, lão mới trắng bệch mặt ra... Nửa tháng sau, người ta lại phát hiện rằng lão đã tham gia vào một vụ giết người, đoạt thuốc phiện trên Lão Cai. Bây giờ thì... — Cóc tóc đỏ giơ hai cánh tay bắt chéo nhau trước mặt, như điệu những tên cướp bị trời — lão ở trong nhà tù mà nghĩ mát...

Rồi sực nhớ ra là chưa mời tôi uống nước. Cốc kêu văng lên:

— Chị uống nước nhé... À, thôi, ăn bún riêu... Cơm tây cơm tàu mãi, về quê ăn bát bún xem có ngon không nào...

Nó quát con lấy rau ghém, nước chấm, rồi đem bún chan riêu ép tôi ăn. Bún của Cốc tóc đỏ ngon nhưng thiếu vị cay. Ăn xong, tôi cảm ơn cô béo rồi tiếp tục đi chơi các nhà quen trong thị trấn.

Một vụ hè, tôi đưa Loan lên bản Muốn thăm ông già Mộc. Ông vẫn thân thiết và gần gũi như xưa, dường như chúng tôi chẳng có một khoảng thời gian dài xa cách. Tôi biếu ông chiếc áo khoác và chiếc mũ lông Mòng Cỏ. Tôi mua cho Dũng còm khẩu súng săn mới, hai nòng, Dũng đã hoàn toàn trở thành một chàng trai bản Muốn. Ước nguyện duy nhất của Dũng là xây mộ cho người mẹ quá cố đã thực hiện xong. Bây giờ, cậu ta chờ ngày lành tháng tốt để lấy vợ. Người vợ tương lai của Dũng là một cô Nàng xinh xắn học trung cấp y khoa dưới phố Lạng. Dũng còm cho chúng tôi xem ảnh cô với vẻ tự hào. Khi nào cô gái Nàng tốt nghiệp, đeo chiếc túi có chữ thập đỏ trở về trạm y tế bản Muốn thì họ sẽ làm lễ cưới. Ông già Rộc chết rồi. Người bản chôn ông tại căn nhà ngoài núi, nơi đưa con ông đã chết vì một viên đạn nhằm nhỡ. Ông đã cho Dũng khẩu súng săn trước lúc nấn xuống giường. Dũng còm rủ tôi và Loan lên bản Nội thăm vợ chồng người cậu nhưng chúng tôi từ chối. Loan phải chuẩn bị bước vào năm học tôi. Còn tôi, tôi cũng còn vô số công việc đợi chờ. Vả lại trước khi về Hà Nội, tôi cũng muốn thăm lại hòn đảo Hoa vàng, dòng sông Xanh, mẹ con chú bé đánh cá. Hòn đảo chỉ là một gò đất rộng ước non một sào. Có lẽ, xưa kia nó cũng nhỏ bé vậy thôi, nhưng

trước cặp mắt thơ dai của chúng tôi, nó đã biến thành một thế giới bí ẩn và quyến rũ. Cả dòng sông, con đường dè nghiêng nghiêng và dải đầm sen cũng trở nên nhỏ bé như vậy.

Tôi đi lại con đường bờ mương dẫn tới gò cây gao, nơi tôi đã gặp ông già chẵn vệt. Nơi cuộc đời khai mở trước mắt tôi làn ánh sáng rực rỡ và mãnh liệt. Nơi lần đầu tiên, tôi nhìn được chân trời và những con đường khác nhau trên mặt đất. Nơi tôi hiểu rằng, tôi sống nghĩa là tôi phải vượt lên mọi điều rủi ro, mọi đau khổ và bất hạnh để đi tới đích của cuộc đời...

Vâng, tôi muốn thăm lại tất cả Con đường, bờ mương, gò đất và dòng sông thiêng liêng đó...

Tôi muốn một giây phút yên tĩnh, nhắm mắt lại để hồi tưởng chuyến phiêu lưu thời niên thiếu, (trước khi bước lên con đường mới, con đường phía trước cuộc đời mình...

Quảng Bá 19-11-1983

MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất

Dứa bẻ mất tích	5
Chuyến đi bất huộc	10
Người thầy và ông giáo	28
Những điều không tốt lành đã tới	36
Sự kiện tháng tư	44
Tại ương không báo trước	62
Những nỗi bất ngờ cay đắng và êm dịu	88
Và những lo toan không tính trước	102
Ông già chân vịt	115
Con đường dẫn tới cuộc phiêu lưu	129

Phần thứ hai

Bài học đầu tiên trong cuộc hành trình	139
Thị trấn lạ lùng với những con người lạ lùng	149
Một ông bụt giữa đời thường	162
Những ngày thần tiên	171
Vì con ngựa bạch mà gặp thằng Dũng còm	184
Con hổ thọt khiến chúng tôi gặp một người hủi khôn khô	205
Đường lên biên giới với cuộc gặp gỡ bất ngờ	231
Tôi đã gặp bố và nhận được thư của mẹ ở đâu?	301
Thay cho đoạn kết.	341

Kỷ niệm 40 năm cách mạng tháng Tám (1945 - 1985)

Kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam (1975 - 1985)

CÁC EM ĐÓN ĐỌC:

NGƯỜI ANH HÙNG THẨM LẶNG

Truyện kí của Vũ Hùng

Cuốn truyện viết về giáo sư Trần Đại Nghĩa, người anh hùng trên mặt trận chế tạo vũ khí. Chính cuộc chiến đấu thầm lặng miệt mài của nhà khoa học đã góp phần làm nên những tiếng nổ long trời khiến bọn cướp nước phải kinh hồn trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta.

ƯỚC MƠ TUỔI TRẺ

(In lần thứ hai)

Truyện kí của Thanh Giang

Câu chuyện đưa ta đến một vùng đất trung bộ những năm chống Mỹ. Cô gái hiền dịu đã biết thu lo cho các em ăn học. chiến đấu. Phúc đã vào lập được nhiều chiến công. Phúc đã được phong tặng danh hiệu dũng các lực lượng vũ trang.

G 3: 22400